Thanh Tịnh Đạo
(Visuddhimagga)

và

Sớ Giải Thanh Tịnh Đạo
(Paramatthamañjusa)

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

Thanh Tịnh Đạo
(Visuddhimagga)

VÀ

Sớ Giải Thanh Tịnh Đạo
(Paramatthamañjusa)

Phần Giới

Nguyên tác: **Ajhan Jeyyavadh Kapilakañcana**
Dịch giả: **Thượng Tọa Khải Minh**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Và để tiếp tục hành trình mang lại những dịch phẩm được Cố Thượng tọa Khải Minh ấp ủ dày công chuyển ngữ thuở sinh thời đến với hội chúng, cùng mong ước đóng góp thêm vào hành trang tu học của quý học giả trên bước đường cầu đạo giải thoát. Nay hội đủ duyên lành trong niềm hoan hỷ vô bờ chúng con xin giới thiệu đến hội chúng tác phẩm Thanh Tịnh Đạo, phần Giới đi kèm với những lời giải thích khai mở sáng tỏa của Sớ giải nhằm mang đến cách hiểu sâu sắc tường tận hơn. và chắc chắn sẽ không sao tránh khỏi những thiếu sót dù chúng con đã cố gắng như có thể nên kính mong các bậc minh triết từ bi dung thứ và chỉ bảo.

Chúng con xin thành kính tri ân Thượng tọa Chánh Minh và Thượng tọa Pháp Nhiên đã hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện. Cùng tri ân quý Phật tử đã chung hùn phước với tất cả tấm lòng.

Cuối cùng, chúng con kính xin dâng phần phước báu này đến hương linh Cố Thượng tọa Khải Minh, mong rằng Thượng tọa có thể tiếp tục tiến bước trên hành trình giác

ngộ giải thoát, sở nguyện dở dang mau chóng viên thành và cũng xin hồi hướng phần phước này đến các bậc thầy tổ cùng thân bằng quyến thuộc của chúng con đã quá vãng, cầu xin cho tất cả đều thọ lãnh phước này để hằng được sự tiến hóa, an vui lâu dài.

Nguyện cầu cho tất cả chúng sanh thảy đều an vui!

Kính bút

Thanh Tịnh Đạo

Phần 1

Chương 1

GIỚI XIỂN MINH

(Sīlaniddesa)

Thanh Tịnh Đạo

Về lời khai mở (nidāna)... Đức Thế Tôn thuyết như sau:

Sīle patiṭṭhāya naro sapañño Cittaṃ paññañca bhāvayaṃ

Ātāpī nipako bhikkhu So imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ.

"Người có tuệ an trú trong giới, tu tiến tâm và tuệ, là người có sự nhiệt tâm, thông thạo, tỳ-kheo đó sẽ khai phá được rừng rậm này".

Vấn: Vì sao Ngài thuyết câu kệ này? Được nghe rằng: Có một vị thiên tử đến yết kiến Đức Thế Tôn khi Ngài đang ngự gần thành Sāvatthī vào lúc nửa đêm với ý định sẽ nhổ bỏ hoài nghi, mới bạch hỏi rằng:

Antojaṭā bahijaṭā Jaṭāya jaṭitā pajā

Taṃ taṃ Gotama pucchāmi Ko imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ.

"Rừng rậm bên trong và rừng rậm bên ngoài, nhóm người bị mắc vào, bạch sa-môn Gotama, xin hỏi Ngài, ai sẽ khai phá được".

Hậu Sớ Giải

Từ "Kira" dịch là được nghe rằng, có nghĩa là nghe với nhau. Cụm từ **trong lúc nửa đêm** tức trong một phần của đêm vào lúc canh giữa.

Ngài giáo thọ sư gọi vị thiên tử rằng **một vị chư thiên** bởi vì không rõ tên giống như các vị chư thiên khác như thiên chủ Vessavaṇṇa...

Cụm từ **để nhổ bỏ hoài nghi** nghĩa là vị thiên tử hỏi để nhổ lên mũi tên hoài nghi, bằng từ "để nhổ bỏ hoài nghi" ngài giáo thọ sư thuyết rằng trong 5 loại câu hỏi thì câu hỏi của vị thiên tử này được xếp vào là hỏi để chấm dứt hoài nghi (vimatichedanāpucchā).

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo là ý nghĩa tóm tắt của câu hỏi đó:

Từ **rừng rậm (jaṭa)** là tên gọi của ái dục, tức pháp có lưới bẫy. Thật vậy ái dục do khởi hiện thường xuyên trong tất cả cảnh như sắc... và diễn tiến liên quan đến phía dưới và phía trên nên gọi là rừng rậm bởi vì có ý nghĩa giống như rừng rậm tức ví như những cành nhánh đan xen nhau chằng chịt của bụi cây như bụi tre..., do ý nghĩa đan kết lại

với nhau nên ái gọi là **rừng rậm bên trong, rừng rậm bên ngoài** bởi vì hiện khởi là vật phụ tùng của mình và hiện khởi là vật phụ tùng của người khác, trong tự thể của mình và trong tự thể của người khác, trong nội xứ (āyatana) và trong ngoại xứ. **Nhóm người bị mắc vào** là mắc vào ở mọi nơi. So sánh giống như tất cả cây cối như bụi tre... là rừng rậm như rừng tre... mắc vào như thế nào thì nhóm chúng sanh này bị rừng rậm ái dục mắc vào xiết chặt đan xen nhau cũng như thế đó. Do bị mắc vào như vậy, nên câu **taṃ taṃ gotama pucchāmi** mới có nghĩa là "Bạch sa-môn Gotama, xin hỏi Ngài". Vị thiên tử gọi Đức Thế Tôn bằng tên tộc rằng **Gotama**. Câu **ai sẽ khai phá được** nghĩa là thiên tử bạch hỏi rằng ai sẽ khai phá tức ai có thể thoát khỏi sự tồn tại mắc vào cả 3 thế gian giới này được.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư nương vào thực tánh nào gọi ái dục là "rừng rậm", để trình bày thực tánh đó mới đề cập rằng **"Ái dục là pháp có lưới bẫy"**... do ái dục có lưới bẫy tức phân loại đa dạng của 108 loại ái dục là chi phần hình thành của mình, vì vậy ái dục được ngài giáo thọ sư đề cập là **có lưới bẫy**.

Ngài giáo thọ sư đề cập rằng **thật vậy ái dục do**... cũng để trình bày trạng thái diễn tiến giống như rừng rậm của ái dục.

Trong tất cả các câu đó thì câu **trong tất cả cảnh như**

sắc... ngài giáo thọ sư đề cập đến nơi diễn hoạt của ái dục bởi vì lãnh vực của ái dục không ngoài 6 cảnh.

Cụm từ **bởi diễn tiến liên quan đến phía dưới và phía trên** nghĩa là mãnh lực diễn tiến liên quan đến phía dưới và phía trên như sau:

Đôi khi diễn tiến nơi cảnh sắc, đôi khi cao cho đến cảnh pháp, đôi khi diễn tiến nơi cảnh pháp, đôi khi cũng thấp xuống cho đến cảnh sắc.

Phía dưới, phía trên trong nơi đây nên hiểu theo tuần tự của việc giảng giải.

Việc diễn tiến liên quan đến phía dưới, phía trên nên hiểu rằng đôi khi diễn tiến nơi cõi dục giới, đôi khi diễn tiến nơi cõi sắc giới, đôi khi cũng diễn tiến nơi cõi vô sắc giới (thấp lên đến cao), hoặc đôi khi diễn tiến nơi cõi vô sắc giới... đôi khi diễn tiến nơi cõi dục giới (cao xuống đến thấp).

Bởi vì tất cả hành có thực tánh tiêu hoại trong mỗi sát na, sự khởi hiện tiếp tục nữa của ái dục gọi là đan kết lại. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng do khởi hiện liên tục.

So sánh về rừng rậm và ái dục như **gọi là rừng rậm bởi vì có ý nghĩa giống như rừng rậm** có sự liên quan **bởi ý nghĩa đan kết lại**. Đây là trình bày đến việc liên quan nhau (tức so sánh với nhau bởi vì có sự liên quan trong mỗi phận sự đều đan kết lại).

Tiếp theo là ý nghĩa của từ "đan kết lại", tựa như lưới bẫy từ những cành nhánh của bụi tre và cái kén bao quanh

con tằm có sự chằng chịt tự mình đan kết xiết chặt vào thân thể của chính mình nên được gọi là "rừng rậm" như thế nào thì ngay cả ái dục cũng gọi là "rừng rậm" như thế đó bởi vì có sự đan kết theo cùng tánh chất.

Sự thật thì ái dục diễn tiến gắn liền hoàn toàn mình vào với chính mình, giống như con tằm tạo cho mình cái kén bao quanh thân. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết trong bài kinh Đại Niệm Xứ (Mahāsatipaṭṭhāna) rằng "Sắc ái là sắc khả ái, sắc khả lạc trong thế gian, ái dục khi khởi hiện thì khởi hiện nơi sắc ái này, khi dính mắc thì dính mắc nơi sắc ái này"...

Tất cả chúng sanh khi suy nghĩ về vật chất liên quan với mình (tức tất cả bộ phận thân thể của mình, vật phụ tùng của mình) đều chấp giữ rằng "Đây là của ta" gọi là làm cho ái dục khởi hiện bên trong, từ "anto" có nghĩa là bên trong, cho nên ngay cả ái dục khởi hiện nơi vật phụ t**ùng** của mình Ngài cũng gọi là "rừng rậm bên trong".

Gọi là **vật phụ tùng của mình** đối với bậc xuất gia thì là đồ vật như bát..., đối với cư sĩ như voi...

Từ **"tự thể"** được phân tích như gọi là **tự thể** do ý nghĩa có "ta" tức ngũ thủ uẩn, một số giáo thọ sư nói rằng là thân thể.

Nên hiểu trạng thái khởi hiện của ái dục trong tất cả pháp như tự thể của ta... theo cách "tự thể của ta xinh đẹp, xin cho tự thể của ta như tự thể của người kia..."

Xứ (āyatana) như mắt... (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) của ta gọi là **xứ bên trong**; xứ như sắc... (sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm, pháp) cả của ta và của người khác gọi là **xứ bên ngoài**; lại nữa, xứ của người khác gọi là **xứ bên ngoài**.

Một lý khác nữa, 6 xứ như mắt... liên quan trong sự tiếp diễn của mình và của người khác gọi là **xứ bên trong**, cho đến 6 xứ như sắc... cũng như vậy (tức liên quan trong sự tiếp diễn của mình và của người khác) gọi là **xứ bên ngoài...**

Trong tất cả 3 thế gian giới thì rừng rậm tồn tại mắc nối vào nhau với trạng thái đan kết không dư xót dù chỉ là một thế gian giới, bằng từ "rừng rậm" ngài giáo thọ sư đề cập đến thực tánh ái dục có vô số cảnh và việc khai phá được cũng rất khó...

Thanh Tịnh Đạo

Đức Thế Tôn là bậc dụng trí không trở ngại trong tất cả pháp, Ngài là thiên nhân của tất cả chư thiên, là thiên nhân tối thượng hơn tất cả chư thiên, là vua trời Đế Thích hơn các vua trời Đế Thích, là Phạm Thiên hơn các Phạm Thiên, là bậc tinh thông Tứ Vô Sở Úy (catuvesārajjañāṇa), là bậc Thập Lực Tuệ (dasabalañāṇa), là bậc có Vô Chướng Ngại Trí (anāvaraṇañāṇa), có Phổ Nhãn (samantacakkhu), trước khi trả lời câu hỏi này Ngài mới thuyết kệ ngôn như sau:

"Người có tuệ an trú trong giới, tu tiến tâm và tuệ, là người có sự nhiệt tâm, thông thạo, tỳ-kheo đó sẽ khai phá được rừng rậm này".

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư tuyên bố lên ân đức của Bậc Đạo Sư trước rằng Ngài là bậc như vậy mới có thể trả lời câu hỏi mà vị thiên tử đặt ra được, nên đề cập câu **Ngài là bậc dụng trí không trở ngại trong tất cả pháp**.

Từ **trong tất cả pháp** tức trong tất cả pháp ứng tri (pháp cần nên biết _ ñeyyadhamma) khác nhau bởi thời gian như quá khứ...

Lại nữa, trong tất cả câu này để thoát khỏi hoài nghi rằng "Đức Thế Tôn là bậc có thể trả lời câu hỏi cho dù là của thiên nhân đặt ra hay chăng?". Để ngăn lại điều hoài nghi đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "**là thiên nhân của tất cả chư thiên**" bởi vì là bậc có thể trả lời câu hỏi vượt qua đến 3 thời, thông qua câu "Ngài là bậc dụng trí không trở ngại trong tất cả pháp".

Đối với người suy nghĩ rằng "Vua trời Đế Thích là vị thiên nhân hơn tất cả nhóm chư thiên, là vị thiên chủ nên trả lời câu hỏi của chư thiên được, còn Ngài (Đức Thế Tôn) có gì đặc biệt hơn vua trời Đế Thích?". Để phản bác suy nghĩ đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "**là vua trời Đế Thích hơn các vua trời Đế Thích**".

Đối với người suy nghĩ rằng "Các nhóm Phạm Thiên có Phạm Thiên chủ Sanaṃkumāra... có thể trả lời ý nghĩa mà người khác đặt ra cho dù là vua trời Đế Thích thì Ngài (Đức Thế Tôn) có gì hay hơn các Phạm Thiên?". Để phản

bác suy nghĩ đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"là Phạm Thiên hơn các Phạm Thiên**".

Để trình bày "Ân đức đặc thù của Đức Thế Tôn rõ ràng thêm bằng cách dựa vào Tứ Vô Sở Úy và Thập Lực Tuệ" ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"là bậc tinh thông Tứ Vô Sở Úy, là bậc Thập Lực Tuệ**" (xem chi tiết trong bài kinh Đại Sư Tử Hống (mahāsīhanādasutta) về Tứ Vô Sở Úy và Thập Lực Tuệ).

Để trình bày về "Tứ Vô Sở Úy và Thập Lực Tuệ, 2 tuệ này thành tựu được cùng với việc chứng đắc Vô Chướng Ngại Trí (trí hiểu biết không có điều gì ngăn cản) và Toàn Giác Trí (trí có năng lực biết được vạn pháp)". Ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"Bậc có Vô Chướng Ngại Trí, có Phổ Nhãn**" (có mắt thấy được khắp cùng tức Toàn Giác Trí).

Trước khi trình bày về "Vô Chướng Ngại Trí và Toàn Giác Trí, 2 trí này được thành tựu do Ngài triệt tiêu được tội lỗi và do việc tích lũy tuệ ưu việt (paññādhikāra)". Ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"Đức Thế Tôn" (bhagavā).**

Nên biết về lợi ích và lời giải thích theo trình tự để hiểu được các câu này.

Lại nữa, 2 trí sau tức Vô Chướng Ngại Trí và Toàn Giác Trí, 2 trí đó nói về thực tánh thì không khác nhau bởi vì tách một trí ra thành 2 trí để trình bày đến thực tánh của trí không phổ biến với người khác (chỉ có riêng biệt

với Bậc Chánh Đẳng Giác) theo đường lối diễn tiến trong cảnh tức là **Toàn Giác Trí** bởi vì có pháp thuộc hữu vi, vô vi và chế định là cảnh không dư sót, nhưng do nương vào sự sinh diễn xuyên suốt mau chóng vì không có điều kiện ngăn chặn trong cảnh đó nên gọi là "**Vô Chướng Ngại Trí**" cũng được.

Cả 2 trí này có lời giải thích nào tôi sẽ nêu lên đề cập lời giải thích đó, sẽ đề cập sau trong phần xiển minh của tùy niệm ân đức Phật (buddhānussati).

Thanh Tịnh Đạo

Bây giờ, trước khi tôi diễn giảng ý nghĩa phân tích theo sự thật về ân đức như giới... của kệ ngôn mà Bậc Đại Ẩn Sĩ (mahesī) thuyết thì xin đề cập về **Thanh Tịnh Đạo** (visuddhimagga) có điểm luận giải trong sáng dựa vào lý thuyết giảng của trưởng lão ngụ tại Đại Tịnh Xá (mahāvihāra) tạo nên sự phấn chấn **đối với** tất cả hành giả trong Giáo Pháp **này, ngài xuất gia trong Giáo** Pháp của Đấng Chiến Thắng tìm được vô vàng khó khăn, khi ngài không biết sự thật về con đường thanh tịnh gom vào bằng ân đức như giới... là con đường an lạc ngay thẳng thì **dù rằng ngài** là bậc mong muốn thanh tịnh và có tinh cần cũng không chứng đạt được sự thanh tịnh. Này tất cả bậc thiện hạnh, khi tôi cung kính đề cập đến Thanh Tịnh Đạo xin các vị muốn được thanh tịnh thì mỗi vị hãy chú tâm lắng nghe.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **trước khi diễn giảng** tức trước khi giải thích, trước khi làm rõ thêm cho chi tiết.

Cụm từ **theo sự thật** tức không thay đổi.

Cụm từ **phân tích ân đức như giới...** tức phân tích ân đức như giới, định và tuệ.

Đức Thế Tôn có hồng danh là **Đại Ẩn Sĩ** do ý nghĩa Ngài tầm cầu ân đức tối thượng như giới uẩn...

Gọi là **có điểm luận giải trong sáng** bởi vì việc luận giải trong sáng theo thực tánh không lẫn lộn bởi giáo phái khác và chủ thuyết bên ngoài.

Cụm từ **dựa vào lý thuyết giảng** tức dựa vào lý để diễn giảng Pháp (dựa theo lý của các sớ giải).

Cụm từ **của trưởng lão ngụ tại Đại Tịnh Xá** ngài trình bày giáo pháp là nơi nương của mình.

Bộ Thanh Tịnh Đạo này là nhân dẫn đến phấn chấn đối với người nổ lực trong việc nghe, ghi nhớ, vun bồi tích lũy... bởi vì có sự hoàn hảo vẹn toàn khắp cùng về phương diện sự thật và bởi vì là nhân làm cho vô cùng phấn chấn đối với tất cả hành giả, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"Tạo nên sự phấn chấn đối với tất cả hành giả trong Giáo Pháp này".**

Cụm từ **tìm được vô vàng khó khăn** tức tìm được bằng cách vô cùng khó khăn bởi vì thiện gia nam tử xuất

gia được cũng vào thời điểm thứ 9 trừ ra 8 thời điểm (thời điểm tức cơ hội khó tìm được, có 9 thời điểm là: 1- Thời điểm được sanh làm người... 9- Thời điểm được xuất gia trong Phật giáo).

Bậc thiện hạnh gọi là **bậc mong muốn được thanh tịnh** bởi vì ý nghĩa mong muốn tức ước nguyện được thanh tịnh thoát khỏi phiền não và luân hồi, từ **dù rằng** có nghĩa là tán thán, bằng từ "dù rằng" đó ngài giáo thọ sư trình bày rằng không là người vui thích chỉ với một ân đức giới thuần nhất mà còn là người mong muốn sự thanh tịnh thêm nữa.

Các hành giả cho dù tinh cần trở thành người ưa thích trong việc tu tiến và cho dù tinh cần thực hành cũng không đạt đến thanh tịnh bởi vì chưa hiểu được phương pháp.

Gọi là **đạo (magga)** tức **con đường** 1- Bởi vì tiến hành bằng năng lực làm cho tất cả phiền não diệt mất. 2- Bởi vì tầm cầu Níp Bàn. 3- Bởi vì tất cả mọi người mong muốn Níp Bàn nên tầm cầu Níp Bàn.

Cụm từ **về sự thanh tịnh** tức về Níp Bàn hoặc về sự thanh tịnh có nghĩa là về bậc A-La-Hán.

Cụm từ **gom vào bằng ân đức như giới...** tức gom vào bằng 3 uẩn như giới uẩn...

Thật vậy, Thánh Đạo có 8 chi gom vào 3 uẩn bởi vì có sự tương ứng gom vào được, giống như gom kinh thành vào trong vương sản. Nhưng 3 uẩn không gom vào được

trong Thánh Đạo 8 chi phần bởi vì không tương ứng để gom vào được.

Điều này thích hợp theo lời của trưởng lão ni Dhammadinna (trong Tiểu Kinh Phương Quảng (cūḷavedallasuta) rằng: "Này gia chủ Visākha, 3 uẩn không gom vào được trong Thánh Đạo 8 chi phần, Thánh Đạo 8 chi phần gom vào được trong 3 uẩn".

Gọi là **an lạc** bởi vì không có hiểm họa do kẻ cướp tức không có phiền não.

Gọi là **ngay thẳng** bởi vì loại trừ sự ngả nghiêng về 2 phía và bởi vì loại trừ sự gian manh của thân… như lừa gạt…

Thanh Tịnh Đạo

Trong các từ đó thì từ "thanh tịnh" (visuddhi) nên hiểu Níp Bàn lìa khỏi tất cả ô nhiễm thanh tịnh thuần nhất. Gọi là **Thanh Tịnh Đạo (visuddhimagga)** bởi vì có nghĩa là con đường thanh tịnh, ngài giáo thọ sư gọi theo phương pháp chứng đắc là "đạo" (magga). Sẽ đề cập về thanh tịnh đạo đó.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **lìa khỏi tất cả ô nhiễm** tức lìa khỏi ô nhiễm như tham ái… và lìa khỏi ô nhiễm tức tất cả phiền não. Do đó, mới gọi là "thuần nhất" tức thanh tịnh trong mọi lúc và trong tất cả trường hợp.

Người tầm cầu để đạt được thanh tịnh bằng phương pháp nào thì phương pháp đó gọi là thanh tịnh đạo (phương pháp tạo điều kiện đạt được thanh tịnh). Do đó, ngài giáo thọ sư mới gọi phương pháp để đạt được là **đạo**.

Từ **thanh tịnh đạo** theo trực tiếp nên hiểu là **đạo siêu thế (lokuttaramagga)** nhưng đạo khởi hiện phần đầu là nơi nương vào của siêu thế đạo, và liên quan đến lời giải thích ngài giáo thọ sư cũng gọi là thanh tịnh đạo giống như vậy bởi vì là phương pháp chứng đắc siêu thế đạo.

Thanh Tịnh Đạo

Thanh tịnh đạo trong một số bài kinh Ngài thuyết **chỉ liên quan đến thiền quán (vipassanā)**, như:

Sabbe saṇkhārā aniccāti Yadā paññāya passati

Atha nibbindati dukkhe Esa maggo visuddhiyā.

"Khi nào người thấy bằng trí tuệ tất cả hành là vô thường. Khi đó, họ nhàm chán trong khổ. Đây là con đường thanh tịnh".

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư để trình bày về thanh tịnh đạo mà Bậc Đạo Sư thuyết theo cách thức khác nhau bởi sự oai hùng của việc thuyết giáo và tùy theo căn cơ của chúng sanh hữu duyên. Trong tất cả cách thức đó, đây là một cách thức mà ngài giáo thọ sư dựa vào nên bắt đầu bằng từ "**thanh tịnh đạo**"…

Bằng từ phân định rằng **chỉ liên quan đến thiền quán** này ngài ngăn lại thiền chỉ (samatha) bởi vì thiền chỉ có sự mâu thuẫn đối với kệ ngôn do không phải là ân đức như giới…

Và bằng từ **chỉ là** có nghĩa là ngăn lại sự đặc biệt tức ngăn lại sự đặc biệt của thiền định như Cận Định (upacāra) và Kiên Cố Định (appanā) bởi vì không làm hiển lộ ý nghĩa thuyết giảng đối với hành giả thuần quán (vipassanāyanika). Do đó, không được ngăn lại chỉ là thiền định bởi vì thiền quán mà loại trừ sát na định (khaṇikasamādhi) thì sẽ không sanh khởi được.

Từ **thiền quán** (**vipassanā**) nên hiểu là 3 loại tùy quán (anupassanā) mà không phải riêng biệt vô thường tùy quán bởi vì giác ngộ Thánh Đế sẽ không chỉ có mỗi vô thường tướng (aniccalakkhaṇa), nhưng trong kệ ngôn này Ngài chỉ nhắm đến riêng biệt vô thường tướng, vô thường tướng hiện bày rõ ràng hơn với người nào thì thuyết riêng biệt dựa vào vô thường tướng bằng khả năng của người đó, cho dù như vậy người đó vẫn quán xét 2 tướng ngoài ra (khổ tướng và vô ngã tướng) cho hiện bày rõ mới chứng đắc ân đức đặc biệt được, không phải chỉ riêng biệt vô thường tướng mà thôi.

Cụm từ **tất cả hành** tức hành có trong 3 cõi bởi vì tất cả hành có trong 3 cõi đó là pháp nên quán xét.

Từ **vô thường** là pháp không thường tồn tức không bền vững, tạm thời, diệt đi trong mỗi sát na.

Từ **bằng trí tuệ** là thấy suy xét bằng tuệ quán. Gọi là **khi đó** tức các tuệ quán (vipassanāñāṇa) như Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa)… khởi hiện lên suốt mọi lúc.

Cụm từ **nhàm chán trong khổ** nghĩa là nhàm chán do đạt đến Yếm ố tuệ (nibbidāñāṇa) trong khổ tức ngũ uẩn nơi 3 cõi được thuyết rằng "tất cả hành" mà hành giả đã thấy bằng trạng thái vô thường.

Cụm từ "**đây là con đường thanh tịnh**" tức Yếm ố tùy quán (nibbidānupassanā) là nhân của pháp như ly tham… là phương pháp chứng đắc Níp Bàn.

Thanh Tịnh Đạo

Trong một số bài kinh Ngài thuyết **liên quan đến thiền và tuệ**, như :

Natthi jhānaṃ apaññassa Paññā natthi ajhāyino

Yamhi jhānañca paññā ca Sa ve nibbānasantike.

"Người không có tuệ thì không có thiền, người không có thiền thì không có tuệ, người nào có thiền và tuệ thì người đó gần Níp Bàn".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **liên quan đến thiền và tuệ** tức liên quan đến thiền chỉ và thiền quán, từ "thiền" ám chỉ đến thiền làm nền tảng cho thiền quán, trong cụm từ "**người nào có thiền và tuệ**" có nghĩa là người tu tiến thiền làm nền tảng cho thiền quán khởi hiện rồi thì phát triển thiền quán thêm nữa.

Cụm từ **người đó gần Níp Bàn** nghĩa là người thấu đáo gần kề Níp Bàn, chắc chắn sẽ tác chứng Níp Bàn.

Thanh Tịnh Đạo

Trong một số bài kinh Ngài thuyết **liên quan đến pháp như nghiệp...**, như:

Kammaṃ vijjā ca dhammo ca Sīlaṃ jīvitamuttamaṃ

Etena maccā sujjhanti Na gottena dhanena vā.

"Nghiệp, minh, pháp, giới, đời sống cao thượng, tất cả chúng sanh được thanh tịnh bởi pháp như nghiệp..., không phải do dòng tộc hoặc do tài sản".

Hậu Sớ Giải

Từ **nghiệp (kamma)** tức Tư trong Đạo (maggacetanā). Tư trong Đạo dẫn dắt tất cả chúng sanh được thanh tịnh bởi vì đưa đến không tích lũy (apacayagāmī).

Từ **minh (vijjā)** tức chánh kiến.

Từ **giới (sīla)** tức chánh ngữ và chánh nghiệp.

Cụm từ **đời sống cao thượng** tức chánh mạng.

Từ **pháp (dhamma)** tức 4 pháp Thánh Đạo còn lại.

Một lý khác nữa:

Từ **nghiệp** dựa vào chánh nghiệp.

Từ **minh** dựa vào chánh kiến và chánh tư duy bởi vì lời

nói (trong bài kinh Tiểu Phương Quảng (cūḷavedallasutta) rằng: "Này gia chủ Visākha, chánh kiến hay chánh tư duy các pháp này gom vào trong tuệ uẩn".

Từ **pháp** tức định, Ngài dựa vào định bằng từ "pháp" giống như lời nói (trong bài kinh Hy Hữu Vị Tằng Hữu (acchariyaabbhūtasutta) rằng "… sẽ biết được Chư Phật trong quá khứ đã viên tịch Níp Bàn, bậc đã sát tuyệt pháp chướng ngại… rằng tất cả Đức Thế Tôn là bậc có **pháp** như vậy"… nên hiểu rằng dựa vào chánh tinh tấn và chánh niệm bởi vì có lời nói (trong bài kinh Tiểu Phương Quảng (cūḷavedallasutta) rằng: "Này gia chủ Visākha, chánh tinh tấn hay chánh niệm hoặc chánh định các pháp này được gom vào trong định uẩn".

Từ **giới** dựa vào chánh ngữ và chánh mạng.

Cụm từ **đời sống cao thượng** nghĩa là đời sống (sự sinh tồn) của bậc Thánh Nhân được nhìn thấy như vậy. Gọi là "đời sống cao thượng" theo trường hợp đã đề cập nên hiểu trong kệ ngôn này là thuyết đến Thánh Đạo có 8 chi phần…

Thanh Tịnh Đạo

Trong một số bài kinh Ngài thuyết **liên quan đến ân đức như giới…**, như thuyết rằng:

Sabbadā sīlasampanno Paññavā susamāhito

Āraddhavīriyo pahittato Oghaṃ tarati duttaraṃ.

"Tỳ-kheo đầy đủ giới, có tuệ, có tâm vững chắc, tinh cần hướng đến dẫn dắt mình trong mọi lúc, sẽ vượt qua bộc lưu khó ai vượt qua được".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **liên quan đến ân đức như giới…** là liên quan đến giới, định, tuệ và tinh cần.

Cụm từ **đầy đủ giới** là viên mãn hội đủ Tứ thanh tịnh giới (catuparisuddhisīla).

Cụm từ **trong mọi lúc** tức xuyên suốt trong tất cả thời gian kể từ khi thọ trì.

Từ **có tuệ** tức hội đủ trí tuệ hiệp thế và siêu thế.

Cụm từ **có tâm vững chắc** tức có tâm kiên cố do định tương ưng với tuệ.

Cụm từ **tinh cần hướng đến** tức tinh cần duy trì để đoạn trừ tất cả bất thiện, để dẫn đến tạo các thiện pháp cho tròn đủ.

Cụm từ **dẫn dắt mình** nghĩa là có tâm không dính mắc với thân và đời sống, là người luôn hướng đến Níp Bàn.

Từ **bộc lưu (ogha)** gồm có 4 loại bộc lưu như dục bộc… hoặc dòng nước lớn tức vòng luân hồi.

Thanh Tịnh Đạo

Trong một số bài kinh Ngài thuyết **liên quan đến**

pháp giác phần (bodhipakkhiyadhamma) như **niệm xứ (satipaṭṭhāna)…**, như:

"**Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo… yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānā".**

"Này các tỳ-kheo, đây là con đường độc nhất dẫn đến thanh tịnh cho tất cả chúng sanh… để tác chứng Níp Bàn, con đường độc nhất này là gì? Tức tứ niệm xứ".

Ngay cả trong pháp giác phần còn lại như tứ chánh cần… cũng có lý giống như vậy. Còn trong phần vấn đáp này Ngài thuyết bởi liên quan đến ân đức như giới.

Hậu Sớ Giải

Ý nghĩa của từ **ekāyano** tức con đường độc nhất như sau:

1. Gọi là con đường độc nhất bởi vì không có ngã thứ 2.

2. Là con đường độc nhất dẫn đến Níp Bàn.

3. Là con đường phải **bước** đi một mình tránh xa nơi quần tụ đông đảo, có tâm an tịnh vắng lặng để hành đạo.

4. Là con đường cao quý độc nhất do Đức Phật khai mở.

5. Là con đường độc nhất có trong Pháp Luật này.

Cụm từ **dẫn đến thanh tịnh cho tất cả chúng sanh** nghĩa là dẫn đến thanh tịnh lìa khỏi ô nhiễm như tham ái…, lìa khỏi phiền não như tham ác (abhijjhāvisamalobha)… của tất cả chúng sanh.

Do đó gọi pháp trong giai đoạn đầu là **con đường (magga)** theo như tánh chất của mình và con đường ấy có 4 loại do sự khác biệt nhau về cảnh như thân… nên thuyết rằng **tứ niệm xứ.**

Cụm từ **trong pháp giác phần còn lại như tứ chánh cần…** này, bằng từ "**v.v…**" nên hiểu đến việc gom lại tất cả pháp có sự vui thích trong việc không dễ duôi…

Trong một số bài kinh của Thanh Tịnh Đạo Ngài thuyết liên quan đến pháp vui thích trong sự không dễ duôi…, như thuyết rằng:

Appamādarato bhikkhu Pamāde bhayadassī vā

Abhabbo parihānāya Nibbānasseva santike.

*"Tỳ-kheo vui thích trong sự không dễ duôi hoặc thấy sợ hãi trong sự dễ duôi, là vị không rơi vào thối hóa **và** chắc chắn gần kề Níp Bàn".*

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo là lời giải thích tóm tắt trong kệ ngôn đó.

Cụm từ **sīle patiṭṭhāya** tức an trú trong giới, nơi đây Ngài gọi người làm cho giới được đầy đủ là "người an trú giới", vì vậy trong cụm từ "sīle patiṭṭhāya" này mới có nghĩa là vững chắc trong giới bởi làm cho giới được đầy đủ.

Hậu Sớ Giải

Đối với cụm từ **an trú trong giới** này thì từ **trong giới** tức trong thiện giới, mặc dù tất cả bất thiện pháp cũng là giới như lời thuyết (trong Trung Bộ Kinh 13/347) rằng: "Này Thapati, bất thiện giới là gì?...", nhưng dù tất cả hành vi thực hành theo giới (kiriyāsīla) cũng không thích hợp là nền tảng của việc tu tiến tâm và tuệ đang đề cập đến thì tất nhiên các bất thiện giới càng không thích hợp. Do đó, cụm từ "an trú trong giới" ngài giáo thọ sư ám chỉ riêng biệt thiện giới mà thôi.

Cụm từ **người làm cho giới được đầy đủ** tức người gìn giữ trọn vẹn hoặc làm cho phát triển hoàn thiện, nghĩa là thu thúc không để vi phạm bằng tất cả trường hợp. Tỳ-kheo như vậy khi không từ bỏ giới thì gọi là vị an trú trong giới.

Từ **an trú** nghĩa là nơi nương có 2 loại bằng cách phân theo y duyên (nissayapaccaya) và cận y duyên (upanissayapaccaya).

Trong 2 nơi nương đó thì nơi nương thuộc cận y duyên là hiệp thế, nơi nương thuộc y duyên là siêu thế khi không tách biệt ra khỏi tâm nhưng khi tách ra thì thuộc hiệp thế, nơi nương thuộc y duyên và thuộc cận y duyên có được do năng lực của pháp đồng khởi hiện và pháp sanh khởi liền kề nhau như thế nào thì trong tất cả tâm siêu thế ngay cả nơi nương thuộc cận y duyên cũng có được bằng năng lực giới trong Đạo và Quả thấp (tức giới trong Đạo và Quả

thấp làm cận y duyên cho pháp như giới... trong Đạo và Quả cao).

Lại nữa, đối với từ **an trú** này khi nào ám chỉ đến nơi nương thuộc cận y duyên, khi ấy nên hiểu là do năng lực của hành động có từ trước, ví như câu nói "đi đến do nương vào đức tin"... Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết (trong Trung Bộ Kinh) rằng: "Nhưng mà thân nghiệp, ngữ nghiệp và đời sống lúc trước của họ thanh tịnh".

Nhưng khi nào ám chỉ lấy nơi nương thuộc y duyên, khi ấy nên hiểu là do năng lực của việc làm xảy ra cùng thời điểm, giống như câu: "Nương vào nhãn cùng với sắc"...

Thật vậy, tất cả giới ngăn ngừa (viratisīla) như chánh ngữ... là y duyên bằng mãnh lực đồng sanh với các pháp như chánh kiến... tương ưng với mình.

Thanh Tịnh Đạo

Từ **người (naro)** tức chúng sanh.

Từ **người có tuệ (sapañño)** tức người có trí tuệ thông qua tuệ trong tâm tục sinh tam nhân sanh lên từ nghiệp.

Hậu Sớ Giải

Chúng sanh gọi là **người (naro)** do ám chỉ đến như người nam…, nhưng trong sớ giải ngài giáo thọ sư trình bày từ "người" này theo cách gián tiếp mà không phân biệt (như nữ hoặc nam) mới đề cập **người tức chúng sanh**.

Cụm từ **người có tuệ** nghĩa là người có tuệ do ý nghĩa diễn tiến với tuệ dị thục quả. Khi tuệ dị thục quả có sự sung mãn do mãnh lực sanh khởi nối tiếp nhau từ đầu thì người đó đáng được tất cả mọi người biết đến là người có tuệ và đây cũng là cận y duyên cho sự khởi hiện của tuệ tu tiến (bhāvanāpaññā) bởi vì sự khác biệt về cơ tánh do tuệ dị thục quả không có với tất cả chúng sanh vô nhân và nhị nhân.

Thật vậy, người có tuệ do năng lực trí tuệ là người tỉnh giác thực hành theo phận sự (ám chỉ đến tuệ ứng dụng trong mọi phận sự (pārihārikapaññā), nhưng theo sớ giải Thanh Tịnh Đạo thì tuệ ứng dụng trong mọi phận sự ngài giáo thọ sư dựa vào bằng cụm từ "người thông thạo" (nipako), cho nên ý nghĩa của cụm từ "người có tuệ" này ngài giáo thọ sư đề cập đến năng lực tuệ dị thục quả.

Cụm từ **thông qua tuệ trong tâm tục sinh tam nhân sanh lên từ nghiệp** (từ cụm từ **kammajatihetukapaṭisandhipaññāya được** nối lại bằng từ **tihetuka** với từ **paṭisandhi** (tức tục sinh tam nhân) mà không phải nối lại với từ "paññā" (thì sẽ dịch thành "tuệ tam nhân"), như vậy tức tuệ hiện khởi từ nghiệp trong tâm tục sinh có 3 nhân, bởi vì tuệ không phải là 3 nhân mà là tuệ tiến hành bắt nguồn khởi đầu từ tục sinh trở đi, ngài giáo thọ sư gọi là tuệ trong tâm tục sinh bởi vì có tâm tục sinh làm gốc không phải nhắm đến riêng biệt tuệ diễn tiến trong sát na tục sinh.

Thanh Tịnh Đạo

Cụm từ **tu tiến tâm và tuệ** tức tu tiến định và thiền quán, bởi vì trong kệ ngôn này Ngài thuyết giảng trọng yếu về định (samādhi) bằng từ "tâm" và Ngài thuyết giảng về thiền quán bằng từ "tuệ".

Hậu Sớ Giải

Định gọi là **tâm** do ý nghĩa **suy nghĩ** tức chú vào cảnh (pháp tánh gọi là tâm do ý nghĩa "suy nghĩ" cũng được) định có phận sự chú vào cảnh vững chắc, tất cả chi thiền như tầm... mà loại định ra thì sẽ không nhận được sự hỗ trợ lợi ích trong việc chú niệm cho thành tựu, còn định dù loại trừ các chi thiền ra cũng vẫn tạo lợi ích cho thành tựu được.

Định gọi là **tâm** do ý nghĩa đầy đủ các điều kiện tích tập bằng cách làm cho sức mạnh thuần thục, cơ tánh được tích tập bằng trường hợp như vậy (pháp tánh gọi là "tâm" do ý nghĩa tích tập cũng được).

Lại nữa, định gọi là **tâm** bởi vì sự thù diệu của tâm do mãnh lực thiền như sơ thiền... và bởi vì tạo ra sự thù diệu bằng cách chú nguyện (abhinihāra) như khai triển thần thông... Do đó, nói cách khác định chính là **tâm** (pháp tánh gọi là "tâm" do ý nghĩa thù diệu hoặc tạo ra sự thù diệu cũng được).

Nhưng bởi vì từ "tâm" vẫn còn thích hợp với cách giải thích theo ý nghĩa "thức" nên ngài giáo thọ sư mới đề cập

đến cụm từ rằng: "**Bởi vì trong kệ ngôn này Ngài thuyết giảng trọng yếu về định bằng từ "tâm"**.

Gọi là **tuệ** do ý nghĩa biết pháp thực tánh theo sự thật bằng các trường hợp, cho dù tuệ có nhiều loại do khác nhau về giống như thiện... nhưng bởi vì có lời nói rằng **tu tiến** nên trong nơi đây ám chỉ lấy tuệ cần phải tu tiến, vì vậy để trình bày tuệ cần phải tu tiến ngài giáo thọ sư mới giải thích về **thiền quán (vipassanā)**.

Trong từ **tu tiến** này kết hợp vào với mỗi từ như tu tiến tâm cùng tu tiến tuệ.

Vấn: *Tâm và tuệ là hiệp thế hay siêu thế?*

Đáp: Nên hiểu rằng việc thuyết giảng cao thượng thì là siêu thế, bởi vì Ngài nói đến người tu tiến tâm và tuệ đó khai phá được rừng rậm ái dục bằng mãnh lực đoạn trừ sát tuyệt (samucchedapahāna) trong sát na Thánh Đạo nên tất nhiên không phải là hiệp thế.

Nhưng trong kệ ngôn này cho dù là hiệp thế cũng hoàn toàn dựa vào theo sự tuần tự của pháp bởi vì loại trừ thiền định và thiền quán hiệp thế thì tâm và tuệ siêu thế cũng không có được.

Đối với hành giả theo phương pháp thiền chỉ (samathayānika) mà loại trừ định như cận định (upacara) và kiên cố định (appanā), loại trừ 3 giải thoát môn (đường lối giải thoát (vimokkhamukha) có 3 là vô thường tùy quán,

khổ tùy quán, vô ngã tùy quán) thì dẫn đến việc chứng đắc siêu thế pháp cũng sẽ không có được.

Đối với hành giả theo phương pháp thiền quán (vipassanāyānika) mà loại trừ sát na định (khaṇikasamādhi), loại trừ 3 giải thoát môn thì việc chứng đắc siêu thế pháp cũng không có được bất luận trong thời gian nào. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: "**Tu tiến định và thiền quán**".

Trong tất cả các từ đó, khi nói đến thiền định và thiền quán hiệp thế thì từ **tu tiến** này là từ đề cập đến nguyên nhân của hành động tức việc tu tiến là nguyên nhân để dẫn đến hành động khai phá rừng rậm nên việc tu tiến thiền định và thiền quán là nhân hiệp thế.

Lại nữa, trong lúc chỉ lấy thiền định và thiền quán siêu thế thì việc thuyết giảng đến thiền định và thiền quán thuộc siêu thế đó đang diễn tiến (tức đang khởi hiện) chỉ có một.

Việc khai phá rừng rậm ái dục của 2 việc tu tiến (cả thiền định và thiền quán) chấm dứt đồng thời cùng với nhau.

Thanh Tịnh Đạo

Từ **nhiệt tâm (ātāpī)** tức người có sự tinh cần, sự tinh cần gọi là "nhiệt tâm" nghĩa là làm cho thiêu đốt phiền não từ đầu, thiêu đốt xung quanh, người nhiệt tâm do có sự tinh cần, có sự tinh cần thì gọi là nhiệt tâm.

Từ **thông thạo (nipako)** nghĩa là trí tuệ, Ngài gọi sự thông thạo (tức đầy đủ trí tuệ) là người thông thạo. Từ

"thông thạo" (nipako) được Ngài thuyết là tuệ ứng dụng trong mọi phận sự (pārihārikapaññā). Nghĩa là trong phần vấn đáp này thì tuệ đạt đến 3 thời điểm, tuệ thời điểm đầu tiên (người có tuệ _ sapaññho) là tuệ khi sanh ra (sajātipaññā), tuệ thời điểm thứ 2 (trong cụm từ "tu tiến tâm và tuệ" là tuệ quán (vipassanāpaññā), tuệ thời điểm thứ 3 (có sự thông thạo) là tuệ ứng dụng trong mọi phận sự.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **là người có sự tinh cần thông thạo** tức thuyết pháp hỗ trợ cho việc tu tiến. Ba nhóm pháp là tinh cần, niệm, tỉnh giác hỗ trợ nhiều cho người tu tiến nghiệp xứ bởi vì nghiệp xứ do tinh cần hỗ trợ, niệm và tỉnh giác thì gìn giữ không cho phóng tán và dẫn đến ân đức đặc biệt cao thượng.

Lại nữa, trong tất cả nhóm pháp này khi thành tựu nơi nương (tức giới) thì đức tin xem như đã thành tựu bởi vì giới và sự thành tựu của 3 pháp như tinh cần... sẽ không khởi hiện với người không có niềm tin nơi đối tượng đáng tin, ngay cả định cũng không khởi hiện giống như vậy.

Việc thành tựu đức tin dẫn đến có được pháp như tinh cần... là thành quả bởi vì khi pháp như tinh cần... mà đạt đến thì định cũng xem như đạt đến ngay tức thì bởi vì pháp như tinh cần... sẽ không có với người không có tâm vững chắc.

Vấn: *Trong vấn đề này thành tựu niệm như thế nào?*

Đáp: Thành tựu niệm có được bởi người thông thạo (nipako) bởi vì **niệm** đạt đến nhạy bén hoàn chỉnh cũng gọi là thận trọng (nepakka), như thuyết trong (Tăng Chi Kinh, pháp 10 chi. 24/67) rằng "là người đầy đủ thận trọng tức niệm cao độ".

Còn một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng: "Bằng từ người có tuệ (sapañño) sử dụng cả tuệ ứng dụng trong mọi phận sự (pārihārikapaññā)". Do đó, mới đề cập ý nghĩa của từ "người thận trọng" là người có niệm ghi nhớ (sato).

Dù rằng việc đoạn trừ phiền não là thiêu đốt tất cả phiền não bằng pháp khác như chánh kiến... thì việc nhiệt tâm thiêu đốt phiền não đó cũng giống như vậy, nhưng từ "nhiệt tâm" (ātāpa) cũng đồng nghĩa với từ "nỗ lực" (ātappa) thường dùng để nói đến sự tinh cần. Vì vậy, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **nhiệt tâm là tinh cần tức người có sự nỗ lực**.

Một lý khác nữa, khi tinh cần tiến hành bằng năng lực làm cho tất cả pháp tương ưng nỗ lực hơn trong việc đoạn trừ phiền não dẫn đến thiêu đốt phiền não cao độ nên mới được gọi là tinh cần mà không gọi nhóm pháp khác.

Bằng từ **tinh cần (viriyavā)** đó xem như ngài giáo thọ sư đề cập đến người đầy đủ chánh cần (sammappadhāna).

Trong cụm từ **làm cho thiêu đốt từ đầu, thiêu đốt**

xung quanh này thì cụm từ **làm cho thiêu đốt từ đầu** ngài giáo thọ sư đề cập đến tinh cần khởi đầu (ārambhadhātu) bởi vì là người hướng đến tinh cần từ đầu, cụm từ **thiêu đốt xung quanh** ngài giáo thọ sư đề cập đến tinh cần vượt khỏi lười biếng (nikkamadhātu) và tinh cần tiến tới (parakkamadhātu) tức vượt qua khỏi pháp đối nghịch và đạt đến ân đức đặc biệt cao thượng bằng tất cả trường hợp.

Người gọi là **thông thạo (nipako)** do ý nghĩa không chất chứa tức làm cho pháp đối nghịch khô cạn hoặc do ý nghĩa trông nom tức gìn giữ mình khỏi pháp đối nghịch.

Trí tuệ gọi là **parihārika** do ý nghĩa thực hành chuyên chú trong đề mục (kammaṭṭhāna), gọi là **pariṇāyikā** tức người hướng đến trong mọi phận sự do ý nghĩa ghi nhận dẫn dắt trong tất cả phận sự như bước tới trước... bởi năng lực của tỉnh giác (sampajañña) như tỉnh giác về lợi ích và không lợi ích (sātthakasampajaññā)...

Một lý khác nữa, tuệ dẫn dắt trong tất cả phận sự tức học tập nghiệp xứ, hỏi, hướng đến việc tu tiến tác ý về phương pháp và trở thành người tạo cho mình có thói quen cung kính, lợi ích, huân tập, thông thạo trong ấn chứng, thông thạo trong sự đi lại, không có sự chán nản thối lùi trong việc làm thành tựu quân bình các quyền (indrīya), tạo cho trạng thái tinh cần quân bình trong nghiệp xứ... gọi là tuệ dẫn dắt trong mọi phận sự.

Thanh Tịnh Đạo

Từ **tỳ-kheo** nghĩa là người, gọi là **tỳ-kheo** do ý nghĩa sợ hãi vòng luân hồi.

Hậu Sớ Giải

Bằng từ đề cập đến trạng thái của tỳ-kheo theo ý nghĩa phổ biến rằng **người nào thấy sợ hãi vòng luân hồi người đó gọi là tỳ-kheo** ngài giáo thọ sư trình bày tỳ-kheo có được là do việc thực hành (tu tập) mà không phải do xin, do đắp y, do mặc vải bá nạp (vụng)... nên mới gom lại lấy tu sĩ khác nữa như sa-di... thực hành phận sự này, và cho dù người không phải là tu sĩ nhưng thực hành được (cũng gọi là tỳ-kheo). Từ "tỳ-kheo" này nên hiểu ý nghĩa liên quan đến người thực hành.

Một lý khác nữa, gọi là **tỳ-kheo** do ý nghĩa hủy diệt tất cả tội lỗi bất thiện pháp cũng được.

Thanh Tịnh Đạo

Cụm từ **người đó sẽ khai phá rừng rậm này được** giống như người đang đứng trên mặt đất rồi dùng tay vung khí giới được mài bén đốn hạ bụi tre lớn như thế nào, cũng vậy vị tỳ-kheo hội đủ 6 pháp tức bằng giới, định được Ngài thuyết giảng trọng yếu bằng từ "tâm", 3 loại tuệ và sự tinh cần. Đang đứng trên mặt đất là giới, dùng tay tức tuệ ứng dụng trong mọi phận sự (parihārikapaññā) cùng sức mạnh là sự tinh cần duy trì, vung khí giới là tuệ quán

(vipassanāpaññā) được mài bén trên đá là định, đốn chặt phá hủy rừng rậm ái dục rơi xuống trong cơ tánh của mình như thế đó. Trong sát na Đạo tỳ-kheo này gọi là đang khai phá rừng rậm. Trong sát na Quả gọi là đã khai phá rừng rậm, là bậc xứng đáng cúng dường của thế gian đồng cùng thiên giới. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng:

"Người có tuệ an trú trong giới, tu tiến tâm và tuệ, là người có sự nhiệt tâm, thông thạo, tỳ-kheo đó sẽ khai phá được rừng rậm này".

Hậu Sớ Giải

Từ **bằng giới...** bởi vì tất cả pháp như giới... dựa vào trong kệ ngôn diễn tiến nơi cơ tánh của hành giả có các sát na khác nhau, lẫn lộn nhau. Vì vậy, ngài giáo thọ sư trước khi dựa vào các pháp như giới... mới gom lại thành một nhóm rằng **tỳ-kheo đầy đủ 6 pháp**.

6 loại pháp đó bậc thiện trí chẳng tìm được sự nối tiếp trong cùng thời điểm tức trong cùng sát na với nhau.

Trong các từ đó thì từ **mài bén** nghĩa là đã mài kĩ càng vô cùng sắc bén, ngài giáo thọ sư ví dụ 2 phận sự để thành tựu lợi ích tức làm cho khí giới được sắc bén hơn trên đá mài và dùng sức mạnh cánh tay vung khí giới đó lên. Vì vậy, trước khi trình bày 2 phận sự đó để ví dụ, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: "Dùng tay tức tuệ ứng dụng trong mọi phận sự (pārihārikapaññā)... được mài bén trên đá tức định".

Trí tuệ có sự nhạy bén bởi nương ân đức định, cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết (trong Tăng Chi Kinh, pháp 10 chi. 24/13) rằng: "Người có tâm định tỉnh thì biết rõ sự thật".

Còn tinh cần gọi là pháp ủng hộ cho trí tuệ bằng cách duy trì.

Từ **khai phá** tức có thể sẽ khai phá bằng Xuất Hành Minh Quán (vuṭṭhānagaminīvipassanā) diễn tiến nơi hành giả gọi là người có thể khai phá rừng rậm ái dục được. Nhưng do việc khai phá trong nơi đây là đoạn trừ bằng cách sát tuyệt (samucchedapahāna) cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "**Chặt đốn tức phá hủy**".

Người được gọi là **đáng cúng dường (dakkhiṇeyya)** do ý nghĩa xứng đáng được cúng dường (dakkhiṇā = vật dụng mà người dâng cúng do tin rằng có đời vị lai), người nào là bậc tối thượng đáng cúng dường, người đó gọi là **bậc tối thượng xứng đáng cúng dường (aggadakkhiṇeyyapuggala)...**

Thanh Tịnh Đạo

Trong kệ ngôn này, Đức Thế Tôn gọi tỳ-kheo là bậc có tuệ (sappañño) bằng tuệ nào, tỳ-kheo không có phận sự phải làm với tuệ đó, bởi vì tuệ đó đã thành tựu với họ do mãnh lực của nghiệp cũ, tuy nhiên tỳ-kheo phải là người có thói quen huân tập do mãnh lực của sự tinh cần được thuyết thông qua từ "**nhiệt tâm**" **(ātāpī)**. Và là người có

thói quen tỉnh giác do mãnh lực của tuệ được thuyết thông qua từ "**thông thạo**" **(nipako)**, an trú trong giới rồi tu tiến thiền chỉ và thiền quán được thuyết liên quan đến tâm và tuệ. Kệ ngôn này Đức Thế Tôn thuyết trong Thanh Tịnh Đạo nhắm đến trọng yếu giới, định và tuệ.

Hậu Sớ Giải

Bởi vì tuệ trong tâm tục sinh tam nhân không đạt đến ân đức đặc biệt được nên không có phận sự cần phải làm (trong trí tuệ này), cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bởi vì tuệ đó đã thành tựu với họ do mãnh lực của nghiệp cũ**.

Hành giả gọi là **người có thói quen huân tập** bởi vì sự tinh cần diễn tiến cùng với việc tu tiến.

Cụm từ **do mãnh lực của tuệ** tức do mãnh lực của tuệ thông thạo (nepakka).

Một phận sự nào cần phải làm mà hành giả là người có thói quen thực hành các phận sự đó do mãnh lực tỉnh giác thì hành giả đó gọi là **thực hành tỉnh giác (sampajānakārī)**.

Trong việc làm cho pháp như giới... được chứng đắc bởi vì thực tánh của pháp như giới... các pháp đó có tinh cần là chi phần kết hợp nhưng ngài giáo thọ sư không dựa vào tinh cần mà phân ra theo một cách nữa chỉ đề cập rằng **trọng yếu bằng giới, định và tuệ**.

Thanh Tịnh Đạo

Thuyết chỉ bằng một câu kệ ngôn này xem như Đức Thế Tôn tuyên bố Tam Học, Giáo Pháp có 3 sự toàn hảo, căn duyên về ân đức đặc biệt để trở thành bậc Tam Minh... Việc từ bỏ cả 2 cực đoan và tiến hành theo con đường trung đạo, phương pháp vượt khỏi sanh hữu như khổ cảnh..., đoạn trừ phiền não theo 3 phương diện, pháp đối nghịch với phiền não vi phạm (vītakkamakilesa)..., việc tẩy trừ 3 loại phiền não và nhân trở thành bậc Nhập Lưu...

Hậu Sớ Giải

Từ **điều học (sikkhā)** gọi là điều học do ý nghĩa cần phải học tập. Việc học tập trong nơi đây nên hiểu là tiến hành bởi vì khi người tiến hành các pháp như giới... do năng lực của việc thu thúc... thì có thể nói về họ được rằng "Đang học tập các pháp như giới...".

Từ **Giáo Pháp (sāsanā)** tức thực hành Giáo Pháp.

Gọi là **căn duyên (upanissaya)** tức nhân vững chắc.

Gọi là **từ bỏ** tức không đến gần.

Gọi là **tiến hành** tức tu tiến.

Gọi là **pháp đối nghịch** tức pháp nên đoạn trừ.

Thanh Tịnh Đạo

Vì sao tăng thượng giới học (adhisīlasikkhā) Ngài lại

tuyên bố bằng giới, tăng thượng tâm học (adhicittasikkhā) Ngài lại tuyên bố bằng định, tăng thượng tuệ học (adhipaññāsikkhā) Ngài lại tuyên bố bằng tuệ?

Hậu Sớ Giải

Mặc dù trong kệ ngôn Đức Thế Tôn thuyết thông thường rằng: "Giới" mà không phải là "Tăng thượng giới" đi nữa, nhưng giới đó Ngài muốn nhắm đến giới làm nền tảng cho việc khai phá rừng rậm ái dục *(phải là tăng thượng giới)*. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "**Tăng thượng giới học được Ngài tuyên bố bằng giới**".

Giới là nhân đưa đến sanh hữu (bhavagāmi) được gọi thuần nhất là "giới", giới là nhân không đưa đến sanh hữu (vibhavagāmi) gọi là "tăng thượng giới", trong điều học còn lại cũng có lý giống như vậy.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, sự toàn hảo trong đoạn đầu của Giáo Pháp được Ngài tuyên bố bằng giới bởi vì giới là phần đầu của Giáo Pháp theo lời thuyết giáo rằng: "**Ko cādi kusalānaṃ dhammānaṃ sīlañca suvisuddhaṃ**". "Thế nào là đoạn đầu của tất cả thiện pháp? Tức giới trong sạch thanh tịnh"..., và theo lời thuyết giáo rằng: "**Sabbapāpassa akaraṇaṃ** - không làm các việc ác"..., giới được gọi là toàn hảo bởi vì dẫn đến đức tánh không nóng nảy (avippaṭisāra)... Toàn hảo trong đoạn giữa của Giáo Pháp Ngài tuyên bố bằng

định. Định gọi là toàn hảo đoạn giữa của Giáo Pháp theo lời thuyết giáo rằng: "**Kusalassūpasampadā** - hành việc thiện để chứng đắc"..., định gọi là toàn hảo bởi vì là nhân dẫn đến ân đức đặc biệt như thần thông (iddhividha)... Toàn hảo đoạn cuối của Giáo Pháp Ngài tuyên bố bằng tuệ theo lời thuyết giáo rằng: "**Sacittapariyodapānaṃ etaṃ buddhānasāsanaṃ** - làm cho tâm của mình được trong sạch, đây là lời dạy của Chư Phật" và do Giáo Pháp có tuệ là ân đức cao tột, tuệ đó gọi là toàn hảo vì là nhân dẫn đến trở thành người không giao động trong cảnh tốt và cảnh xấu, thích hợp như lời thuyết giáo rằng:

Selo yathā ekaghano **Vātena na samīrati**

Evaṃ nindāpasaṃsāsu **Na samiñjanti paṇḍitā.**

"Núi đá là khối đá vững chắc thường không lay động bởi gió như thế nào, thì các bậc hiền trí cũng không giao động bởi lời khen chê như thế đó".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **Ngài tuyên bố bằng giới** tức bằng giới thuộc tăng thượng giới học. Giới được tuyên bố toàn hảo trong đoạn đầu của Giáo Pháp bởi vì không phổ biến với tôn giáo khác, không phải chỉ tuyên bố là phận sự nên thực hành thường xuyên, phận sự thỉnh thoảng nên thực hành (giống như trong giáo thuyết bên ngoài). Vì vậy mới có lời thuyết rằng "**Giới trong sạch thanh tịnh**" và "**không làm các việc ác**".

Cụm từ **là đoạn đầu của tất cả thiện pháp** tức thiện của tất cả Đạo hoặc của pháp không có tội lỗi.

Bằng từ "thiện" đó xem như gom vào lấy sự thành tựu của tất cả pháp Thánh Quả.

Cụm từ **không làm các việc ác** nghĩa là không hành động vi phạm đến tất cả nghiệp có tội lỗi. Bằng cụm từ này xem như ngài giáo thọ sư gom vào lại tất cả giới khác biệt nhau qua giới hành trì (carittasīla) và giới ngăn trừ (vārittasīla). Lại nữa, cho dù không tạo nghiệp nên tạo cũng gọi là "nghiệp có tội"...

Giới là đoạn đầu bởi vì tất cả pháp thượng nhân (uttarimanussadhamma) có giới làm gốc...

Giới gọi là **dẫn đến đức tánh không nóng nảy...** bởi vì giới thanh tịnh là nhân làm cho xa lìa sự nóng nảy.

Cụm từ "Bởi vì dẫn đến đức tánh không nóng nảy (avippaṭisāra)..." này nên hiểu rằng không phải ngài giáo thọ sư chỉ thuyết sự toàn hảo của giới mà còn thuyết là đoạn đầu của giới.

Tất cả trạng thái đức tánh của giới có sự không nóng nảy... có trí giải thoát (vimuttiñāṇa) là sau cùng làm duyên nối tiếp nhau cũng được thuyết trong kinh.

Cụm từ xem như Ngài tuyên bố **bằng định** tức tăng thượng tâm học.

Từ kệ ngôn dẫn đến gom lại toàn bộ Giáo Pháp bởi vì

giới cần phải thực hành trong đoạn đầu Ngài dựa vào bằng câu đầu (tức không làm các việc ác), tuệ cần phải thực hành sau cùng Ngài dựa vào bằng câu thứ 3 (làm cho tâm của mình được trong sạch), định cần phải thực hành trong đoạn giữa mới dựa vào bằng câu thứ 2 (làm việc thiện dẫn đến chứng đắc) bởi vì là phần còn lại.

Cụm từ mà ngài giáo thọ sư đề cập rằng "Bởi vì có lời thuyết rằng "làm việc thiện dẫn đến chứng đắc" này nên định mới gọi là có trong đoạn giữa của Giáo Pháp" ngài giáo thọ sư không đề cập từ "thiện" là từ nói đến định.

Đối với việc hành đại nguyện (abhinihāra) phải hội đủ 8 chi phần như là người có tâm vững chắc... gọi là **nhân dẫn đến ân đức đặc biệt như thần thông...** của định.

Người tạo lợi ích nào vượt qua để tác chứng tuệ trong A-La-Hán Đạo, lợi ích đó được gọi là (họ) đã làm đến tận cùng cho nên tuệ mới gọi là sau cùng của Giáo Pháp. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết (trong Tăng Chi Kinh, pháp 4 chi. 21/329) rằng "Này các tỳ-kheo, Ta thực hành phạm hạnh này có Tam Học là quả báo, có đức tin là tăng thượng (trong pāḷi có niệm là tăng thượng), có trí tuệ là tối thượng, có giải thoát là cốt lõi".

Sacittaṃ gọi là tâm của mình, việc tẩy rửa tâm của mình bằng cách đoạn trừ tất cả phiền não theo các trường hợp gọi là **làm cho tâm của mình trong sạch**.

Nên hiểu tánh chất của Giáo Pháp có tuệ là ân đức tối

thượng bởi vì khi phận sự của tuệ đạt đến đỉnh cao thì không có phận sự nào cần phải làm thêm nữa.

Cụm từ **dẫn đến trở thành người không giao động** nghĩa là người nào đối với việc mong muốn vật chất như lợi lộc... mà không có sự thích thú và đối với vật chất không được hài lòng như suy vong lợi lộc... mà không có sự phiền muộn thì người đó gọi là "người không giao động".

Một lý khác nữa, người nào đối với cảnh không đáng hài lòng chưa đến phạm vi của môn và cảnh đã đến phạm vi của môn mà người đó không giao động, trạng thái của người đó gọi là **người không giao động**.

Từ **bởi gió** tức nguyên tố do gió...

Thanh Tịnh Đạo

Điều kiện (upanissaya) để trở thành bậc Tam Minh Ngài tuyên bố bằng giới, bởi vì nương vào giới viên mãn (sīlasampatti) tỳ-kheo mới chứng đắc được Tam Minh, không phải chứng đắc được do nương vào pháp khác ngoài ra giới viên mãn.

Điều kiện để trở thành bậc Lục Thông Ngài tuyên bố bằng định, bởi vì nương vào định viên mãn (samādhisampatti) tỳ-kheo mới tác chứng được Lục Thông, không phải tác chứng được do nương vào pháp khác ngoài ra định viên mãn.

Điều kiện để thông suốt được Vô Ngại Giải (paṭisambhidā) Ngài tuyên bố bằng tuệ, bởi vì nương vào

tuệ viên mãn (paññāsampatti) tỳ-kheo mới đạt được Tứ Vô Ngại Giải, không phải đạt được do nhân khác ngoài ra tuệ viên mãn.

Hậu Sớ Giải

Từ "tathā" tức **như vậy** nghĩa là tất cả pháp như giới... được tuyên bố về các ân đức như tăng thượng giới học (adhisīlasikkhā)... như thế nào, thì tuyên bố về điều kiện để trở thành bậc Tam Minh cũng như vậy. Do đó, từ "tathā" mới có nghĩa là so sánh với nhau bằng trường hợp tuyên bố về ân đức.

Bởi vì giới trước khi trong sạch thì trong sạch khỏi ô nhiễm phiền não, đạt đến viên mãn bằng mãnh lực của niệm, tỉnh giác và bằng mãnh lực của nghiệp sở thuộc (kammasakatāñāṇa) cho nên giới đầy đủ (sīlasampadā) trước khi thành tựu thường làm cho sức mạnh của niệm và tỉnh giác khởi hiện bởi đầy đủ căn duyên (upanissayasampatti). Vì vậy, nên hiểu giới đầy đủ là điều kiện của Tam Minh theo tánh chất nhân (nhân kết hợp tương xứng nhau với niệm và tỉnh giác là quả) làm cho thành tựu.

Giải thích:

Túc mạng minh (pubbenivāsāvijjā) được thành tựu do sự nhạy bén hoàn mỹ của niệm (sati).

Minh thứ 2 (Sanh tử minh _ cutūpapātavijjā) biết được tử và sanh, thành tựu do tích lũy thói quen tạo điều lợi ích để thấy được tất cả phận sự bằng tỉnh giác (sampayaññā).

Thành tựu minh thứ 3 (Lậu tận minh_āsavakkhayavijjā) do sự trong sạch của cơ tánh bằng mãnh lực y duyên (upanissayapaccaya) cho phi luân hồi (vivaṭṭa), bởi vì giới có sự đoạn trừ phiền não mà không vượt khỏi pháp thực tánh.

Thực tánh giới tạo điều kiện cho Lậu tận trí (āsavakkhayañāṇa) bằng cách thành tựu dẫn trước mà loại trừ hoàn toàn định và tuệ, bậc thiện trí nên hiểu bậc Lậu Tận này là bậc lạc quán (sukkhavipassaka).

Ngài giáo thọ sư đề cập rằng **không phải chứng đắc do nương vào pháp khác ngoài ra giới viên mãn**. Được giải thích rằng "Tất cả thần thông và Vô Ngại Giải (paṭisambhidā) chẳng phải có giới là nhân trợ theo thực tánh giống như định và tuệ" (chỉ có giới là nhân trợ cho Tam Minh theo thực tánh). Từ việc thuyết giảng (trong Tăng Chi Kinh. pháp 10 chi. 24/3) rằng "tỳ-kheo có tâm định tỉnh thường biết rõ được sự thật". Do đó, định đầy đủ mới là điều kiện trở thành bậc Lục Thông, các pháp Vô Ngại Giải chẳng phải có định là nhân trợ giống như tuệ, nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **không phải chứng đắc do nương vào pháp khác ngoài ra định viên mãn** (tức định là nhân trợ cho Lục Thông theo thực tánh mà không phải trợ cho Tứ Vô Ngại Giải).

Từ việc thuyết giảng (trong Tiểu Bộ Kinh. Pháp Cú 25/52) rằng "Tuệ khởi hiện đối với việc thực hành" bởi vì tuệ viên mãn được trau dồi chín chắn trong tiền kiếp (tu tiến thiền quán trong giáo pháp của Đức Phật trong thời

quá khứ) và sống nương vào vị thầy, là người thông thạo trong ngôn ngữ tùy theo quốc gia (tổng cộng 101 ngôn ngữ nhưng đặc biệt là ngôn ngữ Magadha), việc học hỏi... mới gọi là điều kiện cho sự thông suốt về Vô Ngại Giải, cho dù sự giác ngộ của Đức Phật Độc Giác và của Bậc Chánh Đẳng Giác cũng vẫn có tuệ viên mãn là nơi dựa vào, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "Chẳng phải nương vào pháp nào khác mà hơn tuệ đó", giống như theo cách thức trước đề cập trở lại rằng: **"Không phải chứng đắc do nương vào nhân khác ngoài ra tuệ viên mãn"** bởi vì ân đức đặc biệt của tuệ mà không chứng đắc được bằng tuệ thì không có, và do tuệ là nhân nhất định cho sự thông suốt Vô Ngại Giải (paṭisambhidā).

Trong vấn đề này, ngài giáo thọ sư đề cập rằng **do nương vào giới viên mãn**, nghĩa là bậc Thánh nào thành tựu Lục Thông mà còn vượt quá sự năng động của định thì bậc Thánh đó gọi là định không đầy đủ (samādhisampadā) bởi mãnh lực của việc xác định bậc cao.

Mặc dù tất cả Minh có một phần của Thần Thông đi nữa, ngài giáo thọ sư cũng lấy chỉ riêng biệt Tam Minh nương vào giới viên mãn mà diễn tiến.

Cũng như Tứ Vô Ngại Giải nương vào tuệ viên mãn mà diễn tiến thành tựu với vị chứng đắc theo căn duyên (upanissaya) bằng Đạo Tứ Vô Ngại Giải thì sẽ chứng đắc ngay sát na của Đạo như thế nào, Tam Minh nương vào giới viên mãn mà diễn tiến thành tựu với vị chứng đắc theo

căn duyên bằng Đạo giống như vậy. Do đó, nên hiểu rằng việc chứng đắc trở thành bậc Tam Minh... cũng bằng việc chứng đắc chính Đạo đó.

Lại nữa, việc chứng đắc các ân đức đặc biệt này của các bậc Thánh cũng giống như việc giác ngộ Độc Giác của Đức Phật Độc Giác, giác ngộ Toàn Giác của Chư Phật Chánh Đẳng Giác. Do đó, ngay cả căn duyên trở thành bậc Tam Minh... (do giới...) bởi do việc thực hành chơn chánh, nên hiểu theo cách thức thuyết theo trong Luật, Kinh và Thắng Pháp.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, việc đoạn trừ cực đoan gọi là lợi dưỡng (kamasukkhallikānuyoga) được Ngài tuyên bố bằng giới, việc đoạn trừ cực đoan gọi là khổ hạnh (attakilamathānuyoga) được Ngài tuyên bố bằng định, tiến hành theo trung đạo được Ngài tuyên bố bằng tuệ.

Hậu Sớ Giải

Bởi vì người có giới viên mãn thì không thọ hưởng dục lạc, việc tránh xa cực đoan lợi dưỡng đầu tiên mới được thuyết bằng giới.

Tất cả chúng sanh phần nhiều do dục (kāma) là nhân nên trở thành người không thanh tịnh liên quan đến nghiệp bất thiện như sát sanh...

Người được an lạc trong thiền thì khổ thân không khởi hiện bởi thân được sắc tế do thiền làm sở sanh hiện khởi. Do đó, việc tránh xa điều cực đoan khổ hạnh thứ hai mới được thuyết bằng định.

Từ **bằng tuệ** tức bằng Đạo Tuệ (maggapaññā). Thật vậy, bằng việc trình bày giải thích đặc biệt về Thánh Đạo gọi là trung đạo (majjhimāpaṭipatti), dù là như vậy bậc thiện trí nên trình bày việc tránh xa hai cực đoan liên quan đến tuệ hiệp thế.

Thanh Tịnh Đạo

Phương pháp vượt khỏi khổ cảnh Ngài tuyên bố bằng giới, phương pháp vượt khỏi dục giới Ngài tuyên bố bằng định, phương pháp vượt khỏi tất cả sanh hữu Ngài tuyên bố bằng tuệ.

Hậu Sớ Giải

Giới là nguyên nhân thoát khỏi 4 khổ cảnh bởi vì người thực hành giới đầy đủ sẽ dẫn đến sanh vào cõi vui, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **phương pháp vượt khỏi khổ cảnh Ngài tuyên bố bằng Giới**.

Giải thích:

Việc tránh xa khỏi bất thiện nghiệp như sát sanh... thì không dẫn đến nhiệt não trong cõi khổ.

Định là nguyên nhân thoát khỏi cõi dục giới bởi vì

người thực hành làm cho định được đầy đủ sẽ dẫn đến sanh vào cõi đáo đại, vì vậy ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **phương pháp thoát khỏi dục giới Ngài tuyên bố bằng Định**.

Giải thích:

Thiền sanh khởi áp chế tất cả triền cái như dục dục cái (kāmachandanivaraṇa)... là pháp chực chờ theo sau để làm cho nghiệp dục giới có sức mạnh, định không là pháp dẫn đến nhiệt não trong dục giới. Trong điều này đáng lẽ ra trình bày đến cận định (upacarajhāna) nhưng Ngài không thuyết bởi vì muốn nhắm đến kiên cố định (appanāsamādhi).

Mặc dù trong lúc đề cập rằng cõi khổ phải vượt khỏi bằng giới, cũng phải dùng định để vượt khỏi là không có. Khi người vượt khỏi cõi vui dục giới thì việc vượt khỏi cõi khổ sẽ nói với nhau như thế nào?

Cụm từ **phương pháp vượt khỏi tất cả sanh hữu** tức phương pháp vượt khỏi cả 9 sanh hữu như dục hữu..., cho dù người thực hành giới và định để vượt khỏi nhưng cũng gọi là vẫn không vượt qua được bởi vì nhân chưa bị đoạn trừ, chỉ khi nhân bị đoạn trừ hoàn toàn bởi tuệ thì nhóm hữu đó mới gọi là vượt qua khỏi hoàn toàn.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, việc đoạn trừ phiền não bằng năng lực đoạn trừ tạm thời (tadaṇgapahāna) Ngài tuyên bố bằng giới,

việc đoạn trừ phiền não bằng năng lực đoạn trừ áp chế (vikkhambhanapahāna) Ngài tuyên bố bằng định, việc đoạn trừ phiền não bằng năng lực đoạn trừ sát tuyệt (samucchedapahāna) Ngài tuyên bố bằng tuệ.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bằng năng lực đoạn trừ tạm thời** nghĩa là bằng năng lực đoạn trừ chi phần bất thiện bằng chi phần thiện, thông qua các việc phước nghiệp sự (puññakiriyavatthu) ví như thoát khỏi bóng đêm bằng ánh đèn.

Cụm từ **bằng năng lực đoạn trừ áp chế Ngài tuyên bố bằng định** tức bằng năng lực đoạn trừ tất cả pháp như triền cái... nhờ vào các loại định khác nhau như cận định (upacāra) và kiên cố định (appanā) để ngăn chặn sự diễn tiến của chúng, giống như làm cho đám bèo trên mặt nước dạt qua bằng cây vợt.

Cụm từ **bằng năng lực đoạn trừ sát tuyệt** tức bằng năng lực đoạn trừ cắt đứt làm cho nhóm phiền não là bè phái của tập đế chắc chắn không diễn tiến được nữa, ngài giáo thọ sư đề cập bằng cụm từ "Bằng sự đoạn trừ tà kiến diễn tiến trong cơ tánh của mình là vị có Đạo do đã tu tiến 4 Thánh Đạo".

Từ **bằng tuệ** tức bằng tuệ trong Thánh Đạo.

Thanh Tịnh Đạo

Đối với tất cả phiền não thì pháp đối nghịch với phiền não vi phạm (vitikkamakilesa _ phiền não là nhân làm cho vi phạm theo đường thân và ngữ) Ngài tuyên bố bằng giới, pháp đối nghịch với phiền não trung bình (pariyuṭṭhānakilesa _ phiền não bộc phát trong tâm) Ngài tuyên bố bằng định, pháp đối nghịch với phiền não vi tế (anusayakilesa _ phiền não ngũ ngầm trong cơ tánh) Ngài tuyên bố bằng tuệ.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **pháp đối nghịch với phiền não vi phạm**.

Giải thích:

Người vi phạm theo đường thân môn và ngữ môn do phiền não hoặc do nghiệp và các phiền não vi phạm đó có pháp đối nghịch Ngài tuyên bố bằng giới, bởi vì giới có thực tánh không vi phạm.

Việc khởi hiện sự áp chế của thiện diễn tiến trong tâm bằng mãnh lực không để cơ hội cho các **phiền não bộc phát (pariyuṭṭhāṇa)**, định áp chế sự bộc phát đó được. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **pháp đối nghịch với phiền não trung bình Ngài tuyên bố bằng định**, bởi vì định đoạn trừ được sự bộc phát.

Tất cả phiền não ngũ ngầm trong cơ tánh do thực tánh chưa đoạn trừ nên sẽ khởi hiện lên, được gọi là **tiềm miên**

(anusaya). Nên hiểu gọi là phiền não tiềm miên gồm 7 loại như dục ái (kāmarāga)... khi có sức mạnh và được nhân thích hợp thì sẽ khởi hiện. Nhóm phiền não tiềm miên bị đoạn trừ theo các trường hợp bằng Thánh Đạo Tuệ (ariyamaggapaññā). Vì vậy, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **pháp đối nghịch với phiền não tiềm miên Ngài tuyên bố bằng tuệ**.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, việc tẩy rửa phiền não ác hạnh Ngài tuyên bố bằng giới, việc tẩy rửa phiền não ái dục (taṇhā) Ngài tuyên bố bằng định, việc tẩy rửa phiền não tà kiến Ngài tuyên bố bằng tuệ.

Hậu Sớ Giải

Việc hành động không tốt như hành động không tốt bằng thân... hoặc hành động do tất cả phiền não gây tổn hại gọi là **ác hạnh (ducarita)**, ác hạnh khởi hiện nơi cơ tánh nào thì làm cho cơ tánh đó khổ sở tức nhiễu hại và làm cho nóng nảy, cho nên ác hạnh đó mới gọi là phiền não. Việc tẩy rửa phiền não ác hạnh đó là đoạn trừ bằng năng lực đoạn trừ tạm thời có được do giới bởi vì giới đối nghịch với việc vi phạm.

Việc tẩy rửa phiền não ái dục là đoạn trừ bằng năng lực đoạn trừ áp chế có được do định, bởi vì định đối nghịch với (phiền não) bộc phát, và do định đối nghịch trực tiếp với ái dục.

Việc tẩy rửa phiền não tà kiến là đoạn trừ bằng năng lực đoạn trừ sát tuyệt có được bằng tuệ, bởi vì tuệ đối nghịch với (phiền não) tiềm miên, và do tuệ có sự nắm giữ sự thật, đối nghịch trực tiếp với tà kiến là pháp có sự bám giữ theo điều không thật.

Thanh Tịnh Đạo

Nhân trở thành bậc Nhập Lưu và bậc Nhất Lai Ngài tuyên bố bằng giới, nhân trở thành bậc Bất Lai Ngài tuyên bố bằng định, nhân trở thành bậc A-La-Hán Ngài tuyên bố bằng tuệ. Thật vậy, Ngài nói đến bậc Nhập Lưu rằng: "Sīlesu paripūrīkārī _ là bậc làm cho giới được đầy đủ", bậc Nhất Lai cũng giống như vậy. Còn bậc Bất Lai Ngài nói rằng "Samadhismiṃ paripūrīkārī _ là bậc làm cho định được viên mãn", còn bậc A-La-Hán Ngài nói rằng "Paññāya paripūrīkārī _ là bậc làm cho tuệ được trọn đầy".

Hậu Sớ Giải

Từ **nhân** tức cận y duyên (upanissayapaccaya).

Cụm từ **là bậc làm cho giới được đầy đủ** nghĩa là bậc Nhập Lưu gọi là bậc làm cho giới được đầy đủ bởi vì phận sự cần phải làm trong tất cả giới nào thì đã làm đầy đủ phận sự đó bởi không phạm vào điều học thuộc đại giới như Bất cộng trụ (pārājika) và Tăng tàn (saṇghadisesa) là phần đầu của phạm hạnh bởi vì là phần đầu của con đường phạm hạnh (maggabrahmacariya) nên nhanh chóng sám hối các tội đó liền tức thì trong khi phạm phải các tội nhỏ nhặt.

Cụm từ **nói rằng bậc Nhất Lai cũng giống như vậy**, nghĩa là Ngài dùng từ "giống như vậy" thay thế cho cụm từ "là bậc làm cho giới được đầy đủ".

Hai bậc Thánh này dù rằng đang tu tiến định và tuệ nhưng vẫn chưa nhổ tận gốc được dục ái và sân hận là kẻ thù trực tiếp của định và chưa nhổ tận gốc được si mê che đậy Tứ Đế là kẻ thù trực tiếp của tuệ, phận sự cần phải làm đối với định và tuệ nào thì ngài làm phận sự đó vừa chừng chỉ một phần nào. Do đó, mới nói đến các ngài đó rằng "Bậc làm vừa chừng đối với định và tuệ và là bậc làm cho giới được đầy đủ".

Còn bậc Bất Lai do đoạn trừ tất cả dục ái (kāmarāga) và sân hận (byāpāda) nên được gọi là **bậc làm cho định được viên mãn**.

Bậc A-La-Hán gọi là bậc làm cho tuệ được trọn vẹn bởi vì ngài nhổ tận gốc rễ si mê hôn ám hoàn toàn bằng tất cả trường hợp, tương ứng theo lời thuyết giảng (trong Tăng Chi Kinh. Pháp 3 chi. 20/297-299) rằng:

"Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo trong giáo pháp này là vị làm cho giới được đầy đủ, là vị làm cho định được vừa chừng, là vị làm cho tuệ được vừa chừng, các điều học nhỏ nhặt nào vị ấy phạm phải thì sám hối vì sao? Này các tỳ-kheo, trong các điều học này Ta chẳng phải nói rằng là điều học không nên phạm (ābhaba), nhưng điều học (sikkhāpada) là phần đầu của phạm hạnh, nên đối với điều học nào vị

ấy luôn là người thường xuyên gìn giữ chặt chẽ, thường xuyên suy nghĩ về các điều học đó, thọ trì học tập về các điều học đó, bởi vì vị ấy đoạn tận 3 kiết sử trở thành bậc Nhập Lưu, không còn thối hóa theo thường tình, chắc chắn giác ngộ tiếp theo trong tương lai".

Lại nữa, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo trong giáo pháp này là vị làm cho giới được đầy đủ... vị ấy tận diệt 3 kiết sử làm cho tham, sân, si giảm nhẹ trở thành bậc Nhất Lai sanh lại thế gian này một lần nữa rồi làm cho khổ được chấm dứt.

Lại nữa, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo trong giáo pháp này là vị làm cho giới được đầy đủ, làm cho định được viên mãn, làm cho tuệ được vừa chừng, các điều học nhỏ nhặt nào... vị ấy thọ trì học tập các điều học đó, vị ấy do đoạn tận 5 hạ phần kiết sử trở thành bậc Bất Lai không trở lại thế gian (nhân loại này) nữa theo thường nhiên.

Lại nữa, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo trong giáo pháp này là vị làm cho giới được đầy đủ, làm cho định được viên mãn, làm cho tuệ được tròn vẹn, các điều học nhỏ nhặt nào... vị ấy thọ trì học tập về các điều học đó, vị ấy do chấm dứt tất cả lậu hoặc.

Thanh Tịnh Đạo

Chỉ thuyết bấy nhiêu đây xem như Đức Thế Tôn tuyên bố 9 ân đức Tam Học, 3 sự toàn hảo của giáo pháp, điều kiện của ân đức đặc biệt trở thành bậc Tam Minh..., việc

từ bỏ 2 cực đoan và tiến hành theo con đường trung đạo, phương pháp vượt khỏi sanh hữu như khổ cảnh... và đoạn trừ phiền não theo 3 phương diện, pháp đối nghịch với phiền não vi phạm... việc tẩy rửa 3 loại phiền não, nhân trở thành bậc Thánh như Nhập Lưu... và 3 nhóm của ân đức khác nữa.

Hậu Sớ Giải

Trong tất cả từ đó thì cụm từ **và 3 nhóm ân đức khác nữa** tức 3 ân đức khác từ nhóm Tam Học là viễn ly (viveka), 3 căn thiện (kusalamūla), 3 giải thoát môn (vimokkhamukha), 3 quyền (indrīya)...

*

Kết Thúc Diễn Giảng Về Phần Vấn Đáp

1 - GIỚI XIỂN MINH

(sīlaniddesa)

Kệ Ngôn Nói Về Thực Tánh Đang Có... Của GIới

Thanh Tịnh Đạo

Bộ Thanh Tịnh Đạo mặc dù ngài trình bày trọng yếu bằng giới, định và tuệ gom lại lấy ân đức trọng yếu nhưng vẫn còn trình bày tóm tắt nên chưa được đầy đủ hỗ trợ cho tất cả mọi người. Do đó, để trình bày chi tiết về Thanh Tịnh Đạo, tiếp theo sẽ đặt câu hỏi (pañhākamma) nói về giới trước.

Thế nào là giới? Gọi là giới do ý nghĩa gì? Thế nào là trạng thái, phận sự, thành tựu và nhân cận của giới; giới có quả báo như thế nào? Giới có bao nhiêu loại? Sự vẩn đục của giới là gì? Sự trong sạch của giới là gì?

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **mặc dù ngài trình bày trọng yếu bằng giới, định và tuệ** nghĩa là không được ngài trình bày trọng yếu

tóm tắt bằng ân đức thiền quán... giống như trong các cụm từ rằng "Tất cả hành là vô thường"... chỉ được ngài trình bày trọng yếu bằng giới, định và tuệ...

Cụm từ **gom lại lấy ân đức trọng yếu** tức gom lại lấy tất cả ân đức như tăng thượng giới học (adhisīlasikkhā)... và ân đức trọng yếu khác nữa.

Cụm từ **chưa được đầy đủ** tức chưa đủ rõ ràng, chưa đủ sáng tỏ.

Cụm từ **tất cả mọi người** tức đối với tất cả mọi người cho dù ưa thích pháp thuyết không tóm tắt và ưa thích pháp thuyết chi tiết là thuộc về người quảng diễn tri (vipaccitañ**ñ**ūpuggala) và người ứng dẫn (ñeyyapuggala), pháp thuyết tóm tắt có được để giúp cho người ưa thích về pháp thuyết tóm tắt thuộc người khai thị tri (ugghaṭitañ**ñ**ūpuggala) mà chẳng phải để hỗ trợ cho tất cả mọi người ngoài ra.

Gọi là **vấn (pañhā)** do ý nghĩa "hỏi" cử chỉ hỏi gọi là **đặt câu hỏi**, gọi là **đặt câu hỏi (pañhākamma)** tức tạo ra câu hỏi.

Cụm từ **thế nào là giới?** Là câu hỏi xác định.

Cụm từ **gọi là giới do ý nghĩa gì ?** tức ý nghĩa như thế nào gọi là "giới", từ "giới" diễn tiến do ý nghĩa như thế nào?

Để cho hiểu giới thì nên hiểu theo trạng thái, phận sự, thành tựu và nhân cận như thế nào? Vì vậy ngài giáo thọ

sư mới đề cập rằng **thế nào là trạng thái, phận sự, thành tựu và nhân cận của giới**.

Gọi là việc thực hành có quả báo thấy được chắc chắn cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **giới có quả báo như thế nào?**

Cụm từ **có bao nhiêu loại** là câu hỏi đến phân loại của giới.

Gọi là **sự trong sạch** tức thanh tịnh, sự thanh tịnh thoát khỏi ô uế vẩn đục.

Bởi vì người muốn được thanh tịnh thì cần phải biết đến sự vẩn đục, giống như người muốn trở thành người thông thạo trong mọi phương cách thì nên biết đến việc khôn khéo trong điều nguy hại. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **sự vẩn đục của giới là gì?**

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo là câu trả lời của câu hỏi. Cụm từ **thế nào là giới?** Đáp: Tất cả pháp có chủ tâm (cetanā)... của người tránh xa khỏi ác hạnh (ducarita) như sát sanh... hoặc của người làm cho đầy đủ phận sự thực hành. Điều này tương ứng với lời của ngài trưởng lão Sārīputta đề cập trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) rằng **"Kiṃ sīlanti cetanā sīlaṃ, cetasikaṃ sīlaṃ, saṃvaro sīlaṃ, avītikkamo sīlaṃ"**.

Thế nào là giới?

Đáp: Chủ tâm (cetanā) là giới, tâm sở (cetasika) là giới, thu thúc là giới, không vi phạm cũng là giới.

Hậu Sớ Giải

Từ **trả lời (visajjanā)** tức phơi bày ý nghĩa bị hỏi bởi vì chưa được phơi bày còn tìm ẩn sâu kín, giống như bị nắm trong tay, cho nên để phơi bày ý nghĩa này mới gọi là trả lời bởi vì làm cho sáng tỏ.

Trong cụm từ **khỏi ác hạnh như sát sanh...** Từ "sát sanh" (pāṇātipāta) được phân tích ý nghĩa như "pāṇa" nói theo chế định tức chúng sanh, nói theo chơn đế tức mạng quyền (jīvitindrīya). Làm cho chúng sanh phải ngã xuống theo trường hợp thông thường, làm cho ngã xuống từ từ ngay tức thì, gọi là "atipāta" nghĩa là làm cho ngã xuống nhanh chóng không cho ngã xuống từ từ.

Một lý khác nữa, dùng dụng cụ để giết như vũ khí... xâm phạm gây thương vong làm cho ngã xuống, gọi là "atipāta" tức sát sanh, từ "ādi" tức v.v... ngài giáo thọ sư gom chung vào với ác hạnh như trộm cắp... tức từ hành động trở thành người ác giới như sát sanh...

Cụm từ **của người tránh xa** tức của người tránh xa theo lãnh vực giới nguyện (samādānavirati) và theo lãnh vực giới ngăn ngừa (sampattavirati).

Cụm từ **thực hành phận sự** tức thực hành phận sự như phận sự thầy tế độ...

Ngài giáo thọ sư muốn phân tích ý nghĩa đề cập theo tóm tắt rằng "Tất cả pháp như Tư (cetanā)..." theo lãnh vực bộ Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) mới đề cập rằng **thích hợp như lời ngài trưởng lão Sārīputta đề cập...**

Trong tất cả pháp thuộc nhóm giới đó thì pháp gọi là **Tư (cetanā)** do ý nghĩa chủ tâm, tức sắp xếp pháp tương ưng với mình cùng đến cảnh.

Tất cả pháp tương ưng với Tư diễn tiến trong cảnh bởi do mãnh lực trợ giúp từ Tư.

Tư gọi là (tâm sở) biến hành trong 3 nhóm pháp như thiện, bất thiện và vô ký. Nhưng thật ra do giải thích trong nơi đây muốn lấy tư thuộc giới nên hiểu rằng là tư thiện.

Pháp đồng sanh với tâm gọi là tâm sở, tức tương ưng với tâm.

Mặc dù tư là tâm sở nhưng bởi vì tư ngài giáo thọ sư phân ra theo một lý khác nữa "tư cũng là giới". Do đó, nên hiểu rằng tâm sở khác trừ tư có sự ngăn ngừa (virati) là ly tham ác (anabhijjhā)... cũng là tâm sở giới (cetasikasīla) bằng cách so sánh với câu chuyện người chăn súc vật (gobalibaddha) cũng đủ hiểu được (người chăn súc vật cho dù là bò, nhưng nói phân tách ra cũng giống như một loại súc vật khác nữa như con bò).

Sự thu thúc gọi là **phòng hộ (saṃvara)** tức sự ngăn chặn bởi trường hợp các bất thiện pháp xâm nhập vào tâm.

Tất cả tâm và tâm sở tiến hành liên quan đến việc không vi phạm, đối nghịch lại với việc vi phạm nên gọi là không vi phạm (avītikkama).

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả nhóm giới đó, tư (cetanā) của người tránh xa khỏi các ác hạnh như sát sanh..., của người thực hành đầy đủ phận sự gọi là **tư giới (cetanāsīla)**, sự tránh xa của người tránh xa khỏi các ác hạnh như sát sanh... gọi là **tâm sở giới (cetasikasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Trong tất cả pháp thuộc nhóm giới đó, cụm từ **gọi là tư giới...** là sự phơi bày của bài kinh đang có.

Ngài giáo thọ sư đề cập tư là chánh yếu tương ưng với việc ngăn ngừa (virati) rằng **tư của người tránh xa**.

Đề cập đến tư có sự nỗ lực trong việc thực hành phận sự rằng **tư của người thực hành phận sự đầy đủ**.

Cụm từ **sự tránh xa của người đang tránh xa** ngài giáo thọ sư đề cập ám chỉ lấy sự chánh yếu của việc ngăn ngừa.

Trong vấn đề này, ngài giáo thọ sư đề cập đến tư giới ám chỉ lấy ý nghĩa rằng trong lúc nào tư đặc biệt hơn việc ngăn ngừa (virati), đối nghịch lại ác hạnh như sát sanh... theo lời thuyết giáo rằng: "Này các tỳ-kheo, có 3 loại thân tư (kāyasaññācetanā) là thân nghiệp thiện... chánh yếu theo

thực tánh pháp làm cho thành tựu", trong lúc sự ngăn ngừa tương ưng với tư có pháp ly tham ác... gọi là bè phái của tư cũng được hay không cần nói đến (abbohārika) cũng được.

Ngài giáo thọ sư đề cập đến tâm sở giới ám chỉ lấy ý nghĩa này: Trong lúc nào khi người đang ghê tởm, kinh sợ ác hạnh như sát sanh..., sự ngăn ngừa và các pháp như ly tham ác... đang diễn tiến đặc biệt hơn tư theo trường hợp tránh xa khỏi ác hạnh như sát sanh... là pháp làm phận sự tránh xa được thành tựu bằng cách dẫn đầu, trong lúc ấy tư tương ưng với sự ngăn ngừa... gọi là bè phái của sự ngăn ngừa... cũng được hay không cần nói đến cũng được.

Thanh Tịnh Đạo

Một lý khác nữa, tư trong 7 nghiệp đạo (kammapatha) của người từ bỏ 7 loại ác hạnh như sát sanh... gọi là **tư giới**. Tất cả pháp như ly tham ác, ly sân ác và chánh kiến được thuyết theo cách thức như: "**Abbhijhaṃ pahāya vigatābhijjhena cetasā viharati** _ tỳ-kheo từ bỏ tham ác có tâm không tham ác"... gọi là **tâm sở giới (cetasikasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Bấy giờ ngài giáo thọ sư muốn phân tích trình bày tư giới và tâm sở giới liên quan đến thập thiện nghiệp đạo (kusalakammapatha) theo lý có trong kinh mới đề cập rằng **một lý khác nữa...**

Cụm từ **tư trong 7 nghiệp đạo** tức tư trong 7 thiện

nghiệp đạo làm thành tựu việc từ bỏ 7 bất thiện nghiệp đạo như sát sanh... theo tuần tự.

Cụm từ **của người từ bỏ** tức của người từ bỏ 7 bất thiện nghiệp đạo cho dù có đối tượng hài lòng hay không hài lòng đến hiện bày cũng không hành động xâm phạm bởi năng lực của việc thọ trì rằng "Kể từ nay trở đi ta sẽ không tạo (7 bất thiện nghiệp đạo)...".

Bất thiện nghiệp đạo nào như đi đến gian dâm vợ của người khác... người làm do mãnh lực của pháp như tham ác... Bất thiện nghiệp đạo như tham ác... mà người từ bỏ các pháp đó thì gọi là "giới". Vì vậy, ngài giáo thọ sư đề cập rằng "Tất cả pháp như ly tham ác (anabhijjhā)... tâm sở giới".

Thanh Tịnh Đạo

Trong cụm từ **thu thúc gọi là giới** này nên hiểu rằng thu thúc bằng 5 trường hợp tức giới bổn thu thúc (pātimokkhasaṃvara), niệm thu thúc, trí thu thúc, nhẫn thu thúc, tinh cần thu thúc.

Trong 5 trường hợp thu thúc được thuyết rằng: "**Iminā pātimokkhasaṃvarena upeto hoti samupeto** _ tỳ-kheo là vị nắm giữ bằng giới bổn thu thúc này"... Đây gọi là **giới bổn thu thúc (pātimokkhasaṃvara)**.

Thu thúc được thuyết rằng: "**Rakkhati cakkhundriyaṃ cakkhundriye saṃvaraṃ āpajjati** _ gìn giữ nhãn quyền

đạt đến sự thu thúc nhãn quyền"... gọi là **niệm thu thúc (satisaṃvara)**.

Thu thúc được thuyết rằng: "**Yāni sotāni lokasmiṃ... paññāyete pithiyyare** _ Tất cả dòng nước nào trên thế gian, niệm là pháp ngăn chặn các dòng nước đó, Ta nói đến pháp thu thúc (vật cắt đứt) tất cả dòng nước, các dòng nước này mà người cắt đứt được chỉ bằng tuệ"... Đây gọi là **trí thu thúc (ñāṇasaṃvara)**, ngay cả việc quán xét dựa vào duyên cũng gom vào trong trí thu thúc.

Thu thúc theo cách thức: "**Khamo hoti sītassa uṇhassa** _ là người nhẫn nại đối với sự lạnh, sự nóng"... Đây gọi là **nhẫn thu thúc (khantisaṃvara)**.

Lại nữa, thu thúc theo cách thức: "**Uppannaṃ kāmavitakkaṃ nādhivāseti** _ Không chấp nhận dục tầm sanh lên"... Đây gọi là **tinh cần thu thúc (viriyasaṃvara)**, ngay cả sự thanh tịnh của việc mưu sinh cũng gom vào trong tinh cần thu thúc.

Năm loại thu thúc theo trường hợp đã đề cập trên, việc tránh xa đối tượng hài lòng hay không hài lòng của thiện nam tử sợ hãi các tội lỗi thì các pháp này nên hiểu là **giới thu thúc (saṃvarasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **giới bổn thu thúc** tức điều học giới liên quan trong luật phân ra thành tác hành giới (carittasīla) và ngăn trừ giới (vārittasīla).

Gọi là **niệm thu thúc** tức gìn giữ tất cả quyền, có tâm là thứ 6, tức niệm diễn tiến theo trạng thái đó.

Gọi là **trí thu thúc** tức trí tuệ.

Gọi là **nhẫn thu thúc** tức sự chịu đựng bao gồm tất cả danh uẩn như vô sân (pháp đối nghịch lại sân) chủ yếu diễn tiến theo trạng thái chịu đựng hoặc chính là hiện thân của vô sân.

Gọi là **tinh cần thu thúc** tức sự cố gắng tiến hành liên quan đến việc loại trừ tất cả tầm như dục tầm...

Từ nào mà tôi vừa đề cập trong tất cả thu thúc như giới bổn thu thúc..., từ đó sẽ được sáng tỏ tiếp theo về sau.

Từ **dòng nước** tức các dòng nước như ái dục, tà kiến, vô minh, ác hạnh và phiền não còn lại.

Với lời thuyết rằng: "Ta nói đến pháp thu thúc (vật cắt đứt) các dòng nước" rồi cũng còn thuyết tiếp tục rằng: "Các dòng nước này mà người cắt đứt được chỉ bằng tuệ". Nên hiểu rằng pháp thu thúc đó cũng là vật ngăn chặn, cắt đứt dòng nước tức trí tuệ.

Tỳ-kheo dùng trí tuệ quán xét theo đúng phương pháp dựa vào các duyên, bằng cách thông qua thực tánh của duyên như (để duy tồn được thân này...) là lợi ích cho tâm, cho dù việc dựa vào duyên đó cũng được gom vào trong điều thu thúc tức trí thu thúc bởi vì có thực tánh trí.

Tỳ-kheo gọi là **người chịu đựng** do ý nghĩa bền bỉ tức nhẫn nại.

Cụm từ **đã sanh** tức đã khởi hiện, đã xuất hiện trong cảnh đó.

Cụm từ **dục tầm** tức tầm kết hợp với dục.

Cụm từ **không chấp nhận** tức không ưng thuận cho vào tâm để nương trú bên trong tâm.

Cụm từ **ngay cả sự thanh tịnh của việc mưu sinh** tức ngay cả việc nuôi mạng được thành tựu do giới thanh tịnh (parisuddhisīla) bằng cách tìm kiếm tứ vật dụng không có tội, bởi vì từ bỏ việc mưu sinh mà Đức Phật chê trách cũng được gom vào trong điều tinh cần thu thúc bởi vì có tinh cần là nhân cho thành tựu.

Lại nữa, trong 5 loại thu thúc nên hiểu rằng gọi là trí thu thúc do ý nghĩa ngăn chặn vì là nhân ngăn không cho các dòng nước như ái dục... diễn tiến, xuôi chảy, gọi là "giới" do ý nghĩa "thu thúc" (sīlana) bởi thực tánh nâng đỡ... tất cả ân đức sẽ sanh khởi tiếp tục trong tương lai. Nhẫn nại cũng gọi là thu thúc bởi vì ngăn chặn các phiền não khởi hiện, do không nhẫn nại thì mất đi sự kiên trì, gọi là "giới" do ý nghĩa "thu thúc" bởi trạng thái nâng đỡ... tất cả ân đức khởi hiện do nhẫn nại là nhân. Tinh cần gọi là thu thúc do ngăn chặn bằng cách loại trừ các ác pháp cần phải loại trừ, gọi là "giới" do ý nghĩa "thu thúc" bởi trạng thái nâng đỡ... tất cả ân đức khởi hiện do việc loại trừ là nhân.

Lại nữa, giới có giới bổn (pātimokkha)... ngăn ngừa tức chặn lại bằng mãnh lực không chấp thuận cho ác pháp diễn

tiến bởi vì chỉ lấy ý nghĩa nên gọi là "thu thúc" như thế nào thì cho dù việc tránh xa đối tượng hài lòng hay không hài lòng của người không thọ trì giới cũng gọi là "thu thúc" (saṃvara) giống như vậy (bởi vì ngăn chặn không cho ác pháp diễn tiến như nhau). Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: "Việc tránh xa đối tượng hài lòng hay không hài lòng của các thiện gia nam tử sợ hãi tội lỗi thì tất cả pháp đó nên hiểu là **giới thu thúc**".

Thanh Tịnh Đạo

Cụm từ **không vi phạm cũng là giới** tức không vi phạm bằng thân và bằng ngữ của người thọ trì giới. Đây là trả lời về câu hỏi thế nào là giới?

Hậu Sớ Giải

Gọi là **avītikkama** tức không vi phạm do ý nghĩa là nhân không cho vi phạm, ám chỉ đến tâm thiện diễn tiến theo tánh chất như vậy.

Thanh Tịnh Đạo

Trong việc đặt câu hỏi còn lại như **gọi là giới do ý nghĩa gì?** Đáp: Pháp tánh như Tư (cetanā)... gọi là giới do ý nghĩa "thu thúc" (sīlana).

Vấn: *Thế nào gọi là thu thúc?*

Đáp: Tức giữ vững được đúng đắn.

Nghĩa là tánh chất của tất cả nghiệp như thân nghiệp... không tán loạn do năng lực của người có giới, dẫn đến duy trì được bởi tánh chất nâng đỡ bắt nguồn liên quan đến tất cả thiện pháp. Trong từ thu thúc này mà người biết được tánh chất âm thanh thì sẽ tán thành 2 ý nghĩa này.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **tập trung (samādhāna)** tức sự chú tâm đúng đắn, nghĩa là tất cả pháp như thân nghiệp... diễn tiến do ảnh hưởng của người ác giới thường hướng đến việc hành động điều không lợi ích và làm cho khổ trong hiện tại lẫn vị lai nên không giữ vững được tốt đẹp. Do đó mới gọi rằng **không giữ vững được đúng đắn sẽ tán loạn và phân tán ra thành mỗi thứ**. Còn thân nghiệp... diễn tiến do ảnh hưởng của người có giới trái ngược lại thân nghiệp... đã trình bày. Gọi là giữ vững được đúng đắn tức không tán loạn và không phân tán ra thành mỗi thứ như người có mắt nhìn xuống (liếc nhìn khoảng một tầm tay) tay thì giơ lên phất phơ loạn xạ... Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **nghĩa là tánh chất của tất cả nghiệp như thân nghiệp... không tán loạn do năng lực của người có giới**.

Cụm từ **nghĩa là... không tán loạn do năng lực của người có giới** này, ngài giáo thọ sư tạo sự thu thúc cho khác với phận sự của định. Gọi là tập trung tức "giữ vững được đúng đắn", đối với định (samādhi) thì là nhân làm cho các pháp tương ưng không phóng tán nhưng sự giữ

vững được đúng đắn nơi đây là vững chắc tức thu thúc tất cả nghiệp như thân nghiệp...

Gọi là **dẫn đến duy trì** tức là nơi vững chắc trở thành gốc rễ bởi vì giới là điều thực hành trong phần đầu...

Bằng cụm từ **dẫn đến duy trì** là ngài giáo thọ sư làm cho sự thu thúc khác với phận sự của địa đại (paṭhavīdhātu) tức địa đại diễn tiến bởi năng lực giữ vững tất cả sắc pháp đồng sanh với nhau, nhưng sự thu thúc thì diễn tiến là nơi vững chắc tức là gốc rễ của pháp không có tội lỗi. Do đó, ngài giáo thọ sư mới giải thích rằng **bởi tánh chất nâng đỡ bắt nguồn liên quan đến tất cả thiện pháp**.

Trong tất cả từ đó gọi là "thiện pháp" tức tất cả pháp đáo đại và pháp siêu thế cùng với thiện pháp là một phần của đoạn đầu.

Thanh Tịnh Đạo

Còn một nhóm giáo thọ sư nữa giải thích ý nghĩa của từ "thu thúc" này theo lý như ý nghĩa cái đầu (sīsa), đỉnh đầu (sīra), mát mẻ (sītala), bình an (siva) cũng có.

Hậu Sớ Giải

Còn một nhóm giáo thọ sư đề cập rằng **ý nghĩa đỉnh đầu (sīra)...**

Giải thích:

Ví như khi đứt đầu thì toàn thân không còn sự sống như

thế nào thì khi đứt giới toàn bộ tất cả ân đức xem như bị tiêu hoại. Do đó, cái đầu là nơi trọng yếu của toàn thân, nên gọi **giới theo ý nghĩa cái đầu** hoặc có thể nói rằng đỉnh đầu (sīra); cái đầu (sīsa) ngài giáo thọ sư gọi trở lại là giới (sīla) theo lý của ngôn ngữ.

Ý nghĩa vắng lặng khỏi sự nóng nảy gọi **theo ý nghĩa mát mẻ (sītala)**, bằng từ "sītala" này nhóm giáo thọ sư trình bày rằng từ "sītala" gọi là "sīla" theo lý của từ ngữ bởi vì bỏ từ "ta" ra...

Thanh Tịnh Đạo

Bấy giờ sẽ trả lời về câu hỏi rằng **thế nào là trạng thái, phận sự, thành tựu và nhân cận của giới?**

Thu thúc là trạng thái của giới mặc dù khác nhau về trường hợp, giống như hữu kiến (sanidassana) là tướng trạng của sắc (màu sắc_vaṇṇa) chỉ khác nhau theo trường hợp.

So sánh như hữu kiến là tướng trạng của sắc xứ, mặc dù sắc xứ khác nhau theo các trường hợp về màu sắc như màu trắng, màu vàng... nhưng cũng không vượt khỏi hữu kiến. Thu thúc liên quan đến sự giữ vững được đúng đắn mà tất cả nghiệp như thân nghiệp... và bởi tánh chất nâng đỡ bắt nguồn liên quan đến tất cả thiện pháp, thu thúc là trạng thái của giới cho dù khác nhau theo trường hợp về pháp như Tư (cetanā)... nhưng cũng không vượt khỏi thực tánh giữ vững được đúng đắn và trở thành nơi nương được giống như vậy.

Hậu Sớ Giải

Bằng việc nêu lên ý nghĩa của cụm từ trong phần trước rằng **gọi là giới do ý nghĩa thu thúc** này là tuyên bố thực tánh của giới. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **thu thúc là trạng thái của giới**.

Ngài giáo thọ sư sắp xếp câu hỏi chất vấn trong tâm "Ý nghĩa khác từ ý nghĩa thu thúc mà xếp vào lấy giới khác nhau do sự khác nhau của pháp như Tư... được không, có dư thừa không, người nào đề cập về ý nghĩa rằng thu thúc (sīlana) là tướng trạng đặc biệt, là tướng trạng gom lấy nhiều loại pháp nên trở thành tướng trạng thông thường không phải là tướng trạng đặc biệt không phải chăng?". Rồi mới đề cập giải thích rằng hữu kiến là tướng trạng của sắc xứ cho dù khác trường hợp nhau...

Hữu kiến là tướng trạng đặc biệt của sắc xứ cho dù phân thành nhiều loại khác nhau liên quan như màu thì có màu xanh... không nên thấy rằng là tướng trạng thông thường giống như vô thường... hoặc giống như sự tiêu hoại (là tướng trạng thông thường của tất cả sắc) bởi vì không phổ biến bởi pháp khác từ sắc xứ như thế nào, thì ngay cả trong giới này cũng nên hiểu giống như vậy.

Vấn: *Hữu kiến (sanidassana) này là gì?*

Đáp: Là pháp mà người nhìn thấy được, tức là cảnh của nhãn thức.

Giải thích:

Cho dù thực tánh hữu kiến không khác với sắc xứ đi nữa, nhưng Đức Thế Tôn muốn làm cho sắc xứ khác biệt với tất cả pháp khác nên Ngài giải thích sắc xứ giống như là một loại pháp nữa, nên thuyết rằng song hành với vô kiến (nidassana) gọi là **hữu kiến**.

Trong tất cả pháp xem như cùng là một bởi vì giống như về thực tánh pháp, nhưng thực tánh nào là điều kiện làm cho khác nhau thì thực tánh đó cũng nên ứng dụng làm cho giống như trở thành một loại pháp khác nữa, bởi vì như vậy thì việc xét đoán ý nghĩa đặc biệt mới có được.

Thanh Tịnh Đạo

Đối với thực tánh hủy diệt ác giới, cùng với thành tựu là pháp không có điều chê trách, ngài đề cập rằng **phận sự (rasa)**, do ý nghĩa công việc và thành tựu của giới có trạng thái này, nọ.

Do đó, gọi là giới nên hiểu là phận sự hủy diệt ác giới bởi vì phận sự có nghĩa là công việc, phận sự là pháp không có điều chê trách bởi vì phận sự có nghĩa là thành tựu. Vì vậy, trong tất cả trường hợp như trạng thái... thì công việc hay thành tựu ngài gọi là phận sự.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **phận sự hủy diệt ác giới** tức có phận sự lấn áp ác giới bằng sự không phòng hộ theo đường...

Cụm từ **phận sự là pháp không có điều chê trách** tức

thành tựu là pháp không thể chê trách như là pháp trọn vẹn không thể chê trách hoặc có sự trọn vẹn đối lặp lại pháp đáng chê trách.

Cụm từ **trong tất cả trường hợp như trạng thái...** tức trong tất cả trường hợp như trạng thái, phận sự... mà đang đề cập đến.

Chính công việc hoặc thành tựu ngài gọi là **phận sự** không phải phận sự của xứ (rasaāyatana)...

Thanh Tịnh Đạo

Thành tựu (paccupatthāna) của giới bậc hiền trí nói rằng có sự trong sạch, **nhân cận** có tàm và qúy.

Thật vậy, giới có sự trong sạch được thuyết rằng: "**Kāyasoceyyaṃ vacīsoceyyaṃ manosoceyyaṃ** _ sự trong sạch thân, trong sạch ngữ, trong sạch ý" là thành tựu tức hiện bày đến trạng thái giữ lấy pháp trong sạch. Còn tàm và qúy bậc hiền trí nói rằng là nhân gần của giới, nghĩa là có nhân cận tàm và qúy thì giới mới khởi hiện và tồn tại được, khi không có thì không hiện khởi và không tồn tại được. Nên hiểu trạng thái, phận sự, thành tựu và nhân cận của giới theo trường hợp đã đề cập đến.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **thành tựu có giới trong sạch** tức hiện bày trở thành pháp trong sạch tất cả theo đường môn như thân môn...

Bằng cụm từ **thành tựu có sự trong sạch** ngài giáo thọ sư đề cập đến thành tựu theo ý nghĩa là tánh chất hiện bày. Còn thành tựu là sự không nóng nảy hay thành tựu có định (samādhi) ngài đề cập theo ý nghĩa là quả.

Giải thích:

Giới thường không dẫn đến tâm nóng nảy hiện bày lên trong lúc đó và dẫn đến định hiện bày lên trong thời gian tiếp theo, nhưng trong nơi đây nên hiểu rằng ngài giáo thọ sư không dựa vào thành quả là quả báo của giới.

Còn một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng "Trong từ thành tựu (paccupaṭṭhāna) này, sự việc ngài giáo thọ sư không dựa vào thành quả bởi vì ngài không muốn". Lời nói của nhóm giáo thọ sư đó không đúng bởi vì sự việc ngài phân tích giới dù là giới hiệp thế... theo sự khác nhau cũng do nương vào quả có nhiều loại. Thật vậy, tiếp theo ngài sẽ đề cập rằng: "Giới nương tựa (nisitasīla), giới không nương tựa (anisitasīla)"... (nghĩa là trong từ "thành tựu" sự việc ngài muốn lấy trạng thái hiện bày, không muốn lấy thành quả là quả báo bởi vì quả báo của giới có nhiều loại khác biệt nhau là nhân làm cho phân tích giới ra thành nhiều loại, nhưng thành tựu này là phổ biến với pháp được xem là giới ngang bằng đơn thuần không có sự phân chia nên không ám chỉ đến thành quả tức quả báo).

Ngài giáo thọ sư khi trình bày rằng "Nhân có nghiệp... là nhân xa của địa đại (paṭhavīdhātu), 3 đại còn lại là nhân

gần, lại nữa, các yếu tố như thợ dệt, con suốt và nhãn hiệu... là nhân xa của tấm vải, chỉ sợi... là nhân gần, phận sự nghe pháp... là nhân xa của giới, tàm và qúy là nhân gần". Do đó mới đề cập rằng **còn tàm và qúy bậc hiền trí đề cập rằng là nhân gần của giới.**

Cụm từ **khi có tàm và qúy**... ngài trình bày đến tàm và úy được thành tựu là nhân gần của giới.

Trong cụm từ **khi có tàm và qúy thì giới mới khởi hiện và tồn tại được**, nên hiểu rằng gọi là **khởi hiện** liên quan đến việc thọ trì, gọi là **tồn tại** liên quan đến sự không vi phạm.

Kệ Ngôn Nói Về Quả Báo Của Giới

Thanh Tịnh Đạo

Vấn: *Giới có quả báo như thế nào?*

Đáp: Quả báo của giới có được lợi ích khác nhau như tâm không nóng nảy (avippaṭisāra)... Điều này tương ứng với lời thuyết rằng "**Avippaṭisāratthāni kho panānanda kusalāni sīlāni avippatisārānisaṃsāni** _ Này Ānanda tất cả giới có sự không nóng nảy là thành quả, có sự không nóng nảy là quả báo".

Hậu Sớ Giải

Trong cụm từ **không có tâm nóng nảy**... nghĩa là tâm thiện đối nghịch lại tâm nóng nảy gọi là tâm không nóng nảy, nên hiểu theo cách đặc biệt rằng tiến hành liên quan đến việc quán xét giới của mình "lợi lộc của ta có làm cho ta tốt đẹp, giới của ta có trong sạch chăng?".

Bằng từ "ādi" tức v.v... là gom chung lại với từ hạnh phúc, tài sản đầy đủ, danh tiếng...

Cụm từ **có sự không nóng nảy là thành quả** nghĩa là lợi ích không có tâm nóng nảy.

Từ **thiện giới** tức giới không có tội lỗi.

Cụm từ **có sự không nóng nảy là quả báo** nghĩa là nhân khởi hiện tâm không nóng nảy, bằng cụm từ quả báo có tâm không nóng nảy ngài trình bày rằng chỉ là giới sanh khởi cũng gọi là tâm không nóng nảy, giống như cây cối tươi tốt thì có bóng mát và trỗ bông. Còn ân đức khác như định... mà người cần phải làm cho thành tựu do nương vào tâm không nóng nảy.

Thanh Tịnh Đạo

Vẫn còn thuyết về ý nghĩa khác nữa rằng: **"Pañcime gahapatayo ānisaṃsā sīlavato sīlasampadāya... ayaṃ pañcimo ānisaṃso sīlavato sīlasampadāya"** – Này các gia chủ, 5 loại quả báo này có được với người đầy đủ giới. 5 loại quả báo là gì? Này các gia chủ, người có giới đầy đủ trên thế gian này thường được đại tài sản do nhân không dễ duôi. Đây là quả báo đầu tiên.

Này các gia chủ, vẫn còn một điều nữa danh tiếng tốt đẹp của người có đầy đủ giới sẽ lan truyền ra. Đây là quả báo thứ 2.

Này các gia chủ, vẫn còn một điều nữa người có đầy đủ giới đi vào hội chúng nào, bất luận hội chúng Sát Đế Lỵ, hội chúng bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng sa-

môn thường là người tự tin không ngần ngại. Đây là quả báo thứ 3.

Này các gia chủ, vẫn còn một điều nữa người có đầy đủ giới thường là người không mê muội khi gần chết. Đây là quả báo thứ 4.

Này các gia chủ, vẫn còn một điều nữa người có đầy đủ giới sau khi chết được sanh vào nhàn cảnh, thiên giới. Đây là quả báo thứ 5.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **với người đầy đủ giới** tức do thực hành giới được đầy đủ bằng cách gìn giữ cho trong sạch trọn vẹn.

Cụm từ **danh tiếng tốt đẹp lan truyền ra** nghĩa là tiếng tán thán thanh tao lan truyền ra tỏa khắp thế gian rằng "Người này là người có giới" hay "Người này là người có đức độ".

Cụm từ **là người tự tin** nghĩa là khi không nhìn thấy được hành vi như thế nào thì bất cứ ai cũng nói rằng là người này không có sự e dè, không có sự sợ hãi.

Cụm từ **là người không mê muội** tức người không mê muội bởi vì không có tâm nóng nảy... như: "Ta không tạo nghiệp thiện phải chăng?" và bởi vì trong lúc đó đức độ (kalyāṇadhamma) như thiện nghiệp... hiện bày lên như tâm trong sáng gần lúc chết.

Cụm từ **bởi vì khi chết** tức từ bỏ uẩn thủ (upadinnakakhandha) do cắt đứt mạng sống (jīvitindriya).

Cụm từ **sau khi chết** tức kế tiếp khi chết.

Từ **nhàn cảnh (sugati)** tức sanh hữu tốt, bằng từ nhàn cảnh gồm cả sanh hữu của nhân loại.

Từ **thiên giới** tức cõi chư thiên. Cõi chư thiên gọi là thiên giới do ý nghĩa các cảnh tốt tuyệt diệu như sắc... và gọi là **thế giới** do ý nghĩa là nơi mà người sẽ thấy được quả phước trọng đại.

Thanh Tịnh Đạo

Vẫn còn quả báo khác nữa của giới như là nơi thương yêu vừa lòng... có sự chấm dứt lậu hoặc là cuối cùng được thuyết theo cách thức như: **"Ākaṇkheyya ce bhikkhave bhikkhu sabrahmacārīnaṃ piyo cassaṃ manāpo ca garu ca bhāvanīyo ca** _ Này các tỳ-kheo, nếu vị tỳ-kheo ước muốn rằng xin cho ta là nơi thương yêu hài lòng, cung kính và tán thán của các bạn đồng phạm hạnh, thì vị tỳ-kheo hãy là người thực hành cho tròn vẹn trong tất cả giới"... Giới có ân đức khác nhau như tâm không nóng nảy là quả báo.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **nếu vị tỳ-kheo ước muốn rằng** tức nếu như phải mong muốn.

Cụm từ **là nơi thương yêu** tức là người mà họ thương yêu, là người mà họ nhìn bằng cặp mắt thương yêu có nghĩa là người đáng được thương yêu.

Cụm từ **là nơi hài lòng** tức là người đáng mát lòng đối với các bạn đồng phạm hạnh hoặc người mà các bạn đồng phạm hạnh nên đi đến rải bằng tâm từ.

Cụm từ **là nơi cung kính** tức là người an trú trong vai trò đáng cung kính tức cương nghị giống như cây lọng bằng đá.

Cụm từ **là nơi tán thán** tức là người đáng tán thán rằng "Người này khi biết thì nói biết, khi thấy thì nói thấy chắc thật".

Cụm từ **trong tất cả giới** tức là người thực hành đầy đủ Tứ thanh tịnh giới (catupārisuddhisīla), thực hành giới không khiếm khuyết đạt đến trạng thái viên mãn.

Cụm từ **bằng cách thức...** này ngài gom lại lấy quả báo của 17 điều giới có trong kinh, như nói đến việc tán thán về giới rằng: "Xin cho vị tỳ-kheo là vị thực hành tâm vắng lặng bên trong, là vị chuyên chú không thối lùi cùng với thiền quán (vipassanā) vun bồi không tánh tùy quán (suññatānupassanā)"…

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, không loại trừ ra giới nào là nơi nương của các thiện gia nam tử trong giáo pháp, ai sẽ quy định quả báo của giới được.

Tất cả con sông cái chảy đi đến các chỗ trũng như sông Gaṇgā, sông Yamunā, sông Sarabhū, sông Aciravatī, sông Mahi cũng không thể gội rửa ô nhiễm của tất cả chúng sanh trên thế gian này được, chỉ có nước giới tẩy rửa cấu uế của tất cả chúng sanh được.

Giới bậc Thánh này có sự mát mẻ vô cùng, người gìn giữ tốt đẹp thường được tịnh chỉ sự nóng nảy của tất cả chúng sanh trên thế gian này, gió thổi cùng với mưa cũng không đình chỉ được sự nóng nảy, ngay cả lõi cây chiên đàn đỏ cũng không được, dây chuyền (vàng) cũng không được, ngọc maṇī cũng không được, ánh sáng yếu ớt của mặt trăng cũng không làm đình chỉ được.

Mùi lan tỏa thường xuyên trong nơi theo chiều gió lẫn trong nơi ngược chiều gió, cũng như mùi giới có được trong nơi nào thì là nấc bước lên thiên giới hoặc là cánh cửa đi vào thành phố Níp Bàn. Lại nữa, giới có được trong nơi nào thì cho dù hàng vua chúa chưng diện bằng ngọc trai và ngọc maṇī cũng không hoàn hảo giống như hàng tu sĩ trang hoàng bằng vật trang sức giới hoàn hảo.

Giới thường hủy diệt sợ hãi như sợ hãi tự chê trách mình… còn làm cho danh giá và sự phấn chấn đối với người có giới trong mọi lúc. Các bậc hiền trí nên hiểu an lạc (kāmasukha) do quả báo của giới là nguồn gốc của tất cả ân đức, có được sức mạnh thường nhiên hủy diệt tất cả tội lỗi.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư muốn trình bày đến quả báo của tất cả giới rằng: "Tất cả quả báo không phải chỉ duy nhất có tâm không nóng nảy… mà vẫn còn nhiều quả báo khác nữa", nên bắt đầu bằng từ **lại nữa**...

Trong tất cả từ đó, thì cụm từ **trong giáo pháp** tức giáo pháp của Bậc Đạo Sư dẫn đến tất cả ân đức hiệp thế và ân đức siêu thế, nghĩa là không loại trừ ra giới nào mà các thiện gia nam tử nương vào để thực hành hoàn hảo, bởi vì ai có thể đề cập đến phạm vi tất cả số lượng của giới mà có mãnh lực nhiều như vậy được.

Bằng cụm từ **không loại trừ ra giới nào mà các thiện gia nam tử nương vào trong giáo pháp**, nghĩa là ngài giáo thọ sư khi trình bày rằng: "Giới là nguồn gốc tất cả ân đức hiệp thế và ân đức siêu thế", tiếp đến từ đó trước khi trình bày rằng "pháp tánh khác sẽ dẫn dắt lợi ích trợ giúp và sự an lạc cho tất cả chúng sanh bởi vì gội rửa ô uế, đình chỉ sự nóng nảy, lan tỏa hương thơm, là phương pháp đạt đến thiên giới và Níp Bàn, hoàn thành vật trang sức hoàn hảo, lấn áp sợ hãi, làm cho danh tiếng và sự hân hoan không giống như giới được" nên mới đề cập kệ ngôn rằng "Na gaṇgā"…

Nghĩa là tất cả con sông như sông Gaṇgā… không thể tẩy rửa ô uế của tất cả chúng sanh được…

Cụm từ **giới bậc Thánh** tức giới trong sạch.

Từ danh tiếng có giới là sở sanh, gọi là **mùi** và ngài gọi đó là **mùi của giới** bởi vì đáng hài lòng và lan tỏa đi các phương hướng, mùi của giới lan tỏa đi cho dù ngược chiều gió. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết (trong Tiểu Bộ Kinh. Pháp Cú) rằng: "Mùi thơm của bậc chân nhân thường lan tỏa ngược chiều gió".

Hành động xâm phạm đối tượng gọi là **sức mạnh của các tội lỗi** nên hiểu rằng giới không chấp thuận sự hành động theo sức mạnh của các tội lỗi và là pháp có sức mạnh thường nhiên hủy diệt các tội lỗi.

Kệ Ngôn Nói Về Phân Loại Của Giới

Thanh Tịnh Đạo

Cụm từ mà tôi đề cập rằng **giới có bao nhiêu loại?**, tiếp theo đây sẽ trả lời về câu đó. Trước tiên, tất cả giới được xếp vào **có một loại** theo trạng thái là thu thúc.

Xếp vào **có hai loại** liên quan đến tác trì giới (cārittasīla) và ngăn trì giới (varittasīla). Có 2 loại giống như vậy do liên quan đến giới thắng hạnh (abhisamācārikasīla) và giới phần đầu của phạm hạnh (ādibrahmacariyasīla) liên quan đến giới ngăn ngừa (viratisīla) và giới không ngăn ngừa (aviratisīla), liên quan đến giới nương tựa (nisitasīla) và giới không nương tựa (anisitasīla), liên quan giới hạn định thời gian (kālapariyantasīla) và giới từ bỏ sanh mạng (āpāṇakoṭikasīla), liên quan giới hạn lượng (sapariyantasīla) và giới vô hạn lượng (apariyantasīla), và liên quan đến hiệp thế (lokiyasīla) và giới siêu thế (lokuttarasīla).

Hậu Sớ Giải

Trong từ **katividhaṃ** tức có bao nhiêu loại? Từ "vidhaṃ" là "loại" là từ gián tiếp của "phần" (koṭṭhāsa)

hoặc có ý nghĩa trường hợp cũng được, như trong tất cả rằng **"Ekavidhena rūpasaṇgaho"** tức gom lại sắc theo một trường hợp… nghĩa là giới có bao nhiêu trường hợp, loại tức trường hợp của giới có bao nhiêu?

Cụm từ **theo trạng thái thu thúc** tức bằng thực tánh thu thúc.

tỳ-kheo thực hành dẫn đến tất cả giới được đầy đủ, cho nên giới đó gọi là **tác trì (caritta)**.

tỳ-kheo tự mình gìn giữ bằng giới đó, là giới điều mà Đức Phật cấm chế, cho nên giới đó gọi là **ngăn trì (vāritta)**.

Việc thực hành tốt hơn gọi là thắng hạnh (abhisamācāra) giới kết hợp với thắng hạnh gọi là **giới thắng hạnh**.

Một lý khác nữa, giới gọi là giới thắng hạnh do ý nghĩa là thực hành được lợi ích tốt hơn.

Giới gọi là giới phần đầu của phạm hạnh do ý nghĩa khởi đầu của phạm hạnh, chính sự khởi đầu của giới phạm hạnh gọi là **giới phần đầu của phạm hạnh (ādibrahmacariyasīla)**.

Người từ bỏ được bằng pháp đó, cho nên pháp đó gọi là **ngăn ngừa (virati)**.

Một lý khác nữa, pháp nào tự mình từ bỏ pháp đó gọi là ngăn ngừa.

Một lý khác nữa, tránh xa cũng gọi là ngăn ngừa, gọi là không ngăn ngừa do ý nghĩa không từ bỏ.

Giới gọi là **giới nương tựa** do ý nghĩa nương vào, gọi là **giới không nương tựa** do ý nghĩa không phải giới để nương vào.

Giới gọi là giới hạn định do ý nghĩa có điểm chấm dứt, giới có điểm chấm dứt theo thời gian gọi là **giới hạn định thời gian (kālapariyantasīla)**.

Một lý khác nữa, gọi là giới hạn định thời gian do ý nghĩa có thời gian theo quy định thì chấm dứt.

Giới gọi là **giới từ bỏ sanh mạng** do ý nghĩa có sự sống cho đến khi còn hơi thở, tức tận cùng của đời sống.

Giới gọi là **giới hiệp thế** do ý nghĩa bị duyên của mình tạo tác dẫn vào trong thế gian hoặc gặp được trên thế gian.

Giới gọi là **giới siêu thế** do ý nghĩa vượt khỏi thế gian.

Thanh Tịnh Đạo

Xếp thành **3 loại** liên quan đến giới hạ liệt, giới trung bình và giới cao thượng. Xếp thành 3 loại giống như vậy liên quan đến giới lấy mình làm chủ (attādhipateyyasīla), giới lấy thế gian làm chủ (lokādhipateyyasīla) và giới lấy pháp làm chủ (dhammādhipateyyasīla), liên quan đến giới cảnh khinh thị (parāmaṭṭhasīla), giới phi cảnh khinh thị (aparāmaṭṭhasīla) và giới an tịnh (paṭipassaddhasīla), liên quan đến giới thanh tịnh (visuddhisīla), giới không thanh tịnh (avisuddhisīla) và giới hoài nghi (vematikasīla) và liên quan đến giới hữu học (sekkhāsīla), giới vô học (asekkhāsīla) và giới phi hữu học phi vô học (nevasekkhānāsekkhasīla).

Hậu Sớ Giải

Giới gọi là **giới hạ liệt** do ý nghĩa kém hơn giới trung bình và giới cao thượng do duyên và do quả hoặc do ý nghĩa, giảm sút khỏi các ân đức của giới trung bình và giới cao thượng.

Giới gọi là **giới cao thượng** do ý nghĩa được các duyên của mình dẫn dắt trở thành cao thượng, giới trong khoảng giữa giới hạ liệt và giới cao thượng gọi là **giới trung bình**.

Giới có được do lấy mình làm trọng yếu gọi là **giới lấy mình làm chủ** ngay cả 2 giới còn lại là **giới lấy thế gian làm chủ** và **giới lấy pháp làm chủ** cũng có cách thức giống như vậy.

Giới gọi là **giới cảnh khinh thị** do ý nghĩa bị ái dục và tà kiến chấp thủ làm cho hình thành, giới gọi là **giới phi cảnh khinh thị** bởi vì ngăn chặn được giới cảnh khinh thị.

Giới đã vắng lặng phiền não gọi là **giới an tịnh**.

Giới khởi hiện nơi các bậc hữu học gọi là **giới hữu học**.

Một lý khác nữa, giới gọi là giới hữu học do ý nghĩa giới này là của bậc hữu học, giới liên quan đến pháp vô học bởi vì đã thành tựu trọn vẹn phận sự về điều học gọi là **giới vô học**, giới gọi là **giới phi hữu học phi vô học** bởi vì không phải là giới hữu học và giới vô học.

Thanh Tịnh Đạo

Xếp thành **4 loại** liên quan đến giới thối phần (hānabhāgiyasīla), giới trụ phần (ṭhitibhāgiyasīla), giới tiến hóa phần (visesabhāgiyasīla) và giới yểm ly phần (nibbedhabhāgiyasīla). Có 4 loại giống như vậy liên quan đến giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo ni, giới phi thọ cụ túc giới (anupasampannasīla) và giới cư sĩ; liên quan đến thường giới (pakatisīla), giới phẩm hạnh (ācārasīla), giới tự nhiên (dhammatāsīla) và giới tiền kiếp (pubbahetukasīla); và giới bổn thu thúc giới (pātimokkhasaṃvarasīla), quyền thu thúc giới (indriyasaṃvarasīla), nuôi mạng thanh tịnh giới (ājīvapārisuddhisīla) và quán tưởng thanh tịnh giới (paccayasannisitasīla).

Xếp thành **5 loại** liên quan đến giới hạn lượng thanh tịnh (pariyantaparisuddhisīla)… điều này thích hợp theo lời ngài Sārīputta đề cập trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) rằng:

"Pañca sīlāni pariyantapārisuddhisīlaṃ… paṭipassaddhiparisuddhisīlaṃ– giới có 5 loại là giới hạn lượng thanh tịnh (pariyantapārisuddhisīla), giới vô hạn lượng thanh tịnh (apariyantapārisuddhisīla), giới viên mãn thanh tịnh (paripuṇṇapārisuddhisīla), giới phi cảnh khinh thị thanh tịnh (aparāmaṭṭhapārisuddhisīla), giới an tịnh thanh tịnh (paṭipassaddhipārisuddhisīla)".

Có 5 loại giống như vậy liên quan đến giới đoạn trừ

(pahānasīla), giới tránh xa (veramaṇīsīla), giới chủ tâm (cetanāsīla), giới phòng hộ (saṃvarasīla) và giới không vi phạm (avītikkamasīla).

Trong các nhóm giới đó nên hiểu theo ý nghĩa giải thích trong nhóm giới có một loại theo lý đã đề cập rồi.

Hậu Sớ Giải

Giới gọi là **giới thối phần** do ý nghĩa giao du với sự suy đồi. Một lý khác nữa gọi là **giới thối phần** do ý nghĩa có phần hư đốn, ngay cả trong 3 giới còn lại cũng có cách thức này.

Giới có điểm kết thúc bởi vì tính số lượng được và có sự thanh tịnh gọi là **giới có hạn lượng thanh tịnh**, giới không có điểm kết thúc bởi vì không tính được số lượng và có sự thanh tịnh gọi là **giới vô hạn lượng thanh tịnh**, giới có sự thanh tịnh đầy đủ bởi các trường hợp gọi là **giới viên mãn thanh tịnh**.

Câu **theo cách thức đã đề cập** tức theo cách thức mà tôi đã đề cập theo đường lối trước gọi là giới do ý nghĩa thu thúc…

Thanh Tịnh Đạo

Trong **nhóm giới có 2 loại** như luận giải tiếp theo đây. Việc thực hành cho đầy đủ điều học mà Đức Phật chế định rằng: "Điều này tỳ-kheo nên hành" gọi là **tác trì (caritta)**. Việc không nên thực hành điều mà Ngài cấm chế

rằng: "Điều này tỳ-kheo không nên hành" gọi là **ngăn trì (vāritta)**. Trong tất cả các từ đó tiếp theo đây là ý nghĩa của từ. Tất cả tỳ-kheo thực hành giới nên tiến hành trở thành người đầy đủ tất cả giới, cho nên giới đó mới gọi là **giới tác trì (cārittasīla)**, các tỳ-kheo bảo vệ gìn giữ điều học mà Ngài ngăn cấm bằng giới đó, cho nên giới đó mới gọi là **ngăn trì giới (vārittasīla)**. Trong 2 loại giới thì tác trì giới có đức tin và tinh cần là nhân làm cho thành tựu, ngăn trì giới duy nhất có đức tin là nhân làm cho thành tựu. Giới được xếp và có 2 loại liên quan đến tác trì giới và ngăn trì giới theo trường hợp đã đề cập trên.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **thực hành cho đầy đủ điều học mà Đức Phật chế định rằng: "Điều này tỳ-kheo nên hành"** tức làm cho đầy đủ giới về điều học mà Ngài chế định rằng "Điều học này là thắng hạnh tỳ-kheo nên thực hành tức nên tu tập" bởi vì khi làm cho giới về điều học được đầy đủ gọi là gìn giữ làm cho điều học hình thành được đầy đủ.

Một lý khác nữa, chính học tập (sikkhā) đó gọi là điều học bởi vì là điều mà tỳ-kheo cần phải học tập và thực hành, nghĩa là thực hành cho đầy đủ điều học.

Cụm từ **Việc không nên thực hành điều mà Ngài cấm chế rằng: "Điều này tỳ-kheo không nên thực hành"** không nên thực hành tức tránh xa điều mà Đức Thế Tôn ngăn cấm rằng: "Đây là ác hạnh tỳ-kheo không nên hành".

Cụm từ **thực hành giới** nghĩa là ngài giáo thọ sư trước khi trình bày điều chánh yếu của giới (để thực hành) rằng: "Tất cả mọi người đầy đủ bởi các giới thường thực hành về giới đó" gọi là trình bày đến thực tánh giới tác trì là cứ điểm của việc tiến hành về tất cả giới. Do đó, ngài mới đề cập rằng **nên tiến hành trở thành người đầy đủ tất cả giới.**

Việc thực hành không thích hợp hoặc đối tượng không thích hợp theo Đức Phật cho phép gọi là **không đúng luật (akappiya)** Ngài cấm chế rằng "Điều này tỳ-kheo không nên hành" gọi là **việc thực hành mà Ngài ngăn cấm** (hoặc đối tượng mà Ngài ngăn cấm).

Từ **bảo vệ** tức gìn giữ phòng hộ bằng cách không thực hành.

Cụm từ **bằng giới đó** Ngài nói đến ngăn trì giới. Một lý khác nữa, Bậc Đạo Sư cấm chế về điều học này hoặc bằng điều học kia, cho nên điều học này mới gọi là **"ngăn trì" (vāritta)**. Khi không làm cho điều học gia tăng thì gọi là gìn giữ bảo tồn bằng giới đó, vì vậy giới đó gọi là "ngăn trì" (giới là điều kiện gìn giữ điều học mà Ngài cấm chế).

Câu **có đức tin và tinh cần là nhân làm cho thành tựu** tức giới mà tỳ-kheo nên làm cho thành tựu bằng đức tin và tinh cần, bởi vì việc siêng năng mà người không có đức tin và lười biếng sẽ không thực hành phận sự cho tròn vẹn được.

Người chỉ có đức tin thì là người thấy sợ hãi trong

những tội lỗi mà Đức Thế Tôn ngăn cấm, cho dù có dễ duôi chút ít cũng thọ trì học tập về các điều học được. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **ngăn trì giới chỉ có đức tin duy nhất là nhân làm cho thành tựu**.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải về **nhóm 2 giới thứ 2** như sau: Việc thực hành tốt nhất gọi là **thắng hạnh (abhisamācara)**, chính việc thực hành tốt nhất đó là thuộc về thắng hạnh.

Một lý khác nữa, điều học mà Ngài chế định nhắc đến thắng hạnh gọi là thuộc về thắng hạnh (abhisamācārika) từ thuộc về thắng hạnh là tên gọi ngoài ra của bát trì mạng giới (ājīvaṭṭhamakasīla_giới có chánh mạng là điều thứ 8). Thật vậy, bát trì mạng giới là phần đầu của con đường, bởi vì tỳ-kheo phải thực hành cho thanh tịnh hoàn toàn trong đoạn đầu. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: **"Pubbeva kho panassa kāyakammaṃ vacīkammaṃ ājīvo suparisuddho hoti**_Thân nghiệp, ngữ nghiệp, nuôi mạng của người theo bản tánh thanh tịnh tốt đẹp trong thời gian trước".

Một lý khác nữa, các điều học được thuyết rằng "Điều học nhỏ nhặt, điều học lặt vặt" nào, đây gọi là thuộc về giới thắng hạnh. Ngoài ra gọi là **giới đoạn đầu của phạm hạnh (ādibrahmacariyasīla)**.

Một lý khác nữa, giới liên quan đến phân tích hai phần

giới bổn (ubhatovibhaṇga_phân tích giới bổn tỳ-kheo, phân tích giới bổn tỳ-kheo ni) gọi là **giới đoạn đầu của phạm hạnh**, liên quan đến chương phận sự (khandhakavatta) gọi là **giới thuộc về thắng hạnh (abhisamācārikasīla)**. Giới đoạn đầu của phạm hạnh đạt được là do đạt được giới thuộc về thắng hạnh. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: **"So vata bhikkhave ābhisamācārikaṃ... netaṃ ṭhānaṃ vijjati**_Này các tỳ-kheo, phận sự mà tỳ-kheo không làm cho pháp thuộc về thắng hạnh đầy đủ thì sẽ không làm cho pháp đoạn đầu của phạm hạnh được đầy đủ".

Giới được xếp vào có 2 loại do liên quan đến giới thuộc về thắng hạnh và giới đoạn đầu của phạm hạnh theo trường hợp như đã đề cập trên.

Hậu Sớ Giải

Thắng hạnh là thực hành tốt đặc biệt hơn bởi vì liên quan vào trong tăng thượng giới học (adhisīlasikkhā) cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **việc thực hành tốt nhất**.

Giải thích:

Thắng hạnh (abhisamācāra) gọi là thuộc về thắng hạnh (abhisamācārika) giống như từ của vị học luật (venayika) [từ venaya tức vị học luật].

Gọi là "thắng hạnh" bằng cách diễn giải trình bày bậc thượng ám chỉ đến giới trong Đạo và giới trong Quả, giới Ngài chế định nói đến chỉ riêng biệt thắng hạnh, như ý nghĩa

thuộc về thắng hạnh tức có lợi ích thuộc về thắng hạnh gọi là **giới thuộc về thắng hạnh (abhisamācārikasīla)**.

Giới về 3 thân nghiệp, 4 ngữ nghiệp và nuôi mạng thanh tịnh gọi là **bát trì mạng giới (ājīvaṭṭhamakasīla)** trong bát trì mạng giới thì việc tránh xa 7 loại ác hạnh bởi vì có việc nuôi mạng là nhân gọi là chánh mạng (sammāājiva). Do đó, mặc dù chánh mạng có đến 7 loại nhưng ngài giáo thọ sư đề cập làm cho 7 loại chánh mạng trở thành một loại bởi ngang bằng nhau về nuôi mạng chơn chánh.

Một lý khác nữa, ngài làm cho tránh xa khỏi việc nuôi mạng sai quấy bởi nương vào 3 loại lừa dối (kuhanavatthu) cho trở thành một đề cập rằng: "là nuôi mạng thanh tịnh tốt đẹp".

Chính con đường đó là phạm hạnh bởi vì là điều cao quý nên thực hành gọi là **đạo phạm hạnh (maggabrahmacāriya)** nghĩa là giới đoạn đầu của phạm hạnh là giới đưa đến phần đầu của đạo phạm hạnh.

Từ **phần đầu** tức giới cần phải phát triển, cần phải làm cho thành tựu trong phần đầu. Nói theo việc thuyết theo tuần tự thì đạo phạm hạnh có chánh kiến là phần đầu, nhưng nói theo tuần tự của việc thực hành thì có bát trì mạng giới là phần đầu.

Cụm từ **do đạt được giới thuộc về thắng hạnh** nghĩa là giới đoạn đầu của phạm hạnh được viên mãn cũng do đạt được giới thuộc về thắng hạnh, câu cần phải đề cập rằng:

"tỳ-kheo nào tránh xa việc sai quấy nhỏ nhặt lẫn giảm thiểu được, tỳ-kheo đó sẽ tránh xa việc sai quấy trầm trọng...". Không được trong kinh trình bày đến ý nghĩa này bởi có thể là lời nói vẫn còn dư thừa.

Trong tất cả câu từ các bài kinh đó thì từ **pháp** tức giới, giới đó được Đức Thế Tôn thuyết rằng "pháp" do ý nghĩa chứa đựng ân đức đặc biệt cao trội.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 2 giới thứ 3** như sau: Giới được xếp thành có 2 loại do liên quan đến giới ngăn ngừa và giới không ngăn ngừa, tức chỉ tránh xa khỏi tất cả ác hạnh như sát sanh... thì gọi là **giới ngăn ngừa**. Pháp còn lại có tư (cetanā)... gọi là **giới không ngăn ngừa**.

Hậu Sớ Giải

Cho dù khi giới ngăn ngừa có kết hợp chung với giới còn lại thì lời nói mà ngài đề cập rằng **chỉ tránh xa** cũng để trình bày phân ra không cho lẫn lộn.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 2 giới thứ 4** như sau: Gọi là nương tựa (nisaya) có 2 loại nương tựa là nương tựa ái dục (taṇhānisaya) và nương tựa tà kiến (diṭṭhinisaya). Trong 2 loại nương tựa đó thì giới nào mà người thực hành với sự mong cầu sanh hữu cụ túc (bhavasampatti) như: "Xin cho

tôi trở thành thiên chủ hoặc là một vị thiên nhân do giới này", đây gọi là **giới nương tựa ái dục (taṇhānisitasīla)**. Giới nào mà người thực hành bằng kiến thanh tịnh (suddhidiṭṭhi) như: "Sự trong sạch sẽ có được bằng giới này", đây gọi là **giới nương tựa tà kiến (diṭṭhinisitasīla)**. Còn giới siêu thế và giới hiệp thế thuộc về thành phần của giới siêu thế, đây gọi là **giới không nương tựa (anisitasīla)**. Giới được xếp thành có 2 loại liên quan đến giới nương tựa và giới không nương tựa theo trường hợp đã đề cập trên.

Hậu Sớ Giải

Trong cụm từ **giới nương tựa và giới không nương tựa** này ngài giáo thọ sư đề cập rằng nisaya là nơi nương tựa... cũng để trình bày nơi đang nương tựa.

Trong 2 loại nương tựa thì chính ái dục gọi là nương tựa ái dục bởi vì người thuộc cơ tánh ái dục nương vào, nương tựa tà kiến cũng phân tích giống như vậy. Nghĩa là người thuộc cơ tánh tà kiến (diṭṭhicaritta) khi không có tà kiến tránh khỏi ái dục đi nữa thì cũng là người hình thành nương vào tà kiến.

Ngài đề cập đến chư thiên có tên hiện bày rằng Tứ Thiên Vương, thiên vương Sakka, thiên vương Suyāma... bằng từ **thiên chủ**, đề cập đến vị thiên nhân không có tên rõ ràng bằng từ **một vị thiên nào đó**.

Giới nương vào chính ái dục cho nên gọi là **giới nương**

tựa ái dục, một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng giới mà ái dục nương vào cho nên gọi là **giới nương tựa ái dục**, đối với nhóm giáo thọ sư đó thì 2 loại nương tựa... đều sai.

Cụm từ **bằng kiến thanh tịnh** tức bằng kiến diễn tiến như "Sự thanh tịnh thoát khỏi luân hồi sẽ có được do giới này" tức hiểu rằng là giới siêu thế.

Cụm từ **là thành phần của giới siêu thế** tức thành phần là nhân của giới siêu thế, có nghĩa là cận y duyên (upanissaya) đối với ly luân hồi.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 2 giới thứ 5** như sau: Giới được xếp thành 2 loại do liên quan giới hạn định thời gian và giới từ bỏ sanh mạng, tức giới mà người thọ trì thực hành ấn định thời gian gọi là **giới hạn định thời gian (kalapariyantasīla)**. Giới mà người thọ trì suốt đời thực hành theo việc thọ trì đó gọi là **giới từ bỏ sanh mạng (āpāṇakoṭikasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **thực hành ấn định thời gian** tức thực hành ấn định về thời gian, như theo cách thức: "Suốt đêm nay và suốt ngày nay"...

Để trình bày rằng dù cho giới mà người thọ trì không thực hành theo ấn định thời gian và không thiếu mất trong

khoảng giữa cho đến diễn tiến suốt đời bằng năng lực giới ngăn ngừa (sampattavirati) cũng không gọi là giới cho đến khi chưa từ bỏ sanh mạng. Vì vậy, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **người thọ trì suốt đời thực hành theo việc thọ trì đó** tức phải chủ tâm trước rằng sẽ gìn giữ suốt đời mới trở thành giới (cho đến khi) từ bỏ sanh mạng.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 2 giới thứ 6** như sau: Giới xếp thành có 2 loại liên quan đến giới hạn lượng và giới vô hạn lượng tức giới có sự trọng yếu hiện bày bằng mãnh lực của lợi lộc, danh tiếng, quyến thuộc, bộ phận thân thể và sanh mạng gọi là **giới hạn lượng** ngược lại gọi là **giới vô hạn lượng**. Điều này thích hợp theo ngài Sārīputta đề cập trong bộ Vô Ngại Giải Đạo rằng **"Katamantaṃ sīlaṃ sapariyantaṃ... idaṃ taṃ sīlaṃ sābhapariyantaṃ"**.

Vấn: *Giới có sự trọng yếu như thế nào?*

Đáp: Giới có lợi lộc là trọng yếu cũng có, giới có danh tiếng là trọng yếu cũng có, giới có quyến thuộc là trọng yếu cũng có, giới có bộ phận thân thể là trọng yếu cũng có, giới có sanh mạng là trọng yếu cũng có.

Vấn: *Giới có lợi lộc là trọng yếu như thế nào?*

Đáp: Một số người trên thế gian này do lợi lộc là nhân, do lợi lộc là duyên, do lợi lộc là nguồn gốc vi phạm điều học mà mình nguyện thọ trì, giới này gọi là có lợi lộc là

trọng yếu... Ngay cả giới có sự trọng yếu ngoài ra cũng nên giải thích cho chi tiết theo cách thức này.

Trong việc giải thích về giới vô hạn lượng cũng đề cập rằng: **"Katamantaṃ sīlaṃ na lābhapariyantaṃ... idantaṃ na lābhapariyantaṃ".**

Vấn: *Giới không phải là giới có lợi lộc là trọng yếu như thế nào?*

Đáp: Một số người trên thế gian này do lợi lộc là nhân, do lợi lộc là duyên, do lợi lộc là nguồn gốc cũng không vi phạm điều học mà mình nguyện thọ trì cho dù là suy nghĩ để vi phạm, thì họ sẽ vi phạm thế nào được giới này. Đây gọi là không phải giới có lợi lộc là trọng yếu ngay cả giới không phải là giới có sự trọng yếu ngoài ra cũng nên giải thích cho chi tiết theo cách thức giống như vậy.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **do mãnh lực của lợi lộc, danh tiếng, quyến thuộc, bộ phận cơ thể và sanh mạng** tức do mãnh lực làm cho lợi lộc và danh tiếng chưa sanh được sanh lên, do mãnh lực bảo tồn và làm cho tăng trưởng lợi lộc và danh tiếng đã sanh, do mãnh lực không làm cho tiêu tan quyến thuộc, bộ phận cơ thể và sanh mạng.

Cụm từ **họ sẽ vi phạm như thế nào được**, nghĩa là người nào không làm cho dù là suy nghĩ để vi phạm thì người đó sẽ vi phạm bằng thân, bằng ngữ được như thế

nào, không thể được bởi vì từ **"kiṃ"** (như thế nào) diễn tiến theo ý nghĩa phản bác.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 2 giới thứ 7** như sau: Giới được xếp thành 2 loại do liên quan đến giới hiệp thế và giới siêu thế tức giới diễn tiến với các lậu hoặc gọi là **giới hiệp thế**. Giới không diễn tiến với lậu hoặc gọi là **giới siêu thế**. Trong 2 loại giới đó thì giới hiệp thế là nhân dẫn đến sanh hữu đặc biệt và là thành phần kết hợp của việc xuất ra khỏi sanh hữu, giống như lời thuyết rằng: **"Vinayo saṃvaratthāya... yadidaṃ anupādā cittassa vimokkho_** Luật dẫn đến lợi ích phòng hộ, phòng hộ dẫn đến lợi ích không nóng nảy, không nóng nảy dẫn đến lợi ích hân hoan, hân hoan dẫn đến lợi ích hỷ lạc, hỷ lạc dẫn đến lợi ích an tịnh (passaddhi), an tịnh dẫn đến lợi ích an lạc (sukha), an lạc dẫn đến lợi ích định tỉnh (samādhi), định tỉnh dẫn đến lợi ích như thật tri kiến (yathābhutañāṇadassana), như thật tri kiến dẫn đến lợi ích nhàm chán (nibbidā), nhàm chán dẫn đến lợi ích ly tham, ly tham dẫn đến lợi ích giải thoát, giải thoát dẫn đến lợi ích giải thoát tri kiến, giải thoát tri kiến dẫn đến vô dư y Níp Bàn (anupādāparinibbāna) lời nói như điều này là lợi ích, việc đàm luận với nhau như điều này là lợi ích, ngồi gần với nhau điều này là lợi ích, lắng tai nghe như điều này là lợi ích. Điều này là thế nào? Điều này là sự giải thoát của tâm do không chấp thủ". Giới siêu thế là nhân dẫn đến vượt thoát khỏi sanh hữu và là lãnh vực của trí phản khán (paccavekkhaṇañāṇa).

Hậu Sớ Giải

Giới tuôn chảy ra do lậu hoặc (āsava) như dục lậu... bởi làm cảnh cho lậu hoặc, giống như vết thương có máu, mủ chảy ra. Do đó, cho dù có hoặc không có kết hợp chung với lậu hoặc đi nữa cũng gọi là hữu lậu (sāsava) do ý nghĩa diễn tiến với lậu hoặc là pháp có trong 3 lãnh vực (trừ lãnh vực siêu thế), vì vậy giới liên quan trong 3 lãnh vực ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **giới diễn tiến với lậu hoặc gọi là giới hiệp thế.**

Gọi là **sanh hữu đặc biệt** tức sanh hữu viên mãn.

Từ **luật (vinaya)** tức luật thuộc về pháp học hoặc bao gồm tất cả điều học trong pháp học thuộc về luật.

Gọi là **hân hoan** tức hỷ loại yếu.

Gọi là **như thật tri kiến** tức thấy danh sắc cùng với duyên hoặc minh quán còn yếu thấy danh sắc cùng với duyên là nơi nương.

Từ **nhàm chán** tức Yếm Ố Tuệ (nibbidāñāṇa), bằng từ nhàm chán ngài đề cập đến minh quán có sức mạnh.

Gọi là **ly tham** tức Đạo.

Gọi là **giải thoát** tức A-La-Hán Quả.

Gọi là **giải thoát tri kiến** tức phản khán tuệ.

Gọi là **lời nói (kệ ngôn)** tức lời nói liên quan đến luật.

Gọi là **đàm luận với nhau** tức thẩm xét về luật.

Gọi là **ngồi gần với nhau** tức cận y duyên, nghĩa là tiến hành nối tiếp nhau của nhân và quả theo lời nói.

Gọi là **giới siêu thế** tức bát trì mạng giới tương ưng với tâm Đạo và tâm Quả, giới tương ưng với tâm Đạo và tâm Quả thì giới trong tâm Đạo dẫn đến thoát khỏi sanh hữu và thuộc lãnh vực của tuệ phản khán, còn giới trong tâm Quả là lãnh vực thuần nhất của tuệ phản khán.

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả nhóm 3 giới thì lời luận giải trong **nhóm 3 giới đầu tiên** như sau:

Giới được xếp thành 3 loại về giới hạ liệt, giới trung bình và giới cao thượng tức giới mà người thực hành bằng dục, cần, tâm, thẩm (vimaṃsa) bậc hạ gọi là **giới hạ liệt**. Thực hành bằng dục... bậc trung gọi là **giới trung bình**. Thực hành bằng dục... bậc thượng gọi là **giới cao thượng**.

Một lý khác nữa, giới mà người nguyện thọ trì do mong muốn được danh tiếng gọi là **giới hạ liệt**. Giới mà người nguyện thọ trì do mong muốn được quả của phước gọi là **giới trung bình**. Người nguyện thọ trì nương vào bản chất cao quý rằng: "Điều này ta nên làm ngay tức thì" gọi là **giới cao thượng**.

Một lý khác nữa, giới mê muội do nhân tự tán hủy tha... rằng: "Ta là người đầy đủ giới, nhưng các tỳ-kheo này là người ác giới có pháp uế nhiễm" gọi là **giới hạ liệt**. Giới

hiệp thế không mê muội gọi là **giới trung bình**. Giới siêu thế gọi là **giới cao thượng**.

Một lý khác nữa, giới mà người thực hành để được lợi ích về sanh hữu và tài sản gọi là **giới hạ liệt**. Giới mà người thực hành để được lợi ích giải thoát cho mình gọi là **giới trung bình**. Giới ba la mật mà Bồ Tát thực hành để được lợi ích giải thoát cho tất cả chúng sanh gọi là **giới cao thượng**.

Hậu Sớ Giải

Thực tánh pháp như dục... thuộc pháp hạ liệt liên quan đến khuynh hướng hạ liệt, thuộc pháp cao thượng liên quan đến khuynh hướng cao thượng, thuộc pháp trung bình liên quan đến bậc trung giữa 2 khuynh hướng kia.

Giống như nghiệp khác biệt nhau do phân loại nghiệp hạ liệt... liên quan đến nhân tích tập (ái dục) như thế nào thì ngay cả tất cả pháp như dục... khác biệt nhau do phân loại của dục hạ liệt... thường có sự khác biệt nhau theo khuynh hướng.

Cụm từ **do mong muốn được danh tiếng** tức do thích thú được vinh dự và danh tiếng hoặc do mong muốn được thuộc hạ.

Gọi là **nương vào bản chất cao quý** bởi vì ghê tởm đối với tội lỗi như: "Người như ta mà tạo nghiệp như vậy được hay chăng?"

Cụm từ **giới hiệp thế không có mê muội** tức không mê muội do tất cả tùy phiền não (upakilesa) như tự tán hủy tha và tùy phiền não khác.

Cụm từ **để được lợi ích về sanh hữu và tài sản** tức để được lợi ích về sanh hữu tròn vẹn (bhavasamapatti) và để được lợi ích về tài sản tròn vẹn (bhogasamapatti).

Cụm từ **giới thực hành để được lợi ích giải thoát cho mình** ngài đề cập đến giới của bồ tát Thinh Văn và bồ tát Độc Giác Phật.

Cụm từ **để được lợi ích giải thoát cho tất cả chúng sanh** tức để được lợi ích tháo gở tất cả chúng sanh cho thoát khỏi xiềng xích luân hồi.

Giới của bậc đại Bồ Tát gọi là **giới ba la mật (pāramitāsīla)**, trở thành giới ba la mật trong sáng và thực hành để gọt giũa cơ tánh cho đến cao tột, là người thông thạo trong đường lối thực hành hướng đến giác ngộ vĩ đại diễn tiến tương xứng với quy luật như xứ sở, thời gian, chúng sanh...

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 3 giới thứ 2** như sau: Giới được xếp thành 3 loại liên quan đến giới lấy mình làm chủ... tức giới mà người mong muốn từ bỏ việc thực hành không thích hợp với mình, như mình là nơi được tôn trọng nên làm cho tiến hành theo sự tôn trọng của mình gọi là

giới lấy mình làm chủ. Giới mà người muốn tránh khỏi lời nói chỉ trích của thế gian, như thế gian tôn trọng, nên hành động theo sự tôn trọng của thế gian gọi là **giới lấy thế gian làm chủ**. Giới mà người muốn cúng dường Pháp trọng thể có Pháp là nơi tôn kính, thực hành theo sự cung kính Pháp gọi là **giới lấy pháp làm chủ**.

Hậu Sớ Giải

Người gọi là "lấy mình làm trọng" (attagaru) do ý nghĩa đặt nặng về mình là vĩ đại, như mình là người có giới trong sạch bởi vì mình là người cao thượng, gọi là **giới lấy mình làm chủ**.

Người gọi là "lấy thế gian làm trọng" do ý nghĩa đặt nặng về thế gian, như người có sự ghê sợ tội lỗi (ottappa) đối với thế gian, giới mà lấy thế gian làm trọng gọi là **giới lấy thế gian làm chủ**.

Gọi là **giới lấy pháp làm chủ** tức giới mà người ao ước cúng dường là pháp vĩ đại làm cho dẫn đến trạng thái như: "Pháp này có nhiều uy lực chắc chắn dẫn dắt cho thoát khỏi khổ, người cần phải cúng dường pháp đó bằng cách thực hành. Do đó, ta sẽ cúng dường pháp ấy bằng sự thực hành giới trọn vẹn".

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 3 giới thứ 3** như sau: Giới được xếp thành 3 loại do liên quan đến giới chơn đế... giới

nào mà tôi đề cập trong tất cả nhóm 2 giới như giới nương tựa (nisitasīla), giới này gọi là **giới cảnh khinh thị** bởi vì bị ái dục và tà kiến chấp thủ (hoặc làm cho bợn nhơ). Giới là thành phần của đạo đối với phàm nhân thuộc thiện phàm nhân và giới tương ưng với Thánh Đạo của các bậc hữu học gọi là **giới phi cảnh khinh thị (aparāmaṭṭhasīla)**. Giới tương ưng với Thánh Quả các bậc hữu học và vô học gọi là **giới an tịnh (paṭipassaddhasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **do bị ái dục và tà kiến chấp thủ** tức do bị ái dục và tà kiến bám lấy bằng mãnh lực làm cho thối hóa.

Giải thích:

Ái dục và tà kiến khi chấp thủ giới của người thực hành bằng trạng thái như "Nương vào giới hoàn hảo này ta sẽ thoát khỏi vòng luân hồi được" thì thường làm cho giới đó dẫn đến thối hóa bởi vì không làm điều kiện lớn mạnh (cận y duyên) cho Đạo.

Cụm từ **của phàm nhân thuộc thiện phàm nhân (kalyāṇajana)** tức trong tất cả phàm nhân thì thuộc thiện nhân bởi vì phàm nhân thuộc thiện nhân là người đầy đủ tất cả giới tốt đẹp.

Gọi là **giới phi cảnh khinh thị** do ý nghĩa không bị các phiền não chấp thủ bởi vì áp chế và từ bỏ được các phiền não chấp thủ đó.

Gọi là **giới an tịnh** bởi vì đình chỉ sự chao đảo bởi các phiền não và đạt đến vắng lặng.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 3 giới thứ 4** như sau: Giới được xếp thành 3 loại do liên quan đến giới thanh tịnh, giới không thanh tịnh... tức giới nào vị tỳ-kheo không phạm hoàn toàn hoặc bị phạm rồi sám hối thì giới đó gọi là **giới thanh tịnh**. Giới chưa phục hồi của vị tỳ-kheo bị phạm gọi là **giới không thanh tịnh**. Giới của vị tỳ-kheo có sự hoài nghi về đối tượng hay về phạm tội hay về hành vi phạm tội (ajjhācāra) thì gọi là **giới hoài nghi**, trong giới hoài nghi tỳ-kheo vi phạm đến đối tượng cần phải làm giảm bớt hoài nghi thì an lạc sẽ có được với vị đó trong trường hợp này.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **phục hồi lại** tức phục hồi lại theo thích hợp với pháp bằng cách sám hối bởi vì giới đó được phục hồi theo bình thường cũng bằng cách này. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **giới đó gọi là giới thanh tịnh** bằng từ **phục hồi lại** này, nên hiểu rằng ngài gom lại lấy sự chủ tâm rằng "Ta sẽ không làm như vậy nữa".

Giới của vị tỳ-kheo hoài nghi như hoài nghi về đối tượng theo cách thức... rằng "Thịt gấu phải chăng? Thịt heo phải chăng?", về phạm tội theo cách thức... rằng: "Là ưng đối trị phải chăng? Là tác ác phải chăng?" hoặc về hành vi phạm tội theo cách thức... rằng: "Ta đã vi phạm đến đối tượng đó

rồi phải chăng? Ta không phạm phải chăng?" gọi là **giới hoài nghi**, chính sự hoài nghi đó gọi là ngờ vực nghĩa là giới hoài nghi đó sẽ phát sanh khi sự phân vân khởi hiện.

Cụm từ **cần phải làm giảm bớt hoài nghi** nghĩa là cần phải làm giảm bớt hoài nghi bằng cách tự mình thẩm xét vấn đề đó hoặc hỏi vị tỳ-kheo trì luật, nếu vấn đề đó không đúng luật (akappiya_không thích hợp theo Đức Phật cho phép) thì loại trừ ra. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **thì an lạc sẽ có được với vị đó trong trường hợp này**.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 3 giới thứ 5** như sau: Giới được xếp thành 3 loại do liên quan đến giới hữu học... tức giới tương ưng với 4 Thánh Đạo và 3 Thánh Quả thấp gọi là **giới hữu học**. Giới tương ưng với A-La-Hán Quả gọi là **giới vô học**. Giới còn lại gọi là **giới phi hữu học phi vô học** (giới không phải là giới hữu học và không phải là giới vô học).

Hậu Sớ Giải

Bằng cụm từ **tương ưng với 4 Thánh Đạo...** Ngài đề cập đến giới liên quan với Đạo và Quả tức tương ưng với Đạo và Quả mà tất cả được chế định diễn tiến gom chung trong từ ("giới hữu học"...) ngay cả trong từ phụ khác (như "tương ưng với 4 Thánh Đạo"...).

Cụm từ **giới còn lại** tức tất cả giới hiệp thế.

Thanh Tịnh Đạo

Còn trong bộ Vô Ngại Giải Đạo thì mặc dù thông thường các chúng sanh trên thế gian họ gọi với nhau giới ám chỉ rằng: "Người này có thói quen an lạc (sukhasīlo), người này có thói quen đau khổ (dukhasīlo), người này có thói quen tranh cãi (kolahasīlo), người này có thói quen chưng diện (maṇḍanasīla)"..., vì vậy theo cách gián tiếp Ngài Sārīputta đề cập rằng giới có 3 loại liên quan đến thiện giới... như: **"Tīṇi sīlāni kusalasīlaṃ akusalasīlaṃ abyākatasīlaṃ**_Giới có 3 loại tức thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới". Trong 3 loại giới đó thì bất thiện giới không ngang bằng về phương diện như trạng thái... của giới thích hợp trong ý nghĩa này cho dù chỉ cùng là 1 phương diện, cho nên tôi không đem vào trong giới xiển minh (sīlaniddesa), vì vậy bậc thiện hạnh nên hiểu giới này có 3 loại theo lý như đã đề cập.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **mặc dù thông thường** tức mặc dù bản chất của mình.

Cụm từ **có thói quen an lạc** tức có sự sống cùng chung với an lạc.

Cụm từ **theo cách gián tiếp đó** tức bằng ý nghĩa nói đến nội dung của từ thông thường.

Một số giới vô ký (abyākatasīla) được gom vào một phần trở thành giới chủ yếu lấy trong giới xiển minh này (được gom vào trong 3 nhóm như giới hữu học..., gom vào trong 2 nhóm như giới hiệp thế...). Do đó, ngài giáo thọ sư để trình bày riêng biệt về tánh chất bất thiện giới là giới không thích hợp mới đề cập rằng **"Tattha akusalaṃ"**...

Thật vậy, trong 3 nhóm như giới hữu học... được Ngài nêu lên trong giới xiển minh, cho nên mới không phải đem 3 nhóm như thiện giới (kusalasīla)... vào trong giới xiển minh này nữa (bởi vì khi đề cập đến 3 nhóm giới hữu học có thể gom vào lấy tất cả giới tương ứng, khi chỉ ngăn riêng biệt giới không tương ứng như bất thiện giới (akusalasīla) thì cũng không nên đem tam đề thiện (kusalatika) vào để nói bởi vì dính vào với bất thiện giới).

Cụm từ **theo lý như đã đề cập** nghĩa là tánh chất giới có 3 loại bậc thiện hạnh nên hiểu theo cách thức mà tôi đã đề cập tức theo số lượng 3 nhóm, 5 nhóm tức 3 nhóm như giới hạ liệt (hīnasīla)... mà không nêu lên 3 nhóm như thiện giới...

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả nhóm 4 giới thì lời luận giải về **nhóm 4 giới đầu tiên** như sau: Giới được xếp thành 4 loại do liên quan đến giới thối phần... tức vị tỳ-kheo nào trong giáo pháp này giao du với các người ác giới, không giao du với người có giới, không thấy không hiểu tội lỗi trong việc

vi phạm và là người nhiều tà tư duy, không phòng hộ các quyền, giới của vị tỳ-kheo này thuộc **giới thối phần**.

Còn vị tỳ-kheo nào trong giáo pháp này là vị hài lòng với giới được đầy đủ (sīlasamapatti), không thích thú làm cho chứng đắc trong việc tu tập nghiệp xứ, giới của vị tỳ-kheo chỉ là vui thích bằng ân đức giới không nỗ lực tiếp tục để đạt được ân đức cao hơn được xếp vào là **giới trụ phần**. Còn vị tỳ-kheo nào có giới đầy đủ luôn tinh cần để đạt được lợi ích về định, giới của vị tỳ-kheo này gọi là **giới tiến hóa phần**. Vị tỳ-kheo nào không vui thích chỉ bằng ân đức giới mà thường xuyên tu tập nhàm chán, giới của vị tỳ-kheo này gọi là **giới yểm ly**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **không thấy tội lỗi trong việc vi phạm** nghĩa là không thấy tội lỗi trong việc vi phạm về phạm tội 9 loại tư duy lớn như dục tầm (kāmasaṇkappa)... gọi là **tà tư duy**.

Khi vị tỳ-kheo không đi đến các vị có giới mà chỉ giao du với các người ác giới, chính sống nương theo tà kiến (diṭṭhānugati) của nhóm người ác giới đó, nên trở thành người không thấy tội lỗi trong việc vi phạm điều chế định, bởi vì là người nhiều tà tư duy nên không phòng hộ các quyền và gìn giữ tâm mới thuần nhất là giới thuộc giới thối phần, chưa được là giới trụ phần thì làm sao là giới tiến hóa phần được?

Cụm từ **là vị hài lòng với giới đầy đủ** nghĩa là hài lòng do đầy đủ giới tức tứ thanh tịnh giới (catuparisuddhisīla).

Cụm từ **không nỗ lực tiếp tục để đạt được ân đức cao hơn** tức không cố gắng để chứng đắc ân đức đặc biệt thêm lên nên xếp vào là giới trụ phần bởi vì không là nền tảng để tiến hành cùng với định, bởi vì giới sẽ tiếp bước diễn tiến cùng với định khi vị tỳ-kheo tu tập định được thành tựu.

Cụm từ **để đạt được lợi ích về định** tức để đạt được lợi ích tâm kiên cố do năng lực thiền chỉ.

Cụm từ **thường xuyên tu tập nhàm chán** nghĩa là thường xuyên tu tiến thiền quán, ngài dùng từ nhàm chán để trình bày thiền quán có sức mạnh bởi vì việc thành tựu giới trở thành giới yểm ly chỉ ước lượng bằng ân đức này.

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 4 giới thứ 2** như sau: Giới được xếp thành 4 loại do liên quan đến giới tỳ-kheo... tức tất cả điều học mà Ngài chế định đến cho các vị tỳ-kheo và là điều học mà các tỳ-kheo nên gìn giữ, việc chế định này gọi là **giới tỳ-kheo**. Điều học mà Ngài chế định đến cho tất cả tỳ-kheo ni và là điều học mà các tỳ-kheo ni nên gìn giữ, cho nên việc chế định này gọi là **giới tỳ-kheo ni**. 10 giới của tất cả sa-di và sa-di ni gọi là **chưa thọ cụ túc giới (anupasampannasīla)**. 5 điều học do liên quan đến thường giới (giới gìn giữ thường xuyên) của tất cả nhóm

cận sự nam, cận sự nữ hoặc khi có sự tinh cần thì 10 điều học, 8 điều học do liên quan đến giới trong ngày bố tát (uposathasīla) đây gọi là **giới cư sĩ**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ gọi là **điều học mà các tỳ-kheo nên gìn giữ** tức một số điều học khác nữa từ việc chế định không phổ biến.

Cụm từ **hoặc khi có sự tinh cần** nghĩa là khi có sự tinh cần sẽ nỗ lực gìn giữ giới.

Cụm từ **10 điều học** ngài đề cập đến giới của tất cả sa-di nên gìn giữ giống như 10 giới của tất cả mọi người như gia chủ Ghatikāra...

Cụm từ **8 điều học** Ngài gom lại lấy điều học tránh xa sự múa hát... và điều tránh xa việc mang tràng hoa... trở thành một điều và ngoại trừ ra điều sau cùng trong 10 điều học mới thành 8 điều học (tức trong 10 điều học gồm điều tránh xa sự múa, hát, đờn kèn và sự thấy điều đối nghịch, điều tránh xa khỏi nơi chốn như việc đeo tràng hoa, chưng diện, trang điểm bông hoa, thoa vật thơm thành một điều và tránh xa việc nhận lãnh vàng, bạc điều sau cùng mới còn lại 8 gọi là 8 điều học).

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 4 giới thứ 3** như sau: Giới được

xếp thành 4 loại do liên quan đến thường giới (pakatisīla)... tức việc không vi phạm giới của tất cả người dân Bắc Cưu Lưu Châu gọi là **thường giới**. Điều thực hành theo phong tục của mình, theo thói quen của dòng tộc, quốc gia và giáo phái gọi là **giới hạnh kiểm**. Giới của mẹ Bồ tát được thuyết như: **"Dhammatā esā ānanda yadā bodhisatto mātukucehiṃ okkonto hoti na bodhisattamātu purisesu mānasaṃ uppajjati kāmaguṇūpasañhitaṃ** _ Này Ānanda, thông thường trong lúc Đức Bồ Tát đản sanh vào thai bào người mẹ thì tất cả ngũ dục nơi tâm không khởi hiện đối với mẹ của Bồ Tát" gọi là **giới tự nhiên**. Còn giới trong các kiếp sống được trong sạch của các chúng sanh, như ngài Mahākassapa... và giới của Bồ Tát gọi là **giới tiền kiếp**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **không vi phạm giới** tức không phạm vào 5 giới.

Cụm từ **thường giới** tức giới theo bản tánh, giới khởi hiện thường xuyên trong Bắc Cưu Lưu Châu, gọi là giới của người dân Bắc Cưu Lưu Châu.

Cụm từ **điều thực hành theo phong tục** tức điều thực hành theo phong tục trong việc không tạo nghiệp có tội mà tất cả người trong dòng tộc... trong nơi đó định đặt cũng là pháp cố nhiên của dòng tộc, quốc gia và giáo phái Ngài nhắm vào là **giới hạnh kiểm**.

Trong pháp cố nhiên của dòng tộc... thì nói về pháp cố nhiên của dòng tộc trước tức không uống chất say của các dòng tộc như dòng tộc bà-la-môn...

Pháp cố nhiên của quốc gia tức không nhiễu hại lẫn nhau của một số nhóm dân nông thôn.

Pháp cố nhiên của giáo phái tức việc hành đạo thường xuyên và việc tu hành theo thời gian của nhóm tu sĩ ngoại đạo, quan kiến của các nhóm tu sĩ ngoại đạo Ngài gọi là chủ thuyết (pāsaṇḍa) do ý nghĩa ném đi bằng bẫy tà kiến, bằng bẫy ái dục hoặc do ý nghĩa ném đi cái thòng lọng ràng buộc theo luật của bậc Thánh.

Từ lời nói (trong Trường Bộ Kinh, Đại phẩm) rằng mẹ của Đức Bồ Tát là người có thường giới, vì vậy giới trong 5 điều học của mẹ Bồ Tát là giới hoàn toàn đầy đủ, giới này đạt đến cao trội không mê muội dù chỉ là khởi lên suy nghĩ dục cảm với người đàn ông là cha của Bồ Tát, ngài gọi là **giới thường nhiên**.

Cụm từ **thì tất cả ngũ dục nơi tâm** tức tâm tạo nên sự vui thích về tất cả dục, liên quan đến sự vui thích trong dục.

Cụm từ **giới thường nhiên** nghĩa là giới theo thông thường tức theo phương thức của nhân là giới tẩy trừ phiền não nhiều nhất theo thực tánh của mình, thường luôn có với mẹ của Bồ Tát do oai lực của giới, do oai lực ân đức của Bồ Tát là bậc đạt đến cùng tột bằng sức mạnh giới ba la mật trong thai bào.

Cụm từ **được trong sạch của các chúng sanh như ngài Mahākassapa...**, bằng từ "..." ngài gom lại lấy các vị được trong sạch khác, như trưởng lão Bhadda... nên hiểu rằng tất cả các vị đó là người có giới thanh tịnh suốt thời gian lâu dài. Vì vậy, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **được trong sạch của các chúng sanh**.

Cụm từ **trong các kiếp sống** tức trong kiếp sống làm vua có giới, làm trâu có giới... Giới này gọi là **giới tiền kiếp** bởi vì là nhân thành tựu đức tánh trong kiếp sống trước.

Lại nữa, giới như thường giới... có sự không vi phạm bởi loại ra việc nguyện thọ trì nên được gom vào trong giới ngăn ngừa (sampattavirati).

Thanh Tịnh Đạo

Lời luận giải trong **nhóm 4 giới thứ 4** như sau: Giới mà Đức Thế Tôn thuyết rằng: **"Idha bhikkhu patimokkhasaṃvarasaṃvuto viharati... sikkhati sikkhāpadesu** _ tỳ-kheo trong giáo pháp này là vị thu thúc với sự thu thúc giới bổn, đầy đủ phẩm hạnh (ācāra) và hành xứ (gocara), thường thấy sợ hãi trong các tội lỗi nhỏ nhặt, luôn thọ trì học tập trong các điều học". Đây gọi là **giới bổn thu thúc giới (pātimokkhasaṃvarasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Từ **tỳ-kheo** là từ trình bày đến vị thực hành đầy đủ giới bổn phòng hộ.

Cụm từ **trong giáo pháp này** tức trình bày đến giáo pháp là nơi nương của mình, của người thực hành giới đang nói đến sự tròn vẹn và phản bác điều như thế đó trong giáo pháp khác. Tương ứng theo lời thuyết (trong Trung Bộ Kinh 12/128) rằng: "Này các tỳ-kheo đệ nhất sa-môn hiện hữu trong giáo pháp này... chủ thuyết của giáo pháp khác rỗng không khỏi các sa-môn".

Cụm từ **là vị thu thúc trong giới bổn phòng hộ** này là từ trình bày đến trường hợp vị tỳ-kheo vững chắc trong giới bổn.

Từ **trú (vihāra)** là từ trình bày đến người sẵn sàng trú trong pháp thích hợp với sự thu thúc trong giới bổn của vị tỳ-kheo.

Cụm từ **đầy đủ phẩm hạnh và hành xứ** là từ trình bày đến pháp trợ giúp đối với giới bổn phòng hộ và đối với các ân đức bậc thượng mà tỳ-kheo cần phải chứng đắc.

Cụm từ **thường thấy sợ hãi trong các tội lỗi nhỏ nhặt** này là từ trình bày đến việc không sai lệch khỏi giới bổn.

Cụm từ **luôn thọ trì** là từ trình bày đến việc nắm giữ các điều học không bỏ sót.

Từ **học tập** là từ trình bày đến vị đầy đủ giới hạnh.

Cụm từ **trong các điều học** là từ trình bày đến pháp nên học tập, lời nào nên đề cập về vấn đề giới bổn phòng hộ, lời đó sẽ trình bày tiếp theo phía sau.

Thanh Tịnh Đạo

Còn giới được thuyết rằng: **"So rūpaṃ disvā na nimittaggāhī hoti... manindriye saṃvaraṃ āpajjati** _ tỳ-kheo thấy sắc bằng mắt là vị không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, các bất thiện pháp xấu xa tức tham, ưu xâm chiếm (tâm) vị tỳ-kheo không thu thúc nhãn quyền, do nhân không thu thúc nhãn quyền, vị tỳ-kheo thực hành thu thúc nhãn quyền, gìn giữ nhãn quyền đạt đến sự thu thúc trong nhãn quyền. Nghe tiếng bằng tai... ngửi mùi bằng mũi... nếm vị bằng lưỡi... xúc chạm bằng thân... biết (cảnh) pháp bằng tâm không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng... đạt đến sự thu thúc trong ý quyền", đây gọi là **quyền thu thúc giới**.

Hậu Sớ Giải

Từ **tỳ-kheo đó** tức vị tỳ-kheo vững chắc trong giới bổn phòng hộ, giới quyền phòng hộ, đối với tỳ-kheo nào như vậy bằng từ "tỳ-kheo đó" Đức Thế Tôn thuyết đến là vị tỳ-kheo vững chắc trong giới bổn phòng hộ.

Sự thu thúc có được bởi pháp nào Ngài thuyết đến pháp đó bằng từ **nhãn (cakkhunā)**.

Cụm từ **là người không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng** Ngài thuyết đến phương pháp của việc thu thúc.

Cụm từ **các bất thiện pháp xấu xa tức tham và ưu**

xâm chiếm... do nhân không thu thúc nhãn quyền Ngài thuyết đến pháp đối nghịch lại với thu thúc và tai hại trong các pháp đó.

Cụm từ **thực hành thu thúc** Ngài thuyết đến thực tánh của niệm là pháp tỳ-kheo cần phải làm cho khởi hiện trước.

Cụm từ **gìn giữ nhãn quyền** Ngài thuyết rằng chính làm cho niệm hiện khởi là gìn giữ nhãn quyền.

Cụm từ **đạt đến sự thu thúc trong nhãn quyền** Ngài thuyết rằng niệm như thế đó gọi là thu thúc trong nhãn quyền này.

Thanh Tịnh Đạo

Còn việc tránh xa tà mạng diễn tiến do liên quan đến việc vi phạm 6 điều học mà Ngài chế định do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc và do liên quan đến các ác pháp như lừa dối (kuhanā), nói đề cao (lapanā), tạo dáng vẽ (nemittikatā), nói áp đặt hù dọa (nippesikatā), có ý định lấy lợi câu lợi, trao đổi lợi lộc (labhena lābhaṃ nijigiṃsanatā)... đây gọi là **nuôi mạng thanh tịnh giới (ājīvapārisuddhisīla)**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **6 điều học** tức điều học liên quan đến phạm tội như bất cộng trụ (pārājika)... 6 trường hợp (trong Luật_bộ Tập Yếu (parivāra). 8/254) theo cách thức như "Do nuôi

mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo nói khoe pháp bậc cao nhân không hiện hữu, chưa khởi hiện"...

Lời nói nương vào vấn đề dối trá làm cho họ lầm lạc như nói gạ gẫm... gọi là **lừa dối (kuhanā)**.

Việc nói tự đề cao mình hoặc đề cao thí chủ cúng dường vật dụng bằng cách làm cho họ cúng dường một số vật dụng gọi là **nói tâng bốc (lapanā)**.

Thân nghiệp và ngữ nghiệp tỏ vẻ cho biết được để khiến họ cúng dường vật dụng Ngài gọi là **ra dấu**, tỳ-kheo nào ra dấu hoặc tỏ vẻ tỳ-kheo đó gọi là **biểu lộ dáng vẻ (nemittiko)**.

tỳ-kheo gọi là người nói hù dọa áp đặt (nippesa) do ý nghĩa áp đặt bằng lời nói thô thiển như việc chửi rủa... đối với người khác để được lợi ích về lợi lộc giống như việc nghiền nát tất cả bột nhuyễn ra như bột thơm... Do đó, chính việc hù dọa áp đặt (nippesa) trở thành người hù dọa áp đặt (nippesika) tánh chất của tỳ-kheo gọi là người hù dọa áp đặt đó gọi là **người áp đặt hù dọa người khác (nippesikatā)**.

Việc tầm cầu lợi lộc từ người khác bằng lợi lộc của mình vì là người tham lam gọi là **lấy lợi câu lợi, trao đổi lợi lộc (labhena lābhaṃ nijigiṃsanatā)**.

Cụm từ **liên quan đến các ác pháp như...** bằng từ... ngài trình bày gom lại là lời nói của người nịnh bợ, là người tham muốn cư xử thấp kém...

Thanh Tịnh Đạo

Việc thọ dụng tứ vật dụng thanh tịnh bởi vì quán tưởng theo cách: **"Paṭisaṇkhāyoniso cīvaraṃ paṭisevati, yāvadeva sītassa paṭighātāya**_tỳ-kheo quán tưởng nên thọ dụng y phục đúng pháp chỉ để ngăn ngừa sự lạnh...".

Đây gọi là **giới quán tưởng tứ vật dụng (paccayasannisitasīla)**.

Hậu Sớ Giải

Thanh tịnh tức không mê muội do việc quán tưởng, việc xem xét (paccavekkhaṇa) gọi là **thanh tịnh do quán tưởng**.

Vị tỳ-kheo sử dụng tứ vật dụng bằng pháp, vì vậy pháp đó gọi là thọ dụng tứ vật dụng (catupaccayaparibhogo) bằng chủ tâm không tội lỗi diễn tiến theo trường hợp như vậy.

Thu Thúc Trong Giới Bổn

(Patimokkhasaṃvarasīla)

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo kệ ngôn diễn giải cùng với lời giải thích theo tuần tự ban đầu kể từ trước trong 4 loại giới như giới bổn thu thúc... Từ **idha** tức trong giáo pháp này. Từ **bhikkhu** tức thiện nam tử xuất gia do niềm tin tên như vậy bởi vì sợ hãi trong vòng luân hồi hoặc là người mặc vải vụng... Trong cụm từ **thu thúc với sự thu thúc giới bổn** này, nghĩa là điều học giới gọi là giới bổn. Thật vậy, người nào thu thúc thì luôn gìn giữ điều học giới, điều học giới làm cho người đó giải thoát khỏi tất cả khổ như khổ trong khổ cảnh... cho nên mới gọi điều học giới là **giới bổn (pātimokkha)**. Sự ngăn ngừa tức **phòng hộ (saṃvara)** là tên gọi của việc không vi phạm theo đường thân và đường ngữ. Phòng hộ bằng giới bổn gọi là **thu thúc trong giới bổn**, vị tỳ-kheo thu thúc bằng giới bổn thu thúc gọi là **thu thúc với sự thu thúc giới bổn (pātimokkhasaṃvarasaṃvuto)**, nghĩa là người am hiểu đầy đủ. Từ **viharati** tức an trú.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **ban đầu kể từ trước** tức từ đầu của pháp thuyết bằng cụm từ **tỳ-kheo trong giáo pháp này**.

Cụm từ **kệ ngôn diễn giải** tức lời nói dẫn đến việc diễn giải bằng cách xua tan hoài nghi trong nơi đó.

Bởi vì ý nghĩa đầu tiên (của từ tỳ-kheo là người thấy sợ hãi trong vòng luân hồi) phổ biến với tất cả mọi người, ngài giáo thọ sư khi trình bày ý nghĩa theo cách gián tiếp riêng biệt với tu sĩ không phổ biến (với mọi người) mới đề cập rằng **hoặc là người mặc vải vụng** bằng cách đã đề cập này ngài giáo thọ sư trình bày là người thích hợp đối với giới bổn phòng hộ đầy đủ của tỳ-kheo đó.

Lại nữa, tánh chất mà người mặc vải vụng... thường có đối với người nghèo khổ mà tất cả mọi người hiếp đáp, cho nên ngài giáo thọ sư làm cho vị tỳ-kheo đặc biệt hơn người nghèo khổ mới đề cập trước rằng **người xuất gia do niềm tin**, đề cập rằng **thiện nam tử** để trình bày đến người thích hợp với việc thực hành có thể là thiện nam tử hay gia tộc thiện nam tử, gọi là thiện nam tử do ý nghĩa có thể sẽ thực hành được.

Cụm từ **điều học giới** tức giới mà Ngài chế định liên quan đến điều học được phân loại thành tác trì giới (cārittasīla) và ngăn trì giới (varittasīla).

Từ **người nào** là trình bày phân ra không xác định chắc chắn, như một người nào đó.

Cụm từ **điều học giới đó** tức giới liên quan trong Luật.

Gọi là **làm cho người đó giải thoát khỏi** bởi là nhân cùng thực hành chung.

Gọi là **khổ trong khổ cảnh** do ý nghĩa là khổ có trong cõi khổ, bằng từ… ngài gom chung lấy khổ luân hồi trong tất cả khổ cảnh đó.

Gọi là **sự ngăn ngừa** tức việc ngăn chặn thân môn, ngữ môn, thân môn và ngữ môn, xem như thu thúc tức ngăn chặn bằng pháp nào, pháp đó gọi là **phòng hộ**, nhưng để giải thích phòng hộ là sự không vi phạm 7 nhóm tội (āpatti) đối nghịch lại sự vi phạm. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **phòng hộ là tên gọi của việc không vi phạm bằng đường thân và đường ngữ**.

Cụm từ **vị tỳ-kheo thu thúc bằng giới bổn thu thúc** nghĩa là vị có thân môn và ngữ môn được ngăn ngừa bằng giới bổn thu thúc, tỳ-kheo như vậy là người được gọi là am hiểu giới bổn thu thúc và được gọi là đầy đủ giới bổn thu thúc. Vì vậy, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **am hiểu đầy đủ**.

Thanh Tịnh Đạo

Ý nghĩa của cụm từ **đầy đủ phẩm hạnh và hành xứ** bậc hiền trí nên hiểu theo cách trong pāḷi điều này thích hợp như Đức Thế Tôn thuyết rằng: **"Ācāragocarasampannoti atthi ācāro… ācāragocarasampanno**_đầy đủ phẩm hạnh

và hành xứ" nghĩa là phẩm hạnh đang có, phi phẩm hạnh cũng đang có.

Trong phẩm hạnh (ācāra) và phi phẩm hạnh (anācāra) đó.

Vấn: ***Phi phẩm hạnh*** *là thế nào?*

Đáp: Việc vi phạm bằng thân, vi phạm bằng ngữ, vi phạm bằng thân và ngữ, đây gọi là phi phẩm hạnh.

Tất cả ác giới gọi là phi phẩm hạnh. Một số vị tỳ-kheo trong giáo pháp này thành tựu sự nuôi mạng bằng việc cho cây tre, hoặc cho lá cây hoặc cho hoa, quả, vật để tắm rửa, cây chà răng hoặc trở thành người nịnh bợ hoặc là người có lời nói giống như nấu canh đậu hoặc bằng công việc nuôi trẻ hoặc bằng công việc nhận đưa tin hoặc bằng một loại tà mạng nào khác nữa mà Đức Phật chê trách. Đây gọi là phi phẩm hạnh.

Trong phẩm hạnh và phi phẩm hạnh đó.

Vấn: ***Phẩm hạnh*** *là thế nào?*

Đáp: Việc không vi phạm bằng thân, không vi phạm bằng ngữ, không vi phạm bằng thân lẫn bằng ngữ, đây gọi là phẩm hạnh. Tất cả giới phòng hộ gọi là phẩm hạnh, một số vị tỳ-kheo trong giáo pháp này không nuôi mạng bằng việc cho cây tre hoặc bằng việc cho lá cây hoặc bằng việc cho hoa, quả, đồ vật để tắm rửa, cây chà răng hoặc là người nịnh bợ, hoặc là người có lời nói giống như nấu canh đậu, hoặc bằng công việc nuôi trẻ con, hoặc bằng công việc

nhận đưa tin hoặc không nuôi mạng bằng một loại tà mạng nào khác nữa mà Đức Phật chê bai. Đây gọi là phẩm hạnh.

Hậu Sớ Giải

Từ **trong pāḷi** tức trong pāḷi thiền phân tích (jhānavibhaṇga), trong pāḷi thiền phân tích đó Đức Thế Tôn để thuyết về phẩm hạnh của sa-môn và hành xứ của sa-môn theo sự thật, mới thuyết rằng: **"Đầy đủ bằng phẩm hạnh và hành xứ"**.

Ví như người trước khi chỉ đường thì phải chỉ đường cho họ nắm giữ để tránh trước rằng: "Xin ngài hãy tránh đường bên trái, rồi hãy đi đường bên phải" như thế nào, hoặc ví như việc sửa soạn trang điểm bằng bông hoa, thoa vật thơm thường là phận sự thích hợp đối với người tẩy sạch sự dơ bẩn từ mồ hôi bằng việc gội rửa như thế nào thì sự đầy đủ trong pháp hiền thiện (kalyānadhamma) thường là phận sự thích hợp với tỳ-kheo từ bỏ ác pháp như thế đó. Vì vậy, Đức Thế Tôn khi nêu 2 từ rằng: "Phẩm hạnh đang có, phi phẩm hạnh cũng đang có" lên thuyết Ngài có ý định phân tích phi phẩm hạnh (nên loại trừ) trước, mới thuyết rằng "Trong cả 2 phẩm hạnh và phi phẩm hạnh đó. Vấn: Phi phẩm hạnh như thế nào?".

Trong tất cả nhóm từ đó 3 thân ác hạnh gọi là **vi phạm bằng thân**, 4 ngữ ác hạnh gọi là **vi phạm bằng ngữ**, cả 2 ác hạnh gọi là **vi phạm bằng thân lẫn bằng ngữ** theo trường hợp này được xem như Ngài thuyết đến vi phạm

bát trì mạng giới (ājīvaṭṭhamakasīla) bấy giờ Ngài có ý định thuyết về phi phẩm hạnh theo đường tâm, khi thuyết rằng **tất cả ác giới gọi là phi phẩm hạnh**. Trước khi Ngài thuyết đến việc thực hành tiếp theo rằng là một phần trong phi phẩm hạnh theo đường tâm mới thuyết rằng **một số tỳ-kheo trong giáo pháp này…**

Trong tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **bằng việc cho cây tre** nghĩa là bằng việc cho cây tre bởi vì muốn tứ vật dụng phát sanh, ngay cả trong câu **bằng việc cho lá cây…** cũng có ý nghĩa như vậy. Từ **cây tre** tức một bó tre nào mà mọi người đem đi để sử dụng làm lợi ích.

Gọi là **lá cây** tức lá cây dùng để làm lợi ích trong việc ướp mùi cho vật thực, một loại khác nữa, tức lá thốt nốt, lá dừa…

Gọi là **bông** tức một loại bông nào mà mọi người đem đi sử dụng để làm lợi ích được, **quả** cũng có lý giống như vậy.

Cụm từ **đồ vật để tắm rửa** tức vật để tẩy rửa sử dụng trong việc tắm rửa như xà bông… ngay cả bột cát cũng gom vào trong đồ vật để tắm rửa.

Gọi là **cây chà răng** tức vật dùng để tẩy uế răng miệng cho sạch sẽ.

Gọi là **người nịnh bợ** tức đặt mình vào trong địa vị thấp kém giống như nô lệ của họ, chấp nhận lời nói sai quấy của người khác rồi tâng bốc họ bởi vì muốn được thương mến.

Cụm từ **là người có lời nói giống như nấu canh đậu** tức là người tương tự như với việc nấu canh đậu bởi nuôi mạng bằng lời nói đùa cợt, giống như trong việc nấu canh đậu mà họ đang nấu sôi thì số lượng đậu chín nhiều, số lượng ít thì không chín như thế nào, thì vị tỳ-kheo nuôi mạng bằng lời nói đùa cợt thường có lời nói không thật nhiều, lời nói thật thì chỉ chút ít như thế đó.

Gọi là **bảo mẫu nuôi trẻ** tức người chăm sóc trẻ con của người khác, việc làm bảo mẫu nuôi trẻ gọi là **công việc nuôi trẻ**. Cụm từ công việc nuôi trẻ này là tên gọi của việc chăm sóc trẻ trong dòng tộc bằng phận sự như chưng diện…

Việc đem thư báo và thư hồi âm nhận lấy của nhóm cư sĩ đó đi vào trong khoảng giữa các nơi chốn như khoảng giữa nhà, khoảng giữa quốc gia… gọi là **công việc nhận đưa tin**.

Cụm từ **bằng một loại tà mạng nào khác nữa** tức bằng một loại tà mạng nào khác nữa của tất cả tà mạng như việc cho cây tre… hoặc của tất cả tà mạng như việc nuôi bệnh, trông coi tài sản nhà cửa, trao đổi đồ vật, ham muốn vật dụng phát sanh đến Tăng và phát sanh đến bảo tháp… của vị tỳ-kheo nuôi mạng bằng tất cả tà mạng.

Cụm từ **Đức Phật chê bai** tức Chư Phật khiển trách, ngăn cấm.

Cụm từ **bằng tà mạng** tức không phải bằng chánh mạng.

Cụm từ **đây gọi là phi phẩm hạnh** nghĩa là tất cả sự việc trên Ngài nói rằng phi phẩm hạnh.

Từ giải thích về phẩm hạnh bậc hiền trí nên hiểu theo cách đối lập lại phi phẩm hạnh.

Thanh Tịnh Đạo

Từ "hành xứ" (gocara) nghĩa hành xứ đang có, phi hành xứ cũng đang có.

Trong hành xứ (gocara) và phi hành xứ (agocara) đó.

Vấn: ***Phi hành xứ*** *là như thế nào?*

Đáp: Một số vị tỳ-kheo trong giáo pháp này là người đi đến gái mại dâm hay đi đến đàn bà góa, gái lỡ thời, thiếu nữ, người bán nam bán nữ, tỳ-kheo ni, quán rượu hay là người giao du sống gần gũi với nhóm cư sĩ không phù hợp như nhóm vua chúa, nhóm quan đại thần, nhóm tu sĩ ngoại đạo, nhóm đệ tử của tu sĩ ngoại đạo hoặc các gia tộc không có đức tin, không thành tín, không giống như giếng nước, mắng chửi và chỉ trích, muốn làm tổn hại, không muốn ủng hộ, không muốn làm cho an lạc, không muốn làm cho bình an khỏi sự ràng buộc đối với chư tỳ-kheo, chư tỳ-kheo ni, các cận sự nam, các cận sự nữ, họ thường giao du, thân cận, ngồi gần gũi với các gia tộc đó, đây gọi là phi hành xứ.

Trong hành xứ và phi hành xứ đó.

Vấn: ***Hành xứ*** *là như thế nào?*

Đáp: Vị tỳ-kheo trong giáo pháp này là người không đi đến gái mại dâm..., không là người đi đến quán rượu, không là người giao du sống gần gũi với nhóm cư sĩ không phù hợp như nhóm vua chúa... nhóm đệ tử của tu sĩ ngoại đạo hoặc các gia tộc có đức tin, có tâm thành tín giống như giếng nước, chói sáng với vải y cà sa như gió từ gió của ẩn sĩ thổi chạm đến, muốn tạo lợi ích... muốn tạo sự bình an khỏi sự ràng buộc đối với chư tỳ-kheo, chư tỳ-kheo ni, các cận sự nam, các cận sự nữ, họ thường giao du, thân cận, ngồi gần gũi với các gia tộc, đây gọi là hành xứ, tỳ-kheo là người đi đến, đạt đến, dẫn đến, am hiểu, kết hợp bằng phẩm hạnh và hành xứ.

Hậu Sớ Giải

Mặc dù trong lời trình bày giải thích đến hành xứ là nguyên nhân để đề cập đến phi hành xứ trước, bậc trí giả nên hiểu theo lý mà tôi đã đề cập theo cách thức trước.

Từ **hành xứ** tức địa điểm (ṭhāna) [nơi chốn cũng được, người cũng được] mà tỳ-kheo nên đi vào để được lợi ích về các vật dụng, như đi trì bình...

Địa điểm không nên đi vào gọi là **phi hành xứ**.

Gái mại dâm mà vị tỳ-kheo đó đi đến, vì vậy tỳ-kheo đó gọi là **có gái mại dâm là hành xứ** nghĩa là nơi chốn mà tỳ-kheo đi đến tạo điều kiện quen biết nhau như bạn bè nữ nhân nuôi mạng bằng nhan sắc gọi là **gái mại dâm**, gái mại

dâm đó tỳ-kheo không nên đi đến để liên hệ dính líu quen biết nhau như bạn bè bởi vì sẽ gây tai tiếng cho sa-môn và là nhân mà bất cứ ai cũng chê bai được, cho dù là người có tâm thanh tịnh. Do đó, việc đi đến để khất thực tỳ-kheo nên làm cho niệm khởi hiện trước rồi mới đi.

Nữ nhân mà chồng chết hoặc nữ nhân bỏ chồng, ngài gọi là **đàn bà góa**.

Nữ nhân già không có chồng gọi là **gái lỡ thời**.

Bán nam bán nữ gọi là **lưỡng tính** bởi vì nhóm bán nam bán nữ có phiền não dầy đặc không yên tịnh sự nóng nảy (do phiền não) được, là người hầu như nói năng thiên về vật chất thế gian (lokāmisa), vì vậy mới là người mà tỳ-kheo không nên đi đến.

Nữ nhân có phạm hạnh cao thượng gọi là **tỳ-kheo ni** cũng giống như chư tỳ-kheo sự tổn hại của phạm hạnh cũng có được do việc đi đến liên hệ dính líu quen biết nhau bằng thời gian chỉ 2 - 3 ngày, bởi vì bản chất của tỳ-kheo và tỳ-kheo ni là đối tượng ngược lại với nhau. Do đó, tỳ-kheo ni mới là người mà tỳ-kheo nên chánh niệm trong lúc đi đến do phận sự thăm hỏi người bệnh...

Quán rượu gọi là tửu quán (pānāgāraṃ), quán rượu là nơi không vắng lặng yên tĩnh do nhóm người say sưa, tỳ-kheo không nên đi vào trong quán rượu bởi vì là nơi làm cho tổn hại đối với phạm hạnh do sự say xỉn... từ nhóm người đó.

Trong cụm từ là người sống giao du với các hàng vua chúa... nghĩa là tất cả nhóm người nào hướng theo việc cai trị vương sản, nhóm người đó gọi là **vua chúa**.

Tất cả người đầy đủ quyền tước, giống như quyền hành của vua chúa gọi là **quan đại thần**.

Tu sĩ ngoài Phật Giáo là người có quan kiến dị thường gọi là **nhóm tu sĩ ngoại đạo**, tất cả người bố thí tứ vật dụng là người trung thành vững chắc với nhóm tu sĩ ngoại đạo đó gọi là **đệ tử của nhóm tu sĩ ngoại đạo**.

Cụm từ **giao du không phù hợp đối với các ân đức** nghĩa là người giao du sống gần gũi không phù hợp tức đối lặp lại Tam Học là nhân đưa đến tổn hại cho phạm hạnh hoặc thối hóa khỏi pháp tạo điều kiện tẩy sạch phiền não.

Bấy giờ, ngài giáo thọ sư để trình bày gián tiếp sự khác biệt về loại khác nữa, mới đề cập rằng: **Hoặc các gia tộc...**

Trong tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **gia tộc không có đức tin** tức gia tộc không có đức tin nơi Tam Bảo như Đức Phật... chính do không có đức tin đó mới gọi là **không thành tín**.

Một lý khác nữa, gia tộc gọi là **không có đức tin** bởi vì không tin về nghiệp và quả của nghiệp, gọi là **không thành tín** bởi vì không tịnh tín nơi Tam Bảo.

Cụm từ **mắng chửi và chỉ trích** tức gia tộc mắng chửi bằng tất cả vấn đề phỉ báng (akkosanavatthu) và hăm dọa bằng cách biểu lộ điều đáng sợ hãi.

Gọi là **muốn làm tổn hại** do ý nghĩa không muốn làm cho lợi ích, chỉ muốn làm tổn hại.

Gọi là **không muốn ủng hộ** do ý nghĩa không muốn giúp đỡ, chỉ muốn gây trở ngại.

Gọi là **không muốn làm cho an lạc** do ý nghĩa không muốn làm cho hạnh phúc, chỉ muốn làm cho bất hạnh.

Gọi là **không muốn làm cho bình an khỏi sự ràng buộc** do ý nghĩa không muốn làm cho thoát khỏi sự kinh sợ, chỉ muốn làm cho không thoát khỏi sự kinh sợ.

Trong cụm từ **đối với chư tỳ-kheo** này gom chung lấy tất cả sa-di.

Trong cụm từ **đối với chư tỳ-kheo ni** này gom chung lấy tất cả nhóm học nữ (sikkhamānā) và sa-di ni, bởi vì câu trình bày đến gia tộc muốn làm tổn hại... là đề cập đến người là dòng dõi của tất cả tôn giáo.

Cụm từ **tất cả gia tộc đó** tức tất cả gia tộc như gia tộc Sát Đế Lỵ...

Cụm từ **thường giao du** tức sống nương nhờ gia tộc đó.

Cụm từ **thân cận** tức thường đi đến.

Cụm từ **ngồi gần gũi** tức đi đến thường xuyên.

Cụm từ **đây gọi là** nghĩa là hành xứ như gái mại dâm... như vua chúa... và có gia tộc không có đức tin... Cả 3 trường hợp là hành xứ không thích hợp với tỳ-kheo đang giao du đi đến đó, cho nên mới gọi là **phi hành xứ**.

Thật vậy, trong tất cả 3 trường hợp phi hành xứ này thì việc đi đến kết hợp với gái mại dâm... gọi là **phi hành xứ** bởi vì là nơi nương của ngũ dục tương ứng với lời thuyết (trong Tương Ưng Kinh. 19/197) rằng: "Này các tỳ-kheo, thế nào là phi hành xứ thuộc lãnh vực của tỳ-kheo, phi hành xứ thuộc lãnh vực của tỳ-kheo ni? Tức ngũ dục".

Đi đến kết hợp với vua chúa... gọi là **phi hành xứ** bởi vì không là điều kiện thích hợp (upanissayapaccaya) đối với sa-môn pháp và bởi vì là nhân chuyển đổi từ lợi đắc cung kính trở thành đòn roi và tà kiến suy vong (diṭṭhivipatta).

Đi đến kết hợp với gia tộc không có đức tin... gọi là **phi hành xứ** bởi vì dẫn đến sự vui thích đối với tư duy là nhân làm cho thối chuyển đức tin.

Trong việc trình bày giải thích về hành xứ thì các từ... như **không có gái mại dâm là hành xứ** nên hiểu là hành xứ đối lặp lại hành xứ đã đề cập.

Cụm từ **gia tộc... giống như giếng nước** tức gia tộc giống như giếng nước thích hợp đối với việc sử dụng thuận tiện, giống như hồ sen mà họ xây tại ngã tư đường.

Cụm từ **chói sáng với vải y cà sa** tức có tia sáng tỏa ra từ ánh sáng của vải cà sa mà chư tỳ-kheo và tỳ-kheo ni đắp và lâm y đó.

Cụm từ **như gió từ gió của ẩn sĩ thổi chạm đến** tức có gió thổi chạm từ gió của y và gió của thân thể khởi lên từ

việc co duỗi của vị ẩn sĩ, nghĩa là vị tỳ-kheo và tỳ-kheo ni đi, vào ở trong nhà.

Một lý khác nữa, có gió thổi bay đi ác pháp mà nhóm ẩn sĩ đó diệt trừ tuyệt diệu ra khỏi rồi thổi chạm đến.

Thanh Tịnh Đạo

Một lý khác nữa, trong nội dung này bậc hiền trí nên hiểu phẩm hạnh và hành xứ theo lý này. Phi phẩm hạnh có 2 loại là phi phẩm hạnh theo đường thân và phi phẩm hạnh theo đường ngữ.

Trong 2 loại phi phẩm hạnh đó...

Vấn: ***Phi phẩm hạnh theo đường thân*** *là như thế nào?*

Đáp: Một số vị tỳ-kheo trong giáo pháp này đi đến nơi chư Tăng hội họp không tôn trọng, đứng chen lấn các tỳ-kheo trưởng lão, hay ngồi chen lấn, hay đứng phía trước, hay ngồi phía trước, hay ngồi trên tọa cụ cao hơn, hay ngồi trùm mình lẫn đầu, hay đứng nói, hay lắc tay nói, khi các tỳ-kheo trưởng lão đi kinh hành không mang dép thì ngược lại mình đi kinh hành mang dép, khi ngài đi kinh hành nơi thấp thì ngược lại mình đi kinh hành nơi cao, khi ngài đi kinh hành trên đất thì ngược lại mình đi kinh hành trên nơi kinh hành, đứng sát các vị tỳ-kheo trưởng lão, ngồi sát hay cản trở chỗ ngồi của vị tân tỳ-kheo, bỏ củi vào trong nhà bếp đóng cửa lại mà không trình báo cho các vị trưởng lão, ngay cả nơi bến nước cũng chen chúc các tỳ-kheo trưởng

lão hay đi trước hay chen vào đi trước các tỳ-kheo trưởng lão hay thường hấp tấp đi vào trong phòng của gia chủ là phòng kín đáo và che khuất là nơi nữ nhân trong gia tộc (và) bé gái trong gia tộc ngồi với nhau, hay vuốt ve đầu của bé trai, đây gọi là phi phẩm hạnh theo đường thân.

Trong 2 loại phi phẩm hạnh đó.

Vấn: ***Phi phẩm hạnh theo đường ngữ*** *là như thế nào?*

Đáp: Một số vị tỳ-kheo trong giáo pháp này đi đến nơi chư Tăng hội họp không tôn trọng, không trình báo các tỳ-kheo trưởng lão, vấn đáp về Pháp tụng giới bổn đứng nói hay lắc tay nói, hay đi đến lần lượt từng nhà nói nhảm với nữ nhân hoặc bé gái rằng "Này, mẹ con tên gì, họ gì? Sư sẽ uống gì? Sẽ thưởng thức gì? Sẽ ăn gì? Hoặc các con sẽ dâng cái gì cho sư?". Đây gọi là phi phẩm hạnh theo đường ngữ. Còn phẩm hạnh bậc thiện trí nên hiểu liên quan đến lời nói đối nghịch lại phi phẩm hạnh.

Một lý khác nữa, tỳ-kheo là người có sự cung kính, có sự vâng lời, đầy đủ tàm và qúy, mặc chỉnh tề, vấn chỉnh tề, bước tới, bước lui, nhìn tới, nhìn lui, co tay, duỗi chân đáng tịnh tín, đưa mắt nhìn xuống đầy đủ oai nghi, gìn giữ các môn quyền, biết độ lượng trong vật thực, thường luôn tỉnh thức, đầy đủ niệm tỉnh giác, thiểu dục, tri túc, không quần tụ đông đảo, thực hành tinh cần như thường xuyên nghiêm túc thực hành giới thắng hạnh bằng sự cung kính và tôn trọng, đây gọi là phẩm hạnh.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **apica bhikkhu** tức "này các tỳ-kheo, còn nữa"... diễn tiến liên quan đến việc trình bày phẩm hạnh của tỳ-kheo là lời trong sớ giải không phải lời thuyết trong pāḷi.

Tánh chất quan trọng hoặc làm cho vững chắc ân đức tín, giới, văn và thí... là nhân gọi là **cung kính**, tỳ-kheo gọi là có sự cung kính do ý nghĩa thực hành với sự cung kính.

Việc lắng nghe do bắt nguồn từ sự cung kính và tôn trọng..., tất cả tỳ-kheo hiện diện trong vai trò đáng cung kính gọi là đáng tôn trọng (paṭissā) tức việc thực hành của tỳ-kheo có sự vâng lời, tỳ-kheo đó gọi là người vâng lời (sappaṭisso) do ý nghĩa thực hành với sự cung kính.

tỳ-kheo gọi là **đầy đủ tàm và qúy** bởi vì có tâm hổ thẹn và là người có sự e dè sợ hãi cao độ.

Gọi là **mặc chỉnh tề, vấn chỉnh tề** liên quan đến sự tròn vẹn ưng học pháp (sekhiyadhamma).

Cụm từ **đáng tịnh tín** tức là nhân dẫn đến tịnh tín.

Cụm từ **đầy đủ oai nghi** tức có oai nghi vẹn toàn, bằng câu oai nghi vẹn toàn ngài đề cập đến người có các oai nghi cho dù là oai nghi phụ cũng đáng tịnh tín như oai nghi ngoài ra việc bước tới, bước lui... cũng đáng tịnh tín.

Cụm từ **gìn giữ các môn quyền** tức gìn giữ thận trọng trong 6 môn như nhãn môn quyền...

Cụm từ **biết độ lượng trong vật thực** tức biết độ lượng theo tất cả trường hợp liên quan đến việc tìm kiếm, thọ nhận và thọ thực... trong tứ vật dụng mà gọi với nhau là vật thực, bởi vì là đồ vật mà người sử dụng.

Cụm từ **thường luôn tỉnh thức** tức thường luôn thực hành do năng lực pháp tỉnh thức, nghĩa là khéo tác ý nơi tâm (manasikāra) tu tiến suốt đêm canh đầu và canh cuối, là người thực hành chín chắn pháp tỉnh thức.

Cụm từ **đầy đủ niệm tỉnh giác...** là trình bày đến yếu tố của phạm hạnh.

Trong tất cả các câu đó, tỳ-kheo không ham muốn gọi là **người thiểu dục**.

Từ **tri túc** tức người vui thích đồ vật đang có, liên quan đến sự vui thích như đã được... (vui thích như đã được (yathālābhasandosa), vui thích theo thích hợp với khả năng (yathābalasandosa), vui thích theo thích hợp với vai trò (yathāsārūpasandosa).

Cụm từ **bằng sự cung kính và tôn trọng** tức là người thực hành với sự cung kính nhiều trong các vị tỳ-kheo là người hiện diện trong vai trò cung kính.

Cụm từ **đây gọi là phẩm hạnh** nghĩa là người có sự cung kính... này gọi là **phẩm hạnh** bởi vì tất cả tỳ-kheo muốn được lợi ích thì nên thực hành.

Thanh Tịnh Đạo

Đối với hành xứ thì có 3 loại là:

- Hành xứ thân cận (upanissayagocara).

- Hành xứ phòng hộ (ārakkhagocara).

- Hành xứ cột tâm (upanibandhagocara).

Trong 3 loại đó.

Vấn: ***Hành xứ thân cận*** *là như thế nào?*

Đáp: Thiện bạn hữu là người đầy đủ đức tánh như 10 vấn đề nên bàn luận (kathāvatthu) là người mà tỳ-kheo nương vào thường được nghe pháp chưa được nghe, chỉnh đốn pháp đã nghe được hoàn hảo, dứt khỏi được hoài nghi, chấn chỉnh tri kiến được chơn chánh, làm cho tâm được tịnh tín.

Một lý khác nữa, chờ đợi lắng nghe theo thiện bạn hữu nào làm tăng trưởng đức tin, tăng trưởng giới, văn, thí, tuệ, thiện bạn hữu này gọi là hành xứ nên thân cận.

Vấn: ***Hành xứ phòng hộ*** *là như thế nào?*

Đáp: tỳ-kheo trong giáo pháp này đi đến tuần tự theo từng nhà, bước đi trên đường đưa tầm mắt nhìn xuống như thường liếc mắt nhìn khoảng hắc tay, đi thu thúc không đi xem voi, không đi xem ngựa, không đi xem xe cộ, không đi xem người đi bộ, không đi xem phụ nữ, không đi xem đàn ông, không đi ngửa mặt nhìn lên, không đi cúi mặt

nhìn xuống, không liếc nhìn hướng chính, hướng phụ, đây gọi là hành xứ phòng hộ.

Vấn: ***Hành xứ cột tâm*** *là như thế nào?*

Đáp: Tứ niệm xứ là nơi tỳ-kheo đem tâm cột vào. Điều này tương ứng như Đức Thế Tôn thuyết rằng: **"Ko ca bhikkhave bhikkhuno gocaro sako pettiko visayo? Yadidaṃ cattāro satipaṭṭhāna** _ Này các tỳ-kheo thế nào là hành xứ là lãnh vực tổ tiên của tỳ-kheo? Hành xứ lãnh vực tổ tiên của tỳ-kheo là gì? Tứ niệm xứ". Đây gọi là hành xứ cột tâm.

Tỳ-kheo là người am hiểu... đầy đủ phẩm hạnh và hành xứ theo trường hợp đã đề cập trên vì vậy mới gọi là đầy đủ phẩm hạnh và hành xứ.

Hậu Sớ Giải

Hành xứ tạo điều kiện cho các ân đức như giới... gọi là **hành xứ thân cận (upanissayagocara)**.

Hành xứ là pháp gìn giữ, tức niệm gọi là **hành xứ phòng hộ (ārakkhagocara)**.

Hành xứ là cứ điểm của việc đi vào cột tâm, nghĩa là nghiệp xứ (kammaṭṭhāna) gọi là **hành xứ cột tâm (upanibandhagocara)**.

Tỳ-kheo đầy đủ các đức tánh như vấn đề để đàm luận nương vào 10 loại ly luân hồi (vivaṭṭa) như thiểu dục... gọi

là **người đầy đủ đức tánh như 10 vấn đề nên bàn luận** do tạo nên bởi 10 vấn đề nên bàn luận nên gọi là **thiện bạn hữu (kalyāṇamitta)**, do ý nghĩa người bạn tốt sẽ đem đến điều tốt đẹp trong tương lai.

Cụm từ **thường được nghe pháp chưa được nghe** như khế kinh (sutta) và ứng tụng (geyya)... làm cho trí văn khởi hiện.

Cụm từ **chỉnh đốn pháp đã nghe được hoàn hảo** nghĩa là chỉnh đốn pháp như khế kinh, ứng tụng... đã nghe chưa được hoàn hảo, bởi vì chưa được thông suốt hoàn toàn tức không để cho rắc rối che kín bằng việc nêu lên câu hỏi...

Trong tất cả các pháp đó thì các pháp nào còn trong khía cạnh đáng hoài nghi thì cắt đứt hoài nghi về các pháp đó gọi là **dứt khỏi được hoài nghi**.

Gọi là **chấn chỉnh tri kiến được chơn chánh** bằng cách làm cho chánh kiến tức quan kiến chín chắn về nghiệp, quả của nghiệp và ân đức Tam Bảo được chơn chánh.

Bởi vì **làm cho tâm được tịnh tín** bằng cách đầy đủ 2 loại đức tin (tức đức tin về nghiệp và về quả của nghiệp, về ân đức của Tam Bảo).

Một lý khác nữa, tỳ-kheo khi nghe pháp như đã nghe được hoàn hảo, ghi nhận đến danh pháp và sắc pháp diễn tiến theo pháp đã được nghe, ghi nhận danh sắc cùng duyên được gọi là **chấn chỉnh tri kiến được chơn chánh** bởi vì

lấn áp được sự quanh co tức quan kiến sai lầm rằng chúng sanh diệt mất.

Gọi là **dứt khỏi được hoài nghi** trong cả 2 thời bởi vì sự thấy chỉ là năng duyên (paccaya) và sở duyên (paccayupanna) của các pháp và tiếp theo từ đó khi tu tiến thiền quán bằng mãnh lực của các tuệ như sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa)... thì liễu tri được Thánh vức (ariyabhūmi) gọi là **làm cho tâm được tịnh tín** nơi ân đức Tam Bảo bằng đức tin bất động.

tỳ-kheo như vậy do chờ đợi lắng nghe theo thiện bạn hữu nên không suy giảm khỏi các ân đức pháp như đức tin... chỉ thuần nhất làm tăng trưởng thêm lên. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **một lý khác nữa, chờ đợi lắng nghe theo thiện bạn hữu nào...**

Cụm từ **tuần tự theo từng nhà** tức khu xóm nhà là nơi đi lại của tỳ-kheo, được gọi là tuần tự theo từng nhà do ý nghĩa là nơi có nhà trong quãng (có thành từng đoạn).

Trong xóm làng thường lui tới (gocaragāma) tỳ-kheo gọi là **bước đi trên đường** do việc tìm kiếm vật thực tại mỗi căn nhà.

Cụm từ **đưa tầm mắt nhìn xuống** tức phóng tầm mắt xuống thấp.

Vấn: Vì sao tỳ-kheo là người đưa tầm mắt nhìn xuống, ngài giáo thọ sư đề cập rằng **thường liếc mắt nhìn khoảng hắc tay?**

Từ **thu thúc** tức phòng hộ, trong điều này tỳ-kheo gọi là người thu thúc bằng trường hợp nào, ngài giáo thọ sư để trình bày trường hợp thu thúc đó mới đề cập rằng "không đi xem voi"...

Cụm từ **là nơi tỳ-kheo đem tâm cột vào** tức tất cả niệm xứ là nơi cột tâm.

Từ **cittaṃ** tức tu tiến tâm.

Cụm từ **cột tâm vào** nghĩa là đem tâm cột vào tương ứng với lời nói rằng:

Người khi thuần hóa con bò nên cột vào cây cọc như thế nào, tỳ-kheo trong giáo pháp này trước khi thuần hóa tâm của mình nên cột chắc vào cảnh bằng dây niệm như thế đó.

Ngài giáo thọ sư trước khi trình bày hành xứ cột tâm của tất cả niệm xứ mới đề cập rằng **tương ứng như lời Đức Thế Tôn thuyết...**

Trong tất cả các từ đó thì cụm từ **là lãnh vực tổ tiên** nghĩa là lãnh vực đang có của Đức Thế Tôn là bậc tổ tiên, Đức Thế Tôn đã thấy và đã thuyết.

Thanh Tịnh Đạo

Cụm từ **thường thấy sợ hãi trong các tội lỗi nhỏ nhặt** tức là người thường thấy sợ hãi trong các tội lỗi có ước lượng nhỏ nhặt được phân loại là tâm bất thiện... thuộc

phận sự ưng học pháp (sekhiyavatta) mà tỳ-kheo không cố ý phạm.

Cụm từ **thường thọ trì học tập trong các điều học** nghĩa là một loại giới nào mà tỳ-kheo nên học tập trong tất cả các điều học, tỳ-kheo luôn thọ trì đúng đắn học tập tất cả giới đó. Trong vấn đề này chỉ bằng câu: "Là vị thu thúc với sự thu thúc giới bổn" là Ngài trình bày giới bổn thu thúc bằng cách thuyết theo quan điểm nhân sinh (puggalādhitthāna). Còn cụm từ "đầy đủ phẩm hạnh và hành xứ"... nên hiểu rằng thuyết để trình bày điều thực hành đó theo trường hợp giới ấy sẽ thành tựu với người thực hành.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **trong các tội lỗi có ước lượng nhỏ nhặt** tức trong các tội lỗi có ước lượng nhỏ nhặt nhất.

Cụm từ **được phân loại là tâm bất thiện... thuộc phận sự ưng học pháp mà tỳ-kheo không cố ý phạm**. Cụm từ "không cố ý" nên hiểu rằng là từ làm rõ thêm cho cụm từ phận sự ưng học pháp "asañciccaāpannasekhiyesu akusalacittuppādādibhedesu".

Lại nữa, bằng từ "ưng học pháp" nên hiểu rằng là việc thọ trì các phận sự... mà tất cả đều thuộc trong nhóm chương phận sự (khandhakavatta)... Tất cả các phận sự đó ngài giáo thọ sư nói là ưng học pháp do ý nghĩa tỳ-kheo

nên học tập. Thật vậy, trong tiêu đề (mātikā) Ngài không xác định tất cả phận sự ưng học pháp giống như xác định đến điều học khác như bất cộng trụ... cho nên Ngài nêu lên rằng **phận sự ưng học pháp mà tỳ-kheo không được cố ý phạm**, việc dùng từ **"không được cố ý"** mới là sử dụng thích hợp.

Lại nữa, gọi là thoát khỏi tội bởi vì không biết tất cả 75 điều thuộc phận sự ưng học pháp mà chẳng phải trong tiêu đề, trong nơi đây bằng cụm từ **không được cố ý** ngài giáo thọ sư gom lại cả sự không nhớ và không biết.

Nhưng một số nhóm giáo thọ sư đề cập trong câu "asañciccaāpanna... bhedesu" này bằng cụm từ **không được cố ý phạm** cho rằng ám chỉ lấy nhóm không cố tình phạm (acittakāpatti _ phạm tội do không chủ tâm) câu nói ấy chỉ là tư kiến của các nhóm giáo thọ sư đó, bởi vì trong nơi đây Ngài có ý định lấy tất cả tội nhẹ bằng việc chủ tâm sẽ không tái phạm hoặc để chấm dứt bằng việc sám hối bởi vì trong tất cả tội nặng thì một số tội do không cố ý phạm cũng có (nếu nắm giữ theo tư kiến nhóm giáo thọ sư này cũng sẽ hàm ý đến tội nặng). Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết (trong Thắng Pháp bộ Phân Tích 35/333) rằng "Tất cả các tội nào có ước lượng nhỏ, có ước lượng nhẹ, biết với nhau là nhẹ"..., bằng từ v.v... nên hiểu đến việc gom chung lại tất cả tội không là nhân dẫn đến phạm tội nhưng cũng không nên phạm để trong sạch theo thu thúc trong giới bổn.

Cụm từ **thường thấy sợ hãi** tức có sự thấy theo tánh chất trong các tội có ước lượng nhỏ nhặt nhất bằng như núi Tu Di cao 6800 do tuần hoặc có sự thấy theo tánh chất tất cả tội nhẹ chỉ là tác ác (dubbhāsita) bằng như bất cộng trụ.

Cụm từ **một loại giới nào** tức một loại giới nào khác biệt nhau theo chế định cơ bản (mūlapaññatti), chế định tiếp theo (anupaññatti), chế định phổ biến (sabbatthapaññatti) và chế định theo quốc độ (padesapaññatti)... mà tỳ-kheo nên học tập tức nên thực hành, nên làm cho đầy đủ.

Từ **thọ trì** tức nắm giữ cho đúng đắn hoàn toàn, tức bằng cách cung kính theo mọi trường hợp.

Vấn: *Đầy đủ của phẩm hạnh và hành xứ này có liên quan vào trong giới bổn chăng? Hay không liên quan?*

Đáp: Có liên quan.

Do nhắm vào điều phản bác rằng: "Nếu là như vậy, vì sao ngài giáo thọ sư đề cập rằng sự đầy đủ của phẩm hạnh và hành xứ vào thêm nữa?" (nghĩa là khi đầy đủ phẩm hạnh và hành xứ thì liên quan vào trong giới bổn rồi, khi nói rằng "thu thúc trong giới bổn" (paṭimokkhasaṃvara) cũng là nói đến phẩm hạnh và hành xứ rồi, tại sao nói phải tách ra nữa).

Ngài giáo thọ sư mới giải thích rằng: "Trong vấn đề này chỉ bằng câu là vị thu thúc với sự thu thúc giới bổn"...

Giải thích: Quyền thu thúc giới (indriyasaṃvarasīla) là

yếu tố (tức nhân trợ giúp) cho thu thúc trong giới bổn, khi quyền thu thúc giới đang hiện hữu thì tỳ-kheo mới gìn giữ sự thu thúc trong giới bổn được.

Quyền Thu Thúc Giới
(Indriyasaṃvarasīla)

Thanh Tịnh Đạo

Còn về quyền thu thúc giới Ngài trình bày theo cách thức: "Tỳ-kheo thấy sắc bằng mắt không là người nắm giữ tướng chung, tướng riêng"... Lời luận giải về quyền thu thúc giới như sau:

Từ **tỳ-kheo** tức tỳ-kheo an trú trong sự thu thúc giới bổn.

Cụm từ **thấy sắc bằng mắt** tức thấy sắc bằng nhãn thức, có thể trong việc thấy sắc được gọi là "mắt" bởi ảnh hưởng của nguyên nhân. Còn các giáo thọ sư tiền bối thì đề cập rằng "Mắt không thấy sắc được bởi vì không phải là tâm, tâm cũng không thấy sắc được bởi vì không phải là mắt, tuy nhiên khi có sự xúc chạm nhau của môn với cảnh thì người mới thấy bằng tâm có thần kinh nhãn là nơi nương". Lời nói như vậy gọi là lời nói kết hợp sự liên quan (sasambhārakathā) như trong câu "bắn bằng cung"... Do đó, trong cụm từ thấy sắc bằng mắt có nghĩa là thấy sắc bằng nhãn thức.

Hậu Sớ Giải

Câu **tỳ-kheo tức tỳ-kheo an trú trong sự thu thúc giới bổn**.

Giải thích:

Khi quyền thu thúc giới này tỳ-kheo thành tựu đầy đủ thì giới bổn thu thúc giới mà người thu thúc sẽ được tốt đẹp tức được gìn giữ vững chắc, giống như cây mạ có hàng rào gai vây quanh như thế đó.

Cụm từ **bởi ảnh hưởng của nguyên nhân** tức do ảnh hưởng của nguyên nhân không phổ biến.

Giải thích:

Ngài thuyết đến quả do ảnh hưởng của nguyên nhân không phổ biến, giống như lời nói rằng "giống lúa nếp, tiếng trống"... (lúa nếp là nguyên nhân của giống lúa nếp mà không phổ biến với giống lúa khác, cái trống là nguyên nhân của tiếng trống, không phổ biến với tiếng khác như tiếng trống bỏi...).

Một lý khác nữa, cụm từ **thấy sắc bằng mắt** là lời nói về pháp theo cách kêu gọi đến nơi nương (nissayavohāra) , giống như nói rằng: "Những chiếc giường tạo ra tiếng kêu"... (tức người nằm trên giường tạo ra tiếng).

Từ **sắc** tức sắc xứ.

Trong cụm từ "thấy sắc bằng mắt" này, nếu như mắt

thấy sắc được thì mắt diễn hoạt với thức khác cũng sẽ thấy sắc được như nhau, nhưng điều này không có được.

Vấn: *Vì sao không có được?*

Đáp: Bởi vì mắt là pháp không có chủ tâm (cetanā) cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **mắt không thấy sắc được bởi vì không phải là tâm**.

Vấn: *Nếu như vậy, thức thấy sắc được, nên thấy được sắc đó cho dù diễn tiến bên ngoài vách... cũng vẫn được do thực tánh không có sự xúc chạm (với cảnh)?*

Đáp: Ngay cả điều này cũng không được nữa, bởi vì thức sẽ không thấy sắc được nếu không có mắt. Do đó, ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập rằng **tâm cũng không thấy sắc được bởi vì không phải là mắt**.

Trong cụm từ thấy sắc bằng mắt Ngài ám chỉ đến nhãn đã có thức khởi hiện, sắc không phải loại nhãn nào cũng thấy chỉ khi thức nương vào nhãn để thấy và không phải thức nào cũng thấy được sắc. Thức đó sẽ không khởi hiện được nơi cảnh bị ngăn che bằng vật nào đó như vách tường... là nơi khuất lấp trái nghịch lại ánh sáng, nhưng trong nơi nào không có sự trở ngại do ánh sáng như mái nhà... làm bằng kiếng trong suốt thì thức sẽ khởi hiện được dù bị ngăn che.

Cụm từ **thấy sắc bằng mắt** này ám chỉ nhãn có thức đã khởi hiện.

Cụm từ **dvārārammaṇasaṇghaṭṭe** tức khi có sự xúc chạm nhau của môn và cảnh, nghĩa là khi cảnh sắc đến phạm vi của nhãn môn.

Cụm từ **bằng tâm có thần kinh nhãn là nơi nương** tức tâm diễn tiến nương vào thần kinh nhãn, nghĩa là thức gọi với nhau là nhãn thức.

Từ **thấy** tức nhìn, khi thức có thần kinh nhãn là nơi nương của mình rồi thì sử dụng nơi nương ấy làm lợi ích cho mình nhằm soi rọi cảnh sắc và nhờ có ánh sáng trợ giúp cho hiện bày, nên đề cập đến người đầy đủ bởi thức đó được rằng "họ thấy sắc", việc soi rọi cho hiện bày trong nơi đây tức làm cho phơi bày theo thực tánh sự thật, như lời Ngài nói rằng "nắm giữ rõ ràng".

Khi việc thấy sắc bằng thức hoàn thành thì lời nói rằng "thấy sắc bằng mắt" như vậy gọi là **lời nói kết hợp sự liên quan (sasambharakathā)**, giống như khi người xạ thủ dùng cây tên bắn trúng tấm bia thì mới gọi là **bắn xuyên thủng bằng cây tên** là nhân của cây tên.

Lời nói song hành cùng với sự liên quan gọi là lời nói kết hợp với sự liên quan.

Do đó, cụm từ **lời nói như vậy gọi là lời nói kết hợp sự liên quan** tức lời nói kết hợp với nguyên nhân của sự thấy.

Một lý khác nữa, lời nói đề cập đến sự thấy cùng với nguyên nhân gọi là **lời nói kết hợp với sự liên quan**.

Từ **do đó** tức bởi vì việc thấy sắc thuần nhất bằng mắt hoặc thuần nhất bằng thức không có được.

Thanh Tịnh Đạo

Cụm từ **là người không nắm giữ tướng chung** tức không nắm giữ tướng nữ nhân (hình dáng... là nhân làm cho hiểu là người nữ), tướng nam nhân (hình dáng... là nhân làm cho hiểu rằng là người nam) hoặc tướng chung là cứ điểm nương vào của phiền não như mỹ tướng (subhanimitta)... luôn tồn tại trong sắc chỉ cần được thấy mà thôi.

Cụm từ **không là người nắm giữ tướng riêng** tức không nắm giữ sự khác biệt về tay, chân, đầu, sự cười, sự nói, sự khéo nói, sự ngó nhìn... gọi là tướng riêng, vì tướng phụ là nhân làm cho hiện bày rõ ràng của tất cả phiền não, bộ phận nào có thật trên thân thể thì nắm giữ bộ phận đó, giống như trưởng lão Mahātissa sống ở núi Cetiyapabbata.

Hậu Sớ Giải

Trong cụm từ **tướng nữ nhân, tướng nam nhân** nghĩa là hình dáng nương gá trong sự tiếp nối của nữ nhân mà mọi người nắm giữ bằng cách nương vào sắc làm trọng yếu, như sự mềm mại của làn da, khuôn mặt không có râu, quấn búi tóc, mặc vải và các oai nghi như đi, đứng... không mạnh bạo, tất cả gọi là tướng nữ nhân (itthīnimitta) vì là nhân để làm cho biết rằng là nữ nhân, nên hiểu đến tướng nam nhân (purisanimitta) theo cách thức ngược lại như đã đề cập.

Trong cụm từ **hoặc tướng chung là cứ điểm nương vào của phiền não như mỹ tướng...** tức trạng thái đáng ham muốn là nhân phát sanh tham ái gọi là **mỹ tướng**.

Bằng "..." tức gom lại tất cả tướng như đối nghịch tướng (paṭighanimitta)... đối nghịch tướng đó nên hiểu là trạng thái không đáng ham muốn... là nhân phát sanh sân...

Lại nữa, cụm từ **không là người nắm giữ tướng chung** này trong pāḷi chỉ đề cập đến pháp tham và sân (có lẽ ám chỉ riêng biệt mỹ tướng và đối nghịch tướng), cho dù như vậy bậc trí giả có ý định gom vào lấy cả thản nhiên tướng (upekkhānimitta), bởi vì ngay cả si khởi hiện cũng do không suy xét, không có sự phòng hộ.

Ngài sẽ đề cập tiếp theo rằng **sự quên lãng hay không biết khởi lên gọi là không phòng hộ** (bởi vì không thu thúc quyền nên nắm giữ thản nhiên tướng thì si tức sự không biết sẽ khởi lên).

Trong câu **thản nhiên tướng** này là cảnh làm cứ điểm cho sự không hiểu biết (aññānupekkhā) nên hiểu đây là sự liên quan đến việc không suy xét của tỳ-kheo.

Theo trường hợp đã đề cập trên là đề cập theo tóm tắt về nguyên nhân sanh khởi của các phiền não tức tham, sân, si gọi là tướng như mỹ tướng... cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **tướng chung là nơi nương của phiền não**.

Cụm từ **luôn tồn tại trong sắc chỉ cần được thấy mà thôi** nghĩa là việc diễn giải về xứ (màu sắc) luôn tồn tại trong sắc chỉ cần nắm giữ bằng nhãn thức và bằng các tâm lộ, bởi thuyết trong kinh (Tiểu Bộ _ bộ Cảm Hứng Ngữ (udāna). 25/83) rằng **diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati** (trong việc thấy chỉ thấy sắc mà thôi) không ghi nhận lấy trạng thái nào khác ngoài ra việc thấy đó như trạng thái đẹp đẽ...

[Chú thích của người dịch:

Để hiểu rõ về vấn đề này xin đề cập nơi đây ý nghĩa vài đoạn trong bài kinh:

Ngài Bāhiyadāruciriya bạch hỏi ý nghĩa này với Đức Thế Tôn mặc dù đến lần thứ 3 rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, sự tổn hại về tánh mạng của con khó biết được, xin Đức Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, xin Bậc Thiện Thệ hãy thuyết pháp dẫn đến hỗ trợ lợi ích an lạc cho con lâu dài".

Đức Thế Tôn nói rằng: "Này Bāhiya nếu như vậy tại nơi đây, con nên học tập như vầy: Trong việc thấy chỉ có thấy sắc, trong việc nghe chỉ có nghe tiếng, trong việc đi đến xúc chạm chỉ có xúc chạm cảnh xúc, trong việc biết chỉ có biết pháp mà thôi, này Bāhiya con nên học tập như vậy].

Cụm từ **là nhân làm cho hiện bày rõ ràng** tức bởi vì là nhân làm cho hiển lộ, là nhân làm cho tỏ tường.

Giải thích:

Khi ghi nhận trạng thái đẹp đẽ... nơi các bộ phận cơ thể như tay... của đối tượng theo tánh chất riêng biệt thì các phiền não sẽ khởi hiện nối tiếp nhau theo các bộ phận thân thể ấy nên trở thành rõ rệt, vì vậy các bộ phận thân thể đó mới được đề cập rằng: "tướng phụ (anubyañjana) là nhân làm cho hiện bày rõ ràng của tất cả phiền não".

Nhưng bởi vì các bộ phận thân thể đó là trạng thái nương vào nhau của tất cả sắc tứ đại và sắc y sinh nên mới nắm giữ theo trạng thái như vậy. Thật vậy, nếu loại bỏ trạng thái đó ra thì cái gì gọi là "tay"... chẳng phải đang có theo pháp chơn đế. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **không nắm giữ sự khác biệt theo tay, chân...**

Vấn: *Nắm giữ cái gì?*

Đáp: **Bộ phận nào có thật trong thân thể thì nắm giữ các bộ phận đó**, nghĩa là bộ phận nào như tóc, lông... hoặc chỉ là sắc tứ đại và sắc y sinh đang có trong thân đó thì nắm giữ các bộ phận đó theo sự thật như thế.

Trước khi trình bày ví dụ của việc nắm giữ theo trạng thái không đẹp đẽ... trong thân thể đó, ngài giáo thọ sư mới dẫn chứng câu chuyện của trưởng lão Tissa trình bày bằng câu **trưởng lão Mahātissa sống ở núi Cetiyapabbata...**

Thanh Tịnh Đạo

Có câu chuyện như sau:

Có một nữ nhân là con dâu của một gia tộc, sau khi

cãi nhau với chồng, mới trang điểm sửa soạn giống như nàng thiếu nữ Kaññā và rời khỏi thành Anurādhapura ngay từ sáng sớm để đi đến nhà quyến thuộc, nhìn thấy trưởng lão từ núi Cetiyapabbata đến thành Anurādhapura để khất thực trong giữa đường đi vào thì có tâm sái quấy bật cười lớn tiếng. Trưởng lão nhìn thấy thì nói rằng: "Chuyện gì vậy?" rồi trở lại tưởng bất mỹ (asubhasaññā) nơi răng của nữ nhân đó thì tác chứng A-La-Hán. Do đó, ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập rằng...

"Trưởng lão đứng ngay tại nơi đó, nhìn thấy răng của nữ nhân rồi thì trở lại suy xét bằng tưởng trước kia thì tác chứng A-La-Hán".

Về phần chồng của nữ nhân khi đuổi theo gặp trưởng lão thì hỏi rằng "Bạch ngài, ngài có thấy một nữ nhân chăng?". Trưởng lão đáp rằng: "Ta không biết rằng nữ hay nam đi từ nơi này, chỉ thấy bộ xương đang đi trên đường cái".

Hậu Sớ Giải

Trong tất cả từ đó thì từ **sumaṇḍitapasāditā** tức sửa soạn và trang điểm mà các người hiểu biết nói rằng việc làm đẹp thân thể bằng các đồ trang sức bên ngoài gọi là "chưng diện" (maṇḍana), liên quan đến thoa phấn... gọi là "trang điểm" (pasādhana).

Một lý khác nữa, việc làm đẹp bằng các vật trang sức và vật như vải... gọi là "trang điểm" (pasādhana), việc

làm cho phần thiếu sót được đầy đủ gọi là "chưng diện" (maṇḍana).

Cụm từ **có tâm sái quấy** nghĩa là có tâm bất thường do mãnh lực của tham ái.

Cụm từ **trưởng lão nhìn thấy** nghĩa là trưởng lão đang đi cùng với sự tác ý nghiệp xứ (kammaṭṭhāna) nhìn thấy như vậy thì nói rằng: "Chuyện gì vậy?" diễn tiến theo tiếng cười phát ra và do tác ý về nghiệp xứ ban đầu nhưng vẫn còn tiếng động là cây gai.

Cụm từ **tưởng bất mỹ** tức tưởng bộ xương bởi vì trong lúc đó trưởng lão đang tu tiến đề mục bộ xương (aṭṭhikammaṭṭhāna).

Cụm từ **thì tác chứng A-La-Hán** nghĩa là khi trưởng lão nhìn thấy răng của nữ nhân đang cười thì Tương tự tướng (paṭibhāganimitta) và Cận định (upacārajhāna) vô cùng hoàn hảo bởi vì việc tu tiến trước kia mà ngài đã tu tiến thuần thục nên lúc đang đứng chứng đắc được sơ thiền về ấn tướng (nimitta) đó rồi lấy sơ thiền làm nền tảng tu tiến minh quán tác chứng A-La-Hán đoạn tuyệt lậu hoặc theo sự nối tiếp nhau của Đạo.

Cụm từ **trở lại suy xét bằng tưởng trước kia** nghĩa là ghi nhớ tích tập lại đề mục bộ xương đã từng chú niệm hoặc đã từng thực hành thường xuyên theo thời gian thích hợp.

Từ **anumaggaṃ** đi đuổi theo, bằng với từ **anupathaṃ**

nghĩa là đi đuổi theo dấu chân của nữ nhân đó, nên biết rằng do việc tu tiến của ngài trưởng lão đã thuần thục nên khi chỉ nhìn thấy răng thì toàn thân thể của nữ nhân đó hiện bày với ngài thành bộ xương, nên ngài mới không biết là nữ nhân hoặc nam nhân. Do đó, mới đề cập rằng **ta không biết rằng… đi trên đường cái**.

Thanh Tịnh Đạo

Lời giải thích về từ **yatvādhikaraṇamenaṃ…** như vậy. Tất cả pháp bất thiện như tham… phải xuôi chảy theo tức liên quan dính theo người không thu thúc nhãn quyền vì là người không khép kín nhãn môn bằng cánh cửa niệm. Vì sao? Vì do không thu thúc nhãn quyền.

Cụm từ **thường thực hành thu thúc nhãn quyền** có nghĩa là người thực hành để khép kín nhãn quyền bằng cánh cửa niệm và khi thực hành như vậy cũng gọi là thường gìn giữ nhãn quyền, lẫn có thể nói được rằng đạt đến thu thúc trong nhãn quyền.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi đề cập rằng **do không thu thúc nhãn quyền** rồi, còn đề cập **thực hành để khép kín nhãn quyền bằng cánh cửa niệm** nữa nghĩa là không phải thực hành để không thu thúc, lời nói này ngài giáo thọ sư đề cập để giải thích rằng: "Việc xuôi chảy theo của pháp như tham..." bởi vì chính nhãn quyền không thu thúc nào

mà Đức Thế Tôn nêu lên thuyết việc xuôi chảy theo của pháp như tham... Ngài thuyết rằng dẫn đến do nhãn quyền không thu thúc tức nhãn quyền là nhân của việc xuôi chảy theo của pháp như tham... giống như là nhân của thức theo đường nhãn môn, khi nhãn quyền không thu thúc thì tất cả pháp như tham... cũng xuôi chảy theo do nhân không phòng hộ, vì nhãn quyền mà người không thu thúc cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết bằng trường hợp đó.

Từ **yatvādhikaranaṃ** có nghĩa là "do nhân của nhãn quyền nào".

Vấn: *Do nhân của nhãn quyền là như thế nào?*

Đáp: Do nhân của nhãn quyền không thu thúc. Nghĩa là tất cả ác pháp thường xuôi chảy theo người không thu thúc là gì? Đây là câu kết hợp trong vấn đề này, tức "tất cả pháp như tham... luôn xuôi chảy theo người bị ghi nhận bởi việc xuôi chảy theo của các ác pháp do nhân không thu thúc nhãn quyền, để thực hành thu thúc nhãn quyền đó".

Thanh Tịnh Đạo

Trong cụm từ "đạt đến thu thúc trong nhãn quyền" nghĩa là thu thúc hay không thu thúc thật ra không thuộc nhãn quyền. Bởi vì niệm hay quên lãng thất niệm chẳng phải nương vào thần kinh nhãn mà hiện khởi, tuy nhiên trong lúc nào cảnh sắc vào đến phạm vi của nhãn tác động tâm hữu phần khởi hiện rồi diệt đi 2 sát na thì ý giới duy tác

khởi hiện làm phận sự khai môn (avajjanakicca) cho hoàn thành rồi diệt đi. Tiếp theo đó nhãn thức cũng khởi hiện làm phận sự thấy cho hoàn thành rồi diệt đi. Kế đến ý giới dị thục quả (vipākamanodhātu) cũng khởi hiện làm phận sự tiếp thâu xong rồi thì diệt đi. Tiếp đến tâm ý thức giới vô nhân (ahetukacittamanoviññāṇadhātu) thuộc dị thục quả cũng khởi hiện làm phận sự quan sát hoàn thành rồi diệt đi. Sau đó ý thức giới tố vô nhân (kiriyā) cũng khởi hiện làm phận sự phán đoán, tâm đổng lực khởi hiện theo tuần tự của ý thức giới tố vô nhân.

Trong tất cả tâm đó dù thu thúc hay không thu thúc cũng không hiện hữu vào thời điểm của tâm hữu phần, hay vào thời điểm của lộ tâm như khai môn... hoặc một loại nào. Tuy nhiên trong sát na của tâm đổng lực nếu như là người ác giới, quên lãng thất niệm, không hiểu biết, không nhẫn nại hay biếng nhác hiện khởi thì gọi là không thu thúc. Không thu thúc như vậy gọi là **không thu thúc trong nhãn quyền**. Vì sao? Bởi vì khi không thu thúc (hoặc khi là người ác giới...) thì cả môn, hữu phần lẫn tất cả lộ tâm như tâm khai môn... cũng không được phòng hộ.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **tuy nhiên trong sát na của tâm đổng lực nếu như là người ác giới...** mà ngài đề cập trong nơi đây tức trong nhãn môn để không phải đề cập lại nữa, vì vậy nên hiểu theo tương ứng với việc khởi hiện trong 6 môn.

Thật vậy, trong 5 môn thì việc trở thành người ác giới chẳng phải nói đến thân ác hạnh và ngữ ác hạnh. Do đó, phải kết hợp việc không phòng hộ trở thành người ác giới bởi có thể do ý môn không phòng hộ còn sót lại bởi có thể do cả 6 môn.

Giải thích:

Tất cả việc không phòng hộ như quên lãng thất niệm... khởi hiện được trong 5 môn bởi vì là bất thiện pháp... đối lập lại niệm, việc trở thành người ác giới là phạm vào theo đường thân và đường ngữ không khởi hiện trong 5 môn được bởi vì đồng lực trong 5 môn không làm cho sắc biểu tri (viññatti) khởi hiện (thân ác hạnh và ngữ ác hạnh gọi là người ác giới diễn tiến do nương vào sắc biểu tri, nhưng sắc biểu tri chỉ khởi hiện nơi tâm theo đường ý môn).

Việc không phòng hộ trở thành người ác giới... trong nơi đây ngài đề cập bằng cách đối lập lại 5 thu thúc (saṃvara) như giới bổn thu thúc...

Thanh Tịnh Đạo

So sánh giống như thế nào? So sánh giống như khi không đóng 4 cửa thành, mà cửa phòng đóng lại... bên trong nhà cho dù có đóng lại kỹ càng thì đồ vật bên trong các cổng thành cũng gọi là không được gìn giữ, không được bảo vệ bởi vì bọn cướp đi vào theo lối cổng thành rồi thì sẽ cướp đoạt đồ vật theo như ý muốn. Điều đó như

thế nào thì việc không phòng hộ trở thành người ác giới... khởi hiện được trong tâm đồng lực khi không phòng hộ dẫn đến cả môn xem như không được bảo vệ cùng với tâm hữu phần và các lộ tâm như tâm khai môn... cũng xem như không được phòng hộ giống như vậy.

Nhưng khi tất cả việc phòng hộ như giới... đã khởi hiện trong tâm đồng lực đó thì môn xem như được phòng hộ cùng với tâm hữu phần lẫn tất cả tâm lộ như tâm khai môn... cũng được phòng hộ. So sánh như khi các cổng thành được đóng kín thì bất cứ đồ vật nào bên trong nhà... mặc dù không được đóng kín và tất cả đồ vật bên trong thành cũng gọi là được gìn giữ kỹ càng, được phòng hộ tốt, bởi vì khi đóng kín các cổng thành thì bọn cướp không đi vào được. Việc đó như thế nào thì khi tất cả phòng hộ như giới… khởi hiện trong tâm đồng lực lẫn môn xem như được phòng hộ, cùng với tâm hữu phần và tất cả lộ tâm như tâm khai môn… cũng xem như được phòng hộ giống như vậy.

Ngay cả trong cụm từ **"nghe tiếng bằng tai"…** cũng cùng cách thức này. Giới như đã đề cập trên nên hiểu theo tóm tắt là quyền thu thúc giới ngoài ra việc nắm giữ tướng (chung)… có trạng thái phiền não dính theo.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **so sánh giống như thế nào?** Nghĩa là không phòng hộ khởi hiện trong tâm đồng lực gọi là không thu

thúc trong nhãn quyền bằng trường hợp như thế nào, thì ví dụ trình bày đến trạng thái không thu thúc trong nhãn quyền đó.

Bằng từ **yathā dịch là "so sánh giống như"…** Ngài trình bày sự thông thường của một loại thực tánh không được bảo vệ.

Một lý khác nữa cũng xem như không thu thúc như sau:

"Khi không phòng hộ tức không thu thúc đang có trong đổng lực thì pháp khác như môn… liên quan với đổng lực đó cũng xem như không thu thúc, giống như khi không thu thúc tức không bảo vệ nơi cổng thành thì tất cả nơi khác bên trong thành như nhà cửa… xem như cũng không được bảo vệ". Như vậy, không phải trình bày đến sự việc có trước giống nhau hoặc có sau giống nhau (không phải như vậy do tâm đổng lực không ví dụ như cổng thành được bởi vì cổng thành có trước tức đến trước rồi mới đi vào bên trong nhưng đổng lực có sau tức khởi hiện sau môn và lộ tâm có tâm hữu phần…) hoặc cũng chẳng phải trình bày sự việc có trong bên trong giống nhau hoặc có trong bên ngoài giống nhau.

Một lý khác, xem như ngài đề cập đến đổng lực sanh lên tiếp theo nữa, trong khi pháp như môn và tâm hữu phần… đang có, thì đổng lực ví như cổng thành bởi vì đại diện cho bên ngoài và đề cập pháp như môn… ngoài ra đại diện bên trong thành.

Pháp như tâm hữu phần… đã diễn hoạt trong giai đoạn trước, dù cho không có trong giai đoạn của tâm đổng lực thì cũng được gọi là "đang có" bởi vì sự hoàn thành của quả như pháp có nhãn… giống như vậy bởi vì không phải chỉ riêng biệt pháp vẫn còn tồn tại được gọi là "đang có".

Lại nữa, cụm từ mà tôi đề cập rằng "bởi vì đại diện cho bên ngoài", tôi có ý muốn nói cho dù tâm đổng lực không có bên ngoài thì pháp ngoài ra đây không có bên trong theo chơn đế, nhưng bởi vì có lời thuyết (trong Tăng Chi Kinh. Pháp một chi. 20/11) rằng: "Này các tỳ-kheo, tâm trong sáng tuy nhiên tâm đó vẫn đục do các tùy phiền não là người khách ghé đến (āgantuka)"… Do đó, tâm đổng lực là khách nên bất cứ lúc nào cũng có bên ngoài được, pháp ngoài ra có thực tánh trái ngược nhau với đổng lực đó cũng có bên trong theo cách thức này (tức theo lời nói từ trong kinh nêu ra).

Một lý khác nữa, khi không phòng hộ khởi hiện nơi đổng lực thì pháp khác từ các pháp như môn và tâm hữu phần… cũng xem như không được thu thúc do nhân của việc không phòng hộ bởi vì tánh chất pháp như môn và tâm hữu phần… là nhân của không phòng hộ mà bậc thiện trí biết được do sự khởi hiện của không phòng hộ. Sự việc bọn cướp tức người ác giới… đi vào theo lối đổng lực so sánh giống như cổng thành rồi cướp đoạt đồ vật tức thiện pháp biến mất, ngài mới đề cập đến các pháp như môn và tâm hữu phần…

Thật vậy, không phòng hộ khởi hiện trong môn nào thì sự không phòng hộ trong môn đó diễn tiến tựa như đi vào cắt đứt điều kiện đối với các pháp phòng hộ như môn…

Do đó, sự liên quan nhau của các pháp như môn và tâm hữu phần với tâm đổng lực phải hiểu theo pháp liên quan trong việc nối tiếp nhau như một.

Trong điều này có giải thích rằng khi cảnh sắc đến phạm vi nhãn môn, thì đổng lực thiện, đổng lực bất thiện khởi hiện 7 lần do năng lực của nhân thực hiện theo quy luật pháp... (trong sớ giải bộ Pháp Tụ đề cập rằng "Tâm khởi hiện thuộc pháp thiện: 1- Do năng lực của quy luật pháp thực hiện, 2- Do năng lực biến đổi tức biến đổi từ bất thiện trở thành thiện, 3- Do năng lực thường xuyên thực hành tức làm cho đến khi quen thuộc, 4- Do năng lực suy xét tức suy xét đúng phương pháp tiến hành được do nương vào trong quốc độ thích hợp... tạo điều kiện (upanissayapaccaya) rồi chìm vào tâm hữu phần", khi tâm đổng lực ý môn tương ứng với đổng lực trong ngũ môn khởi hiện 7 lần giống như vậy nương vào cảnh đó xác định theo cách thức "nam nhân, nữ nhân"... do năng lực yêu thích, ham muốn... thì tất cả không phòng hộ trở thành người ác giới... khởi hiện nơi đổng lực ngài giáo thọ sư đề cập rằng: **"Khi không phòng hộ thì cả môn cũng xem như không được bảo vệ"...** ám chỉ lấy đổng lực đang diễn tiến như vậy.

Cụm từ **nhưng khi tất cả việc phòng hộ như giới... đã khởi hiện trong tâm đổng lực đó**, tức khi tất cả pháp như

giới bổn thu thúc, niệm thu thúc, trí thu thúc, nhẫn nại thu thúc và tinh tấn thu thúc khởi hiện.

Ví như khi người không vào an trú pháp hình thành niệm gìn giữ trước, không thu thúc trở thành người ác giới... mới khởi hiện được như thế nào, người vào an trú pháp hình thành niệm gìn giữ trước thì việc thu thúc như giới... mới khởi hiện được giống như vậy.

Nên hiểu tướng chung và tướng riêng ngay cả trong cảnh còn lại như thinh... theo tương ứng. Nghĩa là nghe tiếng bằng nhĩ thức không nắm giữ tướng chung đáng mong muốn, không đáng mong muốn hoặc tướng chung là nơi nương của phiền não rằng tiếng nữ nhân, tiếng nam nhân thì dừng lại nơi pháp tánh chỉ là tiếng được nghe.

Trong trường hợp của tiếng như tiếng hát... khác nhau theo phân loại của tiếng hiện khởi từ 6 nơi (như hiện khởi từ mũi, miệng, ngực, nóc giọng, lưỡi và răng)... mà người ghi nhận liên quan đến tiếng dịu dàng, êm ái... như thế nào, được gọi là "tướng riêng" bởi vì làm cho phiền não hiện bày rõ rệt thì nên không nắm lấy trạng thái đó được.

Còn trong ý môn thì tâm hữu phần có khai môn gọi là "khai ý môn" khi cảnh pháp đến phạm vi trong ý môn rồi thì phải kết hợp với tâm đồng lực bằng cụm từ "biết rõ cảnh pháp bằng tâm"... (tức biết rõ cảnh pháp bằng tâm không là người nắm giữ tướng riêng..., nghĩa là trong nơi đây tâm biết rõ cảnh pháp cũng chính là hiện thân của tâm đồng lực).

Việc nắm giữ gọi là **phiền não dính theo (kilesānubandho)**, việc nắm giữ có phiền não dính theo gọi là bám giữ lấy tướng chung... mà quyền thu thúc giới tránh xa khỏi sự nắm giữ tướng chung... có trạng thái phiền não dính theo, mới gọi là **kilesānubandhanimittādiggāh aparivajjanalakkhaṇaṃ**, bằng từ... ngài gom chung lại cả tướng riêng.

Nuôi Mạng Thanh Tịnh Giới
(Ājīvapārisuddhisīla)

Thanh Tịnh Đạo

Bây giờ, là lời giải thích về nuôi mạng thanh tịnh giới mà tôi nêu lên đề cập theo tuần tự của quyền thu thúc giới.

Cụm từ (liên quan đến việc vi phạm) **6 điều học mà Đức Thế Tôn chế định do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc** nghĩa là liên quan đến việc vi phạm 6 điều học, 6 điều học đó Ngài chế định rằng: **"Ājīvahetu ājīvakaraṇā pāpiccho icchāpakato... attano atthāya viññāpetvā bhuñjati dukkaṭassa** – do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn chi phối nói khoe khoang thượng nhân pháp không có, chưa hiện khởi nên phạm tội bất cộng trụ (1); do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo làm mai mối phạm tội tăng tàn (2); do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo nói rằng "vị tỳ-kheo nào ở trong tịnh xá của ngài, vị tỳ-kheo đó là bậc A-La-Hán" khi thức tỉnh thì phạm trọng tội (thullaccaya)

(3); do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo vô bệnh xin vật thực để được lợi ích cho mình dùng phạm tội ưng đối trị (pācittīya) (4); do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo ni vô bệnh xin vật thực thượng hạng để được lợi ích cho mình dùng phạm tội ưng phát lồ (paṭidesanīya) (5); do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc tỳ-kheo vô bệnh xin canh hoặc cơm để được lợi ích cho mình dùng phạm tác ác (dukkaṭa) (6).

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **tôi nêu lên đề cập** tức ngài giáo thọ sư nêu lên đề cập trước bằng khả năng xiển thuật (uddesa) trong Thanh Tịnh Đạo. Thật vậy, ngài giáo thọ sư nêu lên các câu rằng 6 điều học (sikkhāpada) mà Đức Thế Tôn chế định do nuôi mạng là nhân, do nuôi mạng là nguồn gốc, để trình bày tất cả câu đó bằng năng lực pāḷi mới nói đến cụm từ **"6 điều học đó"...**

Trong các câu đó lập lại 6 điều học mà Ngài đã chế định như thế nào.

Cụm từ **do nuôi mạng là nhân** tức bởi vì việc nuôi mạng là nhân nên có ý định rằng: "Ta sẽ là người không khổ sở tìm kiếm vật nuôi mạng bằng tất cả tứ vật dụng theo cách như vậy".

Cụm từ **do nuôi mạng là nguồn gốc** là từ đồng nghĩa của cụm từ do nuôi mạng là nhân.

Gọi là **có sự ham muốn xấu xa** tức sự ham muốn được tán thán đức tánh không có, là điều xấu xa.

Cụm từ **bị ham muốn chi phối** tức bị sự ham muốn ngự trị cản trở hoặc che phủ.

Do đức tánh chưa hiện khởi nên mới gọi là đức tánh đó **không có**, vì vậy câu sau (tức chưa khởi hiện) mới là câu đề cập đến nhân của câu đầu (tức không có).

Cụm từ **thượng nhân pháp** tức pháp của tất cả nhân loại bậc cao thượng là người cao quý.

Một lý khác nữa, pháp cao trội tức cao quý hơn pháp của nhân loại.

Từ **allapati** tức nói khoe khoang bắt nguồn từ cụm từ **aggatāyuko lapati** tức có tuổi thọ đã diệt mất.

Thật vậy, giới là tuổi thọ của tỳ-kheo, tuổi thọ tức giới thường không chấm dứt lúc cùng với việc tỳ-kheo nói (khoe khoang) như vậy (nghĩa là nói kết thúc trong lúc nào thì tuổi thọ của tỳ-kheo cũng chấm dứt trong lúc đó). Do đó, mới thuyết rằng **phạm tội bất cộng trụ**, có nghĩa là nói khoe khoang là phạm tội bất cộng trụ hoặc là sự vi phạm mà gọi với nhau là bất cộng trụ (pārājika).

Cụm từ **sañcarittaṃ samāpajjati** tức làm mai mối nghĩa là việc bày tỏ vấn đề của người nam cho người nữ hay bày tỏ vấn đề của người nữ cho người nam...

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo là pāḷi của từ lừa dối (kuhanā)...

Vấn: *Trong tất cả ác pháp thì* ***lừa dối*** *như thế nào?*

Đáp: Sự giả vờ, trạng thái tạo ra dáng vẻ, sự dối trá, hành vi lừa dối trở thành người lừa dối bằng cách thức lừa gạt gom vào trong việc thụ hưởng tứ vật dụng (bản Tích Lan liệt vào việc giả vờ chối bỏ tứ vật dụng) hay bằng việc nói gạ gẫm hoặc làm ra vẻ, tỏ thái độ nghiêm nghị, sửa tướng cho chỉnh tề của tỳ-kheo dính mắc vào lợi lộc cúng dường và danh tiếng có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn ngự trị. Đây gọi là **lừa dối**.

Vấn: *Trong tất cả ác pháp thì* ***nói đắc nhân tâm*** *như thế nào?*

Đáp: Trong việc chào hỏi (để giới thiệu mình) cho các người khác mà nói bợ đỡ, nói lấy lòng, nói phô trương, nói khoe khoang quá lố, nói ca tụng, nói khen ngợi liên tục trở thành người nói từng trải, là người muốn hạ thấp mình, là người có lời nói giống như canh đậu, là người nhận nuôi trẻ của tỳ-kheo dính mắc trong lợi lộc cúng dường và danh tiếng có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn xâm chiếm. Đây gọi là **nói đắc nhân tâm (lapanā)**.

Vấn: *Trong tất cả ác pháp thì* ***người ra dấu*** *như thế nào?*

Đáp: Ra dấu, việc ra dấu, gợi ý, hành động gợi ý, nói gạ gẫm, nói rào đón đối với người khác của tỳ-kheo dính

mắc lợi lộc cúng dường và danh tiếng có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn chi phối. Đây gọi là **người ra dấu (nemittikatā)**.

Vấn: *Trong tất cả ác pháp thì* ***nói gièm pha*** *như thế nào?*

Đáp: Mắng chửi, chê bai, khiển trách, nói tội lỗi của người khác, nói chọc tức, nói châm biếm, nói nhạo báng, nói nhạo báng quá lố, nói khinh miệt, nói khinh miệt quá đáng, nói bêu xấu, nói xấu sau lưng, nói gièm pha của tỳ-kheo dính mắc lợi lộc cúng dường và danh tiếng có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn lấn áp. Đây gọi là **nói gièm pha (nippesikatā)**.

Vấn: *Trong tất cả ác pháp thì* ***lấy lợi câu lợi*** *như thế nào?*

Đáp: Tỳ-kheo dính mắc lợi lộc cúng dường và danh tiếng có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn bao phủ đem vật chất có được từ nơi này đến cho nơi kia, đem vật chất có được từ nơi kia đến cho nơi này. Việc ham muốn, tầm cầu, tìm kiếm, hành vi ham muốn, hành vi tầm cầu, hành vi tìm kiếm vật chất bằng vật chất như vậy. Đây gọi là **lấy lợi câu lợi (lābhena lābhaṃ nijigiṃsanatā)**.

Nội dung trong pāḷi này nên hiểu theo trường hợp tiếp theo đây. Trong **xiển minh về lừa dối (kuhanāniddesa)** trước tiên cụm từ **tỳ-kheo dính mắc lợi lộc cúng dường và danh tiếng** có nghĩa là vị ham muốm lợi lộc cúng dường và danh tiếng. Cụm từ **có sự ham muốn xấu xa** tức muốn biểu lộ ân đức không có thật.

Cụm từ **bị ham muốn chi phối** tức bị ham muốn làm cho suy suyển nghĩa là bị ham muốn lấn áp.

Do 3 pháp lừa dối tài vật, vấn đề lừa dối, cách thức lừa dối đã có trong bộ Đại Xiển Minh (mahāniddesa) liên quan đến 1- việc hưởng thụ tứ vật dụng, 2- nói gạ gẫm, 3- lừa dối đối tượng dựa vào oai nghi. Do đó, tiếp theo đây để trình bày 3 loại lừa dối tài vật này ngài Sārīputta mới bắt đầu rằng "Paccapaṭisevanasaṇkhātena vā"... Trong các việc lừa dối tài vật, sự việc tỳ-kheo được thỉnh mời bằng tứ vật dụng như y... là người có sự tầm cầu y... nương vào sự ham muốn xấu xa làm cho họ hiểu sai lệch bằng cách (giả vờ) chối từ và hành vi đó đủ để nhóm cư sĩ trở thành người có đức tin dồi dào nơi mình. Khi các người đó suy nghĩ rằng: "Ồ! Bậc giới hạnh là người thiểu dục không muốn thọ nhận bất cứ tứ vật dụng nào, chúng ta sẽ được phước báu nếu như ngài thọ nhận tài vật dù chỉ chút ít", rồi cung kính lấy các vật dụng như y... thượng hạng đi vào cúng dường bằng các cách thức khác nhau nữa, mới (giả vờ) biểu hiện là người muốn tế độ cho các người đó nên thọ nhận, nguyên nhân bắt nguồn từ đó họ nương theo cúng dường thường xuyên tài vật nhiều vô số cho đến chở bằng chiếc xe bò, nên hiểu rằng lừa dối tài vật được xem như việc thụ hưởng tứ vật dụng (giả vờ từ chối tứ vật dụng).

Hậu Sớ Giải

Tất cả tứ vật dụng như y... gọi là **lợi lộc** do ý nghĩa "Tỳ-

kheo thường nhận được", tứ vật dụng mà người dâng cúng bằng sự cung kính giúp đỡ gọi là **cúng dường**.

Tiếng tăm lan truyền khắp nơi gọi là **danh tiếng** tỳ-kheo nương vào lợi lộc cúng dường cùng với danh tiếng như thế đó.

Trong cụm từ **tỳ-kheo dính mắc** ngài giáo thọ sư ám chỉ lấy sự sống dính mắc tức ái dục, cho nên mới đề cập giải thích là **tỳ-kheo ham muốn**.

Cụm từ **muốn biểu lộ ân đức không có thật** nghĩa là ham muốn được họ tán thán các ân đức như đức tin... mà không có, không hiện hữu nơi mình nghĩa là trạng thái ham muốn xấu xa như được tán thán ân đức không có do không biết độ lượng trong việc thọ nhận.

Cụm từ **bị ham muốn chi phối** nghĩa là tỳ-kheo bị chi phối bởi ham muốn xấu xa làm cho mất đi chánh mạng.

Giải thích:

"Tỳ-kheo như vậy gọi là người bị trở ngại, bởi vì việc nuôi mạng tạo điều kiện làm cho trở ngại". Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bị ham muốn làm cho suy suyển nghĩa là bị ham muốn lấn áp**.

Việc lừa dối gọi là **lừa dối tài vật** do ý nghĩa là cứ điểm làm cho tứ vật dụng khởi sanh, nên hiểu ý nghĩa rằng ngài Tướng Quân Chánh Pháp đề cập đến **liên quan việc thụ hưởng tứ vật dụng...** để trình bày về 3 loại như lừa dối tài vật...

Cụm từ **là người có sự tầm cầu y…** tức tự mình là người ham muốn tất cả tứ vật dụng như y...

Cụm từ **bằng cách từ chối** tức là nhân để khước từ tất cả tứ vật dụng như y...

Thanh Tịnh Đạo

Ngay cả điều này cũng tương ứng theo ngài Sārīputta nêu lên thuyết trong bộ Đại Xiển Minh (mahāniddesa) rằng: **"Katamaṃ paccayapaṭisevanasaṇkhātaṃ... idaṃ vuccati paccayapaṭisevanasaṇkhātaṃ kuhanavatthu-**

Vấn: *Lừa dối tài vật được xem như việc thụ hưởng tứ vật dụng như thế nào?*

Đáp: Tất cả nhóm cư sĩ thuần thành thỉnh mời tỳ-kheo trong giáo pháp này thọ nhận y, vật thực, trú xứ và vật phụ tùng như thuốc là vật dụng dành cho người bệnh, tỳ-kheo có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn chi phối, có sự ham muốn, sống ham muốn sẽ được nhiều hơn về y... và vật phụ tùng như thuốc là vật dụng dành cho người bệnh, mới nói từ chối y, nói từ chối vật thực... trú xứ, nói từ chối vật phụ tùng như thuốc là vật dụng dành cho người bệnh. Vị tỳ-kheo ấy nói rằng: "Lợi ích gì đối với sa-môn bởi y có nhiều giá trị, điều mà sa-môn phải lựa chọn để tìm kiếm là mảnh vải từ ven mộ địa hay từ bải rác hay từ chợ hay đem đến làm vải y Tăng Già Lê, như vậy mới thích hợp lợi ích gì đối với sa-môn bởi vật thực có nhiều giá trị, điều

mà sa-môn phải nuôi mạng bằng vắt cơm, bằng cách đi lại tìm kiếm tùy theo có được, đây mới là thích hợp. Lợi ích gì đối với sa-môn bởi trú xứ có nhiều giá trị, điều mà sa-môn phải hành nên là người sống ở gốc cây hoặc sống trong nơi trống vắng, như vậy mới thích hợp. Lợi ích gì đối với sa-môn bởi thuốc trị bệnh có nhiều giá trị, điều mà sa-môn nên hành là làm thuốc bằng nước tiểu khai hoặc bằng trái cà na, đây mới là thích hợp".

Do ham muốn sẽ được nhiều hơn nữa mới đắp y cũ kỹ, dùng vật thực tầm thường, sử dụng trú xứ đơn sơ, dùng thuốc chữa bệnh thấp kém. Nhóm cư sĩ thuần thành nhận biết được vị tỳ-kheo này rằng: "Vị sa-môn này là người thiểu dục, tri túc, an tịnh, không quần tụ đông đảo, nói về sự tinh cần tán thán hạnh đầu đà" mới thỉnh mời thọ nhận nhiều hơn cùng với y... thuốc trị bệnh. Tỳ-kheo ấy nói rằng: "Do hội đủ 3 pháp, nên thiện nam tử có đức tin luôn gặp được nhiều phước báu, là do sự hội đủ đức tin của thiện nam tử, do hội đủ vật thí..., do hội đủ đối tượng thí nên thiện gia nam tử luôn gặp được nhiều phước báu. Đức tin của các vị cũng đang có, vật thí cũng đang có, đối tượng thí là tôi cũng đang có, nếu như tôi không thọ nhận thì các vị cũng sẽ là người xa lìa khỏi phước báu, tôi không muốn như vậy. Tuy nhiên để tế độ cho các vị tôi sẽ thọ nhận". Sống ham muốn được nhiều hơn nên thọ nhận vô số y, thọ nhận vô số vật thực, thọ nhận vô số trú xứ, thọ nhận vô số thuốc trị bệnh cũng có, việc giả vờ làm mặt cau mày, giả

vờ làm mặt nhăn nhó, sự lừa dối, hành vi lừa dối, trở thành người lừa dối. Đây gọi là **lừa dối tài vật xem như là thụ hưởng tứ vật dụng**".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **từ chợ** tức vải mà họ quăng ra từ chợ.

Cụm từ **lựa chọn để tìm kiếm** tức lựa chọn gom lại bằng việc tìm kiếm.

Cụm từ **bằng cách đi lại tìm kiếm** tức đi đến nơi bằng cách tìm kiếm.

Vật phụ tùng (parikkhāra) của đời sống tức thuốc men, là vật cần thiết cho người bệnh gọi là **thuốc trị bệnh (gilānapaccayabhesajjaparikkhāra)**.

Cụm từ **nước tiểu khai** là tên nước tiểu của các con bò trưởng thành lẫn con bê.

Cụm từ **bằng nước tiểu khai** tức bằng nước tiểu là đồ khai hoặc nói theo nước tiểu con bò là vật khai mà người khác quăng bỏ đi.

Từ **dhutavāda** tức người thường nói về hạnh đầu đà (dhutaguṇa_là ân đức pháp tạo điều kiện diệt trừ phiền não) với các người khác.

Cụm từ **do hội đủ** nghĩa là đang cùng nhau có mặt.

Thanh Tịnh Đạo

Còn về việc làm cho họ hiểu sai lệch bằng trường hợp như lời nói biểu lộ chứng đắc thượng nhân pháp của tỳ-kheo là người có sự ham muốn xấu xa, nên hiểu là lừa dối tài vật (kuhanavatthu) được xem như nói gạ gẫm giống như ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sārīputta đề cập trong bộ Đại Xiển Minh rằng: **Tattha katamaṃ sāmantajappanasaṇkhātaṃ kuhanavatthu… idaṃ vuccati samantajappanasaṇkhātaṃ kuhanavatthu** – Trong 3 loại lừa dối tài vật.

Vấn: *Lừa dối tài vật được xem là nói gạ gẫm như thế nào?*

Đáp: Vị tỳ-kheo trong giáo pháp này là người ham muốn xấu xa, bị ham muốn chi phối, muốn được tán thán suy nghĩ rằng "Mọi người sẽ tán thán ta bằng cách này" thì đề cập lời nói dựa vào Thánh Pháp, nói rằng: "Vị tỳ-kheo nào đắp y như vậy, tỳ-kheo đó là sa-môn có đại oai lực", nói rằng: "Vị tỳ-kheo dùng bát, oloha, ống lọc nước, vải lọc nước, chìa khóa, dép, dây lưng kiểu như vậy, tỳ-kheo đó là sa-môn có đại oai lực", nói rằng: "Vị tỳ-kheo nào có thầy tế độ, có thầy giáo thọ, có tỳ-kheo cùng thầy tế độ, có tỳ-kheo cùng thầy giáo thọ, có tỳ-kheo là bạn hữu, có tỳ-kheo hiểu biết nhau, có tỳ-kheo giao du với nhau, có tỳ-kheo quen biết nhau kiểu như vậy, vị tỳ-kheo đó là sa-môn có đại oai lực", nói rằng: "Vị tỳ-kheo nào ở trong tịnh xá, lâu đài, thảo am, hang động, cốc, nhà nóc nhọn, chòi canh,

lều, giảng đường dài, giảng đường là nơi trùng tu, ngôi nhà tứ giác, gốc cây, kiểu như vậy, tỳ-kheo đó là sa-môn có đại oai lực".

Một lý khác nữa, tỳ-kheo là người giả vờ thu thúc quá lố, tạo vẻ tề chỉnh quá đáng, vô cùng dối trá, lộ diện lời nói tâng bốc lặp đi lặp lại, nói lời liên quan đến siêu thế và sự rỗng không sâu sắc, vi tế, huyền diệu ẩn tàng rằng: "sa-môn này là vị sống thanh tịnh cao quý". Việc giả vờ, tánh chất của người giả vờ, việc lừa dối, hành vi lừa dối, trở thành người lừa dối. Đây gọi là **lừa dối tài vật được liệt vào nói gạ gẫm.**

Hậu Sớ Giải

Lời nói làm như mình gần như chứng đắc thượng nhân pháp, gọi là **nói gạ gẫm**.

Cụm từ **có đại oai lực** nghĩa là có nhiều ân đức bởi vì chứng đắc thượng nhân pháp.

Ngài đề cập bằng lời nói thông thường rằng **bạn**, rồi đề cập từ bạn đó cho đặc biệt thêm nữa "bạn không thân, bạn thân".

Giải thích:

Bạn chỉ quen biết nhau gọi là **bạn không thân**, bạn giao du gắn bó với nhau gọi là **bạn thân**, người mà đến quen biết với nhau gọi là **bè bạn**, có nghĩa là **bạn** thật sự là người có 7 pháp được gọi là bạn...

Việc biểu hiện sự chuyển động thân và ngữ không lợi ích do sự ham muốn xấu xa khởi hiện trở thành phiền não giống như cấu uế mà bậc hiền trí chán ghét gọi là **giả vờ thu thúc**. Việc giả vờ thu thúc hiện hữu với vị tỳ-kheo này, vì vậy vị tỳ-kheo này gọi là **người giả vờ thu thúc** nghĩa là tỳ-kheo có trạng thái thu thúc bằng cách lừa dối.

tỳ-kheo giả vờ thu thúc lộ liễu thường xuyên gọi là **người giả vờ thu thúc quá lố**, một số nhóm giáo thọ sư nói rằng là tỳ-kheo giả vờ cẩn trọng quá đáng.

tỳ-kheo lừa dối cho đến quá đáng gọi là **người gạt gẫm (kuhakuho)** có nghĩa là tỳ-kheo làm cho họ hiểu sai lệch quá mức.

tỳ-kheo nói lời tâng bốc thậm chí quá lố gọi là **người nói lời tâng bốc lặp đi lặp lại.**

Từ **lộ diện** tức nương vào lời nói dẫn đến hiểu được trạng thái của người giả vờ thu thúc quá đáng... làm cho người khác chỉ cần biết được bề mặt của mình là tỳ-kheo như vậy, do sự việc này mới làm cho mình giống như là người khác, nói rằng: "sa-môn này là vị có đại oai lực"... (nghĩa là nói rằng tỳ-kheo có tánh chất như vậy là tỳ-kheo có đại oai lực... nói ám chỉ đến mình nhưng làm giống như đang nói đến người khác).

Ngài giáo thọ sư nói rằng **sâu sắc...** bởi vì lời nói đó liên quan đến thượng nhân pháp.

Thanh Tịnh Đạo

Đối với hành động làm cho họ hiểu sai lệch bằng oai nghi ngụy tạo bởi vì muốn được tán thán của tỳ-kheo là người ham muốn xấu xa nên hiểu là **lừa dối tài vật dựa vào oai nghi**. Giống như ngài Tướng Quân Chánh Pháp nói rằng **"Katamaṃ iriyāpathasaṇkhātaṃ kuhanavatthu... idaṃ vuccati iriyāpathasaṇkhātaṃ kuhanavatthu**.

Vấn: *Lừa dối tài vật được xem như cử chỉ thu thúc oai nghi như thế nào?*

Đáp: Một số vị tỳ-kheo trong giáo pháp này là người có sự ham muốn xấu xa, bị ham muốn chi phối muốn được tán thán, suy nghĩ rằng "Mọi người sẽ tán thán ta bằng trường hợp này", rồi mới thu thúc tạo oai nghi đi, thu thúc tạo oai nghi đứng, thu thúc tạo oai nghi ngồi, thu thúc tạo oai nghi nằm, lập tâm giữ vững tư thế đi, tư thế đứng, tư thế ngồi, tư thế nằm giống như có tâm định tỉnh trong việc đi, có tâm định tỉnh trong việc đứng, có tâm định tỉnh trong việc ngồi, có tâm định tỉnh trong việc nằm, và giả vờ là người đang nhập thiền, cử chỉ oai nghi, biểu lộ cử chỉ, ra vẻ thu thúc, giả vờ, trạng thái của người giả vờ, lừa dối, hành vi lừa dối, trở thành người lừa dối. Đây gọi là **lừa dối tài vật được xem như cử chỉ thu thúc oai nghi**".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bằng oai nghi ngụy tạo bởi vì muốn được tán thán** tức bằng oai nghi dựng lên do muốn rằng "Mọi

người phải tán thán ta là bậc Thánh hay là người đạt được ân đức đặc biệt hay được như thế nào"...

Cụm từ **thu thúc tạo oai nghi đi** tức tạo cử chỉ đi của mình cho nghiêm trang, giống như sự đi của người có các ân đức đặc biệt bước đi có niệm tỉnh giác.

Cụm từ **định tỉnh** tức chú tâm vững chắc hoặc có suy nghĩ ham muốn rằng: "Tất cả mọi người sẽ hiểu rằng ta là bậc A-La-Hán".

Cụm từ **giống như có tâm định tỉnh** tức có tâm kiên cố do thiền định (jhānasamādhi).

Cụm từ **giả vờ là người đang nhập thiền** tức ngồi như nhập định tại lối đi của mọi người, cũng gọi là người giả vờ đang nhập thiền theo nơi chốn mà mọi người dễ dàng trông thấy.

Thanh Tịnh Đạo

Trong phần **xiển minh về lừa dối tài vật (kuhanāniddesa)** thì cụm từ **xem như việc hưởng thụ tứ vật dụng** tức do lừa dối tài vật được xem như "thụ hưởng tứ vật dụng" hoặc nói về việc thụ hưởng tứ vật dụng mà bậc thiện trí nói đến với nhau.

Cụm từ **bằng việc nói gạ gẫm** tức bằng việc nói gần như (muốn tài vật).

Cụm từ **hoặc (tạo cử chỉ...) oai nghi** tức hoặc (việc tạo cử chỉ...) 4 oai nghi.

Từ **aṭṭhapanā – cử chỉ** tức tạo ra cử chỉ từ đầu hoặc tạo ra cử chỉ hào phóng.

Từ **ṭhapanā - tạo cử chỉ** tức biểu lộ cử chỉ.

Từ **saṇṭhapanā – tạo cử chỉ thu thúc** tức tạo điệu bộ để làm cho đáng tịnh tín.

Từ **bhākuṭikā** tức giả vờ bằng cách biểu lộ tánh chất của vị tỳ-kheo an trú trong sự tinh cần vô cùng bằng cách tạo bộ mặt cau mày. Tỳ-kheo gọi là bhākuṭika do ý nghĩa thường giả vờ, trạng thái của tỳ-kheo thường giả vờ gọi là bhākuṭiyaṃ.

Từ **lừa dối** tức làm cho họ hiểu sai lệch.

Hành vi của người lừa dối gọi là **gạt gẫm (kuhāyana)**.

Trạng thái của người lừa dối gọi là **gian manh (kuhitattaṃ)**.

Hậu Sớ Giải

Từ **paccayapaṭisevanasaṇkhātena** được xem như là thụ hưởng tứ vật dụng mà bậc thiện trí đề cập rằng phải gọi là "thụ hưởng tứ vật dụng mà tỳ-kheo làm cho phát sanh bằng cách không đúng pháp" cũng được.

Việc nói đến mình tạo ra cho gần giống như tỳ-kheo khác (về việc chứng đắc thượng nhân pháp) gọi là **nói gạ gẫm**.

Ngài dùng từ đoản âm thay cho từ "ā" rồi đề cập rằng "aṭṭhapanā" (thay cho từ ātthapanā) tức cử chỉ.

Gọi là lừa dối tức gạt gẫm.

Hành vi diễn tiến của lừa dối gọi là **gạt gẫm (kuhāyanā)**.

Hoặc một lý khác nữa, hành vi tức hành động lừa dối, thái độ của người lừa dối gọi là **hành vi của người gạt gẫm**.

Người được gọi là lừa dối do ý nghĩa gian trá hoặc thực hiện bằng sự gian trá trở thành người gian trá.

Thanh Tịnh Đạo

Trong **xiển minh về nói đắc nhân tâm (lapanāniddesa)** có lời luận giải như sau:

Từ **ālapanā – nói săn đón** tức khi vừa thấy mọi người đến tịnh xá thì nói trước rằng: "Các vị đến để tạo phước phải chăng? Để thỉnh mời chư tỳ-kheo phải chăng? Nếu như vậy các vị hãy thỉnh mời đi, tôi sẽ cùng chư tỳ-kheo theo sau".

Một lý khác nữa, sự việc tỳ-kheo tự giới thiệu, dẫn họ vào để tìm mình nói rằng: "Sư tên Tissa, đức vua tịnh tín sư, quan đại thần này và quan đại thần kia cũng tịnh tín sư" gọi là nói săn đón (ālapanā). Từ **lapanā – nói phô trương** tức nói như trường hợp đã đề cập của tỳ-kheo là người được họ hỏi. Từ **sallapanā – nói lấy lòng** tức tỳ-kheo sợ mất lòng nên cố gắng nói cho nhóm cư sĩ được thỏa ý. Từ **ullapanā – nói tâng bốc** tức nói đưa lên cao, như nói rằng: "Vị phú hào, vị đại thuyền trưởng, vị đại thí chủ...". Từ **samullapanā – nói tâng bốc quá lố** tức nói đề cao mọi việc.

Từ **unnahanā – nói áp đặt** tức nói cho tăng thêm rằng: "Này các cận sự nữ thời gian trước các vị thường cúng dường vật thí đầu mùa có phải chăng? Cho đến bây giờ các vị không còn cúng dường nữa phải chăng?" nói cho đến khi họ phải nói rằng: "Bạch ngài, chúng con sẽ cúng dường nhưng chưa có cơ hội"... gọi là nói áp đặt.

Một lý khác nữa, khi nhìn thấy trong tay họ đang cầm mía thì hỏi rằng: "Này cận sự nam, ông lấy mía từ đâu?", họ trả lời rằng: "Bạch ngài, từ rẫy mía" thì hỏi nữa rằng: "Mía nơi rẫy đó có ngọt không?", họ trả lời rằng: "Bạch ngài, phải nhai thử mới biết được" (giả vờ) nói với họ rằng: "Này cận sự nam sự việc mà vị sư nói rằng các người hãy cúng dường mía cho tỳ-kheo như vậy thì không nên có phải chăng?". Do đó, ngay cả lời nói của vị tỳ-kheo đã giải thích cho thấy như vậy thì lời nói đó cũng gọi là **nói áp đặt**. Việc nói áp đặt lặp đi lặp lại mọi trường hợp gọi là **nói áp đặt quá đáng (samunnahanā)**.

Từ **ukkāpanā – nói rào đón** tức nói với ngụ ý rằng: "Gia tộc này quen biết chỉ mình ta nếu như vật thí phát sanh lên trong gia tộc này thì họ sẽ cho chỉ mình ta mà thôi" gọi là nói rào đón. Lời nói này có nêu lên câu chuyện trình bày, trong câu chuyện này bậc thiện trí nên kể về câu chuyện nàng Telakandarikā. Còn việc nói rào đón lặp đi lặp lại mọi trường hợp gọi là **nói rào đón quá đáng (samukkāpanā)**.

Cụm từ **anuppiyabhāṇitā – trở thành người nói nịnh**

bợ tức nói lặp đi lặp lại mãi làm cho họ hết mực thương mến chẳng cần để ý đến đối với sự thật hoặc đối với pháp.

Cụm từ **caṭukamyatā – nói luồn cúi** tức hành vi hạ thấp mình, hành vi đặt mình vào trong địa vị thấp kém.

Từ **muggasūpata** đổi thành muggasūpasadisatā (trở thành người có lời nói giống như canh đậu) tức so sánh giống như trong nồi đậu mà họ nấu thì một số hạt đậu không chín còn lại thì chín như thế nào, thì lời nói của người nào một số lời là lời nói thật, còn lại là lời nói tầm phào, người này ngài gọi là lời nói nửa nạc nửa mỡ, tánh chất của lời nói nửa nạc nửa mỡ (maggasūpa) đó, gọi là trở thành người nói giống như canh đậu.

Từ **paribhaṭayata** đổi thành paribhaṭayabhāvo (công việc nuôi trẻ). Nghĩa là người nào nuôi dưỡng chăm sóc trẻ con trong các gia đình bằng cách bồng bế (cho cưỡi trên cổ) giống như bảo mẫu. Công việc của người chăm sóc đó gọi là nuôi trẻ, tánh chất của việc chăm sóc trẻ con (paribhaṭaya) gọi là công việc nuôi trẻ (paribhaṭayatā).

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **của tỳ-kheo là người được họ hỏi** tức vị tỳ-kheo được họ hỏi rằng: "Vị tỳ-kheo nào gọi là Tissa, vị nào được đức vua cúng dường".

Cụm từ **đưa lên cao** nghĩa là đề cao tán thán do nhân có tài sản...

Nói ràng buộc hơn nữa gọi là **nói áp đặt**.

Như câu chuyện, 2 vị tỳ-kheo đi vào khu xóm đang ngồi nơi nhà nghỉ chân mới gọi một thiếu nữ đến, khi thiếu nữ đó đến thì một vị hỏi vị kia rằng: "Nàng thiếu nữ là con gái của ai?", vị kia mới nói rào đón rằng: "Là con gái của nàng Telakandarikā là người hộ độ cho tôi, khi tôi đến nhà thì mẹ của bé gái này sẽ dâng bơ tươi, thường cúng dường cả nồi ngay đến bé gái này cũng cúng dường cả nồi giống như mẹ nó". Ngài giáo thọ sư chủ ý lấy câu chuyện này mới đề cập rằng "Trong vấn đề này bậc thiện trí nên kể lại câu chuyện nàng Telakandarikā".

Cụm từ **đối với pháp** tức đối với lời nói chừng mực, lời nói chừng mực ngài gọi là "pháp", giống như thuyết giảng (trong Tương Ưng Kinh. Phẩm Sagātha. 15/278) rằng: "Các bậc chân nhân nói lời thiện ngôn là lời nói cao thượng, nên nói về pháp, không nên nói phi pháp". Vì vậy, ngài mới đề cập nhiều về lời nói nhảm nhí (trong Tương Ưng Kinh. Phẩm Sagātha. Tương ưng Vaṃgīsa. Bài kinh thiện ngôn (subhāsitasutta) có một phần nội dung Đức Thế Tôn thuyết kệ ngôn rằng:

Subhāsitaṃ uttamamāhu santo

Dhammaṃ bhaṇe nādhammantaṃ dutiyaṃ

Piyaṃ bhaṇe nappiyantaṃ tatiyaṃ

Saccaṃ bhaṇe nālikantaṃ catutthaṃ.

1. Các bậc chân nhân nói lời thiện ngôn là lời nói cao thượng.

2. Nên nói về pháp không nên nói phi pháp.

3. Nên nói lời đáng thương mến (từ hòa) không nên nói lời không đáng thương mến.

4. Nên nói lời chơn thật không nên nói lời vu vơ.

Ngài giáo thọ sư sớ giải giải thích đoạn này rằng. Trong các lời nói đó điều đầu tiên (nói lời thiện ngôn) thuyết về lời nói làm cho hòa hợp nhau để tránh xa lời nói đâm thọc, điều thứ 2 (nói về pháp) thuyết đến lời nói chừng mực không là phi pháp để tránh xa lời nói nhảm nhí, 2 điều còn lại (nói lời đáng thương mến và nói lời chơn thật) thuyết đến lời nói đáng thương mến và chơn thật để tránh xa lời nói thô tục và lời nói dối.

Nên hiểu theo một ý nghĩa khác, lời nói là thiện ngôn khác nữa từ lời nói chơn thật gọi là "pháp".

Người có hành vi nửa nạc nửa mỡ gọi là "canh đậu" (maggasūpa), vì vậy ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **người này gọi là canh đậu**, hành vi của người bảo mẫu gọi là công việc nuôi trẻ.

Thanh Tịnh Đạo

Nên hiểu luận giải về **xiển minh người ra dấu (nemittikatāniddesa)** tiếp theo: Từ **nimitta** tức một loại

thân nghiệp và ngữ nghiệp nào ra dấu để cho các người khác đến cúng dường tứ vật dụng.

Từ **ra dấu** tức thấy họ đi cầm theo thức ăn thì ra dấu bằng cách: "Các vị cùng nhau được vật thực phải chăng?"...

Từ **gợi ý (obhāsa)** tức nói liên quan đến tứ vật dụng.

Cụm từ **hành động gợi ý** tức khi nhìn thấy nhóm trẻ chăn bò thì gợi ý cho các đứa bé đó báo lại cho cha mẹ để cúng dường sữa tươi... bằng cách như "Các con bò này là bò sữa hay là bò thịt?", khi đứa bé trả lời rằng: "Bạch ngài, là bò sữa", thì nói rằng: "Không phải là bò sữa, nếu là bò sữa thật thì chư tỳ-kheo có lẽ sẽ nhận được sữa"...

Cụm từ **nói gạ gẫm** tức nói gần xa (về đồ vật mà mình muốn). Trong điều này tôi sẽ kể câu chuyện tỳ-kheo là người thường xuyên lai vảng đến gia tộc (kulapaka).

Có câu chuyện rằng, tỳ-kheo đi đến một gia tộc do ham muốn được thọ thực mới đi vào nhà rồi ngồi xuống, nữ gia chủ thấy vị tỳ-kheo đó thì không muốn cúng dường, nói rằng: "Bạch sư, không có gạo đâu!" rồi đến nhà người quen như muốn đi lấy gạo. tỳ-kheo đi vào xem xét bên trong phòng nhìn thấy mía nơi kẹt cửa, thấy mật mía trong thùng, thấy vỉ cá đầy trong giỏ, thấy gạo trong nồi, thấy mỡ đặc trong hủ rồi đi ra ngồi xuống. Người gia chủ trở lại báo rằng: "Không có gạo đâu, thưa sư!", tỳ-kheo mới nói rằng: "Này cận sự nữ, ta nhìn thấy điềm báo trước rằng ngày hôm nay khất thực sẽ không thành tựu", khi bà hỏi

rằng: "Bạch sư, điềm báo như thế nào?" thì trả lời rằng: "Ta nhìn thấy con rắn giống như cây mía đặt dựa ngay kẹt cửa, trông thấy thì nghĩ rằng "Sẽ đập nó", khi dùng hòn đá giống như cục mật mía đang đặt trong thùng để giết nó thì thấy nó phùng mang ra giống như vỉ cá cất đầy trong giỏ, khi con rắn đó muốn cắn hòn đá thì nanh rắn giống như gạo trong nồi, khi con rắn hung dữ thì thấy nước miếng pha lẫn chất độc mà nó phun ra từ miệng giống như mỡ chứa trong hủ". Nữ gia chủ đó suy nghĩ rằng: "Ta không thể lừa kẻ trọc đầu này được" mới cúng dường mía, nấu cơm cúng dường cùng với mỡ, mật ong và cá. Việc nói mé (về đồ vật mà mình muốn) nên hiểu là nói gạ gẫm.

Cụm từ **nói rào đón** tức nói vòng đi vòng lại bằng cách để được tứ vật dụng.

Hậu Sớ Giải

Khi hành động nuôi mạng bằng cách ra dấu gọi là người ra dấu (nemittika), tức tỳ-kheo ra dấu, tánh chất của sự ra dấu gọi là **người ra dấu (nemittikatā)**.

Việc phơi bày để biểu lộ sự mong muốn của mình gọi là **gợi ý (obhāsa)**.

Vấn: *Gợi ý là như thế nào?*

Đáp: Nói lời liên quan đến tứ vật dụng rằng: "Ngày nay, tứ vật dụng phát sanh được là điều khó khăn đối với tỳ-kheo"...

Lời nói lăm le về tài vật mà mình mong muốn gọi là "nói gạ gẫm".

Thanh Tịnh Đạo

Nên hiểu luận giải trong **xiển minh về nói gièm pha (nippesikatāniddesa)** tiếp theo sau:

Từ **mắng chửi** tức chửi rủa bằng 10 loại thô ngữ (akkosavatthu).

Từ **vambhanā** tức nói chê bai.

Từ **nói khiển trách** tức nêu điều phản bác lên rằng "Người không tin tưởng được, không đặt niềm tin được"...

Từ **nói tội lỗi của người khác (samukkhepanā)** tức dùng lời nói để kết tội họ rằng: "Trong nơi đây, ông không nói như vậy được". Lời nói kết tội họ dựa vào sự việc, dựa vào nguyên nhân mỗi một trường hợp.

Một lý khác nữa, sự việc thấy họ không cho rồi nói lên rằng: "Ồ! Thí chủ" gọi là **nói chọc tức (ukkhepanā)**. Việc nói dựng lên cho nặng nề rằng: "Ồ! Vị đại thí chủ" gọi là **nói châm biếm (samukkhepanā)**.

Từ **nói nhạo báng** tức nói nhạo báng rằng: "Ông là người khờ khạo thì chỉ lấy rau mà dùng để nuôi mạng".

Cụm từ **nói nhạo báng quá lố** tức nói nhạo báng cho nặng nề thêm nữa rằng: "Người cho "không có", thường xuyên mọi lúc y như gọi họ rằng không biết bố thí (adāyako).

Từ **nói khinh miệt** tức lời nói xem thường người không biết hoặc khinh dể đến điều khuyết điểm của người khác. Lời nói khinh miệt mọi trường hợp gọi là **nói khinh miệt quá đáng (sampāpanā)**.

Từ **nói bêu xấu** nghĩa là đem vấn đề ra để làm mất danh tiếng từ nhà này đến nhà kia, từ xóm này đến xóm kia, từ làng này đến làng nọ do suy nghĩ bằng cách này "Họ sẽ cho ta do sợ mất danh tiếng".

Từ **là người nói xấu sau lưng** tức là người khen ngợi trước mặt, chê bai sau lưng. Thực tánh giống như khi không gặp mặt thì đâm sau lưng nhau. Do đó, ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sārīputta mới gọi là người đâm sau lưng (chê bai sau lưng – parapiṭṭhimaṃsikatā).

Cụm từ **gọi là người nói gièm pha (nippesikatā)** tức do việc chà đạp hay phủi bỏ tất cả đức tánh của người khác, giống như dùng cây chổi tre quét sạch mọi thứ.

Một lý khác nữa, do việc chà đạp tức làm cho đức tánh của người khác trở thành tro bụi để tìm cầu lợi lộc, giống như việc cà nát những loại có chất thơm (gandhajāti) để tìm kiếm hương thơm. Do đó, mới gọi là nói gièm pha.

Hậu Sớ Giải

Sự việc tỳ-kheo chưởi rủa bằng 10 loại thô ngữ do suy nghĩ rằng họ phải cho ta bởi vì sợ hãi đối với việc chưởi rủa, sự việc tỳ-kheo hăm dọa... cũng do suy nghĩ giống như vậy.

Từ **nói chê bai** tức nói bỏ mặc họ ra ngoài là thí chủ...

Từ **khipanā** tức nhạo báng, cũng khipanā là lời nói nhạo báng, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng upphaṇḍanā tức nói nhạo báng.

Từ **nói khinh miệt** tức đặt tên cho họ rằng "Người chẳng phải là thí chủ" hoặc chẳng phải danh tiếng bố thí.

Người thường chê bai sau lưng người khác gọi là parapiṭṭhimaṃsiko, tánh chất thường chê bai sau lưng người khác gọi là trở thành người thường chê bai sau lưng người khác (parapiṭṭhimaṃsikatā).

Từ **abbhaṇgaṃ** tức phá hủy đi.

Cụm từ **giống như việc cà nát những loại có chất thơm để tìm kiếm hương thơm** nên hiểu rằng khi tứ vật dụng chưa phát sanh thì chà đạp lên ân đức của người khác giống như chưa có được hương thơm thì cà những loại có chất thơm ra như thế đó.

Thanh Tịnh Đạo

Nên hiểu về luận giải trong xiển minh về **lấy lợi câu lợi (labhena lābhaṃ nijigiṃsanatā)** tiếp theo:

Từ **nijigiṃsanatā** (sự mong muốn sẽ đem đi) tức đi tìm kiếm.

Cụm từ **được vật chất từ nơi này** tức được vật chất từ ngôi nhà này.

Từ **trong nơi kia** tức trong ngôi nhà kia.

Từ **eṭṭhī** tức mong muốn.

Từ **gaveṭṭhī** tức tìm kiếm.

Từ **pariyeṭṭhī** tức tìm kiếm liên tục.

Trong vấn đề này bậc thiện trí nên kể lại câu chuyện tỳ-kheo mỗi lần đi khất thực bắt đầu từ gia đình đầu tiên rồi lấy đi cho (trao đổi) với bọn trẻ con thường xuyên trong gia đình đó cho đến sau cùng khi được sữa và cháo rồi mới đi.

Từ **esanā...** là từ đồng nghĩa với từ eṭṭhī... Do đó, nên hiểu từ kết hợp trong vấn đề này như sau: Từ eṭṭhī bằng với từ esanā, từ gaveṭṭhī bằng với từ gavesanā, từ pariyeṭṭhi bằng với từ pariyesanā. Đây là ý nghĩa của tất cả pháp bất thiện như lừa dối (kuhanā)...

Hậu Sớ Giải

Việc mong muốn kết hợp với sự gian manh như sẽ lừa dối lấy lợi lộc sung túc (của người khác) bằng lợi lộc chút ít (của mình) gọi là trao đổi (nijigiṃsanaṃ), tánh chất trao đổi đó tức trạng thái dẫn đến việc mong muốn hoặc hành vi tìm kiếm kết hợp với trạng thái gọi là việc đổi chác (nijigiṃsanatā).

Thanh Tịnh Đạo

Bây giờ, nên hiểu luận giải trong cụm từ **và do liên quan đến tất cả ác pháp như sau...**, bằng "**...**" nên hiểu

rằng dựa vào tất cả ác pháp khác nhau đã thuyết trong bài kinh Phạm Võng (brahmajālasutta) rằng "Một lý khác nữa, giống như một nhóm sa-môn bà-la-môn thọ dụng các vật thực mà họ dâng cúng bằng đức tin, thành tựu việc nuôi sống bằng tà mạng do nghề nghiệp vớ vẩn (tiracchānavijā). Nghề nghiệp vớ vẩn là gì? Nghề nghiệp tiên đoán chỉ tay, nghề nghiệp tiên đoán hiện tượng, nghề nghiệp tiên đoán sao băng, nghề nghiệp tiên đoán giấc mộng, nghề nghiệp xem tướng, nghề nghiệp tiên đoán chuột cắn vải, nghề nghiệp nói về cách thức cúng dường lửa, nghề nghiệp nói về cách thức cúng dường khói... Do đó, tà mạng liên quan dẫn đến việc vi phạm 6 điều học (sikkhāpada) mà Ngài chế định do nhân nuôi mạng và liên quan đến tất cả ác pháp như sau: "Lừa dối (kuhanā), nói tâng bốc (lapanā), là người ra hiệu (nemittikatā), là người nói gièm pha (nippesikatā), ham muốn lấy lợi câu lợi (lābhena lābhaṃ nijisiṃsanatā)..., việc tránh xa tà mạng như các trường hợp trên. Đây gọi là **giới nuôi mạng thanh tịnh (ājīvapārisuddhisīla)**.

Tiếp theo đây là ý nghĩa của từ trong giới nuôi mạng thanh tịnh.

Tất cả mọi người sống do nương vào pháp này, vì vậy pháp này mới gọi là nuôi mạng.

Vấn: *Nuôi mạng như thế nào?*

Đáp: Tinh cần trong việc tìm kiếm tứ vật dụng. Sự trong sạch gọi là thanh tịnh, sự trong sạch của việc nuôi mạng gọi là **nuôi mạng thanh tịnh (ājīvaparisuddhi)**.

Hậu Sớ Giải

Nghề nghiệp dẫn đến tiên đoán bộ phận cơ thể như tay và chân... gọi là **chi thể**, vũ khí liên quan đến dấu hiệu gọi là **hiện tượng**, nghề nghiệp liên quan đến phương hướng của sao băng, lửa cháy, động đất... gọi là **tiên đoán sao băng (appātaṃ)**, liên quan đến việc đoán định những giấc mơ gọi là **nghề tiên đoán chiêm bao**, khoa xem tướng nam nhân, nữ nhân gọi là **nghề xem tướng (lakkhanaṃ)**, khoa làm cho biết được khi có dấu chuột cắn chỗ này, chỗ kia của các đồ vật như vải... sẽ có quả như vậy gọi là **nghề tiên đoán chuột cắn vải (mūsikacchinnaṃ)**, cách thức cúng dường liên quan đến lửa như khi cúng dường bằng lửa tên này trong các loại lửa như lửa lá cây... sẽ có quả như vầy gọi là **nghề nói về cách thức cúng dường lửa (aggihomaṃ)**, đến việc cúng dường khói gọi là **nghề nói về cách thức cúng dường khói (dabbihomaṃ)** nên hiểu theo cách này bằng từ ādi tức..., nên hiểu đến việc gom vào lấy tất cả tà mạng như cúng dường vỏ trấu (kusahomaṃ)... và các tà mạng đã đề cập trong kinh.

Ngài giáo thọ sư đề cập rằng **sự tinh cần trong việc tìm kiếm tứ vật dụng** do việc nuôi mạng thanh tịnh được thực hành thành tựu bằng sự tinh cần vì rằng người lười biếng thì không thể tìm kiếm tứ vật dụng theo cách chơn chánh (theo Pháp và Luật) được.

Giới Liên Hệ Tứ Vật Dụng
(Paccayasannisitasīla)

Thanh Tịnh Đạo

Nên hiểu đầy đủ về giới liên hệ tứ vật dụng trình bày trong kinh mà ngài đem ra đề cập trong Thanh Tịnh Đạo rằng:

Idha bhikkhave bhikkhu paṭisaṇkhā yoniso civaraṃ paṭisevati; yāvadeva sītassa paṭighātāya, uṇhassa paṭighātāya, ḍamsamakasavātatapasiriṃsapasamphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva hirikopinapaṭicehādanatthaṃ.

Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo trong giáo pháp này quán xét đúng theo đường lối thọ dụng y chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, để ngăn ngừa sự nóng, để ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng và loài bò sát, chỉ để che đậy dẫn đến hổ thẹn do sự lỏa lồ.

Paṭisaṇkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevati; neva davāya, na madāya na maṇḍanāya, na vibhūsanāya, yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiya yāpanāya

vihiṃsuparatiyā brahmacariyānuggahāya, "iti purānañca vedanaṃ paṭihaṇkhāmi, navañca vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro ca.

Quán xét đúng theo đường lối nên thọ dụng đồ ăn khất thực, không phải thọ dụng để vui chơi, không phải thọ dụng để mê say, không phải thọ dụng để trang điểm, không phải thọ dụng để chưng diện, chỉ để thân này được tồn tại, để tịnh chỉ tổn hại và để hỗ trợ cho phạm hạnh, tỳ-kheo suy xét rằng: "Bằng cách này ta sẽ diệt đi cảm thọ cũ và sẽ không làm cho cảm thọ mới cho sanh lên, để tiến hành không tội lỗi và sự an lạc sẽ có với ta" rồi mới thọ dụng.

Paṭisaṇkhā yoniso senāsanaṃ paṭisevati; yāvadeva sītassa paṭighātāya, ḍaṃsamakasavātāta pasiriṃsapasamphassānaṃ paṭighātāya. Yāvadeva utuparissayavinadanaṃ patisallānārāmatthaṃ.

Quán xét đúng theo đường lối nên thọ dụng trú xứ; chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, để ngăn ngừa sự nóng, để ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng và loài bò sát, chỉ để làm giảm nhẹ sự trở ngại do thời tiết, để được an vui trong việc trú ngụ.

Paṭisaṇkhā yoniso gilānapaccayabhesajjaparikkhāraṃ paṭisevati yāvadeva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya abyāpajjahaparamatāya.

Quán xét đúng theo đường lối nên thọ dụng (các vật phụ tùng như thuốc là phương tiện dành cho người bệnh), chỉ để ngăn ngừa các cảm thọ phát sanh do bệnh tật (tứ đại hoành hành), để không đau đớn, khó chịu.

Đối với giới liên hệ tứ vật dụng này Ngài nêu lên đề cập trong giới nuôi mạng thanh tịnh, nên hiểu về luận giải trong giới liên hệ tứ vật dụng về điều **quán xét đúng theo đường lối (paṭisaṇkhā yoniso)** tức quán xét đúng theo phương pháp bằng với phản khán (xem xét lại_paccavekkhitvā). Trong nơi đây việc phản khán được thuyết theo cách "ngăn ngừa sự lạnh"… nên hiểu là "gọi là quán xét đúng theo đường lối", trong các từ đó thì từ **cīvara** tức một tấm vải nào trong tất cả vải như y nội (antaravāsaka)… Từ **thọ dụng** tức sử dụng như mặc hoặc quấn. Từ **yāvadeva** là lời nói đến điều chắc chắn liên quan đến việc xác định phạm vi lợi ích, nói về lợi ích trong việc sử dụng y của hành giả cũng chỉ có bấy nhiêu tức để ngăn ngừa sự lạnh… không hơn được nữa. Từ **sự lạnh** tức một sự lạnh nào khởi hiện do mãnh lực hoành hành của tứ đại bên trong hay do ảnh hưởng thay đổi của thời tiết bên ngoài. Từ **để ngăn ngừa** tức để loại trừ. Như để giảm thiểu sự lạnh bằng cách sẽ không làm cho đau bệnh phát sanh trong thân bởi vì khi thân thể bị sự lạnh gây tổn hại thì tỳ-kheo sẽ là người có tâm chao đảo nên Đức Thế Tôn mới cho phép tỳ-kheo nên sử dụng y để ngăn ngừa sự lạnh. Trong tất cả lợi ích cũng có điều cơ bản này. Trong nơi đây tôi sẽ đề cập cho đầy đủ.

Từ **sự nóng** tức sự nóng của lửa, nhưng nên hiểu đến việc khởi hiện của sự nóng đó do có lửa rừng… Còn trong cụm từ **daṃsamakasavātā tapasiriṃsapasamphassānaṃ** (xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng và loài bò sát) này nên hiểu theo giải thích sau: Từ **ḍaṃsā** tức ruồi gọi là nhặng cũng được. Từ **makasā** tức muỗi. Từ **vātā** tức tất cả gió phân ra thành gió pha lẫn bụi và gió không pha lẫn bụi. Từ **ātapa** tức nắng. Tất cả mỗi loài bò sát gồm có loại vật có thân hình dài như rắn… gọi là **siriṃsapā**. Việc xúc chạm của các loài vật đó có hai cách là: 1- xúc chạm do cắn, 2- xúc chạm do đụng vào. Việc xúc chạm đó sẽ gây tổn hại vị tỳ-kheo ngồi mà không đắp y, vì vậy tỳ-kheo mới sử dụng y để được lợi ích ngăn ngừa điều tổn hại như sự lạnh… Việc đề cập từ **yāvadeva** này nữa để trình bày xác định phạm vi đối với lợi ích thật sự rằng việc che đậy thân thể sẽ làm cho sự hổ thẹn tăng thêm là lợi ích có được thường xuyên, lợi ích ngoài ra đây thì có được trong thời gian thỉnh thoảng. Cụm từ **hirikopinapaṭicchādanaṭṭhaṃ** (để che đậy bộ phận thân thể làm cho sự hổ thẹn tăng thêm) nghĩa là tư cách kín đáo đó gọi là hirikopina.

Thật vậy, khi bất cứ chi thể nào bị người phơi bày ra thì sự hổ thẹn tăng thêm thường tổn hại, bộ phận thân thể đó ngài gọi là hirikopina bởi vì dẫn đến làm cho sự hổ thẹn tăng thêm và để che đậy chi thể làm cho sự hổ thẹn tăng thêm, vì vậy mới gọi là **hirikopinapaṭicchādanaṭṭhaṃ**. Câu chuyện về **hirikopinaṃpaṭicchādanatthaṃ** này cũng có.

Hậu Sớ Giải

Từ **paṭisaṇkhā** tức quán xét là sự trình bày giải thích bằng cách bỏ từ **ya** ra (thật ra là paṭisaṇkhāya) giống như trong từ sayaṃ abhiññā (thật ra là abhiññāya tức thắng tri)…

Lại nữa, trong từ **yoniso** tức quán xét đúng theo đường lối, ngài giáo thọ sư trước khi trình bày từ **yoni** có nghĩa là phương pháp, vì vậy mới đề cập rằng **quán xét tức hiểu theo phương pháp bằng cách đúng đường lối**.

Để trình bày rằng việc quán xét tức sự phản khán lại, mới đề cập từ **có ý nghĩa là quán xét**.

Giống như từ paccavekkhitvā tức phản khán có ý nghĩa nhắm vào riêng biệt là thấy bằng trí tuệ điều lợi ích đó như ngăn ngừa sự lạnh… như thế nào thì từ paṭisaṇkhāya dịch là quán xét cũng có ý nghĩa là quán xét riêng biệt tức hiểu về điều lợi ích đó, cho nên việc giải thích giống nhau về từ saṇkhā trong nơi đây là từ gián tiếp (từ giải thích ý nghĩa) của trí tuệ.

Lại nữa, trong vấn đề này một nhóm giáo thọ sư đề cập rằng "Thật ra từ quán xét đúng theo đường lối… không được thuyết trong lúc sử dụng tứ vật dụng, tuy nhiên giới liên hệ tứ vật dụng (paccayasannisitasīla) được thanh tịnh do quán xét liên quan đến tứ đại hoặc liên quan đến sự nhờm gớm (paṭikāla)", một vài nhóm đề cập rằng: " (Cho dù như vậy) cũng vẫn tan rã được" còn một nhóm khác nữa

đề cập rằng "Phải xác định biết trước hoàn toàn", như vậy bậc thiện trí nên suy xét lấy…

Phạm vi của lợi ích gọi là "payojanāvadhi" điều chắc chắn nào liên quan đến vi phạm của lợi ích. Lời nói đến điều chắc chắn đó gọi là "payojanā… vacanaṃ" tức **lời nói đến điều chắc chắn liên quan tới việc xác định phạm vi của lợi ích**.

Bấy giờ ngài giáo thọ sư để trình bày đến điều chắc chắn đó mới đề cập rằng **lợi ích… cũng có chỉ bấy nhiều…**

Trong các từ đó, bằng lời nhấn mạnh (từ loại trừ mà hiểu rằng "ngần ấy") Ngài ngăn cấm việc sử dụng vải liên quan đến dùng trong việc bước đi yểu điệu, dùng để làm vật trang sức, dùng để đeo cổ, dùng để làm dấu hiệu biểu hiện chức vụ… Do đó, ngài mới đề cập rằng "không được hơn nữa"… gọi là **hoành hành của tứ đại bên trong** tức hoành hành phát sanh do bệnh từ sự lạnh…

Cụm từ **do ảnh hưởng thay đổi thời tiết bên ngoài** tức do ảnh hưởng luân phiên của thời tiết bởi thời tiết có sự lạnh khác nhau gây ra. Nói về từ "hoặc" nên hiểu đến việc gom lại lấy sự diễn tiến (của sự lạnh) liên quan đến tuyết rơi… trong tất cả thời tiết như mùa đông…

(Từ để ngăn ngừa) được giải thích rằng không làm cho sự lạnh khởi hiện, điều nào lợi ích điều đó làm giảm thiểu sự lạnh, ngài giáo thọ sư để trình bày lợi ích đó cho đến sau cùng mới đề cập rằng **khi thân thể bị sự lạnh gây tổn hại…**

Cụm từ **trong tất cả lợi ích** tức trong tất cả lợi ích ngoài ra… rằng: "Để ngăn ngừa sự nóng" nếu như sự nóng của mặt trời là sự nóng thật sự nhưng bằng sự nóng của mặt trời đó Ngài sử dụng bằng từ **nắng**, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **sự nóng của lửa**.

Cũng có khi sự nóng của lửa rừng có thể sẽ dịu bớt được do việc che đậy thân thể bằng y. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"Nên hiểu đến việc khởi hiện của sự nóng đó do có lửa rừng"…**

Từ **ḍaṃsā** tức ruồi, các con ruồi đó là loài vật thường xuyên nút, vì vậy ngài giáo thọ sư mới gọi là "ḍaṃsanamakkhikā".

Từ **như rắn…** gồm có rắn, rít, nhện, tắc kè và bò cạp…

Cụm từ **xúc chạm do đụng vào** ngài đề cập đến nọc độc chạm vào. Rắn có 3 loại là: 1- Rắn có nọc độc do cắn, 2- Có nọc độc chạm vào, 3- Có nọc độc do nhìn. Trong tất cả 3 loại rắn thì 2 loại rắn đầu ngài sử dụng để gom vào loài vật có nọc độc như rít…

Lợi ích trọng yếu thuần nhất và có được mọi lúc gọi là **lợi ích thường xuyên**.

Gọi là **sự hổ thẹn tăng thêm** tức việc không hổ thẹn tồn tại, vì vậy ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **thường tổn hại**.

Chi thể gọi là **kopina** do ý nghĩa nên xuôi theo việc phát

triển hoặc nên che đậy cũng có ý nghĩa trong vấn đề này nên hiểu rằng chi thể gọi là hổ thẹn bởi ý nghĩa người nên hổ thẹn cũng gọi là kopina, vì vậy mới gọi là **hirikopina**.

Cụm từ **và để che đậy chi thể làm cho sự hổ thẹn tăng thêm** nghĩa là từ "ca" (dịch là và) có ý nghĩa gom lại các lợi ích đã đề cập trong phần đầu vào với nhau.

Thanh Tịnh Đạo

Từ **piṇḍapāta** tức một loại vật thực nào. Một loại vật thực nào ngài gọi là khất thực (piṇḍapāta) bởi vì nhận được trong bát do việc đi lại để tìm vật thực của tỳ-kheo.

Một lý khác nữa, việc nhận được các vật thực gọi là khất thực, gồm có một nhóm vị nhận được đồ ăn (trì bình) tại nơi đó.

Từ **không phải** thọ dụng **để vui chơi** tức không phải thọ dụng để vui chơi giống như tất cả mọi người như trẻ con trong dân gian… cùng nhau thụ hưởng. Không phải thọ dụng do nguyên nhân để nhắm đến sự vui chơi.

Từ **không phải** thọ dụng **để say mê** tức không phải thọ dụng để say mê giống như tất cả mọi người như võ sĩ… cùng nhau thụ hưởng. Không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào sự say mê trong sức mạnh và do nhắm vào sự say mê như thanh niên.

Từ **không phải** thọ dụng **để trang điểm** tức không phải thọ dụng để trang điểm giống như tất cả mọi người như

cung nữ và gái mại dâm… cùng nhau thụ hưởng. Không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào sự sung mãn các chi thể lớn, nhỏ.

Từ **không phải** thọ dụng **để chưng diện** tức không phải thọ dụng để chưng diện giống như tất cả mọi người như vũ nữ… cùng nhau thụ hưởng. Không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào có được da vẻ tươi tắn.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **một loại vật thực nào** tức một loại vật chất nào ăn vào thuộc vật nhai, nuốt…

Tỳ-kheo đi lại để được nhu cầu đồ ăn khất thực cho nên gọi là piṇḍolo tức người đi lại để được nhu cầu về đồ ăn khất thực, hành vi của vị tỳ-kheo đi lại để được nhu cầu đồ ăn khất thực gọi là đi khất thực từng nhà (piṇḍolyaṃ) tức đi lại khất thực để nhận đồ ăn khất thực.

Cụm từ **việc nhận được** tức đồ ăn nhận được trong bát gọi là khất thực bởi vì nhận được (từ trong bát).

Cụm từ **nhận được các đồ ăn khất thực** tức nhận được gom chung các vật thực tại mỗi nhà.

Trong các từ **không phải thọ dụng để vui chơi…** nghĩa là hành vi diễn tiến mau lẹ cũng gọi là vui chơi, ngài giáo thọ sư để làm cho đặc biệt hơn hành vi diễn tiến mau lẹ đó nên đề cập **"giải thích rằng không phải thọ dụng để vui chơi tức không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào sự vui chơi"**.

Người đấu với nhau bằng quả đấm gọi là **võ sĩ**, bằng nội dung điển hình… gom vào lấy tất cả người đấu với nhau bằng nắm đấm.

Cụm từ **không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào sự say mê trong sức mạnh** nghĩa là sự say mê khởi hiện do nương vào sức mạnh gọi là say mê trong sức mạnh, ý nghĩa thật sự tức không phải thọ dụng để làm cho sức mạnh sanh lên.

Cụm từ **do nhắm vào sự say mê là thanh niên…** nghĩa là ngã mạn tự cao rằng là "thanh niên" ngài gọi là say mê mình là thanh niên, ngã mạn khởi lên rằng: "Ta là thanh niên" mà một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng chính do ngã mạn hoặc tham ái dẫn đến nương vào năng lực trong việc thọ dụng phi pháp gọi là say mê là thanh niên, nghĩa là không phải thọ dụng do nguyên nhân say mê là thanh niên.

Các cung phi gọi là **cung nữ**.

Nữ nhân nương vào thân xác để nuôi mạng gọi là **gái mại dâm** bởi vì là người hành nghề trong việc đi đến giao hợp với người có nhu cầu.

Việc làm cho các chi thể được hoàn hảo gọi là **trang điểm** trong nơi đây, do đó ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"Không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào sự sung mãn các chi thể lớn nhỏ"** có nghĩa là nguyên nhân để bộ phận cơ thể được đầy đặn.

Nữ nhân theo đoàn kịch gọi là người diễn xuất (naṭā), tất cả nhóm vũ công gọi là vũ nữ (naccakā).

Việc làm cho đẹp đẽ đến hoàn hảo gọi là **chưng diện**, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"Không phải thọ dụng do nguyên nhân nhắm vào có được da vẻ sáng lạng"**.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, nên hiểu rằng câu không phải để vui chơi này được thuyết để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh si mê.

Câu không phải thọ dụng để mê say thuyết để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh sân.

Hai câu không phải thọ dụng để trang điểm, không phải thọ dụng để chưng diện này thuyết để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh tham ái.

Lại nữa, hai câu không phải thọ dụng để vui chơi, không phải thọ dụng để say mê này được thuyết để ngăn chặn kiết sử (saṃyojana) khởi lên với mình. Hai câu không phải thọ dụng để trang điểm, không phải thọ dụng để chưng diện này được thuyết để ngăn chặn kiết sử khởi lên với người khác.

Lại nữa, cả 4 câu này được thuyết đến việc đoạn trừ thực hành không đúng phương pháp (ayonisopaṭipati) và lợi dưỡng (kāmasukhallikānuyoga).

Từ **yāvadeva** có ý nghĩa như đã đề cập.

Từ **của thân này** tức của xác thân hội đủ tứ đại này.

Cụm từ **để được tồn tại** tức để được tồn tại nối tiếp nhau.

Cụm từ **để được diễn tiến** tức để được diễn tiến không gián đoạn, hoặc để được tồn tại suốt thời gian lâu dài. Thật vậy, tỳ-kheo thọ dụng để thân thể được tồn tại và để được diễn tiến giống như chủ nhà trước kia gìn giữ căn nhà và giống như chủ chiếc xe bò bôi dầu nhớt vào trục bánh xe bò, không phải thọ dụng để vui chơi, để say mê, để trang điểm, để chưng diện.

Một lý khác nữa, nên hiểu rằng từ ṭhiti (tồn tại, pháp tánh được tồn tại) đây là tên gọi của mạng quyền, vì vậy chỉ bằng cụm từ này như để được tồn tại, để thân này được diễn tiến thì có từ giải thích rằng để dẫn đến mạng quyền (jīvītindrīya) của thân này được diễn tiến cũng được.

Cụm từ **để ngăn lại việc tổn hại** nghĩa là sự đói gọi là tổn hại (do ý nghĩa) làm cho đau bệnh. tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực để ngăn lại sự đói, giống như người bị thương dùng thuốc thoa vết thương và giống như khi nóng, lạnh… phát sanh thì dùng thuốc chữa trị sự nóng lạnh đó.

Cụm từ **để hỗ trợ phạm hạnh** tức để hỗ trợ cho giáo pháp phạm hạnh (sāsanabrahmacariya) và con đường phạm hạnh (maggabrahmacariya). Thật vậy, tỳ-kheo nương vào sức mạnh nơi thân thể do thọ dụng đồ ăn khất thực tạo điều kiện để thực hành vượt qua cảnh giới hiểm trở (bhavakandāra) bằng năng lực thường xuyên thực hành Tam Học nên gọi là thọ dụng để hỗ trợ phạm hạnh, giống

như vợ chồng muốn vượt qua con đường hiểm trở nên đành ăn thịt đứa con, giống như người muốn vượt qua con sông phải dùng bè và giống như người muốn vượt qua biển cả phải dùng thuyền.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **mohupanissayapahānatthaṃ** tức để đoạn trừ cơ tánh si mê bởi vì sự vui chơi thường có do si mê và làm cho si mê tăng trưởng. Vì vậy, sự vui chơi thuộc cơ tánh si mê không loại trừ ra được.

Cụm từ **để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh sân** ngài nêu lên đề cập liên quan đến sự say mê về sức mạnh và say mê là thanh niên do nguyên nhân từ sân.

Cụm từ **để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh tham ái** mới đề cập liên quan đến 2 câu ngoài ra (tức không phải thọ dụng để trang điểm, không phải thọ dụng để chưng diện).

Việc phủ nhận sự trang điểm và chưng diện phải có ngay cả để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh si mê cũng được, tuy nhiên do đối lập trực tiếp với sự thọ dụng thuộc cơ tánh tham ái, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **để đoạn trừ việc thọ dụng thuộc cơ tánh tham ái**.

Dù rằng các kiết sử (saṃyojana) như phẫn uất kiết sử… có sự khởi hiện liền tức thì với người khác, bởi vì nói đến sự vui chơi và say mê của một số người giống như

việc khởi hiện đối với nhóm chư thiên có tâm ý sân hận (manopadosikadevatā) thật, cho dù như vậy các ác pháp như tham ái, si mê và ngã mạn… thường khởi hiện phân biệt với nhóm tỳ-kheo nào ham muốn việc vui chơi và say mê của chính mình, ngài giáo thọ sư đề cập ám chỉ nhóm tỳ-kheo đó rằng để ngăn chặn việc khởi hiện kiết sử của người khác bằng ý nghĩa rằng các ác pháp như tham ái và si mê… cho dù của người khác vẫn diễn tiến được phân biệt do nương vào sự trang điểm và chưng diện của mình (của tỳ-kheo).

Cụm từ **thực hành không đúng phương pháp** nghĩa là thực hành sai lệch xuôi theo lợi dưỡng (kāmasukhallikānuyoga) tất cả đều gọi là **thực hành không đúng phương pháp**.

Các giáo thọ sư đề cập rằng bằng 2 câu đầu (không phải thọ dụng để vui chơi, không phải thọ dụng để say mê) thuyết để đoạn trừ việc thực hành không đúng phương pháp, bằng 2 câu sau thuyết để đoạn trừ lợi dưỡng nhưng từ lời nói (của chính ngài giáo thọ sư Buddhaghosa) rằng bằng 4 câu đó nên hiểu rằng thuyết để đoạn trừ việc thực hành không đúng phương pháp và lợi dưỡng bằng tất cả câu.

Ngay cả việc nô đùa chơi giỡn liên quan trong việc vui chơi cũng là sự say mê là thanh niên bởi vì là nhân của việc thường xuyên tạo an lạc trong chính dục đó.

Cụm từ **hội đủ tứ đại** tức nương vào tứ đại.

Cụm từ **của thân này** tức hội đủ của sắc như 4 sắc tứ tướng.

Từ **ṭhitiyā** để thân thể đó được tồn tại, việc thân thể đó được tồn tại là pháp tánh mà tỳ-kheo mong muốn liên quan đến sự tiếp nối nhau. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"để được tồn tại nối tiếp nhau"**.

Cụm từ để được diễn tiến tức để mạng quyền được diễn tiến. Thật vậy, mạng quyền ngài trình bày giải thích là yāpanā tức được diễn tiến, sự diễn tiến đó thường không có sự gián đoạn do hội đủ vật thực.

Ngài giáo thọ sư trước khi trình bày rằng: "Thân thể được bảo tồn suốt thời gian lâu dài cho đến thọ kiếp gọi là được diễn tiến (yāpanā)" nên đề cập rằng: **"Hoặc để được tồn tại suốt thời gian lâu dài"**.

Bấy giờ, để làm cho ý nghĩa đã đề cập đó được rõ ràng hơn ngài giáo thọ sư mới đề cập câu ví dụ rằng: **"Giống như chủ nhà trước gìn giữ căn nhà"…**

Tiếp theo là câu kết hợp trong điều đó để ví dụ rằng chủ nhà trước kia gìn giữ căn nhà để căn nhà đó không sụp. Lại nữa, chủ chiếc xe bò nhỏ dầu vào trục bánh xe để chiếc xe bò đó được lăn bánh tiếp tục như thế nào, thì hành giả thọ dụng đồ ăn khất thực để thân này được diễn tiến như thế đó.

Bằng cụm từ **kāyassa ṭhitatthaṃ yāpanatthañca** (để được tồn tại, để thân này được diễn tiến) này ngài giáo

thọ sư trình bày rằng việc nhận được (vật thực) để (nuôi dưỡng) mạng quyền gọi là được tồn tại (ṭhiti) việc mạng quyền được diễn tiến, gọi là sự diễn tiến (yāpanā).

Cụm từ **không phải để vui chơi, để say mê, để trang điểm và để chưng diện** này có sự trình bày đến lợi ích nhắm vào bằng từ giới hạn như chỉ để... mà thôi.

Tất cả pháp thủ (upādinnadhamma) thường hiện diện do pháp tánh này, vì vậy pháp tánh này gọi là "tồn tại" (ṭhiti) dịch là sự tồn tại tức tuổi thọ. Do đó ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"từ ṭhiti này là tên gọi của mạng quyền"**. Thật vậy, mạng quyền này ngài đã nêu lên trình bày rằng: "Tuổi thọ tức tồn tại".

Cụm từ **để được tồn tại, để được diễn tiến** nên có nghĩa là: "để mạng quyền được diễn tiến" bởi vì là nguyên nhân tồn tại của thân, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **để dẫn đến mạng quyền của thân này được diễn tiến.**

Cụm từ **do ý nghĩa làm cho đau bệnh** tức do ý nghĩa tổn hại hoặc do ý nghĩa đau bệnh bởi vì cơn đói là chứng bệnh trầm trọng.

Từ **uparamatthaṃ** tức để dẫn đến việc ngăn lại. Sự liên quan về việc thọ dụng đồ ăn khất thực giống như người bị thương dùng thuốc thoa vết thương, giống như người bị bệnh khi có sự nóng, lạnh... hoành hành thì dùng thuốc để chữa trị sự nóng lạnh đó.

Ngoại trừ đạo phạm hạnh ra thì giáo pháp thanh tịnh tức giáo pháp gom vào trong Tam Học gọi là giáo pháp phạm hạnh. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"Để hỗ trợ giáo pháp phạm hạnh và con đường phạm hạnh"**.

Từ **anuggahatthaṃ** tức để hỗ trợ nghĩa là để làm cho tiến hành được.

Cụm từ **nương vào sức mạnh thân** tức chỉ nương vào sức mạnh thân cũng đủ để đạt được ân đức đặc biệt. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"Bằng năng lực thường xuyên thực hành Tam Học"...** Việc so sánh ví dụ rằng: "Vợ và chồng muốn vượt qua con đường hiểm trở hay người đàn ông muốn vượt qua biển cả hoặc người không do dự không thối chuyển nhắm đến việc thành tựu lợi ích duy nhất mới ăn thịt đứa con trai... bởi vì ngoài ra thịt đứa con trai... mà bỏ qua sẽ chẳng thành tựu được. Điều này như thế nào thì vị tỳ-kheo muốn vượt qua cảnh giới hiểm trở cũng là người không do dự, không thối chuyển thọ dụng đồ ăn khất thực bởi vì ngoài ra đồ ăn khất thực mà bỏ qua cũng sẽ không thành tựu được giống như vậy.

Thanh Tịnh Đạo

Câu **bằng cách này ta sẽ diệt đi cảm thọ cũ và sẽ không làm cho phát sanh cảm thọ mới** nghĩa là tỳ-kheo suy xét rằng bằng cách này tức bằng việc thọ dụng đồ ăn khất thực này ta sẽ diệt trừ cảm thọ cũ tức sự đói trước kia và sẽ không dẫn đến cảm thọ mới như do nguyên nhân

thọ thực quá độ phát sanh lên, giống như bà-la-môn gọi là āharahatthaka, bà-la-môn gọi là alaṃsāṭaka, bà-la-môn gọi là tatthavattaka, bà-la-môn gọi là kākamāsaka, bà-la-môn gọi là bhuttavamitaka một người nào, rồi mới thọ dụng giống như người bệnh dùng thuốc.

Hậu Sớ Giải

Từ **iti** là bất biến từ (nipāta) trong ý nghĩa là như vậy (nên dịch là bằng cách này), trường hợp thọ dụng đồ ăn khất thực mà tỳ-kheo thọ dụng ngài sử dụng bằng từ iti, vì vậy mới đề cập giải thích rằng **bằng cách này tức bằng việc thọ dụng đồ ăn khất thực này**.

Từ **trước kia** tức cảm thọ cũ trước kia bởi vì là cảm thọ có từ trong lúc trước khi thọ thực.

Từ **paṭihiṇkhāmi** tức ta sẽ diệt trừ kết hợp với sự suy xét rằng ta sẽ không dẫn đến cảm thọ mới cho phát sanh rồi mới thọ dụng.

Vấn: *"Sẽ không dẫn đến cảm thọ mới như thế nào và sẽ không dẫn đến cho phát sanh như thế nào?".*

Đáp: (Tỳ-kheo suy xét rằng) **ta sẽ không dẫn đến cảm thọ mới do nguyên nhân thọ thực quá độ... giống như một người bà-la-môn nào.**

Cảm thọ gọi là do nguyên nhân không biết độ lượng bởi ý nghĩa thọ thực không biết chần mực tức chẳng độ lượng về tứ vật dụng dẫn đến làm cho cảm thọ sanh lên. Sẽ

không dẫn đến phát sanh cảm thọ như thọ thực quá độ từ hạn lượng của hỏa đại tiêu hóa vật thực của mình là nhân làm cho sanh lên.

Bà-la-môn nào thọ thực nhiều cho đến khi không thể đứng lên được theo bình thường, mới nói rằng: "Hãy giúp kéo tay tôi (đứng lên)", bà-la-môn này gọi là bà-la-môn ăn cho đến kêu lên rằng "Hãy kéo tay tôi (đứng lên)" (āharahatthaka).

Bà-la-môn nào thọ thực nhiều cho đến khi bụng phình to quá mức cho dù đứng lên được cũng không thể mặc y phục, bà-la-môn này gọi là bà-la-môn ăn cho đến không mặc y phục được (alaṃsātaka).

Bà-la-môn nào thọ thực nhiều cho đến khi không thể đứng lên được nên nằm lăn ra tại nơi đó, bà-la-môn này gọi là bà-la-môn ăn cho đến nằm lăn ra tại nơi đó (tatthavattaka).

Bà-la-môn nào thọ thực nhiều tới mức không thể ngậm miệng lại được cho đến các con quạ cũng có thể mổ ăn vật thực theo kẻ miệng, bà-la-môn này gọi là bà-la-môn ăn cho đến miệng há ra khiến con quạ cũng mổ ăn vật thực được (kākamāsaka).

Bà-la-môn nào thọ thực đến nỗi không thể làm cho vật thực ngưng lại trong miệng nên nôn mửa ra tại chính nơi đó, bà-la-môn này gọi là bà-la-môn ăn cho đến nôn mửa ra (bhuttavamitaka).

Tỳ-kheo không nên thọ thực như một người nào trong tất cả nhóm bà-la-môn đó.

Một lý khác nữa, cảm thọ khởi lên do nguyên nhân chưa thọ thực gọi là cảm thọ cũ, tỳ-kheo suy xét rằng ta sẽ diệt trừ cảm thọ cũ đó rồi mới thọ thực, cảm thọ khởi lên do thọ thực quá độ gọi là cảm thọ mới, tỳ-kheo suy xét rằng ta sẽ không để cảm thọ mới khởi lên rồi mới thọ thực.

Một lý khác nữa, cảm thọ khởi lên do nguyên nhân chưa được thọ thực gọi là cảm thọ mới, tỳ-kheo nên thọ dụng đồ ăn khất thực để không khởi lên cảm thọ mới đó, câu "cảm thọ khởi lên do nguyên nhân vật thực chưa được thọ dụng này" là câu giải thích ý nghĩa của sự đói quá mức có nghĩa là trình bày đến sự đói quá mức mà tỳ-kheo không nên làm cho tiếp diễn bằng cách là thọ thực.

Trong tất cả cảm thọ khởi hiện do nguyên nhân chưa thọ thực và do nguyên nhân đã thọ thực thì các cảm thọ khởi lên trước diễn tiến như sự đói là nhân (cảm thọ cũ) khi tỳ-kheo không thọ thực thì cảm thọ đó sẽ tăng trưởng hơn lên bởi mãnh lực từ việc thiêu đốt nội tạng và từ chất gió châm chích làm đau nhói... cho dù khởi lên về sau do chính sự đói quá mức đó là nhân (thuộc cảm thọ mới) chưa diễn tiến, cũng cảm thọ đó trong phần đầu chưa khởi hiện thì sẽ không khởi hiện được do nguyên nhân từ việc thọ dụng vật thực. Đây là sự khác biệt nhau của nhóm cảm thọ đó, nhóm cảm thọ này có sự nhiễu hại là nhân, có sự khác biệt nhau bởi sự nhiễu hại.

Thanh Tịnh Đạo

Một lý khác nữa, nên hiểu ý nghĩa trong điều này ngay cả cảm thọ nào gọi là cảm thọ cũ do nương vào vật thực không thích hợp và việc thọ dụng quá độ nên khởi lên trong hiện tại bởi mãnh lực nghiệp cũ làm duyên. Chúng ta khi làm cho duyên của cảm thọ cũ đó diệt đi bằng vật thực thích hợp và thọ thực độ lượng gọi là sẽ diệt trừ cảm thọ cũ đó. Đối với cảm thọ nào gọi là cảm thọ mới do nương vào nghiệp gây ra tức việc thọ thực không thích hợp mà tỳ-kheo tạo ra trong hiện tại này rồi khởi lên trong thời gian tiếp theo. Chúng ta khi không làm cho căn gốc của cảm thọ đó khởi lên bằng năng lực thọ thực thích hợp gọi là sẽ không làm cho cảm thọ mới đó khởi lên.

Bằng lời nói có độ lượng này nên hiểu rằng, như vậy là Ngài thuyết gom lại lấy việc thọ thực thích hợp, việc tránh xa khổ hạnh và việc không từ bỏ lạc kết hợp với pháp được vẹn toàn.

Hậu Sớ Giải

Từ **adhunā** tức trong hiện tại này.

Cụm từ **do nương vào vật thực không thích hợp và việc thọ thực quá độ** có nghĩa là cảm thọ thường khởi lên do nương vào sự liên kết giữa việc thọ dụng vật thực không thích hợp và không biết độ lượng.

Cụm từ **bởi mãnh lực của nghiệp cũ làm duyên** nghĩa

là bởi mãnh lực của nghiệp tạo ra trong lúc trước tức kiếp sống trước làm duyên.

Cảm thọ tương ứng đối với sự khởi hiện do nương vào hành vi trong việc thọ thực không thích hợp (payogavipatti), việc từ bỏ hành vi thọ thực không thích hợp đó rồi thọ thực thích hợp (payogasampatti), gọi là diệt trừ duyên của mọi cảm thọ và diệt trừ mọi cảm thọ. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **chúng ta khi làm cho duyên của cảm thọ cũ đó diệt đi... gọi là sẽ diệt trừ cảm thọ cũ đó.**

Nghĩa là sự việc không quán xét tất **duyên** cả tứ vật dụng rồi thọ dụng gọi là **thọ dụng không thích hợp**, chính việc thọ dụng không thích hợp đó gọi là **gây ra nghiệp** bởi vì là nghiệp mà tỳ-kheo đã tạo đã gây ra. Cảm thọ nào khởi hiện do nương vào việc gây ra nghiệp đó trong thời gian tiếp theo tức trong vị lai ngài giáo thọ sư gọi cảm thọ này là **cảm thọ mới**.

Cụm từ **bởi mãnh lực thọ dụng thích hợp** tức bởi năng lực quán xét rồi thọ dụng tứ vật dụng, tỳ-kheo khi không làm cho nghiệp là căn gốc của cảm thọ mới đó khởi hiện tức việc thọ dụng không thích hợp, gọi là không làm cho các cảm thọ mới sanh lên.

Cụm từ **bằng lời nói có độ lượng này** tức bằng 2 câu đã đề cập như "purāṇaṃ"... (tức 1- ta sẽ diệt trừ cảm thọ cũ, 2- ta sẽ không làm cho cảm thọ mới sanh lên) hoặc bằng 4 đoạn của câu như "vihiṃ suparatiyā"... (tức để ngăn

lại sự tổn hại...) như vậy là Ngài thuyết gom lại việc thọ dụng thích hợp do nói đến việc thọ dụng tứ vật dụng không thích hợp đối với tất cả nhóm tu sĩ, như vậy là Ngài thuyết đến việc tránh xa khổ hạnh (attakilamathānuyoga) bởi vì là ngôn từ ngăn chặn khổ như sự đói..., và xem như Ngài thuyết đến việc không từ bỏ lạc kết hợp với pháp bởi vì không từ bỏ lạc thân (sukhakāya) là nhân tạo ra lạc trong thiền...

Thanh Tịnh Đạo

Gọi là **việc tiến hành được sẽ có với ta** nghĩa là tỳ-kheo suy xét rằng do việc thọ dụng đồ ăn khất thực độ lượng được tiến hành thì việc diễn tiến suốt thời gian lâu dài sẽ có với ta như đối với thân thể diễn tiến liên quan đến tứ vật dụng bởi vì không có tai họa vào cắt đứt mạng sống hoặc tổn hại oai nghi rồi mới thọ dụng, thọ dụng tứ vật dụng giống như người bệnh mãn tính uống thuốc trị bệnh.

Cụm từ **không có lỗi lầm và sống an lạc** nghĩa là tỳ-kheo suy xét rằng sự không lỗi lầm sẽ có với ta bởi không tầm cầu trong việc thọ nhận và thọ dụng không thích hợp, sự sống được an lạc sẽ có với ta bằng việc thọ dụng độ lượng. Một lý khác nữa, sự không lỗi lầm sẽ có với ta do không vui thích (trong phạm hạnh) lười biếng, uốn mình, bị người hiểu biết chỉ trích... do nguyên nhân vật thực không thích hợp và quá độ, sự sống an lạc sẽ có với ta bởi thân thể khỏe mạnh do nguyên nhân vật thực thích hợp và độ lượng.

Một lý khác nữa, sự không lỗi lầm do từ bỏ lạc trong việc ngủ nghỉ, lạc trong việc nghiêng qua nghiêng lại và lạc trong việc buồn ngủ sẽ có với ta bằng sự từ bỏ thọ thực như mong muốn cho đến đầy bụng, và việc sống an lạc do sự quân bình cân đối nhau của 4 oai nghi sẽ có với ta bằng việc thọ dụng vật thực giảm xuống 4-5 miếng. Điều này tương ứng theo lời ngài đề cập (kệ ngôn) rằng:

"Cattāro pañca ālope Abhutvā udakaṃ pive

Alaṃ phāsuvihārāya Pahitattassa bhikkhuno".

"Tỳ-kheo thọ thực 4-5 miếng rồi uống nước (thay thế) là vừa đủ để sống an lạc của tỳ-kheo có người thỉnh mời".

Bằng lời nói có độ lượng (tức cả 3 vế như 1- tiến hành được, 2- không lỗi lầm, 3- sống an lạc) nên hiểu rằng Ngài thuyết xác định lấy lợi ích và thực hành theo đường lối trung đạo.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư trước khi trình bày ý nghĩa: "Tai họa vào cắt đứt mạng sống hoặc tổn hại oai nghi mà xảy ra do việc thọ thực không thích hợp và không biết độ lượng, tai họa đó sẽ không có được cũng do việc thọ thực thích hợp và biết độ lượng. Như vậy việc diễn tiến tức sự tiếp diễn của thân thể sẽ được diễn tiến suốt thời gian lâu dài". Vì vậy, mới đề cập rằng **"do việc thọ dụng đồ ăn khất thực độ lượng được tiến hành thì việc diễn tiến suốt thời gian lâu dài sẽ có với ta"**.

Bệnh nào là bệnh mãn tính nhưng không phải rằng sẽ không chữa trị hết được bệnh đó gọi là **"yāpyarogo"** tức bệnh mãn tính chữa trị được, bệnh đó đang có với người nào, người đó gọi là "yāpyarogī" tức người bị bệnh mãn tính (nhưng chữa trị được), cũng người bị bệnh mãn tính đó phải sử dụng thuốc thường xuyên suốt mọi lúc như thế nào thì ngay đến vị tỳ-kheo này cũng phải thọ dụng đồ ăn khất thực thường xuyên suốt mọi lúc giống như vậy.

Đề cập rằng: "Bất luận cho dù sự tiến hành (yātrā) cũng tức là sự diễn tiến (yāpanā), sự diễn tiến cho dù được thuyết trước cũng tức là sự tiến hành".

Vấn: *Vì sao có sự khác biệt nhau trong 2 từ này?*

Đáp: Sự diễn tiến (yāpanā) được thuyết trước (như thọ dụng đồ ăn khất thực để thân này được tồn tại, được diễn tiến) chủ yếu lấy sự diễn tiến của mạng sống (jīvitindriya). Riêng trong nơi đây, việc diễn tiến nghĩa là sự không gián đoạn của 4 oai nghi thì gọi là sự tiến hành. Đây là sự khác biệt nhau trong 2 từ.

Việc tầm cầu tứ vật dụng bằng cách tà mạng mà Đức Phật chê trách gọi là **tìm kiếm không thích hợp**. Việc không biết độ lượng về thí chủ, vật thí và chính mình rồi thọ dụng hay thọ nhận vật thí mà họ dâng cúng bằng đức tin làm cho có đức tin do việc thọ nhận gọi là **thọ nhận không thích hợp**.

Một lý khác nữa, việc thọ nhận là nguyên nhân phạm tội.

Việc không quán tưởng rồi thọ dụng tứ vật dụng gọi là **thọ dụng không thích hợp**, việc thọ nhận và thọ dụng không thích hợp nên hiểu cũng liên quan đến việc làm cho phát sanh tứ vật dụng thường xuyên bằng pháp. Việc tầm cầu tứ vật dụng bằng pháp, thọ nhận bằng pháp, quán tưởng rồi thọ dụng gọi là **không lỗi lầm**.

Cụm từ **không vui thích** (trong phạm hạnh) tức không vui thích trong các trú xứ thanh vắng và trong tất cả tăng thượng thiện pháp (adhikusaladhamma).

Từ **tandi** tức lười biếng như ngủ nghỉ.

Từ **uốn mình** tức vặn vẹo thân bởi do hôn thụy chi phối.

Việc bị chỉ trích từ người hiểu biết gọi là **viññugarahā**. Một số vị tỳ-kheo thường làm cho vật dụng không lỗi lầm trở thành vật dụng lỗi lầm do nghĩ rằng đó là vật dụng mà ta tìm được nên thọ dụng quá độ, khi không thể làm cho đồ ăn khất thực tiêu hóa được nên khổ sở do sự nôn mửa, bài tiết... làm cho các tỳ-kheo trong chùa phải tất bật đi lại tìm thuốc đến chữa trị cho vị ấy, khi nhóm tỳ-kheo khác hỏi các tỳ-kheo đó rằng "Có chuyện gì vậy?", khi nghe được câu trả lời... rằng "Vị tỳ-kheo đó bị trướng bụng" mới cùng nhau nói rằng: "Vị này thường xuyên như vậy cho dù bình thường cũng không biết tiết độ theo khẩu phần của mình". Trường hợp này gọi là làm cho vật dụng không lỗi lầm trở thành vật dụng lỗi lầm.

Tỳ-kheo quán tưởng rằng: "Sẽ không có lỗi lầm do không làm như vậy" rồi mới thọ dụng.

Giải thích: Tỳ-kheo hiểu biết về hạn lượng hỏa đại tiêu hóa vật thực của mình theo bình thường... rồi quán xét rằng: "Lạc thân và người hiểu biết sẽ không chỉ trích được bởi vì không có lỗi lầm như không vui thích trong phạm hạnh... sẽ có được chỉ bằng trường hợp này mà thôi" rồi mới thọ dụng đồ ăn khất thực có độ lượng thích hợp.

Việc mong muốn trong việc thọ dụng có độ lượng ngần nào, do việc mong muốn làm cho sự thọ dụng có độ lượng ngần ấy được thành tựu nên gọi là **như mong muốn**, do làm cho bụng to quá cỡ nên gọi là **thọ dụng vật thực cho đến đầy bụng** gom 2 câu lại với nhau thành **thọ dụng vật thực như mong muốn cho đến đầy bụng**, việc không lỗi lầm do từ bỏ lạc trong việc ngủ nghỉ... sẽ có được do từ bỏ việc thọ thực như mong muốn cho đến đầy bụng.

Lạc có được từ sự ngủ nghỉ tức việc nằm ngủ gọi là **lạc trong việc ngủ nghỉ**.

Lạc của người nằm có sự thay đổi theo 2 bên gọi là **lạc trong sự nghiêng qua nghiêng lại**.

Lạc khởi lên do sự buồn ngủ theo chiều hướng ngủ nghỉ gọi là **lạc trong sự buồn ngủ**.

Gọi là **sự không lỗi lầm** cũng bằng cách từ bỏ tất cả lạc như trong việc ngủ nghỉ...

Gọi là **sự quân bình cân đối nhau của 4 oai nghi** tức việc làm cho 4 oai nghi thích hợp nhau cùng diễn tiến với

thân thể, việc sống an lạc sẽ khởi hiện do làm cho 4 oai nghi cân đối được diễn tiến.

Sống trú vào oai nghi an lạc gọi là **sống an lạc (phāsuvihāro)**.

Ngài giáo thọ sư để làm rõ tánh chất của việc sống an lạc mới nêu lên xác định trong điều sau cùng (như việc sống an lạc do quân bình cân đối nhau của 4 oai nghi sẽ có với ta bằng việc thọ dụng vật thực giảm xuống 4-5 miếng) hoặc trong 3 điều xác định (như việc sống an lạc sẽ có với ta do việc thọ dụng biết tiết độ...) làm cho hoàn thành câu tóm tắt nên đề cập rằng **điều này tương ứng...**

Như vậy ngài giáo thọ sư đề cập việc sống an lạc liên quan đến việc thọ thực giảm xuống nêu lên trong 3 điều xác định này.

Cụm từ **bằng lời nói độ lượng này** tức 3 câu đã đề cập bằng "việc tiến hành"...

Cụm từ **việc tiến hành sẽ có với ta** là câu trình bày xác định lợi ích. Gọi là việc tiến hành do ý nghĩa thọ thực dẫn đến thành tựu lợi ích.

Việc sống an lạc như việc không từ bỏ lạc hội đủ pháp là nhân gọi là **thực hành theo đường lối trung đạo** bởi vì tránh xa 2 cực đoan.

Trong lãnh vực này bậc thiện trí nên gom vào 8 chi phần như:

Điều "không phải thọ dụng để vui chơi" tính thành 1 chi phần.

Điều "không phải thọ dụng để say mê" là 1 chi phần.

Điều "không phải thọ dụng để trang điểm" là 1 chi phần.

Điều "không phải thọ dụng để chưng diện" là 1 chi phần.

Điều "chỉ để thân này được tồn tại diễn tiến" là 1 chi phần.

Điều "để ngăn lại sự tổn hại để hỗ trợ phạm hạnh" là 1 chi phần.

Điều "suy xét rằng bằng trường hợp này ta sẽ diệt trừ cảm thọ cũ và sẽ không dẫn đến cảm thọ mới khởi lên" là 1 chi phần.

Điều "việc tiến hành sẽ có với ta" cũng tính là 1 chi phần (là chi phần thứ 8).

Sự không lỗi lầm và sống được an lạc là quả báo của việc thọ dụng đồ ăn khất thực này.

Còn trưởng lão Mahāsiva đề cập rằng "4 chi phần đầu gọi là điều ngăn cấm, chi phần mà bậc thiện trí nên nỗ lực là chi phần kế tiếp theo có 8", trong lời nói của trưởng lão Mahāsiva thì điều "chỉ để thân này được tồn tại" mới tính là 1 chi phần, điều "để được diễn tiến" là 1 chi phần, điều "để ngăn lại sự tổn hại" là 1 chi phần, điều "để hỗ trợ phạm hạnh" là 1 chi phần, điều "suy xét bằng trường hợp này ta sẽ diệt đi cảm thọ cũ" cũng tính là 1 chi phần, điều "sẽ

không làm cho cảm thọ mới khởi hiện" là 1 chi phần, điều "việc tiến hành sẽ có với ta" là 1 chi phần, điều "sự không lỗi lầm" là 1 chi phần (là chi phần thứ 8), còn việc sống an lạc là quả báo trong việc thọ dụng. Do đó, khi thọ thực đầy đủ 8 chi phần này gọi là **quán tưởng theo đúng đường lối rồi mới thọ thực**.

Thanh Tịnh Đạo

Từ **senāsana** tức chỗ nằm và ngồi. Tỳ-kheo nằm trong bất cứ nơi nào như trong tịnh xá hay trong nơi trú ngụ như ngôi nhà hoang vắng..., nơi đó gọi là sena (chỗ nằm). Tỳ-kheo ngồi trong bất cứ nơi nào như trong tịnh xá hay trong nơi trú ngụ như ngôi nhà hoang vắng, nơi đó gọi là āsana (chỗ ngồi) gom 2 từ đó vào với nhau gọi là senāsana (chỗ nằm và ngồi), hai câu **utuparissayavinodanaṃ paṭisallānārāmatthaṃ** (để giảm thiểu tai họa do thời tiết, để vui thích trong sự ẩn cư).

Chính thời tiết đó gọi là utuparissaya (tai họa do thời tiết) do ý nghĩa tổn hại. Để giảm thiểu tai họa do thời tiết và để vui thích trong sự ẩn cư.

Giải thích: Thời tiết nào làm cho thân thể đau bệnh và tâm chao động không thích hợp, là thời tiết mà tỳ-kheo nên giảm thiểu bằng việc thọ dụng trú xứ (senāsana), cũng để giảm thiểu tai họa do thời tiết đó và để được lạc độc cư (ekībhāvasukha). Nên hiểu rằng sự giảm thiểu tai họa do thời tiết đã được thuyết thuần túy bằng câu để giảm thiểu

sự lạnh... Mặc dù như vậy cũng vẫn nêu lên thuyết câu này trong nơi đây nữa bởi vì Ngài nhắm vào việc giảm thiểu tai họa do thời tiết là lợi ích thường xuyên giống như trong điều thọ dụng y được thuyết để che đậy thân thể làm cho sự hổ thẹn tăng thêm là lợi ích thường xuyên, các lợi ích ngoài ra đây đôi lúc cũng vẫn có được.

Hậu Sớ Giải

Trong việc trình bày chia theo cách thứ 7 (sattamīvibhatti) của 2 câu "yattha yattha" (tức trong bất cứ nơi nào) ngài giáo thọ sư đề cập đến từ "sena" dẫn đến tranh cãi (adhikaraṇa) ý nghĩa (nên mới dịch là chỗ nằm tức nơi đi vào để ngủ), ngay cả từ "āsana" cũng dẫn đến tranh cãi (adhikaraṇa) ý nghĩa giống như vậy (mới dịch là chỗ ngồi).

Câu **trong nơi trú ngụ như ngôi nhà hoang vắng...** bằng từ "..." ngài giáo thọ sư gom lại lấy nơi trú ngụ như lâu đài... và nơi nương vào để ngủ như giường...

Trong cụm từ **ngồi trong bất cứ nơi nào...** này bằng từ "..." nên hiểu rằng ngài gom vào lấy cả ghế và tọa cụ...

Cụm từ **do ý nghĩa tổn hại** tức do ý nghĩa bức bách có nghĩa là làm cho khổ sở.

Cụm từ **chính thời tiết đó gọi là utuparissaya (tức tổn hại do thời tiết)** nghĩa là thời tiết có lạnh và nóng... chính như vậy là không thích hợp nên gọi là tổn hại do thời tiết (utuparissaya), để giảm thiểu tổn hại do thời tiết tức là

không làm cho khởi hiện sự tổn hại do thời tiết chưa khởi hiện và giảm lại sự tổn hại do thời tiết đã khởi hiện.

Việc làm cho tâm quay trở lại từ cảnh khác rồi trụ vào vững chắc trong cảnh duy nhất của nghiệp xứ gọi là "độc cư", vui thích trong việc độc cư đó gọi là "paṭisallānārāma". Thật vậy, trú xứ thanh vắng là nơi hỗ trợ cho việc tu tiến của hành giả bởi vì là ngôi nhà hoang vắng (suññāgāra).

Ngài giáo thọ sư để phơi bày cho sáng tỏ 2 ý nghĩa mới đề cập rằng **"Thời tiết nào làm cho thân thể đau bệnh và tâm chao động không thích hợp"...**

Trong tất cả các câu đó thì câu **để được lạc độc cư** nghĩa là lạc sống một mình (ekībhāva)..., ám chỉ đến lạc sanh khởi do không là người quần tụ đông đảo thành nhóm và không là người gần gũi bởi phiền não.

Ngài giáo thọ sư nhắm vào lời phản bác rằng "Nếu như chính thời tiết đó gọi là tai họa do thời tiết và thời tiết thì là lạnh và nóng rồi, cho nên khi thuyết đến việc ngăn ngừa sự lạnh, nóng (cũng là đề cập đến việc ngăn ngừa tổn hại do thời tiết rồi) vì sao còn thuyết về việc giảm thiểu tổn hại do thời tiết vào nữa?".

Trong tất cả lời nói đó thì lời nói rằng **việc giảm thiểu tổn hại do thời tiết là lợi ích thường xuyên** ngài giáo thọ sư trình bày cho hiểu rằng "Trong lời nói để ngăn ngừa sự lạnh, để ngăn ngừa sự nóng này là nói đến sự lạnh, nóng sanh lên thỉnh thoảng không thường xuyên, còn tổn hại do

thời tiết ngài nhắm đến là thời tiết đang có bình thường trong mọi lúc".

Thanh Tịnh Đạo

Một lý khác nữa, thời tiết như trường hợp đã đề cập này mới gọi là thời tiết. Còn tổn hại có 2 loại tức *tổn hại hiện bày* và *tổn hại ẩn tàng*. Trong 2 loại tổn hại đó gọi là tổn hại hiện bày tức loài thú dữ như sư tử và cọp vằn... Gọi là tổn hại ẩn tàng tức phiền não như tham ái và sân hận... Trong trú xứ nào mà 2 loại tổn hại đó không gây nhiễu hại bởi không có sự phòng hộ hay do thấy sắc không thích hợp..., tỳ-kheo khi hiểu được do quán xét như vậy rồi mới thọ dụng trú xứ đó, nên hiểu rằng gọi là **quán xét đúng theo đường lối rồi mới thọ dụng trú xứ đó... để giảm bớt thời tiết và tổn hại** (lý sau này thì từ **utuparissaya** phải dịch là "thời tiết và tổn hại").

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **thời tiết như trường hợp đã đề cập** tức như trường hợp đã đề cập rằng: "Thời tiết như sự lạnh..." và "là không thích hợp".

Tổn hại hiện bày gây nhiễu hại cho thân và tâm của tỳ-kheo ngồi tại nơi khoáng đảng, gốc cây... do không có sự bảo vệ vì là nơi không có cửa... đóng lại hay tổn hại ẩn tàng gây nhiễu hại cho thân và tâm của tỳ-kheo bởi vì thấy sắc không thích hợp... hay trong nơi thuộc trú xứ được bảo vệ không nhiễu hại được.

Cụm từ **hiểu được do quán xét như vậy** liên quan đến tỳ-kheo khi hiểu rằng: "Là trú xứ không có 2 loại tổn hại" rồi mới thọ dụng, nên hiểu rằng gọi là **quán xét đúng theo đường lối rồi mới thọ dụng trú xứ... để giảm bớt thời tiết và tổn hại**.

Thanh Tịnh Đạo

Nên hiểu luận giải về từ **gilānapaccayabhesajjaparikkhāra** này tiếp theo, thuốc gọi là tứ vật dụng do ý nghĩa là nhân chống lại, tức do ý nghĩa trở thành kẻ thù chống lại bệnh tật.

Từ vật dụng (paccaya) này là tên của một loại vật chất thích hợp.

Từ bhesajja là vật dụng mà thầy thuốc làm ra do thầy thuốc cho phép. Thuốc tức vật dụng của người bệnh gọi là gilānapaccayabhesajja.

Giải thích: vật chất như dầu ăn, mật ong, mật mía... một loại nào mà thầy thuốc làm ra thích hợp đối với người bệnh. Ngài gọi vật phụ thuộc (parivāra) là vật phụ tùng (parikkhāra) dịch là vật phòng hộ bao quanh giống như trong câu "Kinh thành là nơi được bao bọc bởi 7 loại phụ tùng"... Vật trang hoàng lộng lẫy cũng gọi là vật phụ tùng giống như trong câu "Cổ xe có giới là vật phụ tùng, có thiền định là trục bánh xe, có tinh cần là bánh xe"... Vật cần thiết cũng gọi là vật phụ tùng giống như trong câu

"Một loại nào trong các loại này là vật phụ tùng của đời sống mà bậc xuất gia nên đem đi bằng cách chơn chánh"...

Cũng trong từ gilānapaccayabhesajjaparikkhāra này có thể hiểu theo nghĩa là vật cần thiết lẫn vật phụ thuộc, bởi vì thuốc vừa là vật dụng đối với người bệnh vừa là vật phụ thuộc của đời sống vì ngăn ngừa không cho bệnh tật phát sanh làm tổn hại đến sanh mạng và vừa là vật cần thiết bởi vì là nhân của đời sống được duy trì lâu dài, do đó nên gọi là vật phụ tùng. Theo trường hợp đã đề cập trên thì thuốc là vật dụng đối với người bệnh lẫn thuốc đó cũng là vật phụ tùng cho nên mới gọi là **gilānapaccayabhesajjaparikkhāra**, quán tưởng rồi thọ dụng thuốc chữa bệnh đó.

Giải thích:

Quán tưởng rồi mới thọ dụng vật phụ tùng của đời sống như dầu ăn, mật ong, mật mía... một loại nào mà thầy thuốc cho phép là thích hợp đối với người bệnh.

Từ **uppannānaṃ** dịch là đã sanh tức đã có, đã xảy ra.

Trong từ **veyyābādhikānaṃ** này nghĩa là tứ đại hoành hành gọi là đau bệnh, còn các bệnh tật khác nữa như bệnh hủi, bệnh thủy đậu... do nguyên nhân tứ đại hoành hành. Gọi là veyyābādhikā bởi vì là bệnh phát sanh từ sự truyền nhiễm.

Từ **vedanā** là khổ thọ, tức khổ thọ thuộc quả bất thiện. Nghĩa là để giảm bớt các khổ thọ liên quan đến bệnh phát sanh từ sự truyền nhiễm đó.

Từ **abyāpajjhaparamatāya** tức để không có khổ trầm trọng. Nghĩa là thọ dụng cho đến khi các khổ đó sẽ bị diệt đi.

Hậu Sớ Giải

Trạng thái chướng ngại của bệnh tật do tứ đại hoành hành hoặc khổ thọ do tứ đại hoành hành là nhân phát sanh lời nói rằng **ý nghĩa là nhân chống lại**. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập **do ý nghĩa trở thành kẻ thù chống lại bệnh tật** tức đình chỉ chấm dứt sự đau bệnh.

Cụm từ **một loại vật chất nào thích hợp** tức một loại vật dụng nào thích hợp trong các vật dụng như bơ trong... Gọi là vật thích hợp do vật đó đưa đến chấm dứt sự quấy rối bởi bệnh tật.

Gọi là vật dụng mà thầy thuốc làm ra bởi vì là vật dụng do thầy thuốc bào chế ra, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"Do thầy thuốc cho phép"**.

Cụm từ **được bao bọc bởi 7 loại phụ tùng** tức kinh thành được bao quanh bảo vệ bằng những loại phụ tùng (như tường thành...).

Vật trang hoàng tức giới trong sạch gọi là **setaparikkhāra** (vật phụ tùng trong sạch). Trong kệ ngôn này Thánh Đạo ám chỉ là **cổ xe** của các pháp như chánh ngữ... gọi là **vật phụ tùng (parikkhāra)** nghĩa là vật trang trí của Thánh Đạo.

Cụm từ **vật phụ tùng của đời sống** tức nhân hình thành của đời sống.

Cụm từ **mà bậc xuất gia nên đem đi bằng cách chơn chánh** tức tìm kiếm tiếp tục bằng cách chơn chánh.

Thuốc là vật dụng đối với người bệnh, là vật phụ thuộc của đời sống bởi vì phòng ngừa ngăn chặn các tai hại. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"vì ngăn ngừa... làm cho tổn hại sanh mạng"**.

Trong các từ thì từ **antaraṃ** tức kẻ hở hay có nghĩa là cơ hội, nghĩa là giống như quân lính đứng vây quanh bảo vệ chủ nhân của mình không để xót kẻ hở tạo cơ hội cho kẻ thù địch.

Cụm từ **bởi vì là nhân của đời sống** tức bởi vì là nhân diễn tiến được dài lâu.

Giải thích:

Thuốc có trong vật thực (rasāyatana - vị xứ), làm cho đời sống được diễn tiến lâu dài thậm chí khổ thọ chưa sanh cũng bị tỳ-kheo ngăn lại bằng việc thọ dụng thuốc thì sẽ không khởi lên, cho dù như thế cũng giống như thọ đã sanh bởi vì nhóm thọ đó có sự diệt đi theo thực tánh của mình giống như vậy, ngài gọi là **đã sanh** bởi vì theo lời nói đã sanh thường có trong tất cả pháp giống với pháp đã sanh đó, giống như trái cà na như thế nào thì dược phẩm cũng như thế đó. Vì vậy, nên mới đề cập **từ uppannānaṃ là đã sanh tức đã có, đã xảy ra**.

Việc hoành hành của tứ đại là nguyên nhân phát sanh

tất cả bệnh, cho nên tất cả bệnh này mới gọi là **do nguyên nhân tứ đại hoành hành** ngài giáo thọ sư khi đề cập rằng **khổ thọ**, khổ thọ đó có thực tánh là bất thiện cũng đang có. Vì vậy, để làm cho đặc biệt hơn về khổ thọ có thực tánh là bất thiện đó mới đề cập rằng **khổ thọ là quả bất thiện**.

Việc hoành hành của tứ đại gọi là "bệnh tật" do ý nghĩa làm cho đau đớn, chính bệnh tật đó gọi là "byāpajjha" có ý nghĩa là "khổ", gọi là "abyāpajjha" do ý nghĩa không não hại tức không có khổ. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **abyāpajjhaparamatāya tức để không có khổ trầm trọng**.

Cụm từ **tất cả khổ đó** tức khổ có bệnh tật là nguyên nhân.

Thanh Tịnh Đạo

Giới có tánh chất quán tưởng đúng theo đường lối rồi mới thọ dụng vật dụng, nên hiểu rằng gọi là giới liên hệ tứ vật dụng (paccayasannisitasīla) theo tóm tắt bằng cách này. Còn ý nghĩa của từ trong giới liên hệ tứ vật dụng này rằng tất cả tứ vật dụng như y... do tất cả chúng sanh nương vào thọ dụng mới diễn tiến được, sử dụng được, cho nên mới gọi là tứ vật dụng, giới nương vào tất cả các vật dụng đó mới gọi là **giới liên hệ tứ vật dụng**.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư để trình bày việc nương vào các vật dụng như y... gọi là việc thọ dụng, cho nên khi đề cập

rằng **paṭicca** tức **nissāya** (nương vào) rồi mới đề cập rằng "paribhuṇjamānā" (thọ dụng) vào nữa.

Từ **pavattanti** (diễn tiến) đổi thành jīvanti (sinh tồn) ngài gọi sự sống là diễn tiến từ dẫn chứng rằng "mạng sống được diễn tiến do vị (rasa)".

Phương Pháp Làm Cho Tứ Thanh Tịnh Giới Được Đầy Đủ

Thanh Tịnh Đạo

Trong 4 loại giới thì **giới bổn thu thúc (patimokkhasaṃvara)** tỳ-kheo nên làm cho đầy đủ bằng đức tin bởi vì giới bổn thu thúc đó có **đức tin là nhân làm cho thành tựu** do việc chế định điều học vượt qua lãnh vực của bậc Thinh văn. Việc thỉnh cầu Ngài chế định điều học để ngăn chặn là dẫn chứng trong vấn đề này. Do đó, tỳ-kheo khi nương vào đức tin thọ trì theo điều học mà Ngài chế định không bỏ sót rồi thực hành không tiếc nuối ngay đến sanh mạng nên làm cho đầy đủ hoàn hảo. Tương ứng như Ngài đề cập rằng:

"Kikīva aṇḍhaṃ cāmarīva vāladhiṃ

Piyaṃva puttaṃ nayanaṃva ekakaṃ

Tatheva sīlaṃ anurakkhamānakā

Supesalā hotha sadā sagāravā" ti.

"Tỳ-kheo trông nom gìn giữ giới hãy là người có giới

đáng ái kính, được tôn kính trong mọi lúc, giống như con chim Tivida trông nom gìn giữ trứng, giống như con bò Camarī trông nom gìn giữ lông đuôi, giống như người mẹ trông nom gìn giữ đứa con trai thương yêu duy nhất, giống như người một mắt trông nom gìn giữ con mắt còn lại đó".

Thuyết theo cách khác nữa:

"Seyyathāpi mahāsamuddo ṭhitidhammo velaṃ nātikkamati"...

"Đại dương thông thường có sự dừng lại không dâng lên tràn ngập vượt khỏi bờ cho dù như thế nào, này Pahārāda điều học nào mà Ta đã chế định cho các Thinh văn, các Thinh văn của Ta không vượt qua điều học đó dù cho nguyên nhân của mạng sống giống như thế đó".

Cũng nên hiểu ý nghĩa trong nội dung vấn đề này có các trưởng lão bị bọn cướp trói quăng bỏ trong rừng rậm.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi trình bày giải thích về giới theo sự khác biệt nhau của giới như giới bổn thu thúc..., rồi có ý định trình bày phân tích nguyên nhân làm cho thành tựu, mới bắt đầu bằng từ "evametasmiṃ"...

Trong các nhóm từ đó thì giới mà tỳ-kheo làm cho thành tựu được tức làm cho đầy đủ pháp tánh (dhammajāti), vì vậy pháp tánh đó gọi là **sādhana** (tức nhân làm cho giới thành tựu).

Giới bổn thu thúc gọi là **saddhāsādhana** do ý nghĩa có đức tin là nhân làm cho thành tựu.

Vấn: *"Nếu loại trừ tấn, niệm và tuệ ra thì giới bổn thu thúc sẽ không thành tựu được phải chăng?".*

Đáp: Thật vậy sẽ không thành tựu được, nhưng ngài giáo thọ sư trước khi trình bày "đã nêu lên đề cập như vậy (có đức tin là nhân làm cho thành tựu) bởi vì chỉ lấy thực tánh đức tin là nhân đặc biệt" nên đề cập rằng **"Do việc chế định điều học vượt qua lãnh vực của bậc Thinh văn"**.

Ngài giáo thọ sư trước khi trình bày mới "nhắc lại việc chế định điều học khế hợp với việc phạm sai lầm về điều học đó đối với đối tượng dựa vào để phân loại tội nặng và nhẹ... không thuộc lãnh vực của các bậc thinh văn mà thuộc lãnh vực của Chư Phật Toàn Giác, việc chế định điều học hoãn lại, ngay đến việc chế định điều học cũng chưa phải là lãnh vực của các bậc thinh văn chỉ thuộc lãnh vực của Chư Phật Toàn Giác mà thôi", mới đề cập rằng **việc thỉnh cầu Ngài chế định điều học để ngăn chặn là dẫn chứng trong vấn đề này**. Thật vậy, việc thuyết (trong Luật Tạng. Bộ Đại Phẩm (mahāvibhaṇga 1/15) rằng: "Này Sārīputta, hãy chờ đợi, này Sārīputta hãy chờ đợi, Như Lai sẽ biết thời trong việc chế định điều học".

Từ "ca" trong từ "cettha" có nghĩa là gom lại, bằng từ "ca" này nên hiểu đến việc gom lại lấy lời nói rằng "Chúng ta sẽ không chế định điều học chưa được Ngài chế định, sẽ không hủy bỏ điều học mà Ngài đã chế định"...

Cụm từ **làm cho đầy đủ bằng đức tin** nghĩa là làm cho đầy đủ bằng cách thọ trì bằng đức tin, tức làm cho phát sanh đức tin nơi Bậc Đạo Sư và Giáo Pháp, ngay cả sanh mạng cũng không hối tiếc huống hồ chi đến việc phụ thuộc về sanh mạng.

Cụm từ **giống như con chim Tivida trông nom gìn giữ trứng** tức giống như con chim Tivida trông nom bảo vệ trứng của mình, nên hiểu rằng con chim Tivida sẵn sàng hy sinh sanh mạng để bảo vệ trứng.

Cụm từ **giống như con bò Cāmarī trông nom gìn giữ lông đuôi** tức giống như con bò Cāmarī theo gìn giữ lông đuôi của mình, nên hiểu rằng con bò Cāmarī bị thợ săn làm cho té ngã cũng vẫn sẵn sàng hy sinh sanh mạng để gìn giữ lông đuôi của mình dù bị mắc bẫy trong các bụi cây như bụi gai... Nên đem 3 từ "piyaṃ, puttaṃ, ekakaṃ" vào liên kết nhau là từ ví dụ mà ngài giáo thọ sư quan tâm nêu lên đề cập rằng "Giống như vị trưởng giả có một người con trai duy nhất nên luôn gìn giữ đứa con trai duy nhất này được toàn hảo, người chỉ có độc nhất một mắt thường luôn gìn giữ một bên mắt đó được chu toàn như thế nào thì tỳ-kheo sẽ luôn gìn giữ giới được trọn vẹn như thế đó".

Từ **supesalā** tức giới ái kính, tỳ-kheo gọi là **vị được sự cung kính** cũng liên quan đến có 6 pháp đáng cung kính trong lúc tỳ-kheo còn là thanh niên, là tỳ-kheo trung niên và là tỳ-kheo trưởng lão luôn là vị có sự thực hành đáng cung kính.

Cụm từ **giống như thế đó** thuyết ám chỉ các bậc Thánh Thinh Văn như "thông thường đại dương có sự dừng lại không dâng tràn vượt khỏi bờ như thế nào, thì các bậc Thánh Thinh Văn của Ta cũng không vượt khỏi điều học mà Ta chế định giống như thế đó" bởi vì các bậc Thánh Thinh Văn là bậc có giới kiên cố.

Cụm từ **trong nội dung vấn đề này** tức trong sự việc không vượt qua giới cho dù là nguyên nhân của sanh mạng.

Thanh Tịnh Đạo

Có câu chuyện như sau, bọn cướp dùng dây leo trói trưởng lão cho nằm trong rừng Mahāvattanī, trưởng lão nằm tại nơi đó phát triển thiền quán suốt 7 ngày thì chứng đắc Bất Lai Quả và mệnh chung tại nơi đó rồi sanh lên Phạm Thiên Giới.

(Một câu chuyện khác) bọn cướp dùng dây leo trói một vị trưởng lão khác nữa cho nằm ở tại rừng Tambapaṇṇidvīpa, khi lửa rừng cháy lan đến thì vị trưởng lão đó cũng không cắt đứt dây leo mà vẫn tu tiến minh quán cho đến viên tịch đắc đạo tột mạng (samasīsīparinibbāna). Trưởng lão Abhaya chỉ dạy Trường Bộ Kinh (dīghanikāya) đi đến cùng 500 vị tỳ-kheo chứng kiến như vậy, các tỳ-kheo mới thiêu xác của trưởng lão rồi lập tháp thờ. Do đó, thiện nam tử có đức tin hoặc đối với người khác:

Trước hết phải thanh lọc giới bổn cho trong sạch dù

phải hy sinh mạng sống cũng không làm tiêu hoại giới thu thúc (sīlasaṃvara) mà bậc Pháp Chủ (lokanātha) chế định.

Hậu Sớ Giải

Rừng sâu (vijjhāṭavī) gọi là **rừng Mahāvattanī**, một số giáo thọ sư nói rằng "là rừng rậm ở trong vùng Hy Mã Lạp Sơn".

Từ **trưởng lão** tức một vị trưởng lão không có tên và dòng họ, bọn cướp trói trưởng lão cho nằm xuống, dặn rằng "Bọn ta đi rồi chớ nên báo lại cho bất cứ ai".

Từ **pūtilatāya** tức dùng dây leo.

Từ **samasīsī** tức đắc đạo tột mạng, A-La-Hán Đạo của bậc Thánh Nhân nào triệt tiêu vô minh là cái đầu của phiền não theo tuần tự của Đạo, kế tiếp đó từ đó trở đi khi có sự vững vàng trong 19 tuệ phản khán (paccavekkhaṇañāṇa) thì dẫn nhập vào tâm hữu phần, tâm tử rồi cắt đứt mạng sống (jīvitindrīya) là cái đầu của sự tiếp diễn (của ngũ uẩn). Bậc Thánh Nhân này do vô minh và sanh mạng cùng diệt đồng thời điểm, Ngài mới gọi là "đắc đạo tột mạng" (jīvitasamasīsī), do trưởng lão viên tịch bằng trường hợp đó, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **cho đến viên tịch đắc đạo tột mạng (samasīsīparinibbāna)**.

Nên hiểu rằng trưởng lão Abhaya là vị có đại thần thông, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng... **rồi lập tháp thờ (cetiya)** (nghĩa là trưởng lão Abhaya hiểu được trọn vẹn vấn đề do nương vào thần thông).

Từ **uppeva** tức cho dù như thế nào, nghĩa là cho dù hy sinh mạng sống của mình.

Từ **na bhinde** tức không nên làm cho tiêu hoại, nghĩa là không nên vượt qua.

Thanh Tịnh Đạo

Giống như giới bổn thu thúc cần phải làm cho đầy đủ bằng đức tin như thế nào, thì **quyền thu thúc giới** tỳ-kheo cần phải làm cho đầy đủ bằng niệm như thế đó. Bởi vì quyền thu thúc **có niệm là nhân làm cho thành tựu**, do các quyền có niệm vững vàng thì tất cả pháp như tham (abhijjhā)... sẽ không xuôi chảy theo được. Do đó, tỳ-kheo tưởng nhớ đến bài kinh pháp môn cháy nóng (ādittapariyāyasutta) theo cách thức:

"Này các tỳ-kheo, nhãn quyền bị chườm bằng miếng sắt được đốt nóng cháy rực, cháy sáng hừng hực còn tốt hơn việc nắm giữ lấy tướng chung, tướng riêng trong các sắc do mắt thấy"... Khi thức sinh diễn theo đường nhãn môn... trong các cảnh như sắc... thì ngăn lại việc nắm giữ tướng chung... khiến cho các pháp như tham... không xuôi chảy theo được bằng niệm không quên lãng và sẽ làm cho quyền thu thúc (indriyasaṃvara) được đầy đủ trọn vẹn.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **các quyền có niệm vững vàng** tức các quyền được niệm duy trì trước vững vàng bằng mãnh lực của việc gìn giữ.

Cụm từ **do... sẽ không xuôi chảy theo** nghĩa là các pháp như tham... không tháp tùng khởi hiện nương theo kẻ hở được...

Cụm từ **trong các sắc** tức trong tất cả cảnh sắc.

Cụm từ **việc nắm giữ tướng chung, tướng riêng** tức việc nắm giữ tướng chung rằng đẹp... do liên quan đến việc tạo điều kiện làm cho các phiền não khởi lên thường xuyên tức bằng cách liên quan tạo điều kiện cho phiền não hiện bày.

Một lý khác nữa, từ **tướng riêng** tức tay, chân...

Cụm từ **nắm giữ tướng chung** tức việc nắm giữ tướng chung rằng nam, nữ... và đẹp...

Cụm từ **khi thức** tức tâm đồng lực nối liền ý nghĩa tỳ-kheo ngăn chặn việc nắm giữ tướng chung mới làm cho quyền thu thúc được đầy đủ.

Thanh Tịnh Đạo

Khi quyền thu thúc giới này tỳ-kheo không làm cho đầy đủ được thì ngay cả giới bổn thu thúc cũng xem như không bền vững được, không tồn tại lâu dài được, giống như mạ không có hàng rào bảo vệ chắc chắn. Bởi vì tỳ-kheo không làm cho quyền thu thúc được đầy đủ thì thường bị bọn cướp phiền não nhiễu hại, giống như nhà có cửa mở nên bị bọn cướp thường xuyên cướp của nhiễu hại người khác.

Lại nữa, tham ái luôn thấm dột tâm của người giống

như mưa thấm dột ngôi nhà vụng lợp như thế đó. Thật vậy, ngay đến Đức Thế Tôn cũng nêu lên thuyết rằng: "Tỳ-kheo thường không gìn giữ quyền đối với tất cả sắc, thinh, khí, vị và xúc do bỏ ngỏ các môn nên bị nhiễu hại, giống như bọn cướp thường xuyên cướp của nhiễu hại người khác nơi ngôi nhà toang cửa".

Yathā agāraṃ ducchannaṃ Vuṭṭhi samativijjhati

Evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ Rāgo samativijjhati

"Mưa thường thấm dột ngôi nhà vụng lợp như thế nào thì tham ái thường thấm dột tâm không được tu tập như thế đó".

Tuy nhiên, khi quyền thu thúc được tỳ-kheo làm cho đầy đủ thì ngay đến giới bổn thu thúc cũng xem như được bền vững tồn tại lâu dài, giống như mạ có hàng rào bảo vệ chắc chắn như thế đó. Do tỳ-kheo làm cho quyền thu thúc được đầy đủ nên thường không bị bọn cướp phiền não nhiễu hại được, giống như ngôi nhà khép cửa kín đáo thường không bị bọn cướp cướp của nhiễu hại được. Thật vậy, Đức Thế Tôn cũng nêu lên thuyết rằng:

"Tỳ-kheo thường gìn giữ quyền đối với tất cả sắc, thinh, khí, vị, xúc do khép kín phòng hộ các môn vững chắc nên không bị nhiễu hại được, giống như bọn cướp thường xuyên cướp của người khác nhưng không gây tổn hại ngôi nhà có cửa khép kín được".

Yathā agāraṃ succhannaṃ Vuṭṭhi na samativijjhati

Evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ Rāgo na samativijjhati

"Mưa thường không thấm dột ngôi nhà khéo lợp được như thế nào thì tham ái thường không thấm dột tâm người khéo tu tập được giống như vậy".

Đây được xếp vào lời thuyết theo cách tối thượng.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bọn cướp thường xuyên cướp của nhiễu hại người khác** tức bọn cướp thường xuyên cướp bóc vật chất đang có của người khác.

Cụm từ **thường thấm dột** tức ngấm rỉ vào bằng tất cả trường hợp.

Cụm từ **đối với tất cả sắc** nối liền ý nghĩa nên gìn giữ quyền từ sự tổn hại sẽ khởi hiện do sắc là nhân bởi vì sắc thuộc tướng chung, cho đến các từ còn lại như thinh... cũng có ý nghĩa như vậy.

Cụm từ **do bỏ ngỏ các môn...** tức tất cả môn như nhãn môn... do việc nối tiếp dẫn đến nhân đó như "môn gọi là bị bỏ ngỏ cũng do không được bằng cánh cửa niệm, cho nên mới gọi là không gìn giữ và thường nhiễu hại tỳ-kheo không gìn giữ môn đó".

Một lý khác nữa, do việc nối tiếp dẫn đến nhân đó như "Tất cả pháp như sắc... xem như là cảnh của tất cả phiền

não, các môn như nhãn môn... mở ra không có sự gìn giữ đối với các cảnh đó thì thường nhiễu hại người đồng nhứt cảnh và môn đó, bởi vì môn như nhãn môn... của tỳ-kheo không được phòng hộ"...

Cụm từ **không được tu tập** tức ngoài ra tu tiến siêu thế.

Ý nghĩa của pháp thuộc về thiện trong cụm từ **... làm cho được đầy đủ...** cũng nên hiểu theo cách thức đã đề cập.

Việc không khởi hiện của tất cả phiền não bằng các trường hợp là thuyết theo cách tối thượng bởi vì giống như thuyết đến bằng Đạo.

Thanh Tịnh Đạo

Thông thường tâm là pháp tánh biến đổi mau lẹ vì vậy tỳ-kheo làm suy giảm tham ái khởi lên bằng tác ý khôn khéo về bất mỹ (asubhamanasikāra) thì cần phải làm cho quyền thu thúc giới được đầy đủ, giống như trưởng lão Vaṃgīsa xuất gia không bao lâu thì làm cho quyền thu thúc được đầy đủ.

Tương truyền rằng, khi trưởng lão xuất gia được không bao lâu trong lúc đi khất thực gặp một người nữ đi đến thì tham ái khởi lên. Vì vậy, mới kể lại cho trưởng lão Ānanda rằng: "Thưa tôn giả dòng Gotama, tôi bị tham ái thiêu đốt, tâm của tôi nhiệt não, lành thay xin hỗ trợ cho tôi, xin tôn giả hãy chỉ dạy phương pháp để diệt trừ nhiệt não".

Trưởng lão Ānanda mới bảo ngài rằng: "Tâm của hiền

giả nhiệt não do rơi vào tưởng sai lầm, xin hiền giả hãy loại bỏ mỹ tướng (subhanimitta) kết hợp với tham ái. Hãy tu tập làm cho tâm trụ nhất cảnh vững chắc bằng bất mỹ (asubha), hãy quán thấy các hành thay đổi bằng khổ và là thực tánh vô ngã, hãy làm cho tham ái diệt đi, đừng trở thành người thường xuyên nhiệt não". Trưởng lão giảm thiểu được tham ái mới đi khất thực.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **cần phải làm cho quyền thu thúc giới được đầy đủ** nghĩa là tỳ-kheo nên làm cho quyền thu thúc giới được đầy đủ do sự trong sạch bằng việc quyết định (adhiṭṭhāna) rằng: "Ta sẽ không làm như vậy nữa".

Từ **adhunā pubbajitena** tức là người xuất gia được không bao lâu nghĩa là người mới xuất gia.

Cụm từ **tôi bị tham ái thiêu đốt** tức tôi bị lửa tham ái thiêu đốt.

Trưởng lão Vaṃgīsa trước khi trình bày về "sự nhiệt não đó đang diễn tiến trong tâm ngay tại bây giờ" mới nói rằng **tâm của tôi đang bị nhiệt não**.

Từ **sādhu** là lời thỉnh cầu.

Từ **Gotama** nghĩa là ngài Vaṃgīsa gọi trưởng lão Ānanda bằng dòng tộc.

Cụm từ **do rơi vào tưởng sai lầm** tức bởi vì rơi vào

tưởng sai lầm nên nghĩ rằng "xinh đẹp" trong điều không xinh đẹp là nhân, nghĩa là do tưởng chi phối (saññāviparita) là nhân.

Cụm từ **xin hiền giả hãy loại bỏ mỹ tướng** tức hãy loại trừ không tác ý loại mỹ tướng kết hợp với tham ái, là nhân sanh của tham ái, không phải sẽ là người không tác ý một loại mỹ tướng nào duy nhất, tuy nhiên hãy tu tập tâm của mình bằng tu tiến bất mỹ (asubhabhāvanā).

Vấn: *Tu tiến như thế nào?*

Đáp: Hãy tu tiến cho thành nhất cảnh vững chắc, tức hãy tu tiến làm cho tâm có nhất cảnh không có sự chao động và trở thành pháp tánh vững chắc do sự vững trú trong cảnh bất mỹ.

Trưởng lão Ānanda khi trình bày việc áp chế dục ái (kāmarāga) bằng việc tu tiến thiền chỉ rồi bấy giờ để trình bày đến phương pháp đoạn trừ mới nói rằng **saṇkhāte...**

Trong tất cả các từ đó thì cụm từ **hãy quán thấy tất cả hành thay đổi** tức hãy quán thấy các hành thay đổi bởi thực tánh không tuân thủ, hiền giả hãy quán thấy các hành là khổ do bị bức ép bởi sự sanh diệt bởi vì các hành đó là vô thường và hãy quán thấy các hành không có bản ngã tức không phải là bản ngã bởi vì các hành đó có thực tánh là vô ngã, khi nêu lên các hành theo Tam Tướng tu tiến minh quán làm cho tham ái diệt đi bởi tất cả trường hợp bằng Đạo thứ 4 theo tuần tự của Đạo, tức sẽ dẫn đến đoạn trừ

tham ái là pháp thường nhiên có nhiều cảnh che đậy trong cả 3 lãnh vực.

Trưởng lão Ānanda nhắc nhở trưởng lão Vaṃgīsa thực hành để làm suy giảm dục ái cho dứt khoát hơn lên nữa mới đề cập rằng **đừng trở thành người thường xuyên nhiệt não** giống như trong hiện giờ.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, tỳ-kheo làm cho quyền thu thúc giới được đầy đủ như trưởng lão Cittagutta ngụ nơi đại thạch động Kuraṇḍaka và trưởng lão Mahāmitta ngụ tại đại tịnh xá Coroka.

Tương truyền rằng, trong đại thạch động Kuraṇḍaka có bức tranh mỹ thuật trình bày việc ngự đi xuất gia của 7 Đức Phật vô cùng tuyệt mĩ, nhiều nhóm tỳ-kheo du hành đến trú xứ nhìn thấy bức tranh mỹ thuật mới nói với ngài rằng "Bạch ngài! Bức tranh mỹ thuật này thật kỳ diệu", trưởng lão nói rằng: "Này các vị, tôi sống trong thạch động hơn 60 năm cũng chẳng biết được bức tranh mỹ thuật có hay không có, cho đến nay nhờ các vị nhìn thấy nên bây giờ tôi mới biết". Trưởng lão ở suốt chừng ấy thời gian mà không từng mở mắt ngửa nhìn vách tường của thạch động. Nơi cửa hang thạch động có một cây mù u to lớn, ngay đến cây mù u đó trưởng lão cũng không từng ngước lên nhìn. Ngài chỉ thấy nhụy hoa rơi rụng trên mặt đất theo mùa vào hàng năm thì mới biết rằng nó đã trổ bông.

Đức vua nghe đến đức hạnh của trưởng lão nên có ý định đảnh lễ ngài mới sai sứ thần (đến thỉnh mời) tận 3 lần, khi trưởng lão không chịu đi mới ra lệnh cho nịt vú tất cả nữ nhân có con mọn trong vùng lân cận đó, rồi đóng dấu vào ban chỉ dụ rằng: "Khi nào trưởng lão vẫn không chịu đi đến thì khi đó tất cả những đứa bé không được bú sữa". Do thương hại các đứa bé trưởng lão mới đi đến vùng lân cận. Đức vua nghe được mới ra lệnh rằng "Này các khanh! Các khanh hãy đi thỉnh mời trưởng lão, trẫm sẽ thọ trì giới". Các sứ thần rước trưởng lão đến bên trong hoàng cung, đức vua đảnh lễ trưởng lão, dâng vật thực rồi nói rằng: "Bạch ngài! Hôm nay chưa có dịp, sáng mai trẫm sẽ thọ trì giới". Rồi đức vua cầm bát của trưởng lão tiễn ngài đi được một khoảng thì đức vua cùng với hoàng hậu đảnh lễ trưởng lão rồi mới trở lại. Bất luận đức vua hoặc hoàng hầu đảnh lễ trưởng lão cũng chỉ nói rằng: "Xin cho đại vương hãy được an lạc (sukhī hotu mahārājā)". 7 ngày diễn tiến theo tình trạng như vậy. Các tỳ-kheo mới nói với ngài rằng: "Bạch ngài, khi đức vua cùng với hoàng hậu đảnh lễ, vì sao ngài chỉ nói rằng: "Xin cho đại vương hãy được an lạc" trưởng lão đáp rằng: "Này hiền giả, tôi không xác định được đâu là đức vua hay là hoàng hậu". Khi 7 ngày trôi qua đức vua thả ngài trở về vì nghĩ rằng: "Việc sống trong nơi đây của trưởng lão là phiền toái". Trưởng lão đi đến đại thạch động Kuraṇḍaka vào lúc nữa đêm bước đi kinh hành. Chư thiên ngự tại cây mù u đứng cầm đèn soi rọi cho ngài. Khi đó nghiệp xứ của trưởng lão vô cùng sáng tỏ và thanh tịnh.

Trưởng lão hài lòng rằng: "Vì sao ngày hôm nay nghiệp xứ (kammaṭhāna) của ta vô cùng trong sáng" thì tác chứng A-La-Hán làm cho khắp cả đồi núi âm thanh vang rền nối tiếp nhau suốt đêm canh giữa. Do đó, thiện nam tử nào mong cầu lợi ích hay cho dù là người khác thì:

Không là người có mắt láo lia giống như khỉ trong rừng. Giống như con nai hoảng sợ trong rừng rậm, giống như đứa bé giật mình sợ hãi. Nên đưa tầm mắt xuống thấp, là người liếc mắt nhìn một hắc tay. Không nên dẫn đến ảnh hưởng tâm lao chao giống như khỉ trong rừng.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi trình bày phương pháp trong việc làm cho quyền thu thúc giới được đầy đủ rồi, để trình bày cách thức "quyền thu thúc giới xem như làm cho đầy đủ bằng trường hợp như vậy" mới trình bày điển hình các trưởng lão làm cho đầy đủ quyền thu thúc giới bằng từ "apica" tức "lại nữa"...

Trong tất cả từ đó thì cụm từ **không từng mở mắt ngước nhìn vách tường của thạch động** này, ngài nêu lên đề cập do trưởng lão là vị chỉ nhìn mọi nơi khoảng hắc tay.

Vấn: *Trưởng lão không chịu dọn dẹp trú xứ cho sạch sẽ phải chăng? Bởi Đức Phật chế định (trong Tạng Luật. Bộ Tiểu Phẩm (cullavagga 1/247) rằng "Ullokā paṭhamaṃ ohāretabbaṃ" (trong tịnh xá nên ngước lên xem phía trên nếu như có mạng nhện kéo xuống bỏ đi).*

Đáp: Các đệ tử của trưởng lão dọn dẹp trú xứ cho sạch sẽ.

Cụm từ **trong vùng lân cận đó** tức trong vùng lân cận có nhà.

Các nhóm nữ nhân nào có con trai và con gái còn bé vẫn còn phải uống sữa thì nhóm nữ nhân đó gọi là **taruṇaputtā** tức nữ nhân có con mọn phải nịt vú không cho tất cả con mọn bú.

Cụm từ **rồi đóng dấu vào** tức cho nịt vú bằng vải rồi dùng mộc vua đóng vào.

Đức vua trước khi kéo dài thời gian để gặp trưởng lão được lâu hơn nên truyền lệnh rằng **sáng mai trẫm sẽ thọ trì giới**.

Trưởng lão chỉ nhận biết trạng thái trong lúc đức vua và hoàng hậu đảnh lễ nhưng không phân biệt rằng "nam, nữ". Do đó, mới nói rằng **tôi không xác định được...**

Chư thiên hân hoan rằng: "Ồ! Ngài là vị có giới trong sạch" nên đứng cầm đèn soi rọi.

Cụm từ **làm cho khắp cả đồi núi âm thanh vang rền** tức làm cho khắp cả đồi núi cùng nhau đồn đại rền vang bởi vì sự chuyển động của quả địa cầu, một nhóm giáo thọ sư đề cập rằng: "Do các chư thiên nương trú tại nơi đó thốt ra lời tùy hỷ (sadhukāra)".

Từ **hoảng sợ** (con nai hoảng sợ) tức không dừng lại được.

Cụm từ **giật mình sợ hãi** tức giật mình sợ hãi do xa lìa các quyến thuộc.

Thanh Tịnh Đạo

Bệnh mụn nhọt có độc phát sanh với mẹ của trưởng lão Mahāmitta, lẫn em gái cũng bệnh trong trú xứ của các tỳ-kheo ni. Cô đó nói với tỳ-kheo ni rằng "Bạch sư cô, hãy đi đến trú xứ của anh trai tôi nói rằng tôi không được khỏe, rồi đem thuốc về. Tỳ-kheo đi báo lại. Trưởng lão nói rằng: "Tôi không biết tìm kiếm vật liệu thuốc như rễ cây... để chế biến làm thuốc đâu". Tuy nhiên tôi sẽ chỉ dẫn thuốc cho sư cô: "Kể từ lúc nào mà tôi xuất gia, bắt đầu từ lúc đó tôi không từng có tâm tham thiêu hủy các quyền và ngắm nhìn sắc đối nghịch, do lời chơn thật này xin cho sự an lạc đến với mẹ của tôi, sư cô hãy thuật lại lời nói này rồi vuốt mụn nhọt của cận sự nữ".

Tỳ-kheo ni đó mới đi thuật lại ý nghĩa đó và làm theo như vậy. Ngay lúc đó mụn nhọt của cận sự nữ cũng teo mất như bong bóng nước, nàng cận sự nữ thốt lên lời hoan hỷ rằng: "Nếu như Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn còn hiện hữu thì tại sao Ngài lại không dùng bàn tay thù diệu vuốt đầu tỳ-kheo là con trai của mình". Do đó, cho dù vị tỳ-kheo khác ý thức rằng mình là thiện gia nam tử đã xuất gia trong Phật Giáo nên an trú trong quyền thu thúc cao quý giống như trưởng lão Mahāmitta.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bệnh ung nhọt có độc** ngài đề cập đến bệnh u lên thành cục như hình cái vú, một vài nhóm giáo thọ sư đề cập rằng bệnh mụn nhọt giống hột đậu (rogamāsa)... gọi là bệnh ung nhọt có độc.

Gọi là **kể từ lúc nào mà tôi xuất gia, bắt đầu từ lúc đó** nghĩa là bắt đầu từ lúc tôi đã xuất gia.

Cụm từ **thiêu hủy các quyền** tức phá hủy quyền thu thúc giới bởi vì khi quyền thu thúc tiêu hoại thì ngay cả các quyền cũng gọi là đã tiêu hoại do không có sự thu thúc.

Một lý khác nữa, chính các quyền đó xem như là môn của việc nắm giữ tướng chung và tướng riêng nên gọi là đã tiêu hoại bởi vì có sự suy vong khởi lên với người đầy đủ các quyền đó. Các quyền nên hiểu rằng không xem như là tiêu hoại bằng phương pháp trái ngược lại.

Một số nhóm giáo thọ sư nữa đề cập rằng "các quyền hướng đến cảnh không đúng phương pháp gọi là tiêu hoại, hướng đến cảnh đúng phương pháp gọi là không tiêu hoại...".

Thanh Tịnh Đạo

Quyền thu thúc mà tỳ-kheo làm cho đầy đủ bằng niệm như thế nào **thì nuôi mạng thanh tịnh** cũng làm cho đầy đủ bằng tinh cần như thế đó. Bởi vì nuôi mạng thanh tịnh **có tinh cần là nhân làm cho thành tựu**, do sự tinh cần

mà tỳ-kheo hướng đến chín chắn là nhân của việc đoạn trừ tà mạng. Do đó, tỳ-kheo đoạn trừ việc tầm cầu không chơn chánh và không thích hợp cần phải làm cho nuôi mạng thanh tịnh (ājīvapārisuddhi) này được đầy đủ bằng việc tìm kiếm đúng đắn như việc đi lại khất thực... bằng sự tinh cần chỉ thọ dụng các vật dụng phát sanh thanh tịnh, từ bỏ vật dụng phát sanh không thanh tịnh, giống như tránh xa loài thú có nọc độc.

Hậu Sớ Giải

Từ **tathā viriyena** tức bằng tinh cần như vậy, nghĩa là niệm có tướng trạng vô tội là nhân làm cho quyền thu thúc giới được thành tựu như thế nào, thì tinh cần có trạng thái vô tội là nhân làm cho nuôi mạng thanh tịnh giới được thành tựu giống như vậy. Nên hiểu rằng điều làm cho khác biệt tức nhắm vào tinh cần mà thôi, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **do tinh cần mà tỳ-kheo hướng đến chín chắn**, việc tầm cầu không chơn chánh gọi là **anesanā** xếp vào là tà mạng theo như đã đề cập chính anesanā đó gọi là **appaṭirūpā** tức không thích hợp do ý nghĩa không thích hợp đối với lời dạy của Bậc Đạo Sư về từ bỏ việc tầm cầu không chơn chánh và không thích hợp đó.

Một lý khác nữa, việc tầm cầu là kẻ thù đối với sự thích hợp gọi là "appaṭirūpā", đối với tỳ-kheo thọ trì hạnh đầu đà tức tầm cầu sai quấy đối với điều quy định đầu đà (dhutaṇga), ám chỉ đến việc thực hành của một vị tỳ-kheo nào tạo điều kiện cho pháp phiền não đào xới tăng thêm.

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả vật dụng phát sanh thanh tịnh và phát sanh không thanh tịnh. Cả 2 loại đó đối với người không thọ trì đầu đà thì các vật dụng phát sanh từ Chư Tăng hay hội chúng và từ trú xứ của nhóm cư sĩ tịnh tín các ân đức như thuyết pháp... của họ gọi là có sự phát sanh thanh tịnh. Nhưng nếu phát sanh do phận sự như đi khất thực... gọi là có sự phát sanh thanh tịnh vô cùng. Đối với tỳ-kheo thọ trì đầu đà thì vật dụng phát sanh do thuận theo điều quy định của đầu đà bằng phận sự như đi khất thực... và từ trú xứ của các cư sĩ tịnh tín về ân đức đầu đà của họ gọi là có sự phát sanh thanh tịnh. Tỳ-kheo thọ trì đầu đà nhận được trái cà na ngâm nước tiểu và thuốc có 4 vị ngon ngọt thì suy nghĩ rằng: "Các vị đồng phạm hạnh khác sẽ thọ dụng thuốc có 4 loại vị", rồi (tự mình) thọ dụng trái cà na để được lợi ích chữa trị một loại bệnh tật gọi là thích hợp. Vị tỳ-kheo này Ngài gọi là "Tỳ-kheo vững trú trong Thánh trú (ariyavaṃsa) cao thượng".

Hậu Sớ Giải

Bằng câu **tất cả vật dụng phát sanh thanh tịnh** đó xem như ngài giáo thọ sư trình bày đến các ân đức như thuyết pháp... là nguyên nhân tức nơi nương vào của sự thanh tịnh. Do đó, mới đề cập rằng **của nhóm cư sĩ do tịnh tín các ân đức như thuyết pháp... của họ**, bằng từ "..." nên hiểu đến việc gom lại lấy các ân đức... rằng là người

được nghe nhiều, đầy đủ phận sự và đầy đủ oai nghi, ngay cả trong cụm từ **của các cư sĩ tịnh tín về ân đức đầu đà của họ** cũng có lý nghĩa như vậy.

Cụm từ **do thuận theo điều quy định của đầu đà** nghĩa là liên quan thuận theo điều thực hành được quy định nêu lên trong điều đầu đà đó tức liên quan đến việc không làm cho tăng thêm lên.

Câu **bằng phận sự như đi khất thực...** bằng từ ví dụ... nên hiểu đến việc gom lại lấy điều thực hành như gặp bạn tốt và việc thọ trì vải phấn tảo (paṃsukula)...

Ngài giáo thọ sư để trình bày rằng: "Người tham đắm có sự nuôi mạng bằng tà mạng không phải là người thiểu dục, sự thiểu dục đạt đến cao trội không là nhân cho việc tà mạng" mới đề cập rằng **để được lợi ích chữa trị một loại bệnh tật...**

Trong các từ đó thì từ **pūtiharītakaṃ** tức trái cà na ngâm bằng nước tiểu hoặc họ đã vứt bỏ bởi vì là vật hư thối.

Tỳ-kheo gọi là vị Thánh trú do ý nghĩa là vị có Thánh tông (ariyavaṃga) hoặc là vị thực hành trong Thánh trú, tỳ-kheo gọi là cao thượng bởi vì là vị nhổ bỏ dính mắc trong các vật dụng cho xa lìa được, tỳ-kheo đó trở thành vị Thánh trú, vì vậy mới gọi là **uttamaariyavaṃsiko**.

Thanh Tịnh Đạo

Tất cả tứ vật dụng như y..., trong tất cả các vật dụng đó

thì trường hợp như ra dấu (nimitta), nói rào đón (obhāsa), nói dọ dẫm (parikathā) và biểu lộ làm cho biết (viññatti) do y và khất thực thì không thích hợp với một vị tỳ-kheo nào chỉnh đốn nuôi mạng cho trong sạch. Nhưng trong trú xứ thì ra dấu, rào đón và nói dọ dẫm cũng dùng được đối với tỳ-kheo không thọ trì đầu đà (dhutaṇga). Trong tất cả trường hợp đó thì sự việc tỳ-kheo sửa soạn khu vực để xây cất trú xứ... được nhóm cư sĩ hỏi rằng "Bạch ngài, ngài làm gì vậy? Ai giúp cho ngài làm?" mà trả lời rằng "Không có ai giúp để làm cả" hoặc ra dấu giống như vậy, ngay cả bằng cách khác như thế nào đi nữa cũng gọi là **ra dấu**. Sự việc tỳ-kheo hỏi rằng: "Này cận sự nam, cận sự nữ các vị ở tại nơi nào?". Khi họ đáp rằng: "Bạch ngài, ở nơi tòa lâu đài" mới nói rằng: "Này các cận sự nam, cận sự nữ tòa lâu đài không thích hợp với tỳ-kheo đâu!". Hoặc nói rào đón giống như vậy, ngay cả bằng cách khác như thế nào đi nữa cũng gọi là **nói rào đón**. Sự việc tỳ-kheo nói rằng "Trú xứ của chư tỳ-kheo Tăng chật hẹp" hoặc nói theo cách gián tiếp giống như vậy, ngay cả bằng cách khác như thế nào đi nữa cũng gọi là **nói dọ dẫm**.

Đối với thuốc chữa bệnh phát sanh theo trường hợp đã đề cập thì sử dụng được. Nhưng khi đã hết bệnh thì tỳ-kheo không nên thọ dụng thuốc phát sanh theo trường hợp đó. Trong việc thọ dụng thuốc các vị trì Luật nói rằng: "Đức Thế Tôn đã ban cho cơ hội, cho nên mới thích hợp".

Các giáo thọ sư trì Kinh nói rằng: "Không phạm tội

thật, nhưng sẽ làm cho việc nuôi mạng thêm bận rộn nên không thích hợp".

Tỳ-kheo nào khi không thực hiện các trường hợp như ra dấu, nói rào đón, nói dọ dẫm và biểu lộ làm cho biết dù được Đức Thế Tôn cho phép vì nương vào các đức tánh thuần nhất như thiểu dục..., ngay cả khi sự chết hiện bày trước mặt thì cũng thọ dụng các vật dụng được phát sanh ngoài ra các trường hợp như nói rào đón..., tỳ-kheo này gọi là người thực hành đoạn giảm cao thượng (paramasallekha) giống như trưởng lão Sārīputta.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **không thích hợp với một vị tỳ-kheo nào** tức trường hợp như ra dấu... về y và khất thực thì không thích hợp với một vị tỳ-kheo nào trong tất cả tỳ-kheo thọ trì đầu đà và không thọ trì đầu đà.

Việc chủ tâm đến các vật dụng rồi ra dấu bằng cách làm cho người khác biết được ý định gọi là **ra dấu**, việc phơi bày bằng cách không nói trực tiếp ý định của mình rõ ràng (cho người khác) gọi là **nói rào đón**, việc nói bằng cách vòng vo gọi là **nói dọ dẫm**.

Cụm từ **thuốc phát sanh theo trường hợp đó** tức thuốc trị bệnh phát sanh liên quan đến trường hợp như ra dấu...

Cụm từ **Đức Thế Tôn đã ban cho cơ hội** tức Đức Thế Tôn đã ban cho cơ hội thọ dụng chủ yếu do bệnh, vì vậy

mới thọ dụng thích hợp được, cho dù trong lúc không có bệnh, nghĩa là không phạm tội cho nên ngài giáo thọ sư trì Kinh mới nói rằng **không phạm tội thật...**

Cụm từ **không phạm tội thật... cho nên không thích hợp** tức không thích hợp với tỳ-kheo vững trú trong việc thực hành đoạn giảm (thực hành pháp bào mòn phiền não) tức để làm cho pháp đoạn giảm tăng trưởng.

Bằng cụm từ **nhưng sẽ làm cho việc nuôi mạng thêm bận rộn** các ngài giáo thọ sư trì Kinh nói rằng các trường hợp như ra dấu... không thích hợp đối với tỳ-kheo thọ trì đầu đà điều liên quan đến trú xứ (tức không chỉ riêng biệt vấn đề thuốc chữa bệnh), một số nhóm giáo thọ sư khác nữa nói rằng "Hoàn toàn không thích hợp cho dù đối với tỳ-kheo thọ trì hạnh đầu đà điều khác ngoài ra trú xứ...".

Cụm từ **khi không làm** tức khi không làm các trường hợp như ra dấu... cho dù thuộc lãnh vực mà Đức Thế Tôn cho phép đối với mỗi vị.

Thanh Tịnh Đạo

Tương truyền rằng, một thuở nọ trưởng lão Sārīputta trước khi vun bồi hạnh viễn ly mới ở một nơi trong rừng với trưởng lão Moggallāna. Vào một ngày nọ, bệnh đau bụng gió khởi lên làm cho khổ phát sanh dữ dội đối với ngài. Trưởng lão Mahāmoggallāna đi đến trú xứ thăm viếng ngài vào buổi chiều, thấy trưởng lão đang nằm liền hỏi đến bệnh

trạng (khi biết được) bèn hỏi rằng: "Vào lúc trước ngài được bình phục bằng cách nào?", trưởng lão trả lời rằng: "Lúc còn là cư sĩ mẹ của tôi nấu cháo trộn sữa tươi chế biến với bơ trong, mật ong và đường phèn. Tôi được bình phục bằng cách đó". Ngài trưởng lão Mahāmoggallāna mới nói rằng: "Thôi được, nếu như phước của tôi hoặc của ngài đang có thì ngày mai sẽ nhận được".

Riêng về chư thiên ngự ở cội cây cuối nơi con đường kinh hành nghe được cuộc nói chuyện của các ngài thì suy nghĩ rằng "Ngày mai ta sẽ hóa hiện cháo trộn sữa dâng cho ngài" rồi mới đi đến chỗ người hộ độ của trưởng lão nhập vào thân xác người con lớn làm cho đau bệnh khởi lên. Khi đó, chư thiên nói với nhóm quyến thuộc đến hội họp cùng nhau để chữa trị cho người bệnh đó rằng "Nếu như ngày mai các vị chuẩn bị cháo trộn sữa như vầy cho trưởng lão, ta sẽ buông tha". Nhóm quyến thuộc đó nói rằng "Cho dù ngài không bảo, chúng tôi cũng dâng cúng vật thực thường xuyên cho trưởng lão". Trong ngày thứ 2 mới chuẩn bị cháo trộn sữa.

Trưởng lão Mahāmoggallāna đến từ sáng sớm, nói (với trưởng lão Sārīputta) rằng: "Bạch ngài, xin ngài hãy ở tại nơi đây tôi đi khất thực rồi sẽ trở lại", mới đi vào khu xóm. Nhóm người đó ra đón tiếp nhận lấy bát của trưởng lão đặt cháo trộn sữa vào cho đến khi đầy rồi cúng dường. Trưởng lão biểu lộ cử chỉ sẽ trở lại. Nhóm người đó mới nói rằng: "Bạch ngài, xin ngài hãy dùng đi, chúng con sẽ

dâng đến cho ngài nữa". Khi trưởng lão đã thọ thực thì còn dâng cháo trộn sữa đầy bát nữa. Trưởng lão trở về đi đến dâng cháo trộn sữa nói rằng: "Ngài Sārīputta, xin ngài hãy thọ thực đi". Về phần trưởng lão Sārīputta nhìn thấy cháo trộn sữa thì suy nghĩ rằng: "Cháo trộn sữa đáng hài lòng kia phát sanh được như thế nào?", khi biết được nguyên nhân của việc phát sanh cháo trộn sữa mới nói rằng: "Ngài Moggallāna, ngài hãy đem đi đồ ăn khất thực không nên thọ thực". Trưởng lão Moggallāna không đem đi mặc dù suy nghĩ khởi lên rằng: "Ngài không thọ thực đồ ăn khất thực mà người đem đến cho". Bằng chỉ một lời nói mà thôi thì cầm lấy miệng bát úp xuống tại một bên. Bệnh của trưởng lão Sārīputta diệt mất cùng lúc cháo trộn sữa đổ xuống mặt đất, bắt đầu kể từ đó suốt 45 hạ ngài không còn phát khởi bệnh nữa. Lần lượt theo đó ngài mới nói với trưởng lão Moggallāna rằng: "Hiền giả, cho dù ruột của tôi lòi ra trên mặt đất đi nữa, cháo trộn sữa phát sanh do việc thốt lên của ngữ biểu tri là vật không xứng đáng thọ dụng". Và thốt lên lời cảm hứng rằng:

"Nếu như ta là người thọ dụng cháo sữa phát sanh do thốt ra lời nói thì việc nuôi mạng của ta đáng bị bậc hiền trí chỉ trích. Cho dù ruột của ta có lòi ra ngoài ta cũng sẽ không hủy hoại việc nuôi mạng cho dù phải hy sinh sanh mạng. Ta sẽ chế ngự tâm của ta tránh xa việc tìm kiếm không thích hợp và sẽ không thực hành việc tìm kiếm không thích hợp mà Đức Phật chê trách".

Hậu Sớ Giải

Đại trưởng lão khi từ bỏ hội chúng sống trú trong A-La-Hán quả định (arahattaphalasamāpatti) là tột đỉnh của sự an tịnh viễn ly (paṭipassaddhiviveka) ở trong rừng, ngài giáo thọ sư mới đề cập đến ngài rằng **"Trước khi vun bồi viễn ly"...**

Bệnh do gió trú ở trong bụng gọi là **bệnh đau bụng gió**.

Cháo không có vật khác trộn lẫn ngoài ra sữa, cho nên cháo này gọi là "có thuần túy sữa", vì vậy mới gọi là **cháo trộn sữa thuần túy** nghĩa là cháo nấu bằng sữa không trộn lẫn với nước.

Cụm từ **nguyên nhân của việc sanh** tức **nguồn gốc của việc phát sanh** nghĩa là việc thốt lên lời nói của mình rằng: "Trong lúc còn là cư sĩ mẹ của tôi nấu cháo trộn sữa tươi chế biến với bơ trong, mật ong và đường phèn, tôi được bình phục bằng cách đó".

Vấn: *Vì sao ngài nói rằng "là đồ ăn khất thực không nên thọ thực", như vậy trưởng lão không có suy nghĩ trong việc tạo cơ hội... cho phát sanh lên có phải chăng?*

Đáp: Thật sự không có, trưởng lão chỉ suy nghĩ rằng một số phàm nhân sẽ tưởng như vậy là được (tưởng rằng ta tạo cơ hội...) và trong vị lai các bạn đồng phạm hạnh sẽ thiên lệch theo tà kiến (diṭṭhinugati) như vậy (tức đồng ý với ta và sẽ nắm giữ thực hành noi theo), vì vậy mới từ chối cháo trộn sữa đó.

Một lý khác nữa, đại trưởng lão thực hành đoạn giảm đến tột cùng. Thật vậy, dựa vào chỉ là lời nói của vị tỳ-kheo trẻ hỏi rằng: "Thức ăn (không) đáng hài lòng này chuẩn bị cho ai?", như vậy ngài cũng không dùng thức ăn mà họ dâng cúng tiếp theo lần sau nữa, cho đến khi viên tịch Níp Bàn.

Cụm từ **do việc thốt lên của ngữ biểu tri (vacīviññatti)** nghĩa là do thốt lên lời nói. Âm thanh đang diễn tiến liên quan đến việc làm cho họ biết được ý nghĩa, mặc dù chưa làm cho biết (tức vẫn còn làm cho họ không biết được ý nghĩa) cũng xếp vào ảnh hưởng liên quan đến biểu lộ lời nói (vacīviññatti), trong khi tiếng nói đó làm duyên bằng một vài duyên đối với việc biểu hiện, vì vậy ngài mới gọi là thốt lên của ngữ biểu tri.

Cụm từ **lời ra bên ngoài** tức lìa ra bên ngoài liên quan đến việc sinh kế, ngài nói theo ngôn ngữ thế gian như vậy để biểu hiện việc thiểu dục cao độ. Thật vậy, theo đường lối thế gian tất cả mọi người trước khi chỉ trích về việc vật thực không xứng đáng thọ thực thường nói rằng: "Ruột của họ có lời ra bên ngoài tại nơi nào đi nữa!".

Cụm từ **chế ngự** có nghĩa là ta sẽ chế ngự tức sẽ làm cho diễn tiến theo năng lực kể từ bây giờ.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, trong vấn đề này bậc thiện hạnh nên thuật lại câu chuyện trưởng lão Mahātissa dùng trái xoài ngụ tại tịnh xá Cīvaragumaba.

Tu sĩ với đức tin cùng trí tuệ thấy rõ là người không thực hành hay dù chỉ suy nghĩ trong việc tìm kiếm không thích hợp bằng các trường hợp, dẫn đến việc nuôi mạng trong sạch theo trường hợp đề cập này.

Hậu Sớ Giải

Tương truyền rằng, trưởng lão Mahātissa khi đi trên đường trong lúc nạn đói đang phát sanh, bởi vì thiếu vật thực lẫn mệt nhoài do việc đi đường nên thân xác ngài vô cùng uể oải và yếu sức mới nằm nghỉ tại một gốc xoài đang trổ quả, có nhiều trái xoài rơi xuống chỗ này chỗ kia, một cận sự nam lão niên đi đến nơi trưởng lão đang nghỉ, biết được sự vất vả của ngài nên làm nước xoài chín mang đến cúng dường, mới đặt (nước xoài) lên bả vai của mình rồi đem đến nơi ấy, trưởng lão tự giáo huấn mình rằng: "Cận sự nam này không phải là cha, không phải là mẹ, không phải là quyến thuộc lẫn không phải là dòng tộc của ta nhưng làm ngần ấy phận sự do ta là người có giới phải chăng?" rồi mới bắt đầu quán xét phát triển minh quán (vipassanā) khi nước xoài còn đang trên lưng của cận sự nam mang lại thì tác chứng A-La-Hán theo tuần tự của Đạo. Do nhắm vào câu chuyện này, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **lại nữa, trong vấn đề này bậc thiện hạnh nên thuật lại câu chuyện của trưởng lão Mahātissa dùng trái xoài ngụ tại tịnh xá Cīvaragumaba**.

Cụm từ **bằng các trường hợp** tức cho dù bằng năng

lực khởi lên suy nghĩ liên quan đến việc tìm kiếm tứ vật dụng không thích hợp cũng không làm cho phát sanh lên bằng các trường hợp, huống chi sẽ tìm kiếm bằng năng lực hoạt động của thân và ngữ. Do đó, ngài mới đề cập rằng **... trong việc tìm kiếm không thích hợp...**

Thanh Tịnh Đạo

Nuôi mạng thanh tịnh giới tỳ-kheo cần làm cho đầy đủ bằng tinh cần như thế nào thì **giới liên hệ tứ vật dụng** tỳ-kheo cũng nên làm cho đầy đủ bằng trí tuệ như thế đó. Bởi vì giới liên hệ tứ vật dụng **có trí tuệ là nhân làm cho thành tựu**, vì người có trí tuệ có thể thấy được tội lỗi và quả báo về tất cả tứ vật dụng. Do đó, tỳ-kheo cần phải từ bỏ tham muốn về tứ vật dụng, rồi quán tưởng bằng trí tuệ theo phương pháp đã đề cập, thọ dụng tứ vật dụng phát sanh đúng theo pháp thì sẽ làm cho giới liên hệ tứ vật dụng được đầy đủ.

Quán tưởng về giới liên hệ tứ vật dụng (paccayasannisitasīla) có 2 cách:

1- Trong lúc thọ nhận tứ vật dụng.

2- Trong lúc thọ dụng.

Việc thọ dụng tứ vật dụng của tỳ-kheo như y... mà quán tưởng bằng tứ đại hoặc bằng sự nhờm gớm (paṭikūla), trong lúc được cất giữ, sau thời gian đó trở đi từ lúc nhận được cũng không có tội ngay cả trong lúc thọ dụng. Tiếp

theo là điều luận giải hành vi được chấp nhận về việc quán tưởng trong lúc thọ dụng.

Hậu Sớ Giải

Việc thấy được tội lỗi khi phạm tội do thọ dụng như người mắc nợ trong việc không quán tưởng mà thọ dụng và thấy được quả báo trong việc quán tưởng rồi thọ dụng bằng cách thức ngược lại, gọi là **thấy được tội lỗi và quả báo** bởi vì việc thấy đó có tứ vật dụng là chánh yếu (adhikāra – hình thành sắp xếp cho thành tựu) ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **về tất cả tứ vật dụng**.

Thường nhiên, pháp là nhân lẫn phi nhân ngài cũng đề cập gom vào thành nhân được giống như nói rằng "thực phẩm được làm ra từ rau"...

Để trình bày rằng "gọi là tỳ-kheo không quán tưởng mà thọ dụng bởi nhân nào, khi nhân đó bị loại bỏ thì giới liên hệ tứ vật dụng mới được thành tựu và trong sạch", ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"tasmā"** tức "do đó"... (tứ vật dụng là nhân của việc thấy được tội lỗi và quả báo).

Trong tất cả các câu đó thì câu **tham muốn về tứ vật dụng**, bằng từ **"tham muốn"** nên hiểu rằng ngài nhắm đến từ say mê (sammoha) bởi vì say mê dẫn tới tham muốn.

Cụm từ **theo phương pháp đã đề cập** tức theo cách thức đã đề cập rằng "để ngăn ngừa sự lạnh"...

Cụm từ **đúng theo pháp** này là trình bày sự trong sạch

của tứ vật dụng, không phải trình bày sự trong sạch của giới liên hệ tứ vật dụng. Việc suy xét đến tứ vật dụng như điều này lợi ích, rồi thọ dụng sẽ trở thành giới liên hệ tứ vật dụng, nhưng do tứ vật dụng đó phát sanh từ sự chơn chánh thì tỳ-kheo nên thọ dụng. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **tứ vật dụng phát sanh đúng theo pháp**.

Cụm từ **quán tưởng bằng tứ đại** tức liên quan đến tác ý (mānasikāra) theo tứ đại rằng "vật này chỉ là tứ đại (dhātu) diễn tiến theo duyên mà thôi, vật này là y... và người sử dụng y...".

Cụm từ **bằng sự nhờm gớm** tức liên quan đến tưởng nhờm gớm trong vật thực như đồ ăn khất thực. Một lý khác nữa, liên quan đến tác ý nhờm gớm về tứ vật dụng như "y... chưa là vật đáng ghê tởm nhưng do chạm vào thân hôi thối này thì trở thành vật đáng ghê tởm".

Cụm từ **sau thời gian đó trở đi từ lúc nhận được** tức việc thọ dụng trong thời gian kế tiếp từ lúc nhận được thì không có tội, bởi vì tỳ-kheo đã gột rửa trong sạch bằng trí tuệ kể từ ban đầu, đây là một điều trình bày sự trong sạch trong phần đầu do việc quán tưởng, giống như sử dụng y và bát mà chú nguyện rồi cất giữ... cho nên không phải việc không quán tưởng trong lúc thọ dụng được xếp vào một điều nữa. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "ngay cả trong lúc thọ dụng"... (tức trong lúc thọ dụng cho dù quên quán tưởng cũng không có tội nếu như đã quán tưởng theo tứ đại... kể từ lúc nhận được).

Cụm từ **hành vi được chấp nhận** tức không làm cho ngờ vực mà cùng nhau chấp nhận.

Thanh Tịnh Đạo

Việc thọ dụng có 4 cách là:

1- Thọ dụng như kẻ trộm cướp (theyyaparibhoga).

2- Thọ dụng như người mắc nợ (iṇaparibhoga).

3- Thọ dụng như người thừa tự (dayajjaparibhoga).

4- Thọ dụng như chủ nhân (sāmīparibhoga).

Trong 4 cách thọ dụng đó thì việc thọ dụng của tỳ-kheo ác giới ngồi thọ thực trong giữa Chư Tăng gọi là **thọ dụng như kẻ trộm cướp**. Việc thọ dụng tứ vật dụng mà không quán tưởng của tỳ-kheo có giới gọi là **thọ dụng như người mắc nợ**. Do đó, tỳ-kheo nên quán tưởng y khi mỗi lần sử dụng, đồ ăn khất thực nên quán tưởng trong mỗi miếng, khi không thể quán tưởng như vậy thì nên quán tưởng trong lúc trước bữa ăn, sau bữa ăn, canh đầu, canh giữa và canh cuối. Nếu vị ấy không quán tưởng cho đến bình minh ló dạng thì được xếp vào là việc thọ dụng như người mắc nợ. Ngay cả trú xứ cũng nên quán tưởng trong mỗi lần sử dụng, có niệm làm duyên trong lúc thọ nhận lẫn trong lúc thọ dụng thuốc chữa bệnh thì thích hợp, cho dù như vậy khi tỳ-kheo thực hành niệm trong lúc thọ nhận mà không thực hành trong lúc thọ dụng thì phạm tội, nhưng khi không thực hành niệm trong lúc thọ nhận mà thực hành trong lúc thọ dụng thì không phạm tội.

Hậu Sớ Giải

Việc thọ dụng của người không xứng đáng thọ dụng gọi là **thọ dụng như kẻ trộm cướp (theyyaparibhoga)**. Đức Thế Tôn cho phép được thọ dụng tứ vật dụng đối với tỳ-kheo có giới trong Giáo Pháp của Ngài, không phải đối với người ác giới. Việc bố thí này của các nhóm thí chủ có được đối với tỳ-kheo có giới, không phải đối với người ác giới bởi vì họ hoài vọng đến tánh chất tạo phước của mình sẽ được nhiều quả báo cho nên việc thọ dụng của người ác giới không được Bậc Đạo Sư cho phép vì các tín thí mới không bố thí nên được xếp vào là việc thọ dụng bằng cách trộm cướp gọi là **thọ dụng như kẻ trộm cướp**.

Việc thọ dụng liên quan đến mắc nợ gọi là **thọ dụng như người mắc nợ**, nghĩa là việc thọ dụng giống như mắc nợ bởi vì người thọ dụng chẳng phải là bậc thanh tịnh xứng đáng được cúng dường từ tín thí.

Từ **do đó** ngài nhắm vào ý nghĩa đã đề cập bằng cụm từ **việc thọ dụng tứ vật dụng mà không quán tưởng của tỳ-kheo có giới...** là nguyên nhân (tức việc không quán tưởng mà thọ dụng của tỳ-kheo có giới là nhân của việc thọ dụng như người mắc nợ).

Tỳ-kheo cởi y ra khỏi thân rồi nên quán tưởng khi mỗi lần sử dụng, gắn liền ý nghĩa nên quán tưởng trong lúc trước bữa ăn... và trong canh cuối, khi không thể quán tưởng như vậy tức liên quan đến thời gian khác nhau như

đã đề cập thì nên quán tưởng trong một ngày 4 lần hay 3 lần, hay 2 lần hoặc 1 lần, nếu như không quán tưởng cho đến khi bình minh ló dạng thì được xếp vào thọ dụng như người mắc nợ.

Một số giáo thọ sư đề cập rằng "Nếu như không quán tưởng trước bằng cách "y nào mà ta đã sử dụng hôm qua, y đó ta sử dụng chỉ để ngăn ngừa sự lạnh... để che đậy thân thể làm cho tăng trưởng thêm sự hổ thẹn mà thôi, đồ ăn khất thực nào mà ta đã thọ thực không phải để vui chơi..." thì được xếp vào thọ dụng như người mắc nợ" (lời nói của các giáo thọ sư đó rằng tỳ-kheo có giới cho dù quên quán tưởng cho đến lúc rạng đông tức cho đến ngày mới cũng vẫn không được xếp vào là thọ dụng như người mắc nợ, nếu như quán tưởng ngược trở lại đến việc sử dụng y... ngày hôm qua).

Cụm từ **trú xứ cũng nên quán tưởng trong lúc mỗi lần sử dụng** tức trong lúc mỗi khi đi vào.

Từ **satipaccayatā** tức thực tánh có niệm làm duyên nghĩa là trường hợp thọ nhận và thọ dụng có niệm như quán tưởng tứ vật dụng thích hợp trước một lần rồi mới thọ nhận và thọ dụng. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **khi tỳ-kheo thực hành niệm...**

Cụm từ **cho dù như vậy** tức cho dù nếu như quán tưởng trong lúc thọ nhận và lúc thọ dụng cả 2 sự việc đều thích hợp.

Thanh Tịnh Đạo

Suddhi (pháp thanh tịnh) có 4 loại:

1- Thanh tịnh do sám hối (desanāsuddhi).

2- Thanh tịnh do thu thúc (saṃvarasuddhi).

3- Thanh tịnh do tìm kiếm (pariyetthisuddhi).

4- Thanh tịnh do quán tưởng (paccavekkhaṇasuddhi).

Trong 4 loại thanh tịnh đó thì giới bổn thu thúc giới (patimokkhasaṃvarasīla) gọi là **thanh tịnh do sám hối**. Giới bổn thu thúc giới Ngài gọi là thanh tịnh do sám hối bởi vì được trong sạch do việc sám hối. Quyền thu thúc giới gọi là **thanh tịnh do thu thúc**. Quyền thu thúc giới Ngài gọi là thanh tịnh do thu thúc bởi vì được trong sạch do thu thúc bằng chủ tâm rằng: "Ta sẽ không làm như vậy nữa". Nuôi mạng thanh tịnh giới gọi là **thanh tịnh do tìm kiếm**. Nuôi mạng thanh tịnh giới Ngài gọi là thanh tịnh do tìm kiếm bởi vì được trong sạch do tỳ-kheo tránh xa việc tìm kiếm không chơn chánh mà thường làm cho tứ vật dụng phát sanh bằng pháp. Giới liên hệ tứ vật dụng gọi là **thanh tịnh do quán tưởng**. Giới liên hệ tứ vật dụng Ngài gọi là thanh tịnh do quán tưởng bởi vì được trong sạch do việc quán tưởng như trường hợp đã đề cập. Do đó tôi mới nói rằng: "Chỉ khi không thực hành niệm trong lúc thọ nhận mà thực hành trong lúc thọ dụng thì không phạm tội".

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi đã trình bày vấn đề thanh tịnh của giới liên hệ tứ vật dụng rồi, tiếp đến để trình bày về tất cả thanh tịnh mới đề cập rằng **thanh tịnh có 4 loại...**

Trong tất cả các từ đó thì gọi là **thanh tịnh (suddhi)** bởi vì là pháp trong sạch được trình bày theo tương ứng với pháp, trong nơi đây gọi là thanh tịnh do sám hối nên hiểu rằng cho dù thoát khỏi tội (từ việc phạm tội bằng việc ở biệt trú (parivāsa) cũng được xếp vào trong sám hối, còn đối với các tỳ-kheo khi bị đứt từ gốc của phạm tội (gốc của phạm tội là 4 bất cộng trụ (pārājika) thì không tự nhận mình là tỳ-kheo được, chính như vậy gọi là **sám hối (desanā)**.

Pháp trong sạch do thu thúc đặc biệt bằng chủ tâm (sẽ không làm như vậy nữa) gọi là **thanh tịnh do thu thúc (saṃvarasuddhi)**.

Pháp trong sạch do việc tìm kiếm tứ vật dụng thường xuyên bằng pháp gọi là **thanh tịnh do tìm kiếm (pariyeṭṭhisuddhi)**.

Pháp trong sạch do quán tưởng về tứ vật dụng bằng phương pháp như đã đề cập gọi là **thanh tịnh do quán tưởng (paccavekkhaṇasuddhi)**. Đây là cách thức của từ ghép trong tất cả thanh tịnh trước.

Đối với việc phân tích giới theo các thanh tịnh thì việc phân tích về pháp thanh tịnh đang có với giới bổn thu thúc giới này gọi là thanh tịnh do sám hối (desanasuddhi), ngay

cả việc phân tích trong giới khác theo các thanh tịnh còn lại thì nội dung thanh tịnh cũng có cách thức như tôi đã đề cập trên.

Từ **evaṃ (trong câu "sẽ không làm như vậy")** ngài giáo thọ sư đề cập nhắm vào phân loại của việc thu thúc.

Từ **tránh xa** có nghĩa là từ bỏ không làm.

Thanh Tịnh Đạo

Việc thọ dụng tứ vật dụng của 7 bậc Thánh hữu học gọi là **thọ dụng như người thừa tự (dāyajjaparibhoga)**. Bởi vì các bậc Thánh hữu học được xếp vào là con của Đức Thế Tôn cho nên mới gọi là người thừa tự tất cả tứ vật dụng của cha đang thọ dụng.

Vấn: *Các bậc Thánh hữu học đó thọ dụng tứ vật dụng của Đức Thế Tôn hay thọ dụng tứ vật dụng của cư sĩ?*

Đáp: Tất cả tứ vật dụng mặc dù các cư sĩ cúng dường cũng vẫn được xếp vào của Đức Thế Tôn bởi vì Đức Thế Tôn cho phép. Vì vậy, nên hiểu rằng các bậc Thánh hữu học đó thọ dụng tất cả tứ vật dụng của Đức Thế Tôn. Trong bài kinh Thừa Tự Pháp (dhammadāyādasutta) là đề tài dẫn chứng trong điều này.

Việc thọ dụng của các bậc Thánh Lậu Tận gọi là **thọ dụng như chủ nhân (sāmīparibhoga)**. Các bậc Thánh Lậu Tận đó được xếp vào là chủ nhân của việc thọ dụng bởi vì các ngài đã vượt khỏi nô lệ của ái dục (taṇhā).

Hậu Sớ Giải

Di sản gọi là được trao cho bởi vì họ đáng trao cho, việc cho đó mà người nào thọ nhận, người đó gọi là "thừa tự" (dāyāda).

Tất cả tứ vật dụng mà các tỳ-kheo thọ dụng gọi là của Đức Thế Tôn bởi vì tứ vật dụng đó khi Đức Thế Tôn không cho phép thì không được thọ dụng bằng tất cả trường hợp và khi Ngài đã cho phép thì mới được thọ dụng. Trong bài kinh Thừa Tự Pháp trình bày như sau: "Này các tỳ-kheo, các con hãy là người thừa tự pháp của Ta chớ là người thừa tự tài vật (āmisadāyāda), vì lòng thương tưởng đối với các con của Ta, các bậc Thinh Văn của Ta nên là người thừa tự pháp, đừng là người thừa tự tài vật" (Trung Bộ Kinh. Mūlapannasaka 12/21)... dẫn chứng trong vấn đề này.

Đối với người chưa đoạn trừ tất cả tham ái thì không là chủ nhân trong việc thọ dụng tứ vật dụng bởi vì còn là nô lệ của ái dục, người đã đoạn trừ dứt tuyệt tất cả tham ái (rāga) không còn là nô lệ của ái dục mới thực sự là chủ nhân trong việc thọ dụng tứ vật dụng nên được thọ dụng theo tùy ý.

Thật vậy, các ngài ấy thường thọ dụng tứ vật dụng bằng trạng thái làm cho vật đáng nhờm gớm trở thành vật không đáng nhờm gớm (paṭikūla) cũng được, bằng trạng thái làm cho vật không đáng nhờm gớm trở thành vật đáng nhờm gớm cũng được, bằng trạng thái thản nhiên ngoài ra 2 trạng thái đó cũng được, làm cho ước nguyện của nhóm tín thí

được viên mãn. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng: **"Các bậc Thánh Lậu Tận đó được xếp vào là chủ nhân của việc thọ dụng bởi vì các ngài đã vượt khỏi nô lệ của ái dục"**.

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả việc thọ dụng này thì việc thọ dụng như chủ nhân, thọ dụng như người thừa tự là việc thọ dụng xứng đáng với tất cả tỳ-kheo. Còn việc thọ dụng như người mắc nợ thì không xứng đáng. Việc thọ dụng như kẻ trộm cướp thì không cần phải nói đến.

Lại nữa, việc quán tưởng rồi thọ dụng tứ vật dụng của tỳ-kheo có giới được xếp vào là thọ dụng không mắc nợ bởi vì đối nghịch lại với việc thọ dụng mắc nợ, xếp vào trong việc thọ dụng như người thừa tự cũng được, do vị có giới Ngài cũng gọi là bậc hữu học (sekkha) vì là vị thọ trì bằng điều học (sikkhā) này.

Lại nữa, trong các việc thọ dụng này thì việc thọ dụng như chủ nhân được xếp vào là tối thắng, vì vậy tỳ-kheo có ý muốn thọ dụng như chủ nhân thì nên quán tưởng bằng việc suy xét rồi mới thọ dụng sẽ làm cho giới liên hệ tứ vật dụng được đầy đủ.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **xứng đáng đối với tất cả tỳ-kheo** tức xứng đáng đối với các tỳ-kheo là bậc Thánh lẫn phàm nhân.

Vấn: *Thọ dụng như chủ nhân và thọ dụng như người thừa tự có được đối với tất cả phàm nhân như thế nào?*

Đáp: Có được bằng năng lực của việc thực hành với tâm không dính mắc trong lúc thọ dụng tứ vật dụng đó bởi vì tránh xa sự dính mắc vào tứ vật dụng của người cúng dường, mặc dù là phàm nhân mà duy trì việc thực hành đoạn giảm đó thì cũng giống như thọ dụng như chủ nhân.

Đối với vị có giới quán tưởng rồi mới thọ dụng thì được xếp vào thọ dụng như người thừa tự bởi vì không làm tổn hại ước nguyện của tất cả tín thí, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **xếp vào trong việc thọ dụng như người thừa tự cũng được**.

Câu nên đề cập trong việc thọ dụng của phàm nhân hiền thiện (kalyānaputhujana) thì không cần bởi vì phàm nhân hiền thiện được xếp vào là bậc Thánh hữu học được dẫn chứng qua bài kinh Thánh hữu học (sekkhasutta). Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bởi vì vị có giới Ngài cũng gọi là bậc hữu học**.

Cụm từ **bởi vì đối nghịch lại** nghĩa là người mắc nợ thường không đi đến được quốc gia mà mình muốn theo ý thích như thế nào thì người tạo nên việc thọ dụng như kẻ mắc nợ không vượt thoát khỏi tham giống như vậy.

Việc quán tưởng rồi thọ dụng của người có giới được xếp vào là thọ dụng không mắc nợ bởi vì đối nghịch lại việc thọ dụng mắc nợ. Vì vậy, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **được xếp vào là thọ dụng không mắc nợ**.

Bằng cụm từ việc thọ dụng không mắc nợ, ngài giáo thọ sư trình bày theo cách trực tiếp (nipariyāya) về việc thọ dụng không mắc nợ được xếp vào là một loại thọ dụng khác nữa ngoài ra 4 loại thọ dụng.

Cụm từ **bằng điều học này** tức điều học nghĩa là giới này.

Thanh Tịnh Đạo

Tỳ-kheo đang thực hành như vậy gọi là thực hành phận sự (kiccakarī). Đức Thế Tôn thuyết rằng **piṇḍaṃ vihāraṃ sayanāsanañca...**

"Bậc Thinh Văn của Đức Thế Tôn là vị có trí tuệ thanh cao thính pháp mà Đức Như Lai đã thuyết nên quán tưởng rồi mới thọ dụng vật thực, tịnh xá, chỗ nằm, chỗ ngồi, nước và nước giặt bụi bẩn y Tăng già lê. Do đó, tỳ-kheo không nên là người dính mắc trong tất cả pháp đó "cơm, giường, ghế, nước và nước giặt bụi bẩn y Tăng già lê, giống như giọt nước không đọng lại trên lá sen"

Tỳ-kheo tùy theo lúc tế độ cho người khác nên là người thường xuyên giữ niệm vững chắc, biết độ lượng trong vật thực nhai, nếm, ăn, giống như người bị thương biết bôi thuốc vừa chừng để chữa trị vết thương.

Tỳ-kheo nên là người không lệ thuộc, thọ thực chỉ để làm cho thân thể được tồn tại, giống như (vợ, chồng) ăn thịt đứa con trai trong nơi hiểm trở, giống như (người lái xe bò) dùng dầu (nhớt) nhiễu vào trục bánh xe bò.

Hậu Sớ Giải

Từ **"thực hành phận sự"** (kiccakarī) tức là người hành động cư xử đúng đắn theo thông thường bởi vì thực hành thích hợp theo nguyện vọng.

Để giải thích cụm từ "thực hành phận sự" theo lý của Kinh, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **Đức Thế Tôn thuyết rằng...**

Trong tất cả các từ đó thì từ **tịnh xá** tức nhà, từ **chỗ nằm chỗ ngồi** tức giường..., bằng cả 2 từ này xem như Ngài nói đến trú xứ (senāsana).

Cụm từ **thính pháp mà Đức Như Lai đã thuyết** tức thính pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết theo phương diện như "Trong tất cả tứ vật dụng như y... tỳ-kheo quán tưởng theo đúng đường lối rồi mới thọ dụng y để ngăn ngừa sự lạnh"...

Cụm từ **bậc Thinh Văn của Đức Thế Tôn là vị có trí tuệ thanh cao... nên quán tưởng rồi mới thọ dụng** nghĩa là nếu như bậc Thinh Văn của Đức Thế Tôn có trí tuệ cao tột là bậc Hữu Học hay phàm nhân đi nữa có thể quán tưởng tứ vật dụng như đồ ăn khất thực mà Ngài gọi bằng vắt cơm, trú xứ mà Ngài gọi bằng 2 từ như tịnh xá..., thuốc chữa bệnh mà Ngài thuyết dẫn đầu là nước, cho dù nước uống cũng gọi là thuốc chữa bệnh (gilānapaccaya) bởi vì chữa trị chấm dứt được bệnh khát và y như y Tăng già lê... như quán tưởng theo phương diện: "Chỉ để thân này được tồn tại"... rồi mới thọ dụng.

Do bậc Thinh Văn của Đức Thế Tôn có trí tuệ thanh cao là vị quán tưởng rồi mới thọ dụng. Vì vậy, giọt nước không đọng lại trên lá sen như thế nào thì tỳ-kheo cũng không là người dính mắc trong tất cả pháp đó tức (vắt) cơm... giống như vậy.

Cụm từ **tùy theo lúc** tức trong lúc thọ dụng của các bậc Thánh Nhân.

Cụm từ **cho người khác** tức cho tín thí.

Gọi là **biết** tức biết độ lượng tứ vật dụng mà người khác cúng dường dù cho có nhiều.

Gọi là **nên là người thường xuyên giữ niệm vững chắc** tức nên là người thường xuyên có niệm vững chắc suốt mọi lúc.

Cụm từ **ālepanarūhane yathā** nghĩa là nên biết độ lượng giống như biết chừng mực trong việc thoa thuốc lên vết thương.

Cụm từ **chỉ để làm cho thân thể được tồn tại** tức chỉ để được tồn tại thân thể.

Cụm từ **là người không lệ thuộc** tức là người không lệ thuộc trong ái dục, là người không dính mắc đến ái dục (taṇhā).

Thanh Tịnh Đạo

Việc trở thành người thực hành đầy đủ giới liên hệ tứ

vật dụng này, bậc thiện hạnh nên thuật lại câu chuyện sa-di Bhāgineyyasaṇgharakkhita. Vị sa-di đó quán tưởng chín chắn rồi mới thọ dụng, tự mình thốt lên rằng:

"Thầy tế độ nói với tôi khi tôi đang thọ thực cơm Sālī đã nguội rằng: "Này sa-di, con chớ là người để lưỡi bị thiêu đốt do không thu thúc". Ta nghe lời của thầy tế độ thì phát sanh kinh cảm trong lúc đó, tại chỗ ngồi một mình thì tác chứng A-La-Hán. Ta có suy nghĩ tròn đủ giống như mặt trăng ngày rằm, là người đoạn tận tất cả lậu hoặc, giờ đây không còn kiếp sống mới".

Do đó, thiện nam tử khác khi ước muốn đoạn tận hoàn toàn khổ thì nên quán tưởng đúng theo đường lối rồi mới thọ dụng tứ vật dụng.

Giới được phân theo 4 loại bằng cách sắp xếp thành giới thanh tịnh như giới bổn thu thúc giới (patimokkhasaṃvarasīla)... theo trường hợp đã đề cập.

Hậu Sớ Giải

Sa-di gọi là Bhāgineyyasaṇgharakkhita do vị ấy dựa vào tên của trưởng lão Saṇgharakkhita là bác của mình.

Từ **asaññato** tức không thu thúc, ngài nhắm vào ý nghĩa không quán tưởng.

Nhóm 5 Giới Thứ Nhất

Thanh Tịnh Đạo

Nên hiểu ý nghĩa trong 5 nhóm giới nhóm đầu tiên thuộc về giới có 5 loại do liên quan đến giới chưa thọ cụ túc giới (anusampanna)... Thích hợp như ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sārīputta thuyết trong bộ Vô Ngại Giải Đạo rằng:

"Thế nào là giới hạn lượng thanh tịnh? Giới của người chưa thọ cụ túc giới có điều học giới hạn, đây gọi là **giới hạn lượng thanh tịnh (pariyantapārisuddhisīla)**.

Thế nào là giới vô hạn lượng thanh tịnh? Giới của người thọ cụ túc giới có điều học không giới hạn, đây gọi là **giới vô hạn lượng thanh tịnh (apariyantapārisuddhisīla)**.

Thế nào là giới viên mãn thanh tịnh? Giới của phàm nhân hiền thiện (kalyāṇaputhujana) là người tạo trữ thiện pháp, là người thực hành đầy đủ trong hạn lượng hữu học (sekkhapariyanta) mà không luyến tiếc thân thể và sanh mạng cũng như hy sinh sanh mạng, đây gọi là **giới viên mãn thanh tịnh (paripuṇṇapārisuddhisīla)**.

Thế nào là giới phi cảnh khinh thị thanh tịnh? Giới của 7 bậc Hữu Học, đây gọi là **giới phi cảnh khinh thị thanh tịnh (aparāmaṭṭhapārisuddhisīla)**.

Thế nào là giới an tịnh thanh tịnh? Giới của bậc Lậu Tận là các bậc Thinh Văn của Đức Như Lai (tathāgata), của Chư Phật Độc Giác, của các Đức Như Lai Bậc A-La-Hán Chánh Đẳng Giác (tathāgataarahansammāsambuddha), đây gọi là **giới an tịnh thanh tịnh" (patipassaddhiparisuddhisīla)**.

Hậu Sớ Giải

Tất cả điều học gọi là hạn lượng (pariyanta) bởi vì có sự giới hạn, tất cả nhóm chưa thọ cụ túc giới (anupasampanna) nào có điều học giới hạn, tất cả nhóm chưa thọ cụ túc giới đó gọi là người có giới hạn lượng thanh tịnh, giới hạn lượng thanh tịnh là giới của người chưa thọ cụ túc giới có điều học giới hạn.

Cụm từ **của người thọ cụ túc giới (upasampanna)** tức ngoại trừ tất cả phàm nhân hiền thiện, bậc Thánh hữu học và bậc Thánh vô học, nơi đây trình bày về nhóm thọ cụ túc giới khác trừ ra phàm nhân hiền thiện... đó, bởi vì sa-môn bị khiển trách thường hiện diện trong sự khác biệt nhau.

Cụm từ **phàm nhân hiền thiện là người tạo trữ thiện pháp** nghĩa là người thực hành đúng đắn trong việc tu tiến minh quán (vipassanā).

Pháp được gọi là **hạn lượng hữu học (sekkhapariyanta)** bởi vì có các pháp hữu học là tận cùng thuộc lãnh vực cao nhất.

Một lý khác, sự diễn tiến tiếp nối nhau của pháp thiện kể từ khi ghi nhận danh sắc hoặc việc thực hành thiện pháp cho đến khi chuyển tộc (gotrabhū) khởi hiện kế cận với các pháp hữu học thì gọi là **hạn lượng hữu học** (lý này phải dịch là sự nối tiếp nhau của pháp thiện có pháp hữu học là sau cùng).

Một lý khác nữa, Tam Học thuộc hiệp thế là pháp nên học tập trau dồi và là pháp đang hiện diện phía trước của các pháp hữu học gọi là **hạn lượng hữu học** tức thực hành làm cho đầy đủ trong hạn lượng hữu học.

Cụm từ **người thực hành cho đầy đủ** tức là người không làm cho điều học bị tiêu hoại mà thực hành tròn vẹn đầy đủ để được lợi ích tác chứng ân đức đặc biệt bậc cao vì vậy nên không luyến tiếc thân thể và sanh mạng, gọi là người hy sinh sanh mạng để giới được viên mãn.

Gọi là **giới phi cảnh khinh thị thanh tịnh (aparāmaṭṭhaparisuddhisīla)** bởi vì phiền não tà kiến không dấy bẩn được.

Giới có sự thanh tịnh bởi vì diệt trừ được các phiền não bằng tất cả trường hợp gọi là **giới thanh tịnh an tịnh (paṭipassaddhipārisuddhisīla)**.

Thanh Tịnh Đạo

Trong 5 loại giới đó thì tất cả giới của người chưa thọ cụ túc giới nên hiểu là **giới hạn lượng thanh tịnh** bởi vì

là giới có sự giới hạn do năng lực của việc đếm. Tuy nhiên giới của người thọ cụ túc giới có sự giới hạn bằng cách đếm như sau:

"Điều học thu thúc theo luật (saṃvaravinaya) có số lượng đến một trăm bảy mươi lăm triệu lẻ ba mươi sáu điều học và điều học khác nữa đã được Bậc Chánh Đẳng Giác chế định, là điều học mà Ngài thuyết tóm lược dẫn đầu trong Tạng Luật" nên hiểu là **giới vô hạn lượng thanh tịnh** bởi vì nhắm vào thực tánh thọ trì không thiếu sót và trạng thái không hiện bày sự giới hạn liên quan đến lợi lộc, danh tiếng, quyến thuộc, chi thể và sanh mạng, giống như giới của trưởng lão Mahātissa dùng trái xoài ngụ ở tịnh xá Cīvaragumaba.

Hậu Sớ Giải

Giới của tất cả bậc vô học, bậc hữu học và phàm nhân hiền thiện chưa thọ cụ túc giới được xếp vào là giới vô hạn lượng (apariyantasīla) bởi thuần túy là giới có nhiều mãnh lực. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bởi vì là giới có sự giới hạn do năng lực của việc đếm** (tức nếu không có sự giới hạn thì gọi là có sự giới hạn cũng được do liên quan đến cách đếm số lượng điều học mà thôi).

Tất cả điều học gọi là **thu thúc trong Luật (saṃvarasīla)** bởi vì tạo điều kiện ngăn ngừa và rèn luyện thân, ngữ.

Cụm từ **thuyết tóm lược dẫn đầu trong Tạng Luật**

tức thuyết bằng cách tính theo như đã đề cập qua đường lối chi tiết được Bậc Đạo Sư nêu lên thuyết trong nơi đó.

Từ **điều học (sikkhā)** nghĩa là điều học giới.

Cụm từ **nhắm vào thực tánh thọ trì không thiếu sót** nghĩa là giới thọ cụ túc (upasampanna) nên học tập điều nào, trong nhóm giới đó nhắm vào tánh chất của việc thọ trì liên quan đến bất cứ điều giới nào cũng không bỏ sót.

Thanh Tịnh Đạo

Thật vậy, bậc trưởng thượng không từ bỏ tâm niệm của bậc chân nhân rằng:

"Dhanaṃ caje aṇgavarassa hetu

Aṇgaṃ caje jīvitaṃ rakkhamāno

Aṇgaṃ dhanaṃ jīvitañcāpi sabbaṃ

Caje naro dhammanussaranto" ti.

"Người nên từ bỏ tài sản vì tứ chi cao quý hơn, nên từ bỏ tứ chi vì sanh mạng cao quý hơn, khi nhớ tưởng đến Pháp nên hy sinh tài sản, tứ chi lẫn sanh mạng".

Cho dù khi hoài nghi trong đời sống cũng không vi phạm điều học chính vì nương vào giới vô hạn lượng thanh tịnh (apariyantapārisuddhisīla), khi nước xoài còn đang trên lưng của cận sự nam đó thì đã tác chứng A-La-Hán.

Giống như ngài nói rằng: "(Trưởng lão tự giáo hóa

mình) Cận sự nam này không phải là cha, không phải là mẹ, không phải là quyến thuộc lẫn không phải là dòng tộc của ta, nhưng vẫn làm phận sự như vậy do ta là người có giới phải chăng? Mới làm cho phát sanh sự kinh cảm, quán xét qua phương cách khi vẫn còn trên lưng của cận sự nam đó thì đã tác chứng A-La-Hán".

Hậu Sớ Giải

Chúng ta khi bị kẻ thù như bọn cướp... làm tổn hại thì nên từ bỏ tài sản bởi vì chi thể cao quý hơn, trong lúc bị rắn cắn... muốn bảo tồn sanh mạng thì nên từ bỏ chi thể, khi niệm tưởng đến pháp thì nên từ bỏ tài sản, chi thể lẫn sanh mạng giống như các bậc chân nhân như bồ tát Suttasoma... Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **không từ bỏ tâm niệm của bậc chân nhân**.

Mối nguy hiểm do sự đói gọi là **hoài nghi trong đời sống** đang có.

Cụm từ **không vi phạm điều học** tức khi trái xoài vô chủ rơi rụng trên mặt đất đang hiện hữu nơi đó nhưng ngài không thọ dụng bởi vì không có người thọ nhận (gọi là không vi phạm điều học liên quan đến việc thọ nhận (paṭiggāhaṇasikkhāpada).

Từ **sīlavantassa** tức làm công việc như khiêng vác trên vai... bởi vì là người có giới hoặc do ngài là người có giới. ***Vấn:*** Do nhân gì? ***Đáp:*** Do giới.

Thanh Tịnh Đạo

Giới của phàm nhân hiền thiện (kalyāṇajana) là giới thanh tịnh hơn, giống như ngọc maṇī được khéo trau chuốt mài dũa và giống như vàng được luyện tinh tế tỉ mỉ, loại khỏi tâm mọi bợn nhơ cho dù chỉ là khởi lên suy nghĩ (sẽ phạm) kể từ khi thọ cụ túc giới, là nhân cận (padaṭṭhāna) để trở thành bậc A-La-Hán, cho nên mới gọi là **giới viên mãn thanh tịnh (paripuṇṇapārisuddhisīla)**, giống như giới của trưởng lão Mahāsaṇgharakkhita và trưởng lão Saṇgharakkhita là cháu.

Tương truyền rằng, Chư Tăng hỏi đến việc chứng đắc pháp siêu thế của trưởng lão **Mahāsaṇgharakkhita** hơn 60 hạ đang nằm trên giường và sắp mệnh chung. Trưởng lão đáp rằng: "Tôi không tác chứng pháp siêu thế đâu!". Khi đó vị tỳ-kheo trẻ là thị giả của trưởng lão nói rằng: "Bạch ngài, mọi người cùng nhau tụ hội lại vây quanh suốt 12 do tuần bởi vì nghĩ rằng ngài sẽ viên tịch Níp Bàn, sự thất vọng sẽ khởi hiện với đại chúng vì sự chết của ngài còn là phàm nhân". Trưởng lão nói rằng: "Này hiền giả, vì tôi nguyện rằng sẽ gặp Đức Thế Tôn Metteyya nên không phát triển Minh quán (vipassanā). Nếu như vậy, hiền giả hãy tạo cơ hội giúp cho tôi ngồi dậy đi!". tỳ-kheo trẻ đó giúp cho trưởng lão ngồi dậy rồi đi ra bên ngoài thì trưởng lão tác chứng A-La-Hán cùng lúc với việc đi ra của vị tỳ-kheo trẻ đó, mới ra hiệu bằng cách búng tay. Chư Tăng tụ họp lại với nhau thưa rằng: "Bạch ngài, ngài thực hành

làm cho pháp siêu thế khởi hiện được trong lúc sắp mệnh chung như vậy, quả là thực hành phận sự mà người khó thực hành". Trưởng lão nói rằng "Này các vị, điều này tôi thực hành không khó, tuy nhiên tôi sẽ kể lại điều mà tôi khó thực hành với các vị. Này các vị, kể từ lúc mà tôi đã xuất gia thì nghiệp nào tạo do không biết, do mất niệm tôi không thể nhớ đến được". Ngay cả trưởng lão Saṇgharakkhita là cháu của ngài khi 50 hạ cũng tác chứng A-La-Hán bằng trường hợp như vậy.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **giống như ngọc maṇī khéo được trau chuốt mài dũa** tức giống như ngọc maṇī được người thợ trau chuốt khéo léo cẩn thận cả 4 mặt.

Sự thất vọng sẽ khởi hiện với đại chúng rằng "Chúng ta đến nơi đây để được lợi ích gì?".

Cụm từ **do mất niệm** tức do quên lãng không có niệm.

Cụm từ **tôi tạo do không biết** tức hành động sai quấy do không biết, nghĩa là "không biết mà làm".

Thanh Tịnh Đạo

Nếu như người được nghe ít không giữ vững giới cho chín chắn thì mọi người sẽ chỉ trích người ấy cả 2 phương diện như về phương giới và phương diện được nghe.

Nếu như là người được nghe ít nhưng giữ vững giới

chín chắn thì mọi người sẽ tán thán người ấy về phương diện giới nhưng sự nghe của người ấy gọi là không được đầy đủ.

Nếu như người được nghe nhiều nhưng không giữ vững giới cho chín chắn thì mọi người sẽ chỉ trích họ về phương diện giới nhưng về phương diện được nghe của người đó thì gọi là đầy đủ.

Nếu như là người được nghe nhiều và giữ vững giới chín chắn tốt đẹp thì mọi người sẽ tán thán người ấy về 2 phương diện là về phương diện giới và phương diện được nghe nhiều.

Ai có thể chỉ trích bậc Thinh Văn của Đức Phật là bậc đa văn gìn giữ Pháp, có trí tuệ như vàng ròng, được chư thiên lẫn Phạm Thiên tán thán.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **nếu như người được nghe ít** nghĩa là nếu như người lìa khỏi việc lắng nghe Pháp Học như Khế Kinh (sutta), Ứng Tụng (geyya),...

Cụm từ **không giữ vững giới cho chín chắn** tức nếu là người không giữ vững giới cho chín chắn như giới bổn thu thúc giới (pātimokkhasaṃvarasīla)...

Cụm từ **sự nghe của họ gọi là không đầy đủ** nghĩa là sự nghe của người lìa khỏi giới không là nhân dẫn đến việc thành tựu lợi ích cho họ và cho người khác bởi vì những ai

muốn học hỏi sẽ không đi đến trú xứ của họ do hiểu rằng "là người ác giới".

Thanh Tịnh Đạo

Còn đối với giới của các bậc Thánh hữu học do không bị bợn nhơ bởi mãnh lực tà kiến hoặc giới của các phàm nhân không bị bợn nhơ bởi mãnh lực tham ái (rāga) nên gọi là **giới phi khinh thị thanh tịnh**, giống như giới của trưởng lão Tissa, là con trai của trưởng giả. Việc giải rộng về trưởng lão, ngài là người ưa thích an trú trong giới như vậy để được bảo tồn A-La-Hán nên nói với kẻ thù rằng:

"Ubho pādāni bhinditvā Saññamissāmi vo ahaṃ
Aṭṭiyāmi harāyāmi Sarāgamaranaṃ ahaṃ
Evahaṃ cintayitvāna Sammāsitvāna yoniso
Sampatte aruṇuggamhi Arahattamapāpuṇin"ti.

"Ta sẽ hủy hoại 2 chân như đã hứa với ngươi
Ta ghê tởm hổ thẹn sự chết còn tham ái
Ta suy nghĩ như vậy mới quán xét bằng phương pháp để tác chứng A-La-Hán khi bình minh vừa ló dạng".

Hậu Sớ Giải

Bằng từ **rāgavasena aparamaṭṭha** ngài giáo thọ sư đề cập đến ái khinh thị (taṅhāparāmāsa).

Cụm từ **giới như vậy** tức giới không bị bợn nhơ do tham ái.

Cụm từ **như đã hứa** tức cam kết với nhau nhằm mục đích rằng "Để giải thoát ta chỉ cần thời gian ngắn".

Thanh Tịnh Đạo

Một vị đại trưởng lão khác bị bệnh khá nặng, đến mức không thể tự tay thọ dụng vật thực được, nằm lăn lộn vùi trên phân và nước tiểu của mình, một vị tỳ-kheo trẻ nọ nhìn thấy vị trưởng lão đó mới nói rằng "Ôi! Đời sống hữu vi là khổ". Đại trưởng lão nói với vị tỳ-kheo đó rằng: "Này đạo hữu, nếu tôi chết đi ngay bây giờ thì sẽ được thiên sản, tôi không hoài nghi về vấn đề này, nhưng sở hữu được tài sản do hủy hoại giới thì giống như lùi trở lại thành cư sĩ bởi vì hoàn trả lại điều học" rồi nói tiếp rằng: "Tôi sẽ chết cùng với giới này". Vị trưởng lão nằm như vậy quán xét về bệnh thì tác chứng A-La-Hán rồi giáo giới cho Chư Tăng bằng kệ ngôn rằng: "Khi tôi cảm thọ đau đớn trầm trọng do bị một loại bệnh nào hoành hành thì thân xác này cũng khô héo đi nhanh chóng, giống như hoa sen bị vứt trên bãi rác giữa ban trưa. Thân xác con người (kalevara) là thứ không đáng ưa thích nhưng người ngu lại xem là đáng ưa thích, không đẹp đẽ nhưng lại thấy là đẹp đẽ, ẩn tàng là thây ma nhưng lại là sắc đáng ưa thích đối với người không thấy. Hãy khạc nhổ đi xác thân hôi thối, nặc mùi ghê tởm, không hề có sự sạch sẽ, có bệnh tật là thường nhiên, là nơi mà nhóm người dễ duôi quá lệ thuộc vào làm cho tiêu mất con đường dẫn đến nhàn cảnh (sugati)".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **tôi sẽ chết cùng với giới này** tức tôi không làm cho giới tiêu hoại mà sẽ chết đi cùng với giới đó, sau này tôi sẽ không còn phải lìa bỏ giới trong bất cứ khi nào nữa, bởi vì việc lìa xa khỏi giới nên hiểu rằng vẫn diễn tiến khi còn nắm giữ sanh hữu, tôi sẽ không nắm giữ sanh hữu lần nào nữa".

Cụm từ **quán xét về bệnh** nghĩa là 1- Ghi nhận cảm thọ sanh lên từ bệnh, 2- Tất cả danh pháp có cảm thọ là chánh yếu, 3- Tất cả sắc pháp, rồi xem xét rõ.

Từ **hoành hành** tức thân thể bị bệnh gây ra khuyết tật.

Từ **parisussati** dịch là khô héo đi nhanh chóng.

Vấn: *Khô héo đi nhanh chóng giống như thế nào?*

Đáp: Giống như hoa sen bị vứt trên bãi rác giữa ban trưa, nghĩa là hoa sen tàn úa... do bị đặt trên ở bãi rác dưới ánh nắng mặt trời.

Từ **ajaññaṃ** tức không đáng ưa thích, đáng ghê tởm.

Cụm từ **xem là đáng ưa thích** tức tất cả người ngu khen ngợi rằng: "Đáng ưa thích!".

Cụm từ **là sắc đáng ưa thích đối với người không thấy** nghĩa là sắc mà người không thấy tức không biết theo sự thật nên ca ngợi rằng "Đáng ưa thích".

Từ **dhiratthumaṃ** phân từ ra thành dhiratthu và imaṃ do gom vào với từ "dhi" trong các câu nên trở thành cách

chia thứ hai (dutiyavibhatti) nghĩa là "sự chê bai hãy có với thân này".

Từ **yattha** nghĩa là xác thân hôi thối, là nơi mà nhóm người dễ duôi bám giữ do nguyên nhân từ tham ái.

Từ **nhóm người** tức chúng sanh.

Cụm từ **làm cho tiêu mất con đường dẫn đến nhàn cảnh** được giải thích rằng làm cho giới là con đường dẫn đến nhàn cảnh cũng tiêu mất, vậy còn nói gì đến sẽ làm cho ân đức bậc cao như thiền định... sanh khởi.

Thanh Tịnh Đạo

Đối với giới của người đoạn tận các lậu hoặc như bậc A-La-Hán... nên hiểu là **giới an tịnh thanh tịnh (paṭipassaddhipārisuddhisīla)** bởi vì là giới thanh tịnh do chấm dứt tất cả sự nguy khốn. Theo trường hợp đã đề cập trên giới mới có 5 loại là giới hạn lượng thanh tịnh (pariyantapārisuddhisīla)...

Hậu Sớ Giải

Bậc Lậu Tận là các bậc Thinh Văn nên được gọi là bậc A-La-Hán, còn bậc đoạn tận lậu hoặc ngoài ra do việc thực hành đặc biệt nên được gọi là Đức Phật Độc Giác, Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bậc A-La-Hán...**

Cụm từ **do chấm dứt tất cả sự nguy khốn** tức chấm dứt sự nguy khốn từ tất cả phiền não.

Nhóm 5 Giới Thứ Hai

Thanh Tịnh Đạo

Trong nhóm 5 giới thứ 2 nên hiểu ý nghĩa liên quan đến giới có sự đoạn trừ tất cả ác hạnh như sát sanh... Điều này tương ứng như lời ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sārīputta đề cập trong kinh Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) rằng "Giới có 5 là đoạn trừ (pahāna) sát sanh cũng là giới, tránh xa (veramaṇī) cũng là giới, sự cố ý (cetanā) cũng là giới, sự thu thúc (saṃvarasīla) cũng là giới, không vi phạm (avītikkama) cũng là giới; việc từ bỏ, tránh xa, cố ý, sự thu thúc, không vi phạm trong điều trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói thô tục, nói lời vô ích, tham ác, sân ác, tà kiến cũng là giới.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **giới có sự đoạn trừ...** bằng "..." nên hiểu đến việc gom lại lấy 4 giới ngoài ra tức tránh xa (veramaṇī)…, trong một số hành sự thâm sâu (gambhīracāra) nêu lên rằng "Bằng mãnh lực đoạn trừ" (không có "...") đó là hành sự sai lệch.

Cụm từ **tất cả ác hạnh như sát sanh...** bằng "..." nên hiểu việc gom lại lấy tất cả ác hạnh như trộm cắp... có phiền não bị sát trừ sau cùng bằng A-La-Hán Đạo.

Cụm từ **đoạn trừ sát sanh cũng là giới** nghĩa là sát sanh bị đoạn trừ bằng tâm thiện nào có tâm sở chánh yếu là tàm, qúy, bi và vô tham... thì việc đoạn trừ sát sanh đó gọi là giới; do ý nghĩa giữ vững hoặc dẫn đến thu thúc (sīlana), sự kìm giữ trong việc sát sanh gọi là **tránh xa (veramaṇī)** và cũng được xem là giới giống như vậy.

Cố ý (cetanā) đối trị lại sát sanh cũng là giới.

Sự thu thúc trong việc sát sanh tức sự ngăn ngừa khởi hiện nơi môn gọi là **giới thu thúc (saṃvarasīla)**.

Việc không phạm vào sát sanh gọi là **không vi phạm (avītikkama)** cũng là giới.

Ngay cả trong các điều còn lại như **trộm cắp...** cũng có ý nghĩa như vậy.

Còn đối với những pháp như tham ác (abhijjhā)... nên hiểu rằng có sự đoạn trừ bởi năng lực pháp như vô tham ác (anabhijjhā)..., pháp còn lại ngoài ra đoạn trừ tức tránh xa (veramaṇī), cố ý (cetanā); sự không vi phạm tương ưng với tránh xa và cố ý, pháp có sự thu thúc và không vi phạm là chủ yếu.

Thanh Tịnh Đạo

Việc đoạn trừ dục dục (kāmachanda) bằng ly dục (nekkhamma), đoạn trừ sân hận bằng vô sân, đoạn trừ hôn thụy (thīnamiddha) bằng tưởng ánh sáng, đoạn trừ phóng dật bằng sự an tịnh (avikkhepa), đoạn trừ hoài nghi bằng việc xác định pháp, đoạn trừ vô minh bằng trí tuệ (ñāṇa), đoạn trừ bất mãn (arati) bằng hân hoan, đoạn trừ các triền cái bằng sơ thiền, đoạn trừ tầm tứ bằng nhị thiền, đoạn trừ hỷ bằng tam thiền, đoạn trừ lạc và khổ bằng tứ thiền, đoạn trừ sắc tưởng (rūpasaññā), chướng ngại tưởng (paṭighasaññā), dị biệt tưởng (nānattasaññā) bằng không vô biên xứ định (ākāsānañcāyatanasamāpatti), đoạn trừ tưởng không vô biên xứ bằng thức vô biên xứ định (viññānañcāyatanasamāpatti), đoạn trừ tưởng thức vô biên xứ bằng vô sở hữu xứ định (ākiñcaññayatanasamāpatti), đoạn trừ tưởng vô sở hữu xứ bằng phi tưởng phi phi tưởng xứ định (nevasaññānāsaññāyatanasamāpatti), đoạn trừ thường tưởng bằng vô thường tùy quán, đoạn trừ lạc tưởng bằng khổ tùy quán, đoạn trừ ngã tưởng bằng vô ngã tùy quán, đoạn trừ hỷ ái (nandi) bằng yếm ố tùy quán (nibbidānupassanā), đoạn trừ tham ái (rāga) bằng ly tham, đoạn trừ tập tánh (samudaya) bằng diệt tùy quán (nirodhānupassanā), đoạn trừ sự không mong cầu giải thoát bằng dục thoát tùy quán (muñcitukamyatānupassanā), đoạn trừ chấp thủ (ādāna) bằng xả ly tùy quán (paṭinissagganupassanā), đoạn trừ thuần khối tưởng

(ghanasaññā) bằng đoạn tùy quán (khayānupassanā), đoạn trừ tích lũy (āyūhana) bằng hoại tùy quán (vayānupassanā), đoạn trừ vĩnh hằng tưởng (dhuvasaññā) bằng biến hoại tùy quán (vipariṇāmanupassanā), đoạn trừ hiện tướng (nimitta) bằng vô tướng tùy quán (animittānupassanā), đoạn trừ ái thuộc lụy (paṇidhi) bằng phi thuộc lụy tùy quán (appaṇihitānupassanā), đoạn trừ quyền lực thủ (abhinivesa) bằng không tánh tùy quán, đoạn trừ sự chấp thủ cho rằng là cốt lõi (sārādānābhinivesa) bằng tăng thượng tuệ pháp minh quán (adhipaññādhammavipassanā), đoạn trừ hôn kiến chấp (sammohābhinivesa) bằng như thật tri kiến (yathābhūtañāṇadassana), đoạn trừ y xứ chấp (alayābhinivesa) bằng quá hoạn tuệ (ādīnavānupassanā), đoạn trừ phi trạch sát (appaṭisaṇkhā) bằng trạch sát tùy quán (paṭisaṇkhānupassanā), đoạn trừ thiên chấp kiết sử (saṃyogābhinivesa) bằng ly luân tùy quán (vivaṭṭānupassanā).

Đoạn trừ tất cả phiền não có nền tảng duy nhất là tà kiến bằng Nhập Lưu Đạo, đoạn trừ tất cả phiền não thô bằng Nhất Lai Đạo, đoạn trừ tất cả phiền não tế bằng Bất Lai Đạo, đoạn trừ tất cả phiền não bằng A-La-Hán Đạo cũng là giới, sự tránh xa (dục dục...), sự cố ý (dục dục...), sự thu thúc (đối với dục dục...), sự không vi phạm (đối với dục dục...) cũng là giới.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi trình bày đến tất cả giới như giới đoạn trừ (pahānasīla) liên quan đến 10 thiện nghiệp đạo, bấy giờ để trình bày các giới đó liên quan đến 8 định chứng (samāpatti) cùng với phương pháp, 18 Đại Minh Quán (mahāvipassanā) và các Thánh Đạo mới đề cập đến cụm từ **bằng ly dục...**

Trong tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **bằng ly dục (nekkhamma)** tức bằng tâm thiện có vô tham là chánh yếu, tất cả pháp như thiện... đối trị lại với dục (kāma) mà Ngài nhắm vào trong nơi đây chính là ly dục. Do đó, mới đề cập rằng **đoạn trừ dục dục (bằng ly dục) cũng là giới...**

Trong cụm từ "đoạn trừ dục dục cũng là giới"... nên hiểu đến tất cả giới như giới đoạn trừ... theo lý mà tôi đề cập trong phía sau, tôi sẽ đề cập đến sự khác biệt mà thôi.

Cụm từ **bằng vô sân** tức bằng tâm từ.

Cụm từ **bằng tưởng ánh sáng** tức bằng hiện tượng ánh sáng sanh khởi làm cho tâm trở nên sáng suốt rõ ràng.

Cụm từ **bằng sự an tịnh** tức bằng định.

Cụm từ **bằng việc xác định pháp** tức bằng sự phân tích các pháp như pháp thiện... theo tương ứng, các giáo thọ sư đề cập rằng "bằng việc xác định danh sắc cùng với duyên" cũng có.

Ngài giáo thọ sư khi trình bày đến tất cả giới như giới

đoạn trừ... bằng năng lực của sự thực hành phần đầu là phương pháp dẫn đến chứng đắc sơ thiền được thuyết (trong Tăng Chi Kinh_pháp 10 chi_24/221) rằng "đoạn trừ tham trong thế gian"..., đoạn trừ triền cái như dục dục... Bây giờ để trình bày liên quan đến tất cả pháp như 8 định chứng cùng với phương pháp..., mới đề cập rằng **"bằng trí"...**

Giải thích:

Bởi vì "trí" (ñāṇa) là pháp ghi nhận danh sắc và tạo điều kiện để thoát khỏi hoài nghi, làm cho xa lìa si mê trói buộc, tất cả tưởng như vô thường tưởng... mới thành tựu với người an trú trong tuệ đạt tri (ñātapariññā) được.

Lại nữa, hành giả đoạn trừ bất mãn (arati) bằng hân hoan, là nhân của sự vui thích (abhirati) trong tất cả thiền chứng (jhānasamāpatti), nghĩa là định chứng và minh quán loại trừ đi sự bất mãn và hủy diệt vô minh theo các phương pháp, bởi vì khi sự không hài lòng trong các định chứng (samāpatti) bị hành giả loại trừ thì các ân đức như thiền định... mới hiện khởi. Do đó, ngài giáo thọ sư đề cập rằng **đoạn trừ vô minh bằng trí, đoạn trừ bất mãn bằng hân hoan**. Tuy nhiên, nên hiểu rằng việc ngài trình bày giải thích sai thứ tự (lẽ ra trình bày "đoạn trừ bất mãn bằng hân hoan, đoạn trừ vô minh bằng trí") cũng để trình bày đến việc gom lại lấy vô minh có thực tánh là triền cái như tất cả triền cái đã đề cập trước.

Tiếp theo là ý nghĩa trong cụm từ **đoạn trừ tất cả triền cái bằng sơ thiền...**

Vấn: *Tất cả thiền có giới như thế nào hoặc sự ngăn ngừa (virati) khởi hiện trong nhóm thiền đó như thế nào? bởi vì tất cả nhóm thiền này luôn diễn tiến bằng mãnh lực kiên cố nơi tâm của vị tỳ-kheo có thân nghiệp... trong sạch thanh tịnh, giới ấy chẳng phải diễn tiến bằng mãnh lực thanh lọc thân nghiệp... trong sạch như giới khởi hiện nơi các tâm thiện dục giới, lẫn chẳng phải diễn tiến bằng mãnh lực đoạn trừ hay chấm dứt các ác hạnh và tà mạng, tất cả pháp Đạo và Quả cũng có lý như vậy.*

Đáp: Lời nói này thực tế trình bày theo trực tiếp tức thực hành giới (sīlana), nhưng đối với pháp đáo đại thì không được bởi vì sự ngăn ngừa sẽ khởi hiện trước đối tượng nào? Nên hiểu rằng cụm từ "đoạn trừ tất cả triền cái bằng sơ thiền" này ngài đề cập theo gián tiếp.

Vấn: *Theo gián tiếp là như thế nào?*

Đáp: Trong lúc nào các pháp thiện đáo đại đoạn trừ các pháp đối nghịch thì trong lúc đó các pháp đối nghịch này gọi là bị hành giả ngăn ngừa bằng pháp thiện đáo đại và cũng xem như bị hành giả ngăn chặn không cho xâm phạm đến lãnh vực của tâm.

Lại nữa, pháp đáo đại ngài gọi là không vi phạm (avitikkama) bởi vì không có sự vi phạm đến ý môn, cụ thể chính là phiền não thô (pariyuṭṭhāna). Còn ý nghĩa của cụm từ "tư (cetanā) và pháp tương ưng với tư đó" sẽ đề cập đến sau.

Cụm từ đoạn trừ tầm (vitaka)... cũng thích hợp với cách giải thích này, việc giải thích theo trực tiếp sẽ là *giới đoạn trừ các pháp thiện không thích hợp* (vì vậy cụm từ đoạn trừ tầm tứ bằng nhị thiền mới là câu nói theo gián tiếp bởi vì tầm trong sơ thiền là thiện) do đó trong nơi đây ngài ám chỉ lấy tất cả pháp như tầm... chẳng phải là bất thiện.

Việc đoạn trừ khổ khởi hiện trong giai đoạn cận định (upacāra) của sơ thiền và đoạn trừ lạc cũng khởi hiện trong giai đoạn cận định của tứ thiền, cho dù như vậy do nhắm vào việc đoạn trừ vượt hơn cả nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **đoạn trừ lạc và khổ bằng tứ thiền**.

Cụm từ mà tôi giải thích trong các câu rằng **bằng không vô biên xứ định...** cụm từ đó sẽ đề cập đến trong kệ ngôn nói về nghiệp xứ vô sắc (arūpakammaṭṭhāna).

Việc thường xuyên thấy pháp vô thường hoặc thường xuyên thấy rằng "vô thường" gọi là **vô thường tùy quán (aniccānupassanā)**. Cụm từ vô thường tùy quán này là tên gọi của minh quán (vipassanā) diễn tiến bắt lấy pháp vô thường của tất cả 3 pháp có trong 3 lãnh vực.

Cụm từ **đoạn trừ thường tưởng** tức đoạn trừ tà tưởng (micchāsaññā) diễn tiến như vầy: "Tất cả pháp hành là thường còn, bền vững" nên hiểu đến ngài dựa vào tà kiến và tâm bằng từ tưởng đó, ngay cả tất cả câu khác ngoài ra cũng có lý như vậy.

Cụm từ **đoạn trừ hỷ ái** tức đoạn trừ ái dục có hỷ (pīti).

Cụm từ **bằng yếm ố tùy quán** tức bằng tùy quán tiến hành bởi trạng thái nhàm chán trong tất cả hành.

Cụm từ **đoạn trừ tham ái** tức đoạn trừ ham muốn vui thích trong tất cả hành (saṇkhāra).

Cụm từ **bằng ly tham tùy quán** tức bằng tùy quán diễn tiến bởi trạng thái xa lìa tham muốn.

Cụm từ **bằng diệt tùy quán** tức bằng việc thường xuyên thấy sự diệt của tất cả hành.

Một lý khác nữa, sự thấy thường xuyên theo trường hợp tất cả hành sẽ diệt đi hoàn toàn, sẽ không sanh lên do năng lực sanh hữu mới tiếp theo được nữa, gọi là **diệt tùy quán (nirodhānupassanā)**. Do đó, ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sārīputta mới thuyết (Tiểu Bộ Kinh 31/83) rằng "luôn thường xuyên thấy rằng diệt đi không phải sanh lên bằng diệt tùy quán", trong diệt tùy quán này có sức mạnh của trí (ñāṇa) tức trở thành người mong muốn thoát khỏi hành.

Cụm từ **đoạn trừ chấp thủ** tức đoạn trừ chấp thủ liên quan đến pháp thường tồn...

Tùy quán diễn tiến bởi trạng thái buông bỏ các pháp hành gọi là **xả ly tùy quán**, xả ly tùy quán này tức sự dừng lại trong việc hướng đến.

Việc chấp thủ cho rằng chỉ có một bởi mãnh lực tiếp nối nhau, gom chung lại phận sự và cảnh gọi là thuần khối tưởng (ghanasaññā) tức đoạn trừ thuần khối tưởng.

Cụm từ **đoạn trừ tích lũy** tức đoạn trừ tạo tác.

Cụm từ **đoạn trừ vĩnh hằng tưởng** tức đoạn trừ sự chấp thủ là pháp kiên cố.

Việc đạt đến sự biết đặc biệt rằng tất cả hành không có nền tảng, không bất biến gọi là **biến hoại (vipariṇāma)**.

Cụm từ **đoạn trừ hiện tướng (nimitta)** tức đoạn trừ sự chấp sai về tất cả hành phát xuất từ mãnh lực gom lại theo tập hợp như khối... bằng việc nhận định theo phận sự của mình.

Cụm từ **đoạn trừ ái thuộc lụy (paṇidhi)** tức đoạn trừ mãnh lực phiền não như tham ái..., nghĩa là đoạn trừ khuynh hướng trong tất cả hành do mãnh lực của ái dục.

Cụm từ **đoạn trừ chấp thủ** tức đoạn trừ sự thấy sai rằng là bản ngã.

Cụm từ **đoạn trừ chấp thủ cho rằng là cốt lõi** tức đoạn trừ sự thấy sai lệch do chấp thủ là cốt lõi trong tất cả hành vốn không cốt lõi.

Việc quán xét pháp thường xuyên trong tất cả 3 lãnh vực liên quan đến pháp vô thường, khổ... gọi là **tăng thượng tuệ pháp minh quán**.

Việc chấp thủ rằng thế gian khởi hiện lên do quyền năng của vị tạo hóa (có đại quyền lực) tạo ra gọi là **chấp thủ do hôn kiến chấp (sammohābhinibhesa)**. Một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng chấp thủ do sự mê muội tức là việc chấp thủ cho rằng tiêu mất và bền vững.

Một số nhóm giáo thọ sư nữa đề cập rằng sự hoài nghi diễn tiến theo cách thức: "Trong thời quá khứ ta có hay không? ..." gọi là chấp thủ do sự mê muội.

Gọi là **như thật tri kiến (yathābhūtañāṇadassana)** tức tùy quán như vô thường tùy quán... có thực tánh vững chắc mà một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng là Sanh Diệt Tuệ (udayabbayañāṇa_sự biết rằng tất cả hành có sự sanh và diệt).

Một số nhóm giáo thọ sư khác nữa đề cập rằng "việc thấy được danh sắc cùng với duyên".

Việc chấp thủ rằng có nơi ẩn trú trong tất cả hành gọi là **chấp thủ do y xứ chấp (ālayābhinivesa)** ái dục gọi là quyến luyến từ lời thuyết (trong Trung Bộ Kinh. 13/461) rằng "Tham muốn do quyến luyến, sanh lên rồi quyến luyến". Một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng "Chính ái dục gọi là **y xứ chấp** bởi vì diễn tiến do mãnh lực chấp thủ trong tất cả môn như nhãn... và trong tất cả cảnh như sắc..."

Gọi là **không quán xét lại (appaṭisaṇkhā)** tức tất cả pháp bất thiện đối nghịch với việc thẩm xét lại (paṭisaṇkhā) có si là nhân cận làm cho khởi hiện.

Trí tiến hành rằng "Tất cả nhóm hành hiện diện như vậy thường đáng bị buông bỏ đi", gọi là **trạch sát tùy quán (paṭisaṇkhānupassanā)**.

Gọi là **thiên chấp kiết sử (saṃyogābhinivesa)** tức

chấp thủ trong tất cả hành với mãnh lực tạo điều kiện trói buộc.

Níp Bàn gọi là "ly luân" (vivaṭṭa) bởi vì không có luân hồi, việc thường xuyên thấy được tất cả hành theo bản chất vô thường, khổ, vô ngã nên có thực tánh hướng đến Níp Bàn gọi là ly luân tùy quán (vivaṭṭānupassanā) tức Hành Xả Tuệ (saṇkhārupekkhāñāṇa) và Thuận Thứ Tuệ (anulomañāṇa).

Cụm từ **có nền tảng duy nhất là tà kiến** nghĩa là có nền tảng duy nhất do đồng khởi hiện với tà kiến và do đoạn trừ nền tảng duy nhất ấy (tức tà kiến) thì nhóm phiền não này cũng bị đoạn trừ.

Cụm từ **tất cả phiền não thô** tức là ngài đề cập so sánh với tất cả phiền não mà Đạo cao sát trừ, nếu nói theo trường hợp khác thì tất cả phiền não do tri kiến (dassana) mà Nhập Lưu Đạo đoạn trừ được xếp vào là phiền não thô hơn so với phiền não Đạo thứ hai (Nhất Lai Đạo) đoạn trừ.

Cụm từ **aṇusahagatānaṃ** là loại tế, từ này ngài so sánh với phiền não bậc thấp cần phải đoạn trừ.

Cụm từ **đoạn trừ tất cả phiền não** tức đoạn trừ tất cả phiền não còn dư sót bởi vì tất cả phiền não mà 3 Đạo thấp như Sơ Đạo (Nhập Lưu Đạo)… đã đoạn trừ A-La-Hán Đạo không phải đoạn trừ lại nữa.

Thanh Tịnh Đạo

Tất cả giới này luôn tiến hành đồng thời để tâm không nhiệt não, tiến hành đồng thời để hân hoan, tiến hành đồng thời để phỉ lạc (pīti), tiến hành đồng thời để an tịnh (passaddhi), tiến hành đồng thời để vui thích (somanassa), tiến hành đồng thời để thuần thục (āsevana), tiến hành đồng thời để tu tiến (bhāvanā), tiến hành đồng thời để làm cho tăng trưởng, tiến hành đồng thời để pháp thành vật trang điểm, tiến hành đồng thời để làm vật phụ tùng (parikkhāra), tiến hành đồng thời để làm vật phụ thuộc (parivāra), tiến hành đồng thời để làm viên mãn, để nhất hướng nhàm chán, để ly tham, để đoạn diệt, để dẫn đến an tịnh, để thắng trí, để tỉnh thức (khỏi giấc ngủ phiền não) và để Níp Bàn.

Hậu Sớ Giải

Trong tất cả từ như **tiến hành đồng thời để cho tâm không nhiệt não…**, được giải thích rằng thu thúc để được được lợi ích không làm cho tâm nhiệt não, bởi vì Ngài thuyết (trong Tăng Chi Kinh_pháp 10 chi.24/1) rằng: "Thu thúc để được lợi ích làm cho tâm không nhiệt não" và "Này Ānanda, tất cả thiện giới có lợi ích là tâm không nhiệt não".

Tâm không nhiệt não luôn tiến hành đồng thời để hân hoan, như Ngài thuyết (trong Tương Ưng Kinh_Đại Phẩm (mahāvagga). 19/208) rằng: "Tâm không nhiệt não tiến hành đồng thời để được lợi ích hân hoan, khi tác ý đúng phương pháp thì hân hoan hiện khởi".

Hân hoan tiến hành đồng thời để phỉ lạc, phỉ lạc khởi hiện với người có tâm phấn khởi.

Phỉ lạc tiến hành đồng thời để an tịnh, bởi vì Ngài thuyết rằng "Phỉ lạc diễn tiến đồng thời để lợi ích được an tịnh, thân của người có tâm phỉ lạc thường an tịnh".

An tịnh tiến hành đồng thời để vui thích, bởi vì Ngài thuyết rằng "An tịnh tiến hành đồng thời để lợi ích được an lạc (sukha)".

Cụm từ **để thuần thục** tức để cho định được thuần thục.

Giải thích:

Khi thành tựu lạc (sukha) không có vật chất thì xem như định (samādhi) cũng thành tựu bởi vì Ngài thuyết rằng: "Tâm của người có an lạc thường định tỉnh". Do đó, mới có ý nghĩa "tiến hành để thuần thục (āsevana) tức sự thông thạo do có sức mạnh của định".

Cụm từ **để tu tiến** tức để phát triển định đó.

Cụm từ **để làm cho tăng trưởng** tức để thực hành được liên tục.

Cụm từ **để pháp thành vật trang điểm** tức tiến hành đồng thời để pháp thành vật trang điểm nghĩa là khởi hiện lên ân đức như tín quyền (saddhindrīya)…, xem như thành vật trang điểm của định.

Cụm từ **để làm vật phụ tùng** tức tiến hành đồng thời

để trở thành vật phụ tùng (parikkhāra) của định, nghĩa là góp phần hoàn thành yếu tố của định như tâm không nhiệt não… Từ "vật phụ tùng" trong nơi đây có nghĩa là vật cần thiết như trong câu "vật phụ tùng của đời sống xuất gia cần phải tìm kiếm"… thì tứ vật dụng nên hiểu rằng "gọi là vật cần thiết (sambhāra)", cũng từ "vật phụ tùng" Ngài thuyết theo ý nghĩa là vật trang điểm cũng được như lời thuyết (trong Tương Ưng Kinh_Đại Phẩm. 19/7) rằng "Cổ xe có vật phụ tùng màu trắng…", thuyết theo ý nghĩa là vật phụ thuộc (parivāra) cũng được như lời thuyết (trong Tăng Chi Kinh_pháp 7 chi. 23/207) rằng "Kinh thành là nơi mà 7 loại phụ tùng bao quanh"… nhưng trong nơi đây vật trang điểm và vật phụ thuộc, ngài gom lại thành một loại là vật cần thiết (nghĩa là từ parikkhāra dịch là vật trang điểm cũng được, dịch là vật phụ thuộc cũng được, nhưng cụm từ vật trang điểm và vật phụ thuộc ngài phân ra thành từng loại riêng biệt nữa rằng "tiến hành đồng thời để pháp thành vật trang điểm, tiến hành đồng thời để làm vật phụ thuộc (parivāra)", cụm từ tiến hành đồng thời để thành vật phụ tùng (parikkhāra) mới ám chỉ đến "tiến hành đồng thời để thành vật cần thiết (sambhāra)".

Cụm từ **để làm vật phụ thuộc** tức tiến hành đồng thời để được đầy đủ vật phụ thuộc bằng pháp đặc biệt như niệm và cần… là pháp phụ thuộc của định, do tánh chất của giới là nhân tố làm cho thành tựu.

Cụm từ **để làm cho viên mãn** tức tiến hành đồng thời

để định được viên mãn, là nhân thành tựu viên mãn bởi vì làm cho định đạt đến thuần thục và làm cho trở thành nhân cận của minh quán.

Ngài giáo thọ sư trình bày đến định có giới thanh tịnh là căn cội, được viên mãn bởi các trường hợp. Bấy giờ trình bày đến tất cả lợi ích có giới làm nguồn gốc có định là nhân làm cho hiện khởi, theo lời thuyết giáo (trong Tăng Chi Kinh. Pháp 10 chi. 24/3) rằng "Người có tâm kiên cố thường biết, thấy và khi biết, thấy theo sự thật thì nhàm chán, khi nhàm chán thì ly tham, khi ly tham thì giải thoát" mới đề cập rằng **"Để nhất hướng nhàm chán"**…

Khi ngài đã trình bày đến sự nhàm chán rồi thì sự thấy, sự biết theo sự thật (yathābhūtañāṇadassana) là nhân cận của sự nhàm chán cũng được xem như đã trình bày bởi vì sự nhàm chán sẽ không thành tựu khi không có sự thấy, sự biết theo sự thật; vì vậy xem như ngài giáo thọ sư phân tích các pháp như sự nhàm chán (nibbidā)… theo thực tánh như thế đó.

Lại nữa, cụm từ **thấy, biết theo sự thật (yathābhūtañāṇadassana)** trong nơi đây ám chỉ sự thấy danh sắc cùng với duyên, nên hiểu rằng lợi ích của giới có bất tử Đại Níp Bàn (mahānibbāna) là tận cùng, như vậy ngài giáo thọ sư đã trình bày về điểm cốt lõi (adhikāra) bằng trường hợp này.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, trong 5 loại giới như giới đoạn trừ (pahānasīla)… không phải bất cứ pháp nào cũng gọi là đoạn trừ được, chỉ khác với trường hợp việc không sanh lên của tất cả ác hạnh như sát sanh…, như trường hợp đã đề cập. Nhưng bởi vì việc đoạn trừ đó dẫn đến duy trì do ý nghĩa là nền tảng của thiện pháp đó và để giữ vững được đúng đắn bằng việc thực hành không tán loạn. Do đó, mới gọi là giới do ý nghĩa thu thúc (sīlana) tức dẫn đến duy trì và giữ vững được đúng đắn mà tôi đã đề cập trong phần đầu. 4 pháp ngoài ra ngài đề cập nhắm vào thực tánh đang diễn tiến của tâm.

1. Liên quan đến việc tránh xa khỏi tội lỗi.

2. Liên quan đến việc ngăn ngừa tội lỗi.

3. Liên quan đến cố ý (cetanā) tương ưng với việc tránh xa và ngăn ngừa.

4. Liên quan đến việc không vi phạm của người không vi phạm tội lỗi.

Đối với ý nghĩa giới của 4 nhóm pháp đó tôi đã nêu lên giống như trong phần đầu. Theo trường hợp này giới mới được xếp thành 5 loại tức giới đoạn trừ…

Với bấy nhiêu đây xem như kết thúc vấn đáp về như thế nào là giới? gọi là giới do ý nghĩa gì? Thế nào là trạng thái (lakkhaṇa), phận sự (rasa), thành tựu (paccupaṭṭhāna) và nhân cận (padaṭṭhāna) của giới, giới có quả báo như thế nào? Giới có bao nhiêu loại?

Hậu Sớ Giải

Bấy giờ để trình bày đến việc "thực hành" (sīlana) trong 5 loại pháp như đoạn trừ (pahāna)… ngài giáo thọ sư mới nhắc đến cụm từ **"Lại nữa, trong 5 loại giới như giới đoạn trừ…"**.

Trong 5 loại pháp đó việc đoạn trừ tức diệt đi bởi vì không sanh lên được, gọi là "pahāna". Do đó, ngài đề cập rằng: "Không phải bất cứ pháp nào cũng gọi là đoạn trừ được" bởi vì nhắm vào thực tánh "đoạn trừ" là thực tánh phổ biến (sādhana) (tức phải dịch là việc đoạn trừ không phải bất cứ pháp nào cũng đoạn trừ được) cũng thực tánh đoạn trừ đó hình thành pháp sẽ có được tánh chất như thế nào theo việc đoạn trừ đó, tôi đã giải thích tánh chất đó trong phần trước rồi. Thực tánh đoạn trừ đó thuộc về giới sẽ thích hợp theo trường hợp đề cập này.

Cụm từ **việc đoạn trừ đó** tức đoạn trừ như đề cập rằng: "Đoạn trừ sát sanh, đoạn trừ trộm cắp…".

Cụm từ **do ý nghĩa là nền tảng** tức trở thành nền tảng bởi vì việc đoạn trừ sẽ có được khi thiện pháp có, khi thiện pháp không có thì việc đoạn trừ cũng không có được, nên trở thành thích hợp "là nền tảng", ngài giáo thọ sư mới đề cập đến pháp đoạn trừ như sát sanh… rằng là sự định tĩnh do không làm cho giao động (trong Thanh Tịnh Đạo thì "do không làm cho tán loạn") bởi vì tất cả pháp như sát sanh… có trong cơ tánh nào thì là nhân làm cho giao động trong cơ tánh đó.

Cụm từ **của thiện pháp đó** tức của thiện pháp như vầy, việc đoạn trừ sát sanh của pháp thiện là tâm từ (mettā)… việc đoạn trừ trộm cắp của pháp thiện là xả thí (cāga)…"…

Gọi là **định tỉnh** tức sự duy trì chơn chánh hoặc thu thúc ngăn ngừa.

Cụm từ **4 loại pháp ngoài ra** tức 4 pháp như tránh xa (veramaṇī)… Bốn pháp ngoài ra không chỉ là ngôn từ (vohāra) giống như đoạn trừ.

Cụm từ **khỏi tội lỗi** tức khỏi tội lỗi như sát sanh…

Cụm từ **việc ngăn ngừa tội lỗi** tức bằng mãnh lực ngăn ngừa tội lỗi như sát sanh… hoặc bằng mãnh lực thu thúc.

Cụm từ **cố ý tương ưng với việc tránh xa và ngăn ngừa** tức bằng mãnh lực của cố ý (cetanā) tương ưng với việc tránh xa và các pháp ngăn ngừa.

Cụm từ **của người không vi phạm tội lỗi** ngài đề cập nhắm vào thực tánh pháp đang diễn tiến của tâm do năng lực của người hoặc hội đủ pháp không vi phạm các tội lỗi như sát sanh… Do đó, mới giải thích được rằng **4 nhóm pháp đó** thậm chí trong cùng một sát na.

Sự Vẩn Đục Và Trong Sáng Của Giới

Thanh Tịnh Đạo

Đối với câu hỏi về pháp mà tôi đã đề cập rằng: **"Thế nào là sự vẩn đục của giới, thế nào là sự trong sáng của giới"** tôi sẽ đề cập về câu hỏi đó: Thực tánh đứt giới… được xếp vào là nguyên nhân vẩn đục của giới, thực tánh không đứt giới… được xếp vào là nguyên nhân trong sáng của giới. Thực tánh đứt giới… được gom vào là sự tiêu hoại do nguyên nhân như lợi lộc và danh tiếng… và 7 loại liên hệ đến dâm dục (methunasaṃyoga).

Trong tất cả 7 nhóm tội thì điều học của vị tỳ-kheo nào đã hoại trong đoạn đầu hay trong đoạn cuối, giới của vị tỳ-kheo này gọi là **đứt**, giống như vải saṭaka rách biên. Còn điều học của vị tỳ-kheo nào hoại trong khoảng giữa, giới của vị tỳ-kheo đó gọi là **thủng**, giống như vải sāṭaka thủng ngay giữa, điều học của vị tỳ-kheo nào hoại 2-3 điều theo tuần tự, giới của vị tỳ-kheo đó gọi là **lốm đốm**, giống như con bò cái có những vết đốm trên thân màu đen hoặc đỏ xen kẻ nhau nổi lên ở lưng hoặc bụng. Điều học của vị tỳ-kheo

nào hoại trong cách khoảng, giới của vị tỳ-kheo đó gọi là **lấm chấm**, giống như con bò mẹ có những đốm màu lấm chấm khác nhau trong cách khoảng, thực tánh đứt giới... bởi vì hoại đi do lợi lộc... là nhân theo trường hợp này.

Hậu Sớ Giải

Gọi là phiền não (saṃkilesa) vì là nhân vẩn đục.

Vấn: *"Nhân vẩn đục như thế nào?"*

Đáp: Ngài giáo thọ sư nói rằng "thực tánh đứt giới... được xếp vào là nhân vẩn đục". Gọi là **cao thượng (vodāna)** vì là nhân trong sáng tức thực tánh không đứt giới.

Cụm từ **lợi lộc và danh tiếng...,** bằng "..." là gom vào cả quyến thuộc, tứ chi và sanh mạng.

Cụm từ **trong tất cả 7 nhóm tội thì điều học của vị tỳ-kheo nào đã hoại trong đoạn đầu hay trong đoạn cuối** này, ngài đề cập gom vào theo pāḷi như việc trình bày nhóm tội đó theo tuần tự của tất cả nhóm tội.

Cụm từ **giống như vải sāṭaka rách biên** nghĩa là vải rách nơi bìa vải hoặc nơi mép vải.

Từ **đứt** tức giới đứt hoặc đã đứt, ngay cả trong từ thủng này cũng có lý giống như vậy.

Cụm từ **theo trường hợp này** tức theo tánh chất đang đề cập hiện giờ.

Thanh Tịnh Đạo

Thực tánh đứt giới do mãnh lực của 7 loại liên hệ đến dâm dục này, Đức Thế Tôn thuyết (trong bài kinh liên hệ đến dâm dục (methunasaṃyogasutta) rằng: "Này bà-la-môn, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian này tuyên bố mình sống chơn chánh là phạm hạnh không chung sống hòa hợp 2 người với nữ giới, nhưng vẫn chấp nhận nữ giới kỳ cọ, xoa bóp, tắm, đấm bóp, họ vui thích hành động đó, ham muốn hành động đó, và luôn thỏa thích hành động đó. Này bà-la-môn, chính điều này sẽ trở thành đứt cũng được, thủng cũng được, lốm đốm cũng được, lấm chấm cũng được của phạm hạnh. Này bà-la-môn, người này gọi là thực hành phạm hạnh không thanh tịnh và vẫn còn hành động liên hệ đến dâm dục, thường không thoát khỏi sanh, không thoát khỏi già, chết... Ta nói rằng họ không thoát khỏi khổ "được".

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **do mãnh lực liên hệ đến dâm dục** tức gọi là "dâm dục" (methuna) bởi vì là lối sống thành cặp đôi theo đời sống nhân sinh do sự vây hãm của tham ái (rāga) như việc giao hợp, việc hành động do mãnh lực dâm dục gọi là "liên hê đến dâm dục" (methunasaṃyoga), nhưng trong bài kinh liên hệ đến dâm dục này thì hành động giống như dâm dục gọi là **liên hệ đến dâm dục** tức do mãnh lực của việc liên hệ đến dâm dục.

Cụm từ **sa-môn hay bà-la-môn** nghĩa là người gọi là sa-môn do gọi là người tu, gọi là bà-la-môn sanh ra từ dòng giống.

Cụm từ **chung sống hòa hợp 2 người** nghĩa là dâm dục hòa hợp chung sống gắn liền giữa 2 người...

Cụm từ **họ vui thích hành động đó** tức vui thích hành động như kỳ cọ…

Trong câu **chính điều này** ngài đề cập gom vào hành vi chấp nhận... (chấp nhận, vui thích, ham muốn cho đến thỏa thích) theo như đã đề cập rằng "điều này" xem như là một thứ do mãnh lực của việc đứt...

Điều này được giải thích rằng "Mặc dù khi người tuyên bố mình rằng là phạm hạnh không có hòa hợp chung sống 2 người mà việc chấp nhận... nữ giới kỳ cọ, tắm, đấm bóp này như thế nào thì xếp vào đứt cũng được, thủng cũng được, lốm đốm cũng được, lấm chấm cũng được, bởi vì việc thực hành phạm hạnh đó chắc chắn dẫn đến đứt...".

Đức Thế Tôn trước khi thuyết rằng "Do sự đứt... sa-môn hoặc bà-la-môn mới gọi là thực hành phạm hạnh không thanh tịnh, vẫn còn hành động do liên hệ đến dâm dục, không phải không hành động và vì vậy họ có muốn giải thoát khỏi sanh... cũng không được", mới thuyết rằng "người này gọi là...".

Thanh Tịnh Đạo

Này bà-la-môn vẫn còn điều khác nữa, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian này tuyên bố mình sống chơn chánh rằng là phạm hạnh không chung sống hòa hợp với 2 người với nữ giới. Lẫn không chấp nhận nữ giới kỳ cọ …, nhưng cười, cùng chơi chung, đùa giỡn với nữ giới, họ vui thích hành động đó… Ta nói rằng họ không giải thoát khỏi khổ được.

Hậu Sớ Giải

Từ **cười** tức cười ra tiếng do mãnh lực phiền não.

Cụm từ **cùng chơi chung** tức chơi với nhau do mãnh lực sống gần gũi thể xác với nhau.

Từ **đùa giỡn** tức sống đùa giỡn như hàng nữ giới.

Thanh Tịnh Đạo

Này bà-la-môn vẫn còn điều khác nữa, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian… không chung sống hòa hợp 2 người với nữ giới. Lẫn không chấp nhận nữ giới kỳ cọ cho… Lẫn không cười, cùng chơi chung, đùa giỡn với nữ giới, nhưng đưa mắt nhìn chăm chăm vào mắt của nữ giới, họ vui thích hành động đó… Ta nói rằng họ không giải thoát khỏi khổ được.

Hậu Sớ Giải

Từ **đưa mắt** tức dùng mắt của mình.

Từ **vào mắt** tức chạm mắt nữ giới.

Từ **nhìn chăm chăm** tức đưa đến tập trung vào sự thấy.

Thanh Tịnh Đạo

Này bà-la-môn vẫn còn có điều khác nữa, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian này… không chung sống hòa hợp 2 người với nữ giới. Lẫn không chấp nhận nữ giới kỳ cọ… Lẫn không cười… với nữ giới. Lẫn không đưa mắt nhìn chăm chăm với nữ giới, nhưng khi nghe tiếng của nữ giới cười hay nói hay hát hay khóc bên ngoài vách tường hoặc ngoài hàng rào, họ vui thích tiếng đó… Ta nói rằng họ không giải thoát khỏi khổ được.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bên ngoài vách tường** tức vách phía ngoài, bên ngoài hàng rào cũng giống như vậy (tức phía ngoài hàng rào).

Một số ngài giáo thọ sư nói rằng: Vách xây bằng đất gọi là "hàng rào", xây bằng gạch gọi là "vách tường".

Một lý khác nữa, vách nào có kích thước cao hơn người đàn ông nữa hắc tay gọi là "hàng rào", cao hơn hàng rào gọi là "vách tường".

Thanh Tịnh Đạo

Này bà-la-môn vẫn còn có điều khác nữa, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian này… không chung sống hòa hợp 2 người với nữ giới. Lẫn không chấp nhận nữ giới kỳ cọ cho… Lẫn không cười… với nữ giới. Lẫn không đưa mắt nhìn chăm chăm với nữ giới. Lẫn không nghe tiếng của nữ giới… khóc…, nhưng từng quen cười, từng quen trò chuyện, từng quen chơi với nữ giới trong thời gian trước các việc đó như thế nào thì thường xuyên nhớ đến các hành vi đó, họ luôn vui thích khi thường xuyên nhớ đến… Ta nói rằng họ không giải thoát khỏi khổ được.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **trong thời gian trước** tức trong lúc trước từ khi thọ trì phận sự.

Thanh Tịnh Đạo

Này bà-la-môn vẫn còn có điều này khác nữa, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian này… không chung sống hòa hợp 2 người với nữ giới… lẫn từng quen cười, từng quen trò chuyện, từng quen chơi với nữ giới trong thời gian trước các việc đó như thế nào, cũng không thường xuyên nhớ đến các hành vi đó, nhưng khi thấy trưởng giả hay con trai của trưởng giả sung mãn, tươm tất, được hầu hạ cung phụng bằng ngũ dục, họ vui thích việc được hầu hạ cung phụng của trưởng giả… Ta nói rằng họ không giải thoát khỏi khổ được.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bằng ngũ dục** tức bằng thành phần của các dục.

Từ **samappitaṃ** tức sung mãn tốt đẹp nghĩa là trọn vẹn.

Cụm từ **tươm tất** tức hình thành gọn gàng đầy đủ.

Từ **paricariyamānaṃ** tức nơi đang vui chơi hoặc nơi được hầu hạ cung phụng.

Thanh Tịnh Đạo

Này bà-la-môn vẫn còn có điều khác nữa, sa-môn hay bà-la-môn một số người trên thế gian này… không chung sống hòa hợp 2 người với nữ giới… Lẫn không thấy trưởng giả hay con trai của trưởng giả… được hầu hạ cung phụng bằng ngũ dục, nhưng thực hành phạm hạnh thường ước nguyện trở thành một vị chư thiên như: "Do giới này, do việc thực hành này, do việc nhiệt tâm này hay do phạm hạnh này, ta sẽ trở thành thiên chủ hoặc một vị chư thiên". Họ thường vui thích việc trở thành chư thiên đó, ước nguyện trở thành chư thiên đó, luôn thỏa thích trở thành chư thiên đó.

Này bà-la-môn, ngay cả điều này xếp vào là đứt cũng được, thủng cũng được, lốm đốm cũng được, lấm chấm của phạm hạnh cũng được.

Thực tánh đứt giới.. nên hiểu rằng được gom vào sự hư hoại do lợi lộc… là nguyên nhân và 7 loại liên hệ đến dâm dục theo trường hợp đã đề cập trên.

Hậu Sớ Giải

Từ **paṇidhāya** tức ước nguyện.

Giải thích về từ **do giới…** tức gọi là **giới (sīla)** do liên quan đến việc thường xuyên thọ trì hoặc thỉnh thoảng (tùy theo thời gian)…, gọi là **phận sự (vatta)** do liên quan đến không vi phạm.

Lại nữa, cả 2 loại trên cũng gọi là giới, việc tiến hành diễn tiến liên quan đến việc thực hành khó làm được gọi là phận sự.

Một lý khác nữa, pháp tánh có trạng thái ngược lại với việc thực hành trong phận sự không nên thực hành, gọi là **giới**; việc thực hành bằng cách làm phận sự trong việc thọ dụng y… khác với người có phận sự thọ trì gọi là **phận sự**, việc thực hành khó làm được bằng tất cả cách thức gọi là **nhiệt tâm tinh cần (tapa)**, việc tránh xa dâm dục gọi là **phạm hạnh**.

Thanh Tịnh Đạo

Còn thực tánh không đứt giới… được gom vào

1. Do sự không hư hoại của các điều học theo tất cả điều luật.

2. Do thực hiện chỉnh đốn lại điều học đã hoại từ hành vi chỉnh đốn (sám hối).

3. Do việc không liên hệ đến 7 loại dâm dục.

4. Do việc tốt khác để không cho tất cả ác pháp khởi hiện như "nóng giận (kodha), thù oán (upanāha), vong ơn (makkha), tự cao (palāsa), ganh tỵ (issā), bỏn xẻn (macchariya), xảo trá (māyā), khoe khoang (sātheyya), bướng bỉnh (thambha), ganh tài (sārambha), ngã mạn (māna), phách lối (atimāna), đam mê (mada), dễ duôi (pamāda)…

5. Do việc khởi hiện đức tánh như thiểu dục, tri túc, thực hành để bào mòn phiền não…

Tất cả nhóm giới nào mà không hư hoại đều được lợi ích ngay đến lợi lộc…, cho dù hoại đi do tội lỗi dễ duôi (mất niệm quên lãng) nhưng tỳ-kheo đã chỉnh đốn thì tất cả ác pháp như liên hệ đến dâm dục hoặc nóng giận, oán thù… không dẫn đến hủy hoại được, tất cả nhóm giới đó gọi là **không đứt, không lủng, không lốm đốm, không lấm chấm** bằng tất cả điều luật.

Lại nữa, chính nhóm giới đó gọi là **bhujissa** bởi vì là hành vi không lệ thuộc, gọi là **viññupasattha** bởi vì là giới mà mọi người biết được tán thán, gọi là **aparāmaṭṭha** bởi vì không bị bợn nhơ của ái dục và tà kiến, và gọi là **samādhisaṃvattanika** bởi vì làm cho cận định hay kiên cố định được tiến hành hoàn hảo. Do đó, nên hiểu rằng: "Thực tánh không đứt giới… này gọi là nhân trong sáng" của các giới đó.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **do sự không hư hoại** tức do không vi phạm.

Cụm từ (của các điều học) **theo tất cả điều luật** không dư sót hoặc toàn bộ.

Cụm từ "gom vào để không cho ác pháp sanh khởi, ngược lại để làm cho các đức tánh khởi hiện". Trong tất cả ác pháp thì nóng giận (kodha) có trạng thái tăng trưởng sự bực tức, oán thù (upanāha) có trạng thái dẫn đến cột oan trái, vong ơn (makkha) có trạng thái thóa mạ ân đức của người khác, tự cao (pālasa) có trạng thái kiêu ngạo theo cách ngang bằng, ganh tỵ (issā) có trạng thái ganh ghét đối với tài sản của người khác, bỏn xẻn (macchariya) có trạng thái giấu diếm tài sản của mình, xảo trá (māyā) có trạng thái che đậy tội lỗi đang có, khoe khoang (sātheyya) có trạng thái ca ngợi đức tánh không có, bướng bỉnh (thambha) có trạng thái tâm thô cứng, ganh tài (sarambha) có trạng thái làm tăng thêm lên hành động, ngã mạn (māna) có trạng thái tăng phồng lên, phách lối (atimāna) hay ngạo mạn có trạng thái phồng lên lớn hơn, đam mê (mada) có trạng thái say đắm, dễ duôi (pamāda) có trạng thái tâm buông trôi. Bằng từ dẫn chứng này gom vào lấy tất cả ác pháp như tham, si và hành động theo tà tâm…

Bây giờ, sẽ đề cập đến ý nghĩa **còn thực tánh không đứt giới…** để làm cho rõ ràng hơn ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "yāni hi"…

Trong tất cả nhóm từ này thì câu **… không dẫn đến hư hoại** tức không dẫn đến làm cho tổn hại.

Gọi là **hành vi không lệ thuộc** bởi vì thoát khỏi nô lệ của ái dục bằng cận y duyên tạo điều kiện cho ly luân hồi (vivaṭṭa).

Ngài giáo thọ sư đề cập rằng **bởi vì là giới mà mọi người biết được tán thán**, vì đối với người không biết thì không ước lượng.

Giới gọi là **samādhisaṃvattanika** bởi vì tiến hành đồng thời để được lợi ích thiền định (samādhi) hoặc bởi vì hình thành trong việc tiến hành đồng thời để đạt được định.

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, sự trong sáng được viên mãn do 2 trường hợp:

1. Bởi thấy được tai hại do giới suy vong (sīlavipatti).

2. Bởi thấy được quả báo do giới thành tựu (sīlasampatti).

Trong 2 trường hợp đó nên hiểu đến tai hại của giới suy vong theo lý của Kinh rằng: "Này các tỳ-kheo, sự tai hại của giới suy vong của người ác giới có 4 loại"...

Lại nữa, người ác giới do nhân của việc ác giới nên trở thành người không đáng hài lòng của tất cả chư thiên và nhân loại, là người mà các bạn đồng phạm hạnh không cần phải nhắc nhở, bị khổ tâm do sự chê trách là người ác giới, có tâm nhiệt não do sự tán thán đến các người có giới

đức. Chính do ác giới đó họ được xếp vào là người có làn da thô nhám giống như vải thô sần sùi (vải thô còn sần sùi khi chưa được tẩy thì thô hơn đã tẩy). Họ gọi là có cảm xúc đau khổ, bởi vì dẫn đến khổ trong khổ cảnh đối với nhóm người xuôi theo quan kiến của họ (nắm giữ noi gương theo họ) suốt thời gian lâu dài. Họ thọ nhận vật thí của nhóm người nào thì không khiến cho quả báo phát sanh nhiều đối với nhóm người đó, nên được xếp vào là người có ít giá trị. Gọi là người mà bất cứ ai cũng khó khuyên răng được giống như hố phân được chất chứa nhiều năm. Là người xa lìa khỏi hai lợi ích giống như khúc củi thiêu xác chết. Cho dù khẳng định là tỳ-kheo cũng chẳng phải là tỳ-kheo giống như con lừa đi theo đàn bò cũng chẳng phải là con bò. Là người thường lo sợ giống như người có sự thù hằn đối với mọi người. Là người không đáng chung sống vì giống như xác chết. Dù rằng hội đủ đức tánh như đa văn... cũng xếp vào là người không xứng đáng cúng dường đối với các bạn đồng phạm hạnh giống như lửa trong nghĩa địa là vật không đáng cúng dường đối với nhóm bà-la-môn. Là người vô phước trong việc chứng đắc ân đức đặc thù giống như người mù lòa bất hạnh trong việc nhìn thấy sắc gọi là hết hy vọng trong Diệu Pháp (saddhamma) giống như đứa con người Chiên Đà La (caṇḍalā) hết hy vọng được vương sản. Cho dù họ nghĩ rằng ta được an lạc cũng là đang đau khổ, bởi vì là người dự vào phần đau khổ mà Đức Thế Tôn thuyết trong bài kinh nói về pháp môn ví dụ đống lửa (aggikhandhapariyāyasutta).

Hậu Sớ Giải

Giới cụ túc (sīlasampadā) sẽ có được do không có pháp đối nghịch, giống như việc tăng trưởng của mạ sẽ có được do dùng máy cắt cỏ, vì vậy giới cụ túc sẽ làm thành tựu được khi thấy được giới suy vong. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bởi thấy được tai hại do giới suy vong**.

Thực hành chơn chánh (sammāpaṭipatti) sẽ có được do nhìn thấy được lợi ích, bởi vì người quen suy xét trước rồi mới hành động là người dứt khoát đối với điều lợi ích. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **và bởi thấy được quả báo do giới thành tựu**.

Trong 2 trường hợp đó nên hiểu đến tai hại của giới suy vong theo pháp là đối nghịch lại quả báo của giới thành tựu mà ngài giáo thọ sư trình bày trong phần sau.

Ngài giáo thọ sư để trình bày theo trường hợp khác nữa không giải rộng bởi vì nghĩ rằng "điều đó sẽ dễ dàng biết với nhau" mới nhắc đến từ **"apica (lại nữa)"...**

Trong tất cả trường hợp đó thì giới cụ túc là điều kiện làm cho người trở thành đáng hài lòng đối với tất cả chúng sanh như thế nào, thì giới suy vong là điều kiện làm cho người trở thành không đáng hài lòng đối với tất cả chúng sanh giống như vậy. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "Người ác giới (dusīla)... của tất cả chư thiên và nhân loại.

Gọi là **người mà các bạn đồng phạm hạnh không cần phải nhắc nhở** bởi vì là người mà các bạn đồng phạm hạnh ghê sợ.

Từ **là đau khổ** tức có sự đau khổ đồng hiện khởi.

Cụm từ **có tâm nhiệt não** tức là người có sự nhiệt não thường trong tương lai, theo cách thức... như "ta không tạo được nghiệp tốt phải chăng?".

Cụm từ **có làn da thô nhám** tức là người ngoài ra làn da là ân đức pháp và làn da tức màu da của thân thể.

Cụm từ **có cảm xúc đau khổ** nghĩa là người ác giới có cảm xúc đau khổ tức cảm xúc dẫn đến đau khổ đối với tất cả người đụng vào họ.

Gọi là **có ít giá trị** tức có ít giá trị do không có đức lành tốt đẹp.

Cụm từ **giống như hố phân được chất chứa nhiều năm** nghĩa là bất cứ người nào cũng khó nhắc nhở tức không thể chỉ bảo được, giống như hố sâu chất chứa do tích lũy phân nhiều năm.

Gọi là **khúc củi thiêu xác chết** tức khúc củi cháy do thiêu xác chết.

Cụm từ **xa lìa khỏi hai lợi ích** tức là người hoàn toàn thối hóa lìa khỏi sa-môn (sa-môn pháp gọi là lìa khỏi sa-môn).

Người đàn ông gọi là sabbaverī bởi vì là người thù hằn đối với mọi người hoặc mọi người có sự thù hằn đối với người này, vì vậy sabbaverī trở thành **sabbaveriko**.

Gọi là **là người không (xứng) đáng chung sống** bởi vì bất cứ ai cũng không nên thân cận.

Cụm từ **trong Diệu Pháp** tức trong việc thực hành Chánh Pháp (paṭipattisaddhamma) và thành tựu Chánh Pháp (paṭīvedhasaddhamma).

Ngài giáo thọ sư để trình bày theo chi tiết ý nghĩa đã đề cập tóm tắt rằng: "Bởi vì là người dự vào phần đau khổ mà Đức Thế Tôn thuyết trong bài kinh nói về pháp môn ví dụ đống lửa", mới nhắc đến từ dassīlānañhi"...

Thanh Tịnh Đạo

Đức Thế Tôn thấy rõ nghiệp và quả bằng bất cứ trường hợp nào, trước khi Ngài thuyết đến khổ cùng cực mà có sự vui thích trong việc an lạc đó làm duyên, có thể làm cho khởi hiện tâm nhiệt não được cho dù chỉ nhớ lại thậm chí còn dẫn đến làm cho hộc máu tươi với các tỳ-kheo ác giới có tâm tham ái do vui thích sự an lạc nương từ ngũ dục và lễ bái để biểu hiện sự tin tưởng... mới thuyết rằng: "Này các tỳ-kheo, các con nhìn thấy đống lửa lớn đó đang nóng rực, bốc cháy sáng rực hay chăng?". Chư tỳ-kheo đáp rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nhìn thấy như vậy". Nên hỏi tiếp rằng: "Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều đó như

thế nào? các con nên đi đến ngồi ôm hay đi đến nằm ôm đống lửa lớn kia nóng rực, bốc cháy sáng rực, hay nên đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm nàng Sát Đế Lỵ, nàng bà-la-môn hoặc nàng trưởng giả có tay và chân mềm mại giống như bông gòn, điều nào tuyệt diệu hơn". Chư tỳ-kheo đáp rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, nên đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm nàng Sát Đế Lỵ, nàng bà-la-môn hoặc nàng trưởng giả điều này cao quý hơn đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm đống lửa lớn kia nóng rực, bốc cháy sáng rực, điều này là khổ".

Hậu Sớ Giải

Tỳ-kheo có tâm mê muội do vui thích trong việc an lạc nương từ sự thọ dụng ngũ dục và trong việc an lạc nương từ việc lễ bái... mà người khác đang làm. Gọi là có tâm say đắm do vui thích trong việc an lạc nương từ việc thọ dụng ngũ dục... Ngài thuyết cho nhóm tỳ-kheo đó gắn liền ý nghĩa vui thích trong an lạc như đã đề cập làm duyên cho khổ đau này. Do đó, khổ đau này mới gọi là có sự vui thích trong việc an lạc làm duyên.

Cụm từ **các con nghĩ điều đó như thế nào?** nghĩa là Ngài hỏi để dựa vào xuôi theo sự thấy rằng: "Các con nghĩ điều mà Ta đang nói ngay bây giờ như thế nào?".

Thanh Tịnh Đạo

Này các tỳ-kheo, Ta thuyết giáo cho các con, này các tỳ-kheo, Ta sẽ làm cho các con hiểu được đối với tỳ-kheo

ác giới thường có sự xấu xa, sở hành không thanh tịnh, nghĩ đến thì có sự ngờ vực, có hành vi che đậy không phải sa-môn nhưng tự nhận là sa-môn, không sống phạm hạnh nhưng tự nhận là sống phạm hạnh, là người thối nát nhầy nhụa, có đời sống rác rưởi tỳ-kheo này nên đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm đống lửa lớn đó... như thế nào, điều này còn cao quý hơn, vì sao điều đó lại như vậy? Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo đó phải dẫn đến chết hoặc khổ gần như chết do đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm đống lửa lớn đó nhưng sau khi chết do xác thân tiêu hoại họ sẽ rơi vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục chẳng phải do đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm đống lửa lớn đó. Này các tỳ-kheo, đối với tỳ-kheo ác giới thường có sự xấu xa, có sở hành không thanh tịnh, nghĩ đến thì có sự ngờ vực, có hành vi che đậy không phải sa-môn nhưng tự nhận là sa-môn, không sống phạm hạnh nhưng tự nhận là phạm hạnh, là người thối nát, nhầy nhụa, có đời sống rác rưởi, vị đó đi đến ngồi ôm, đi đến nằm ôm nàng Sát Đế Lỵ... như thế nào, này các tỳ-kheo điều đó chẳng đem lại lợi ích, chỉ đem đến khổ đau cho họ suốt thời gian dài, sau khi chết do thân xác tiêu hoại, họ sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Hậu Sớ Giải

Trong bài kinh này Bậc Đạo Sư đã chỉ dạy ý nghĩa như việc ôm đống lửa và ôm nàng thiếu nữ như thế nào, trước khi Ngài phơi bày ý nghĩa đó mới nói rằng "Ta sẽ thuyết giáo...".

Cụm từ **đối với tỳ-kheo ác giới** là đối với tỳ-kheo không có giới, nghĩa là lìa xa khỏi giới.

Cụm từ **thường có sự xấu xa** tức có bản chất xấu xa bởi vì là người có khuynh hướng đê tiện do nguyên nhân là người ác giới.

Cụm từ **có sở hành không thanh tịnh nghĩ đến thì có sự ngờ vực** nghĩa là việc thực hành theo pháp không thanh tịnh bằng việc thực hành theo đường thân... không thanh tịnh, người khác nghĩ đến thì có sự hoài nghi. Người ác giới là người mà các người khác nghĩ đến thì có sự ngờ vực ngay tức thì rằng: "Đây sẽ là sự việc mà người đó sẽ làm" bởi vì đôi khi nhìn thấy một số hành vi không thích hợp đó. Một lý khác nữa, khi thấy các vị tỳ-kheo đang bàn bạc với nhau một số công việc về người có hành vi mà chính mình cũng như vậy, nên nghĩ đến bằng sự ngờ vực rằng "Các tỳ-kheo này hiểu được hành vi mà ta đã tạo rồi bàn bạc với nhau phải chăng?".

Cụm từ **có hành vi che đậy** nghĩa là có hành vi cần phải che đậy vì là hành vi đáng xấu hổ.

Gọi là **không phải sa-môn nhưng tự nhận là sa-môn** tức trong phận sự đối với các sa-môn như bắt thăm đi thọ thực... thì tự nhận rằng là sa-môn do khẳng định sai lầm (micchāpatiññā) rằng "Ta cũng là sa-môn".

Gọi là **không sống phạm hạnh** bởi vì không phải là người thực hành cao thượng trong phận sự đối với các vị

sống phạm hạnh như hành lễ phát lộ (uposathakamma)... lại tự nhận rằng là sống phạm hạnh do khẳng định sai lầm rằng "Ta cũng sống phạm hạnh".

Gọi là **người thối nát** bởi vì hành vi thối nát do giới suy vong (sīlavipatti) từ bên trong.

Gọi là **nhầy nhụa** bởi vì nhầy nhụa chảy ra theo cùng các phiền não như tham ái... theo đường 6 môn.

Gọi là **có đời sống rác rưởi** bởi vì là người cặn bã do tham ái (rāga)… khởi hiện cùng một lúc và là người mà các vị có giới bỏ mặc.

Thanh Tịnh Đạo

Đức Thế Tôn khi thuyết về khổ đau như việc thọ dụng ngũ dục liên quan đến nữ nhân làm duyên bằng cách ví dụ đống lửa, rồi theo phương cách đó Ngài thuyết về khổ đau như việc đảnh lễ, cúng dường, chấp tay bái lạy, thọ dụng y, đồ ăn khất thực, giường ghế và tịnh xá làm duyên bằng cách ví dụ dây làm bằng lông đuôi thú, ngọn giáo, miếng sắt, hòn sắt, ghế sắt, giường sắt và nồi sắt rằng:

"Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều này như thế nào, người đàn ông có sức mạnh dùng dây làm bằng lông đuôi thú dẻo dai, xiết chặt cả 2 bên rồi lôi đi, dây đó cắt đứt da bên ngoài, cắt đứt da bên ngoài rồi cắt đứt da (bên trong), cắt đứt da (bên trong) rồi cắt thịt, cắt đứt thịt rồi cắt đứt gân, cắt đứt gân rồi cắt đứt xương, cắt đứt xương rồi chạm

đến tủy xương, với điều tỳ-kheo đáng vui thích việc đảnh lễ, cúng dường của đại Sát Đế Lỵ, đại bà-la-môn hoặc đại trưởng giả, điều nào cao quý hơn"...

Hậu Sớ Giải

Đức Thế Tôn khi thuyết về khổ đau (bằng một loại ví dụ) rồi, Ngài thuyết về khổ đau (bằng một cách ví dụ khác nữa).

Từ **vāsarajjuyā** tức bằng dây lông đuôi thú, dây đó là vật vô cùng thô cứng.

Từ **rồi lôi đi** tức lôi đi bằng sức mạnh kéo lê lết.

Thanh Tịnh Đạo

"Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều này như thế nào, người đàn ông có sức mạnh dùng lưỡi giáo tẩm bằng dầu đâm thẳng vào ngực, với điều tỳ-kheo vui thích chấp tay bái lạy của đại Sát Đế Lỵ, đại bà-la-môn, hoặc đại trưởng giả điều nào cao quý hơn"...

Hậu Sớ Giải

Từ **teladhotāya** tức tẩm bằng dầu.

Từ **paccorasmiṃ** được giải thành paṭiurasmiṃ tức "ngay thẳng giữa ngực".

Thanh Tịnh Đạo

"Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều này như thế nào,

người đàn ông có sức mạnh dùng vỉ sắt đốt cháy nóng rực, cháy rực, sáng rực bao bọc thân, với điều tỳ-kheo thọ dụng y mà họ dâng cúng bằng đức tin của đại Sát Đế Lỵ... điều nào cao quý hơn"...

"Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều này như thế nào, người đàn ông có sức mạnh dùng kềm sắt nung lửa, nóng rực, cháy rực, sáng rực, cạy miệng rồi bỏ hòn sắt đốt cháy nóng rực, cháy rực, sáng rực vào trong miệng, hòn sắt đó đốt cháy môi của tỳ-kheo, hay đốt cháy miệng, hay lưỡi, hay cổ, hay bụng lôi cả ruột già ruột non tuôn ra theo đường phía dưới, với điều tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực mà họ cúng dường bằng đức tin của đại Sát Đế Lỵ... điều nào cao quý hơn"...

"Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều này như thế nào, người đàn ông có sức mạnh nắm đầu hoặc nắm cổ rồi cho ngồi hoặc nằm đè trên giường sắt hoặc ghế sắt nướng cháy cho đến nóng rực, cháy rực, sáng rực, với điều mà tỳ-kheo sử dụng giường hoặc ghế mà họ cúng dường bằng đức tin của đại Sát Đế Lỵ... điều nào cao quý hơn"...

"Này các tỳ-kheo, các con nghĩ điều này như thế nào, người đàn ông có sức mạnh dốc ngược thân thể cho chân lên phía trên, cho đầu xuống phía dưới rồi bỏ vào trong nồi đồng đốt cháy, nóng rực, cháy rực, sáng rực, họ bị bùn nóng sôi sùng sục thành bọt trong nồi đó, đôi khi nổi lên phía trên, hay đôi khi chìm xuống phía dưới hay đôi khi nổi lên nằm ngang, với điều tỳ-kheo sử dụng tịnh xá mà họ

cúng dường bằng đức tin của nhóm đại Sát Đế Ly... điều nào cao quý hơn"...

Hậu Sớ Giải

Từ **pheṇuddehakaṃ** tức làm cho bọt sôi sùng sục nghĩa là làm cho bọt có trạng thái nổi lên đa dạng.

Thanh Tịnh Đạo

Do đó, bậc thiện trí nên hiểu đến việc nhìn thấy tai hại về giới suy vong bằng việc quán xét như sau:

Lạc của người có giới hư hoại, là người không từ bỏ dục lạc có quả đau khổ ghê rợn hơn khổ đau trong việc ôm đống lửa.

Hậu Sớ Giải

Đau khổ ghê rợn bởi vì là đau khổ khốc liệt, thậm chí hơn cả đau khổ trong việc ôm đống lửa là quả của dục lạc này. Vì vậy, dục lạc này mới gọi là có quả đau khổ quá ghê rợn hơn đau khổ trong việc ôm đống lửa.

Giải thích: lạc của người có giới hư hoại tức người ác giới không từ bỏ dục lạc (kāmasukha) sẽ có được từ nơi nào thì không có với họ được.

Thanh Tịnh Đạo

Đối với người có giới suy vong là người dự phần đau khổ vượt hơn đau khổ bởi vì việc cọ xát do dây lông đuôi

thú rắn chắc thì sẽ có được an lạc trong việc vui thích về sự đảnh lễ, cúng dường được như thế nào. Đối với người không có giới sẽ có được an lạc trong việc vui thích về hành vi chấp tay bái lạy (añjalīkamma) của người có đức tin là nhân của đau khổ khốc liệt hơn đau khổ do việc giết bằng giáo được như thế nào. Đối với người không thu thúc sẽ phải nhận lãnh cảm xúc của vĩ sắt đốt cháy trong địa ngục suốt thời gian lâu dài sẽ có được an lạc trong việc sử dụng y như thế nào. Đồ ăn khất thực cho dù có thượng vị cũng so sánh giống như thuốc độc cực mạnh đối với người không có giới là người sẽ nuốt hòn sắt nóng suốt đêm dài. Việc sử dụng giường và ghế mặc dù định đặt với nhau là an lạc cũng được xếp vào là đau khổ đối với người không có giới là người sẽ phải bị đau khổ (nương từ việc thọ dụng) do giường và ghế sắt đốt cháy hành hạ suốt thời gian lâu dài. Sự vui thích trong nơi cư ngụ của Tịnh Xá mà họ cúng dường bằng đức tin thì sự an lạc có được như thế nào đối với người ác giới sẽ phải rơi vào trong giữa nồi sắt cháy rực. Bậc Thầy Thế Gian khi Ngài chê trách người ác giới nào thì phán rằng là người có sở hành nghĩ đến thì có sự ngờ vực, là người có đời sống rác rưởi, là người nhầy nhụa, là người bẩn thỉu, là người thối nát... chê bai đời sống của người ác giới, là người không thu thúc, là người hiện tướng sa-môn nhưng không phải sa-môn, là người dẫn mình đến bị loại trừ ra, bị đào thải ra.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bị loại trừ** tức bị làm cho tổn hại do sự suy vong của giới.

Cụm từ **bị đào thải** tức đào thải bởi việc chặt đứt gốc rễ của tất cả thiện pháp.

Thanh Tịnh Đạo

Các bậc chân nhân có giới trên thế gian này luôn né tránh người ác giới, giống như người ưa thích đồ trang sức (lộng lẫy) thì né tránh đống phân, xác chết. Do đó, đời sống của người ác giới sẽ có được lợi ích gì? Người ác giới không thoát khỏi tất cả sợ hãi, chỉ xa lìa lạc trong các việc chứng đắc, gọi là cửa thiên giới đã đóng kín, chỉ bước vào con đường khổ cảnh.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **từ tất cả sợ hãi** nghĩa là từ sợ hãi sẽ có sợ hãi như tự chỉ trích mình...

Gọi là **lìa xa lạc trong các việc chứng đắc** tính từ cận định (upacārajhāna) trở đi.

Thanh Tịnh Đạo

Người nào khác thuật lại bắt nguồn từ lòng bi mẫn của người thường hay bi mẫn đối với người ác giới, các tai hại của người ác giới có nhiều loại... Và cần phải hiểu đến việc

nhìn thấy được quả báo về giới thành tựu (sīlasampatti) bằng cách đối nghịch lại trường hợp đã đề cập.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bằng cách đối nghịch lại trường hợp đã đề cập** tức bằng tánh chất trái ngược với tánh chất đã đề cập về giới suy vong (sīlavipatti).

Thanh Tịnh Đạo

Lại nữa, giới của tỳ-kheo nào hoàn hảo không hoen ố thì việc bảo tồn y và bát của tỳ-kheo đó đáng tịnh tín, việc xuất gia của tỳ-kheo đó có quả báo.

Tâm của tỳ-kheo có giới trong sạch không dẫn đến sợ hãi như tự chê trách mình..., giống như mặt trời không chìm vào bóng tối.

Tỳ-kheo toàn hảo trong khu rừng nhiệt tâm tinh cần (tapovana) thường do thành tựu giới, giống như mặt trăng thường tỏa sáng trọn vẹn trên nền trời.

Ngay đến mùi thơm thân thể của tỳ-kheo có giới cũng làm cho tất cả chư thiên được hân hoan, sẽ phải nói lời nói gì với nhau về mùi thơm của giới.

Hậu Sớ Giải

Cho dù mùi thơm tỏa ra từ thân tỳ-kheo có giới cũng làm cho hân hoan được, thích hợp với lời giáo hóa rằng:

"Người có giới thường là nơi ưa thích đối với tất cả chư thiên và nhân loại"...

Trong câu làm cho tất cả chư thiên này được giải thích kệ ngôn (trong Tương Ưng Kinh_Sagātha. 15/352) rằng "Gandho isīnaṃ ciradakkhinaṃ"... được chi tiết đầy đủ.

Ghi chú: [Nội dung đầy đủ trong kệ ngôn được nêu lên như sau: "Hương (thơm) của các nhóm đạo sĩ có phận sự thọ trì suốt thời gian dài tỏa ra từ thân thường cuốn theo gió lan đi. Bạch ngài, tôi muốn hương (thơm) đó giống như vòng hoa thơm trên đầu, bởi vì trong hương (thơm) này tất cả chư thiên không nghĩ rằng là uế trược"].

Thanh Tịnh Đạo

Hương (thơm) của giới luôn bao trùm thành tựu của tất cả mùi hương. Lan tỏa không trở ngại khắp cả 10 phương.

Sự đảnh lễ cho dù nhỏ nhặt mà tín thí đã tạo với vị có giới thường là việc đảnh lễ có nhiều quả báo. Do đó, người có giới mới là dụng cụ chứa đựng (bhājana) vật cúng dường và đảnh lễ.

Tất cả lậu hoặc có trong hiện tại luôn nhiễu hại người không có giới, người có giới thì đào tận gốc rễ của khổ trong tất cả sanh hữu vị lai.

Hậu Sớ Giải

Sự nhiệt não do sát sanh, giam cầm... là tất cả mối nguy

hại, gọi là **tất cả lậu hoặc có trong hiện tại**. Sự ác giới gọi là **gốc rễ của khổ trong tất cả sanh hữu vị lai**.

Thanh Tịnh Đạo

Tất cả tài sản nào trong nhân giới hay tất cả tài sản nào trong thiên giới. Khi người có giới đầy đủ ước nguyện thì tài sản đó không phải là điều mà người đó có được khó khăn.

Lại nữa, Níp Bàn sản tịch tịnh tột đỉnh nào, tâm của vị có giới đầy đủ hằng luôn dẫn đến Níp Bàn sản đó.

Bậc hiền trí nên thuyết về quả báo có vô số tánh chất khác nhau của giới là gốc rễ của tất cả tài sản. Bởi vì khi thuyết như vậy thì tâm thường giật mình sợ hãi từ giới suy vong rồi hướng theo giới thành tựu. Do đó, bậc hiền trí thấy được tác hại về giới suy vong và quả báo về giới thành tựu thì nên làm cho giới trong sáng bằng tất cả sự nỗ lực.

Trong Thanh Tịnh Đạo ngài đã trình bày nêu lên trọng yếu bằng giới, định và tuệ của kệ ngôn như "sīle patiṭṭhāya naro sapañño"... thì tôi nêu lên trình bày về **giới (sīla)** bằng hạn lượng chỉ bấy nhiêu lời nói này.

Hậu Sớ Giải

Đạt đến tận cùng gọi là **accanta** tức tột đỉnh. Gọi là **santā** tức vắng lặng mọi lúc bởi vì không có sự nguy khốn, nghĩa là không có sự thiêu đốt do phiền não.

Cụm từ **giật mình sợ hãi** tức sự giao động, bởi giao động do trí.

Từ **vodāpetabbaṃ** tức nên làm cho trong sạch.

Chương 1 Về Giới Xiển Minh (Sīlaniddesa) trong Thanh Tịnh Đạo, Tôi Đã Biên Soạn Để Sách Tấn Tâm Của Bậc Thiện Hạnh Chỉ Bấy Nhiêu.

Kết Thúc Giới Xiển Minh (Sīlaniddesa)

Chương 2
XIỂN MINH VỀ ĐẦU ĐÀ

Thanh Tịnh Đạo

Sự trong sáng của giới như trường hợp đã đề cập sẽ có được bằng các ân đức như thiểu dục và tri túc… cho nên hành giả đã thọ trì giới muốn tạo các ân đức đó cho đầy đủ thì nên thực hành việc thọ trì đầu đà (dhutaṇga) tiếp tục. Bởi vì khi thực hành như vậy thì giới của họ có hoen ố cũng được gột rửa bằng những suối nguồn ân đức như thiểu dục, tri túc, việc thực hành bào mòn, độc cư, không chất chứa, hướng đến sự tinh cần và trở thành người dễ nuôi… sẽ trở thành thanh tịnh tốt đẹp và các phận sự cũng sẽ đầy đủ. Người có các phẩm hạnh thanh tịnh bởi ân đức như giới và sự tu tập không có lỗi lầm như vậy sẽ là người vững vàng trong 3 Thánh Tông (ariyavaṃsa) trước kia, rồi mới thích hợp đối với việc tác chứng Thánh Tông thứ 4 nghĩa là người có sự hân hoan trong việc tu tiến (bhāvanā). Do đó, tôi sẽ nói đến **kệ ngôn đầu đà (dhutaṇgakathā)** để thực hành các ân đức đó cho đầy đủ.

Hậu Sớ Giải

Người được gọi là "thiểu dục" bởi vì ít có sự ham muốn tức không có sự dính mắc trong tứ vật dụng, trạng thái của người ít ham muốn gọi là **thiểu dục** nghĩa là người có cơ tánh trong việc không tham .

Việc thường vui thích hoặc vui thích đối với vật chất của mình đang có gọi là "tri túc" gọi là "santuṭṭhi", chính santuṭṭhi trở thành "santuṭṭhitā" là **sự tri túc** tức sự hài lòng đối với tứ vật dụng có được nghĩa là có được thì không ham muốn vật chất khác nữa…

Cụm từ **các ân đức đó** tức tất cả các ân đức như thiểu dục… là nhân của giới trong sáng.

Từ **sampādetu** tức nhắm vào làm cho đầy đủ, tất cả các ân đức đó mà hành giả có được bởi sự trong sạch của giới sẽ trở nên đầy đủ hơn cũng do nương vào các pháp thiêu đốt (dhutadhamma).

Cụm từ **việc thọ trì đầu đà** tức nắm giữ đúng đắn chi phần của người dứt bỏ là nhân của việc bào mòn được tất cả phiền não.

Cụm từ **khi thực hành như vậy** nghĩa là khi thực hành thọ trì đầu đà như vậy.

Gọi là **việc thực hành bào mòn** tức sự đào, chặt làm cho giảm nhẹ tất cả phiền não.

Gọi là **độc cư** tức trở thành người có thân vững trú trong sự viễn ly theo phương cách của tâm tĩnh lặng.

Gọi là **không chất chứa** tức thực hành theo cách thức không chất chứa nghĩa là không chất chứa được do có sự thực hành.

Gọi là **hướng đến sự tinh cần** tức là người hướng đến sự tinh cần do mãnh lực của việc làm cho các ác pháp chưa sanh không sanh lên…

Gọi là **trở thành người dễ nuôi** tức là người mà tất cả người hộ độ chăm lo được dễ dàng do thành tựu từ việc trở thành người thiểu dục…

Bằng từ **…** ngài gom vào lấy các ân đức như là người có ít công việc đồng thời trở thành người thực hành được thư thái… chính giới thọ trì đó cũng xem như được thanh tịnh tốt đẹp và phận sự (thực hành) pháp dứt bỏ sẽ được đầy đủ tức xem như được đầy đủ hoặc sẽ được thành tựu bởi vì hành giả là người xa lìa đối với tất cả pháp đối nghịch.

Sự tri túc đối với y, đồ ăn khất thực và trú xứ tùy theo có được vững vàng tồn tại theo truyền thống của tất cả bậc Thánh trước kia, như Đức Phật…, ngài nói rằng **vững vàng trong 3 Thánh Tông trước kia** là nhắm vào tánh chất mà hành giả vững vàng trong sự tri túc đó.

Người gọi là **bhāvanārāma** bởi vì vui thích đối với việc tu tiến, nghĩa là **là người có sự hân hoan trong việc tu tiến** tức là người thực hành đúng đắn trong sự tu tiến chỉ tịnh (samathabhāvanā) và tu tiến minh quán (vipassanābhāvanā)…

13 Pháp Đầu Đà
(Dhutaṇga)

Thanh Tịnh Đạo

Đức Thế Tôn cho phép thực hành 13 pháp đầu đà đối với tất cả thiện nam tử, là người từ bỏ vật chất thế gian (lokāmisa) không luyến tiếc thân thể và sanh mạng chỉ mong muốn xuôi theo việc thực hành để được chứng đắc mà thôi.

Hậu Sớ Giải

Lợi lộc và cung kính… gọi là **vật chất thế gian** do bị ái dục (taṇhā) chấp thủ và là pháp dính líu vào trong thế gian.

Tu tiến minh quán gọi là **xuôi theo việc thực hành (anulomapaṭipadā)** bởi vì điều kiên xuôi theo đối với việc tác chứng Níp Bàn.

Thanh Tịnh Đạo

13 pháp đầu đà này là gì? Tức:

1. Paṃsukūlikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo).

2. Tecīvarikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ mặc tam y).

3. Piṇḍapātikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên thọ dụng đồ ăn khất thực).

4. Sapadānacārikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên đi khất thực tuần tự từng nhà).

5. Ekāsanikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi).

6. Pattapiṇḍikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ thực trong bát).

7. Khalupacchābhattikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn).

8. Āraññikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống ở rừng).

9. Rukkhamūlikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống dưới cội cây).

10. Abbhokāsikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống ngoài trời).

11. Sosānikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống nơi nghĩa địa).

12. Yathāsanthatikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường).

13. Nesajjikaṃga (chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ có oai nghi ngồi).

Luận Giải Về Đầu Đà

Thanh Tịnh Đạo

Trong 13 pháp đầu đà nên hiểu về luận giải

- Theo ý nghĩa.
- Theo 4 nhóm như trạng thái…
- Theo việc thọ trì và phương pháp (thực hành).
- Theo phân loại.
- Theo sự hư hoại.
- Theo quả báo của pháp đầu đà đó.
- Theo 3 nhóm như thiện… (theo tam đề thiện).
- Theo phân tích tất cả từ như từ đầu đà…
- Theo tóm lược và theo chi tiết.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **theo ý nghĩa** tức theo ý nghĩa của từ.

Cụm từ **theo phân loại** tức theo sự phân tích.

Cụm từ **theo sự hư hoại** tức theo sự suy vong.

Cụm từ **tất cả từ như từ đầu đà…** tức tất cả từ như từ dhuta, dhutavāda, dhutadhamma và dhutaṇga.

Từ **samāsabyāsato** tức theo tóm lược và theo chi tiết.

Luận giải theo ý nghĩa

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần mặc y phấn tảo **(Paṃsukūlikaṃga)**

Trong các điều luận giải đó sẽ nói **theo ý nghĩa** trước.

Vải gọi là phấn tảo (paṃsukūla) do ý nghĩa giống như đống bụi bậm trong nơi đó, lý do ở phía trên bởi vì hiện diện trên đống bụi bậm tại một nơi như các ngõ hẻm, mộ địa và đống rác…

Một lý khác nữa, gọi là phấn tảo do ý nghĩa đi đến nơi đáng ghê tởm giống như bụi bậm… Người mặc vải phấn tảo cũng gọi là thọ trì y phấn tảo.

Tỳ-kheo gọi là **người mặc vải phấn tảo (paṃsukūlika)** do ý nghĩa thường xuyên mặc y phấn tảo, chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo gọi là **paṃsukūlikaṃga**. Ngài gọi là chi phần vì vậy nên hiểu rằng người thường xuyên mặc y phấn tảo do việc thọ trì. Cụm từ chi phần của người thường xuyên mặc y phấn tảo (paṃsukūlikaṃga) này là tên của việc thọ trì đó.

Hậu Sớ Giải

Từ **rathikā** tức ngõ hẻm.

Từ **saṇkarakūṭādīnaṃ** là cách thứ 6 (chaṭṭhīvibhatti) theo ý nghĩa riêng biệt (niddhāraṇa) của văn phạm.

Từ **abbhuggataṭṭhena** tức theo ý nghĩa là ở phía trên.

Từ **kūla** có ý nghĩa "samussaya" (nơi nhô lên cao như gò, bờ, đống) như trong cụm từ **"nadiyā kulaṃ"** (bờ sông)… Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng vải gọi là phấn tảo do ý nghĩa **giống như đống bụi bậm**.

Từ **ku** có nghĩa là đáng ghê tởm.

Từ **ula** có nghĩa là đi đến, vì vậy ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **đi đến nơi đáng ghê tởm**.

Một lý khác nữa, vải gọi là phấn tảo (paṃsukūla) do ý nghĩa thường đi tức dẫn đến sự đáng ghê tởm giống như bụi bậm. Việc mặc y phấn tảo (paṃsukūladhāraṇa) gọi là "paṃsukūla" do xóa từ cuối đi (tức xóa từ "dhāraṇa" đi) việc thường xuyên mặc y phấn tảo của vị tỳ-kheo đó cho nên vị tỳ-kheo đó gọi là "paṃsukūlika" giống như từ "āpūpika"…

Gọi là "chi phần" (aṇga) do ý nghĩa đi tức nương vào quả của mình rồi thì dẫn đến trở thành nhân, nghĩa là pháp nhân nói lên việc chủ tâm thọ trì trở thành người mặc y phấn tảo (paṃsukūlika), gọi là chi phần của người nguyện

thọ trì mặc y phấn tảo (paṃsukūlikaṃga) bởi vì là chi phần của người thường xuyên mặc y phấn tảo.

Chủ tâm (cetanā) gọi là **thọ trì** vì là nhân nắm giữ đúng đắn.

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần mặc tam y
và chi phần thọ dụng đồ ăn khất thực

Bằng cách thức giống như vậy, tỳ-kheo gọi là **mặc tam y (tecīvarika)** bởi vì chỉ thường xuyên mặc 3 tấm y, như y Tăng Già Lê (saṇghaṭi), y vai trái (uttarāsaṇga) và y nội (antaravāsaka). Chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên mặc tam y gọi là **tecīvarikaṃga**.

Gọi là **thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapāta)** do ý nghĩa thọ nhận các vật chất tức đồ ăn do khất thực được, gọi **thọ dụng đồ ăn khất thực** do ý nghĩa thọ nhận vật thực mà các người khác dâng cúng.

Một lý khác nữa, sự chấp nhận những vắt cơm trong bát mà người khác dâng cúng cho, tỳ-kheo đó gọi là **người thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātika)** bởi vì thường tìm kiếm đồ ăn khất thực do đi đến các gia tộc để tìm kiếm.

Một lý khác nữa, tỳ-kheo gọi là người thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātī) bởi vì có sự chấp nhận (cho họ) để vắt cơm vào bát.

Cụm từ **có sự chấp nhận** tức có sự thọ dụng đồ ăn khất thực chính người thọ dụng đồ ăn khất thực đó trở thành chi phần thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātika). Chi phần của tỳ-kheo thường xuyên đi khất thực để thọ dụng các vắt cơm gọi là **piṇḍapātikaṃga**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **bằng cách thức giống như vậy** nghĩa là việc mặc y phấn tảo gọi là "paṃsukūla", tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo gọi là "paṃsukūlika", chi phần của tỳ-kheo mặc y phấn tảo tức việc chủ tâm thọ trì (samādānacetanā) ngài gọi là "paṃsukūlikaṃga" như thế nào thì theo cách thức ý nghĩa của từ này việc mặc tam y gọi là "ticīvara", tỳ-kheo thường xuyên mặc tam y gọi là "tecīvarika", chi phần của tỳ-kheo mặc tam y tức chủ tâm thọ trì gọi là **tecīvarikaṃga** cũng như vậy.

Trong tam y như y Tăng Già Lê… có tên gọi riêng biệt của mình "tam y", đối với vải để che kín như vải tấm mưa… không gọi là tam y. Do đó, ngài giáo thọ sư trước khi trình bày về tam y theo tóm tắt mới đề cập cụm từ "như y Tăng Già Lê, y vai trái, y nội".

Cụm từ **thọ dụng đồ ăn khất thực** nghĩa là tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātika) bởi vì tìm kiếm đồ ăn khất thực nghĩa là thọ nhận vật thực trong bát mà các người khác dâng cúng, giống như từ "bādarika", "sāmākika"…, người thường xuyên đi khất thực (piṇḍapatī) trở thành "piṇḍapātika", giống như từ "bhadda" trở thành "bhaddika".

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần đi khất thực tuần tự từng nhà

Sự gián đoạn ngài gọi là không liên tiếp (dāna), sự không gián đoạn gọi là liên tiếp (apadāna), diễn tiến không gián đoạn gọi là tiếp diễn liên tiếp (sapadāna).

Giải thích:

Trái với sự gián đoạn tức theo tuần tự từng nhà, tỳ-kheo gọi là đi khất thực theo tuần tự từng nhà (sapadānacārī) bởi vì đi khất thực thường xuyên không gián đoạn, chính sapadānacārī này trở thành **sapadānacācika**, chi phần của tỳ-kheo đi khất thực thường xuyên không gián đoạn gọi là **sapadānacārikaṃga**.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **gián đoạn** tức đứt khoảng không phải diễn tiến theo tuần tự.

Gọi là **không gián đoạn** bởi ngược lại sự gián đoạn nghĩa là không đứt khoảng sự diễn tiến theo tuần tự.

Từ **saha apadānena** tức diễn tiến không gián đoạn để trình bày từ giải thích hành động của từ "sapadāna" và trình bày nơi chốn không có sự gián đoạn đó ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "Trái với sự gián đoạn tức theo tuần tự từng nhà".

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi (ekāsanikaṃga)

Việc thọ thực chỉ tại một chỗ ngồi gọi là "ekāsana", tỳ-kheo gọi là **ekāsanika** bởi vì thường xuyên thọ thực chỉ tại một chỗ ngồi, chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên thọ thực chỉ tại một chỗ ngồi gọi là **ekāsanikaṃga**.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **chỉ tại một chỗ ngồi** tức chỉ duy nhất bằng oai nghi ngồi, không bị oai nghi khác chen vào (tức không thay đổi oai nghi).

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần chỉ thọ thực trong bát (pattapiṇḍikaṃga)

Chỉ duy nhất thọ thực vắt cơm trong bát mà thôi bởi vì không dùng dụng cụ thứ 2 để đựng gọi là chỉ thọ thực trong bát (pattapiṇḍa), tỳ-kheo gọi là **pattapiṇḍika** bởi vì thường xuyên chỉ thọ thực nắm cơm trong bát do từ "pattapiṇḍa" sử dụng trong ý nghĩa chỉ thọ thực nắm cơm trong bát, chi phần của tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ thực nắm cơm trong bát gọi là **pattapiṇḍikaṃga**.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư trước khi trình bày cụm từ **"nắm cơm**

trong bát" này, trong nơi đây nhắm vào sự khác nhau của vật dụng (tức chỉ đích danh trong **bát** mà thôi) không phải là từ thông thường như từ **"eva"** (dịch là "mà thôi" được trình bày bằng cách xóa bớt (tức "patteva" xóa bớt "eva" còn lại là "patte" nhưng ý nghĩa vẫn còn giữ nguyên tức vẫn còn dịch là "trong bát mà thôi") mới đề cập rằng **chỉ duy nhất thọ thực trong bát mà thôi...**

Trước khi trình bày về việc phân tích xóa bớt từ sau (tức xóa từ "gahaṇa" tức cầm lấy ra khỏi từ "pattapiṇḍagahaṇa" nghĩa là "cầm lấy vắt cơm trong bát" nên còn lại "pattapiṇḍa" nhưng từ được dịch vẫn còn giữ nguyên tức "cầm lấy vắt cơm trong bát") nên mới đề cập rằng từ "pattapiṇḍa" sử dụng trong ý nghĩa cầm lấy vắt cơm trong bát"..., ngay cả trong từ khác nữa xuất phát từ đây cũng có cách thức như vậy.

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn (khalupacchābhattikaṃga)

Từ **khalu** là bất biến từ trong ý nghĩa chối từ (paṭisedha), vật thực có được mà tỳ-kheo từ chối sau bữa ăn gọi là "pacchābhatta", việc thọ dụng vật thực có được sau bữa ăn cũng gọi là "pacchābhatta" nghĩa là nêu lên trình bày bằng cách xóa từ sau là từ "thọ dụng" (paribhoga) ra, tỳ-kheo gọi là "pacchābhattika" bởi vì thường xuyên thọ dụng vật thực có được sau bữa ăn, vì vậy từ "pacchābhatta" xử dụng trong ý nghĩa thọ dụng vật thực có được sau bữa ăn, tỳ-

kheo thường xuyên không thọ dụng vật thực có được sau bữa ăn gọi là **khalupacchābhattika**, từ vật thực có được sau bữa ăn (pacchābhatta) này là tên của atirittabhojana (atirittabhojana tức vật thực được dâng đến ám chỉ đến vật thực mới chưa thọ dụng, sẽ được thọ dụng tiếp tục) tỳ-kheo từ chối do năng lực của việc thọ trì, nhưng có lời đề cập trong sớ giải rằng từ "khalu" tức một loài chim, loài chim dùng mỏ tha trái cây đi, khi trái cây rơi đi thì sẽ không mổ trái cây khác để ăn nữa, tỳ-kheo này cũng như loài chim đó cho nên mới gọi là không nhận vật thực có được cúng dường sau bữa ăn (khalupacchābhattika), chi phần của tỳ-kheo gọi là "khalupacchābhattika" này gọi là **khalupacchābhattikaṃga**.

Hậu Sớ Giải

Vật thực mà tỳ-kheo có được sau bữa ăn từ việc thỉnh cầu (pavāraṇa) gọi là thọ dụng vật thực có được sau bữa ăn (pacchābhatta), do từ "khalu" là từ nói lên lời chối từ nên ngài giáo thọ sư mới dùng từ "na" vào đề cập rằng "na pacchābhattika" (tức từ na pacchābhattika bằng với từ khalupacchābhattika).

Pháp thuộc lãnh vực của điều học mà Đức Thế Tôn đã cấm chế bằng chính điều học (sikkhāpada) đó, pháp nào không thuộc lãnh vực của điều học, pháp đó được xếp vào lãnh vực của việc thọ trì. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập **cụm từ pacchābhatta này là tên của atirittabhojana mà tỳ-kheo từ chối do năng lực của việc thọ trì**.

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần sống ở rừng (āraññikaṃga), chi phần sống dưới gốc cây (rukkhamūlikaṃga), chi phần sống ngoài trời (abbhokāsikaṃga), chi phần sống nơi nghĩa địa (sosānikaṃga) và chi phần bằng lòng bất cứ sàng tọa nào được cúng dường (yathāsanthatikaṃga).

Việc sống trong rừng gọi là arañña, tỳ-kheo gọi là **araññika** bởi vì thường xuyên sống trong rừng, chi phần của tỳ-kheo thường xuyên sống trong rừng gọi là **āraññikaṃga**.

Việc sống dưới gốc cây gọi là "rukkhamūla", tỳ-kheo gọi là **rukkhamulika** bởi vì thường xuyên sống dưới gốc cây, chi phần của tỳ-kheo thường xuyên sống dưới gốc cây gọi là **rukkhamūlikaṃga**, ngay cả trong **chi phần sống ngoài trời (abbhokāsikaṃga)** và **chi phần sống nơi nghĩa địa (sosānikaṃga)** cũng có cách thức giống như vậy.

Sàng tọa mà họ sắp xếp cho gọi là "yathāsanthata" từ này là tên của sàng tọa (senāsana) mà họ dâng đến lần đầu tiên rằng: "Sàng tọa này xin dâng đến ngài", tỳ-kheo gọi là **yathāsanthatika** bởi vì thường xuyên có sàng tọa mà họ sắp đặt cho, chi phần của tỳ-kheo thường xuyên có sàng tọa mà họ sắp đặt cho gọi là **yathāsanthatikaṃga**.

Hậu Sớ Giải

Có từ nên đề cập cho trọn vẹn theo cách thức như "việc

dẫn đến sống ở ngoài trời gọi là abbhokāsa, dẫn đến sống nơi nghĩa địa gọi là susāna"... ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "cũng có cách thức giống như vậy".

Sàng tọa giống như sàng tọa mà họ sắp đặt gọi là "yathāsanthata" tức sàng tọa mà họ dâng đến từ lần đầu tiên, tỳ-kheo thọ trì điều đầu đà này nhận lấy sàng tọa đó không phản bác bằng lời nói rằng: "Sàng tọa này có nhiều rệp quá, lại còn bốc mùi hôi"... Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **sàng tọa này xin dâng đến ngài...**

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải về chi phần chỉ có oai nghi ngồi (nesajjikaṃga).

Tỳ-kheo gọi là **nesajjika** bởi vì khước từ việc nằm rồi thường xuyên sống bằng tư thế ngồi, chi phần của tỳ-kheo khước từ sự nằm rồi thường xuyên sống bằng tư thế ngồi gọi là **nesajjikaṃga**.

Các pháp dứt bỏ đó gọi là **đầu đà (dhutaṇga)** bởi vì là chi phần của tỳ-kheo thọ trì hạnh đầu đà, cho nên là người diệt trừ phiền não bằng việc thọ trì đó.

Một lý khác nữa, gọi là **đầu đà (dhutaṇga)** bởi vì có trí tuệ được gọi là dứt bỏ (dhuta) do diệt trừ từng phần phiền não.

Một lý khác nữa, gọi là dứt bỏ (dhuta) bởi vì diệt trừ được pháp đối nghịch, các pháp dứt bỏ đó là chi phần của việc thực hành. Do đó, mới gọi là **đầu đà (dhutaṇga)**.

Nên hiểu việc luận giải theo ý nghĩa trong tất cả từ này theo trường hợp đã đề cập trên.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư đề cập đến việc ngủ là **sayana**. Cụm từ **bởi vì là người diệt trừ phiền não** tức là người lấn áp được phiền não nghĩa là người đoạn trừ được ác pháp ái dục và thủ.. bằng năng lực tạm thời (tadaṇgapahāna), trong nơi đây muốn lấy tất cả điều kiện diệt trừ phiền não là "chi phần của tỳ-kheo gọi là dứt bỏ (dhuta)" không phải muốn lấy một loại nào trong các chi phần khác.

Một lý khác nữa, ý nghĩa "của tỳ-kheo gọi là dứt bỏ" này là ý nghĩa được chấp nhận bởi thực tánh hơn ý nghĩa khác".

Cụm từ **bằng việc thọ trì đó** tức bằng việc thọ trì chi phần của tỳ-kheo mặc y phấn tảo...

Bằng cụm từ **bởi vì có trí tuệ... từng phần phiền não** này ngài giáo thọ sư phơi bày đến việc thọ trì tất cả pháp đầu đà đó có trí tuệ dẫn đầu.

Cụm từ **của việc thực hành** tức của việc thực hành chơn chánh như giới...

Luận Giải Theo 4 Nhóm Như Trạng Thái...

Thanh Tịnh Đạo

Tất cả pháp đầu đà **có sự chủ tâm thọ trì (samādānacetanā) là trạng thái**, điều này thích hợp như ngài đề cập rằng "Người thọ trì tức pháp làm điều kiện thọ trì là tâm và tâm sở, chủ tâm thọ trì được xếp vào là đầu đà, điều ngăn chặn tức vật chất.

Lại nữa, mỗi pháp đầu đà đó **có sự lấn áp tham muốn là phận sự, không có sự tham muốn là thành tựu (paccupaṭṭhāna), có Thánh Pháp như sự thiểu dục... là nhân cận (padaṭṭhāna)**.

Nên hiểu về luận giải theo trạng thái... trong pháp đầu đà này theo trường hợp đã đề cập trên.

Hậu Sớ Giải

Chủ tâm (cetanā) tiến hành do mãnh lực thọ trì gọi là nguyện lực (samādāna) bởi vì làm duyên nắm giữ đúng đắn. Tất cả pháp đầu đà này có sự chủ tâm thọ trì là trạng thái, vì vậy mới gọi là **có chủ tâm thọ trì là trạng thái**.

Lại nữa, trong sớ giải cũng có lời đề cập rằng "Tất cả pháp tương ưng (tâm và tâm sở) hiện bày theo phận sự "yena" (tức làm duyên cho hành động, trong nơi đây nghĩa là làm duyên cho sự thọ trì) bởi vì tánh chất trọng yếu làm cho hành vi thọ trì được thành tựu.

Việc nắm giữ của sự chủ tâm thọ trì được xếp vào là đầu đà, thậm chí sự chủ tâm diệt trừ (parihāra) cũng xếp vào là đầu đà giống như vậy, bởi vì có chủ tâm thọ trì làm nền tảng.

Sự diễn tiến của ái dục (taṇhācāra) gọi là "tham muốn" do ý nghĩa đoạt lấy phẩm chất cốt yếu của thiện pháp do tự mình và do nương theo đường lối người khác. Do có phận sự lấn áp việc diễn tiến của ái dục mới gọi là **có sự lấn áp tham muốn là phận sự**.

Và chính do việc lấn áp tham muốn là phận sự nên hiện bày lên thực tánh không tham muốn hoặc dẫn đến thực tánh không tham muốn cho hiện bày lên. Do đó, mới gọi là **có sự không tham muốn là thành tựu**.

Cụm từ **có Thánh Pháp là nhân cận** tức có pháp như giới... là nhân cận làm cho hiện khởi lên.

Chú thích: Từ loluppa dịch là tham muốn trong nơi đây từ ngữ căn lupa có nghĩa là đoạt lấy, tước đoạt (do ngài giáo thọ sư Hậu Sớ Giải phân tích như vậy).

Luận Giải Theo Việc Thọ Trì…

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo là điều luận giải về 5 pháp như theo việc thọ trì và thực hành…, tất cả pháp đầu đà khi Đức Thế Tôn còn tại tiền thì tỳ-kheo nên thọ trì trong trú xứ của Đức Thế Tôn, khi Đức Thế Tôn đã viên tịch Níp Bàn thì nên thọ trì trong trú xứ của các bậc đại Thinh Văn (mahāsāvaka), khi các bậc đại Thinh Văn không còn thì nên thọ trì trong trú xứ của các bậc Lậu Tận, của bậc Bất Lai, của bậc Nhất Lai, của bậc Dự Lưu, của bậc thuộc lòng Tam Tạng, của bậc thuộc lòng Nhị Tạng, của bậc thuộc lòng Nhất Tạng, của bậc thọ trì Tam Tạng (saṃgīti), của bậc giáo thọ sư sớ giải. Khi bậc Lậu Tận… không có thì nên thọ trì trong trú xứ của vị đầu đà, khi không có vị thọ trì hạnh đầu đà thì nên quét dọn bảo tháp rồi ngồi chồm hỏm phát nguyện thọ trì giống phát nguyện thọ trì trong trú xứ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Lại nữa, cho dù tỳ-kheo tự mình thọ trì cũng phải sử dụng được giống như trong câu chuyện tự thọ trì này, bậc

thiện trí nên thuật lại câu chuyện vị thiểu dục về hạnh đầu đà của vị trưởng lão huynh và vị trưởng lão đệ tại Cetiyapabbata được xếp vào là câu chuyện phổ biến. Bây giờ, sẽ diễn giải về việc thọ trì, phân loại, hư hoại và quả báo của mỗi pháp đầu đà.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **nên thọ trì trong trú xứ của Đức Thế Tôn…** này, ngài giáo thọ sư nêu lên đề cập để không làm cho gián đoạn khoảng cách trong việc thọ trì (tức không phải rằng Đức Phật đã viên tịch Níp Bàn thì không cần phải thọ trì đầu đà với nhau nữa) giống như việc không làm trái lời nói nhất hướng của người xứng đáng đối với lời nói ấy mà mình đã nói khẳng định trong hoàng cung của đức vua, là người nương nhờ đức vua để nuôi sống như thế nào, thì ngay cả việc thọ trì trong trú xứ của tất cả người còn lại cũng cùng cách thức như vậy.

Cụm từ **của vị thọ trì Tam Tạng** tức của vị thuộc lòng một bộ (nikāya) trong tất cả 5 bộ (nikāya) như Trường Bộ Kinh (dīghanikāya)…

Cụm từ **của bậc giáo thọ sư sớ giải** tức của vị đạt chuẩn mực thiện xảo đặc biệt về sớ giải.

Cụm từ **câu chuyện vị thiểu dục về hạnh đầu đà của vị trưởng lão huynh**, câu chuyện như sau: "Được nghe rằng có vị trưởng lão là vị thọ trì oai nghi ngồi (nesajjika_

khước từ oai nghi nằm, chỉ thọ trì thường xuyên oai nghi ngồi). Bất cứ ai cũng không biết được hạnh thọ trì oai nghi ngồi của vị đó. Một ngày nọ vào lúc giữa đêm vị trưởng lão đệ thấy ngài đang ngồi trên giường do ánh sáng từ sấm chớp, mới hỏi rằng "Này sư huynh, ngài thọ trì oai nghi ngồi phải chăng?". Trưởng lão thiểu dục về hạnh đầu đà mới nằm xuống ngay lúc ấy rồi sau đó mới thọ trì tiếp tục".

1- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN MẶC Y PHẤN TẢO

(Paṃsukūlikaṃga).

(Chi Phần Của Tỳ-kheo
Thường Xuyên Mặc Y Phấn Tảo)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì

Bây giờ tôi sẽ diễn giải sự thọ trì việc thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo của mỗi pháp đầu đà. Pháp đầu đà **chi phần mặc y phấn tảo (paṃsukūlikaṃga)** trước, được xếp vào là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng 2 lời phát nguyện.

Lời phát nguyện thứ 1 "Tôi khước từ y cúng dường mà tín thí dâng đến".

Lời phát nguyện thứ 2 "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo".

Đây được xếp vào việc thọ trì hạnh đầu đà chi phần mặc y phấn tảo.

Hậu Sớ Giải

Trong câu **y cúng dường mà tín thí dâng đến** này nên hiểu là đối với tỳ-kheo thọ trì bậc thượng, dù cho nhóm sa-môn cũng được xếp vào là tín thí giống như nhau bởi vì là người dâng cúng.

Y mà họ sắp đặt do nghĩ rằng "bậc xuất gia sẽ sử dụng" nên được xếp vào là y của tín thí (gahapaticīvara) nhưng là y cúng dường mà tín thí dâng đến (gahapatidānacīvara). Vì vậy mới dùng từ "dāna" để ngăn lại y như vậy [1].

Luận giải về câu **bằng 2 lời phát nguyện... lời phát nguyện thứ 1** này.

Vấn: *Đầu đà được gọi là thọ trì rồi thì lời phát nguyện thọ trì được xem như đã thọ trì bằng lời nói khước từ như thế nào?*

Đáp: Gọi là xem như đã thọ trì bằng lời nói khước từ cũng được, bởi vì đồng nghĩa giống như khi nói rằng "Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) không thọ thực trong lúc ban ngày" thì lời nói này được xem như đồng nghĩa "Đề Bà Đạt Đa thọ thực trong lúc ban đêm" bởi vì không dùng vật thực thì thân thể của Đề Bà Đạt Đa sẽ không tồn tại được. Ví dụ

[1] Tức việc khước từ đó không phải là y của tín thí mà chỉ riêng biệt y cúng dường mà tín thí dâng đến.

về việc thọ thực như thế nào, thì ngay cả vấn đề này cũng giống như vậy, nghĩa là khi tỳ-kheo khước từ y cúng dường mà tín thí dâng đến này thì phải có sự thọ nhận y khác ngoài y cúng dường mà tín thí dâng đến, xem như hoàn toàn đồng nghĩa bởi vì loại bỏ y ra thì không có sự tồn tại hiện hữu trong Phật Giáo được.

Thanh Tịnh Đạo

Phương Pháp Thực Hành

Tỳ-kheo thọ trì hạnh đầu đà như vậy nên sử dụng một tấm vải nào trong tất cả loại vải này như vải quăng bỏ trong nghĩa địa (sosānika), vải mà họ quăng bỏ nơi đường đi vào chợ (pāpaṇika), vải mà họ quăng bỏ theo ngõ hẻm (rathiyacoḷa), vải mà họ quăng bỏ tại nơi đổ rác (saṃkāracoḷa), vải lau chùi vật ô uế của thai nhi (sotathiya), vải thay đổi để tắm nước thánh rồi quăng bỏ (nahānacoḷa), vải cũ mà họ quăng bỏ theo bến nước (titthacoḷa), vải mặc đi vào nghĩa địa trở về thì quăng bỏ (gatapaccāgata), vải bị lửa cháy một phần (aggidaṭṭha), vải bị bò húc (gokhāyita), vải bị mối cắn (upacikākhāyita), vải bị chuột cắn (anudurakhāyita), vải đứt biên (antacchinna), y bị đứt giấu (dacchinna), vải mà họ treo làm cờ (dhajāhaṭa), vải trùm gò mối (thūpacīvara), y của tỳ-kheo (samaṇacīvara), vải quăng bỏ tại nơi lễ đăng quang (ābhisekika), y thành tựu do thần thông của thiện lai tỳ-kheo (iddhimaya), vải quăng bỏ ở giữa đường (panthika), vải mà gió thổi rơi trong nơi xa (vātāhaṭa), vải mà chư thiên cúng dường (devadattiya),

vải mà sóng biển xô vào bờ (samuddiya) đi đến cắt phân chia rồi quăng bỏ phần vải vụng, giặt phần bền chắc làm thành y, cởi y cũ của thí chủ ra rồi sử dụng.

Trong tất cả vải đó thì vải quăng bỏ trong nghĩa địa gọi là **sosānika**, vải bỏ rơi trên đường vào chợ gọi là **pāpanika**, vải mà người muốn tạo phước quăng bỏ theo ngõ hẻm, theo lối cửa sổ gọi là **rathiyacoḷa**, vải mà người quăng bỏ tại nơi đổ rác gọi là **saṃkāracoḷa**, vải mà họ lau chùi vật nhơ nhuốc của thai nhi rồi quăng bỏ gọi là **sotathiya**. Tương truyền rằng mẹ của quan đại thần Tissa cho người dùng vải có giá trị hàng trăm ngàn tiền vàng để lau chùi vật nhơ nhuốc của thai nhi rồi quăng bỏ tại con đường Tālaveḷi bởi vì suy nghĩ rằng tỳ-kheo mặc y phấn tảo sẽ sử dụng, các vị tỳ-kheo (nhìn thấy) mới cất giữ để sử dụng may vá y rách.

Các nhóm người mà thầy pháp cho tắm rửa và gội đầu lau chùi bằng vải rồi quăng bỏ do nghĩ rằng "là vải hắc vận (kālakiṇī)", vải đó gọi là **nahānacoḷa**, vải cũ mà họ quăng bỏ tại bến nước gọi là **titathacoḷa**, tất cả người đi đến lăng mộ trở về tắm rửa rồi quăng bỏ vải nào, vải đó gọi là **gatapaccāgata**, vải bị lửa cháy đi một phần gọi là **aggidaḍḍha**, tất cả mọi người thường quăng bỏ vải đó do **vải bị bò húc...** có ý nghĩa rõ ràng rồi, những nhóm người thường quăng bỏ vải đó giống như vậy.

Vải mà mọi người trước khi lên tàu thường buộc lên làm cờ rồi kéo lên gọi là **dhajāhaṭa** khi vượt khỏi sự thấy (khuất tầm mắt) của các người đi đó thì có thể giữ lấy, cho

dù vải mà đoàn quân chiến đấu đã quay trở về thì tỳ-kheo sử dụng vải đó vẫn thích hợp, vải mà họ trùm quanh gò mối để làm lễ cúng tế gọi là **thūpacīvara**, vải của tỳ-kheo gọi là **samaṇacīvara**, vải mà họ quăng bỏ tại nơi đăng quang của đức vua gọi là **ābhisekika**, vải y của thiện lai tỳ-kheo (ehibhikkhu) gọi là **iddhimaya**, vải rơi ở giữa đường gọi là **panthika**, đối với vải nào do quên lãng bỏ rơi của chủ nhân thì tỳ-kheo nên gìn giữ vải đó cho hết khoảng một ít chút thời gian rồi mới từ từ sử dụng.

Vải bị gió thổi rơi đi trong nơi xa gọi là **vātāhaṭa** khi không gặp chủ nhân thì có thể sử dụng vải đó được, vải nào chư thiên cúng dường giống như cúng dường cho trưởng lão Anuruddha, vải đó gọi là **devadattiya**, vải bị sóng biển vỗ xô lên trên bờ gọi là **samudadiya**.

Còn vải nào mà nhóm người tín thí cúng dường nói rằng "Chúng con xin cúng dường đến Chư Tăng" rồi cúng dường đến hoặc chư tỳ-kheo đi khất thực mà được vải thì vải đó không được xếp vào là "vải y phấn tảo", ngay cả vải mà nhóm tỳ-kheo cùng nhau cúng dường đến, vải nào mà tỳ-kheo được phân phát cúng dường đến cho tuần tự theo mùa an cư hay vải y được cúng dường thường xuyên nơi trú xứ (senāsanacīvara) thì vải đó không được xếp vào là vải y phấn tảo, vải y không được phân phát cúng dường đến mới được xếp vào vải y phấn tảo. Cho dù vải không được phân phát cúng dường đến, vải nào mà nhóm tín thí định cúng dường đặt đến gần chân của tỳ-kheo (một vị),

nhưng vị tỳ-kheo đó cúng dường đặt trên tay của tỳ-kheo thọ trì mặc y phấn tảo, vải đó gọi là bán phần thanh tịnh (ekatosuddhika). Vải nào mà nhóm tín thí cúng dường đến tay của tỳ-kheo (một vị) nhưng vị tỳ-kheo đó đặt đến gần chân (của tỳ-kheo thọ trì mặc y phấn tảo), vải đó gọi là bán phần thanh tịnh, vải nào mà tín thí định cúng dường cho dù đặt đến chân của tỳ-kheo, ngay cả vị tỳ-kheo đó cũng định cúng dường theo cùng tánh chất như vậy, (tức đặt đến chân của tỳ-kheo mặc y phấn tảo) vải đó gọi là lưỡng phần thanh tịnh (ubhatosuddhika), vải nào mà tỳ-kheo được do tín thí cúng dường cho đặt trên tay, rồi tỳ-kheo cúng dường đặt trên tay (của tỳ-kheo thọ trì mặc y phấn tảo) vải đó gọi là "không phải y cao thượng". tỳ-kheo thọ trì mặc y phấn tảo khi đã hiểu được phân loại của vải y phấn tảo như vậy nên sử dụng y theo phương pháp thực hành về pháp đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Bằng cụm từ "Tỳ-kheo thọ trì đầu đà như vậy"... được xếp vào là cách thức thực hành (vidhīkāra) về chi phần mặc y phấn tảo.

Vải mà tỳ-kheo được trong nghĩa địa gọi là **sosānika** vải đó xem như rơi rớt do bị một số người quăng bỏ trong nghĩa địa. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **vải rơi rớt trong nghĩa địa**, ngay cả vải gọi là vải mà họ quăng bỏ tại đường đi vào chợ (**pāpaṇika**) cũng nên hiểu như vậy.

Gọi là **con đường Tālaveḷi** tức một dãy đường có căn

nhà lớn, đối với một số nhóm giáo thọ sư nói rằng là một dãy đường trong kinh thành Anurādhapura.

Vải gọi là **bị lửa cháy đi một phần** bởi vì vải này có một phần bị lửa cháy, một số nhóm giáo thọ sư nói rằng "vải bị lửa cháy rơi rớt tại đường đi phải trải qua thời gian nhiều ngày tỳ-kheo mới sử dụng được", nhưng một nhóm khác nói rằng "trải qua thời gian khoảng 2-3 ngày thì sử dụng được".

Cụm từ **nên gìn giữ cho hết khoảng một ít thời gian** tức nên chờ đợi khoảng một ít thời gian.

Vải bị gió thổi bay đi cũng giống vải rơi rớt do sự quên lãng của chủ nhân. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **khi không gặp chủ nhân thì có thể sử dụng vải đó được**. Vì vậy tỳ-kheo nên chờ đợi khoảng một ít thời gian mới từ từ sử dụng.

Để ngăn lại sự hoài nghi vải mà tín thí nói rằng "Chúng con xin cúng dường đến Chư Tăng" rồi dâng đến một tấm vải do việc đi khất thực mà có được, từ lúc ban đầu đã có được thì trở thành y của sa-môn hay chăng? Ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **vải đó không được xếp vào là vải y phấn tảo** (tức không được xem là y của sa-môn (samaṇacīvara) nếu được thì xếp vào là vải y phấn tảo) bởi vì vải đó không liên quan đến 23 trường hợp phát sanh.

Do bởi nguyên nhân này, để trình bày đến vải y phấn tảo về tánh chất vải mà tỳ-kheo cùng nhau dâng đến và

trình bày phân tích loại vải đó là cao thượng và không cao thượng ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **ngay cả vải mà nhóm tỳ-kheo dâng đến**.

Trong tất cả từ đó thì cụm từ **phân phát cúng dương đến cho** tức y mà tỳ-kheo sẽ cúng dường đến Chư Tăng hoặc đoàn thể, cúng dường đến cho tỳ-kheo bằng cách nhận được theo tuần tự mùa an cư.

Y mà họ xây dựng chỗ ở hoàn thành rồi tác bạch cúng dường rằng "Xin cho nhóm tu sĩ ở trong trú xứ này hãy sử dụng" gọi là **senāsanacīvara**, ngay cả cụm từ **vải đó không được xếp vào là vải y phấn tảo** cũng nên hiểu đến tánh chất không phải là vải y phấn tảo như đã đề cập từ phần đầu (tức không được tính vào trong 23 trường hợp) và do sự việc mà họ phân phát cúng dường đến, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **không phân phát cúng dường đến được xếp vào là vải y phấn tảo**.

Ngài giáo thọ sư đề cập rằng **vải nào mà nhóm tín thí...** để trình bày ý nghĩa này rằng: "Y mà vị tỳ-kheo nào dâng cúng đến, y mà tỳ-kheo dâng cúng đến gọi là **có sự trong sạch chỉ một phía** bởi vì vị tỳ-kheo đó có sự tương trợ tôn trọng trong việc nhận được và trong việc cúng dường tách rời nhau theo mỗi pháp.

Gọi là **có sự trong sạch từ hai phía** bởi vì có sự tương trợ tôn trọng trong việc nhận được và trong việc cúng dường, và gọi là **có sự không cao thượng** bởi vì không có

sự tương trợ và tôn trọng, cho nên nhắm vào phải là vải mà sa-môn cúng dường đặt đến sát chân.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sựu Hư Hoại.

Tiếp theo đây là phân loại tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo có 3 nhóm tức:

1- Người thọ trì bậc thượng.

2- Người thọ trì bậc trung.

3- Người thọ trì bậc hạ.

Trong 3 nhóm đó tỳ-kheo sử dụng vải quăng bỏ trong nghĩa địa được xếp vào là **người thọ trì bậc thượng**, người sử dụng vải mà họ sắp đặt do chủ ý rằng: "Bậc xuất gia thường sử dụng" được xếp vào là **người thọ trì bậc trung**, người sử dụng vải mà họ cúng dường đặt đến sát chân được xếp vào là **người thọ trì bậc hạ**.

Trong tất cả 3 nhóm người thọ trì đầu đà này thì đầu đà của một vị tỳ-kheo nào sẽ hư hoại trong lúc họ thích thú vải mà cư sĩ cúng dường đến theo sự ưa thích, hài lòng của mình. Đây được xếp vào là hư hoại trong pháp đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **của một vị tỳ-kheo nào** tức của một vị tỳ-kheo nào trong tất cả 3 nhóm tỳ-kheo thọ trì đầu đà như người thọ trì bậc thượng...

Từ **ruciyā** tức theo sự ưa thích.

Từ **khantiyā** tức theo sự hài lòng, nghĩa là nhìn chăm chăm (không nháy mắt).

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Tiếp theo đây là quả báo

1- Có pháp thực hành thích hợp với việc nương nhờ (nisaya) theo lời phán dạy rằng "Bậc xuất gia nương nhờ vào y phấn tảo".

2- An trú vững chắc trong Thánh Tông (ariyavaṃsa) đầu.

3- Không có khổ do việc gìn giữ.

4- Sống không liên quan với người khác.

5- Không sợ hãi từ nạn trộm cướp.

6- Không có ái dục trong việc thọ dụng.

7- Là người có tư cụ thích hợp với sa-môn.

8- Là người có tứ vật dụng mà Đức Thế Tôn tán thán rằng: "Là vật nhỏ nhoi tìm được dễ dàng và không có lỗi lầm đối với các vật đó".

9- Là người đáng tịnh tín.

10- Đức tánh thiểu dục... là thành quả.

11- Có sự vun bồi việc thực hành chơn chánh.

12- Làm gương cho đàn hậu tấn noi theo.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **có pháp thực hành thích hợp với việc nương nhờ** tức có sự hiện hữu của pháp thực hành thích hợp với việc nương nhờ thứ 2 theo như mình được thọ trì trong tất cả 4 pháp nương nhờ (nissaya) theo cách thức tìm kiếm tứ vật dụng mà vị thầy tế độ tuyên bố trong giữa lễ thọ cụ túc giới (upasampadā).

Cụm từ **không có khổ do việc gìn giữ** tức không có khổ do việc gìn giữ y bởi vì vải y phấn tảo không là nơi nương phát khởi của tham.

Gọi là **không có ái dục trong việc thọ dụng** bởi vì vải y phấn tảo có sự dơ bẩn đặc biệt.

Cụm từ **là người đáng tịnh tín** tức là người đem đến niềm tin cho các người khác.

Gọi là **đức tánh thiểu dục... là thành quả** bởi vì việc thọ trì đầu đà mà tỳ-kheo thực hành cho thành tựu được cũng do nương vào các đức tánh như thiểu dục...

Việc thọ trì làm cho các pháp diệt trừ (dhutadhamma) được tiến hành cũng chỉ để dẫn đến việc thực hành chơn chánh (sammāpaṭipatti) bậc cao cho đến khi viên mãn. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **có sự vun bồi việc thực hành chơn chánh**.

Thanh Tịnh Đạo

Tỳ-kheo mặc y phấn tảo là vị thu thúc để diệt trừ ma vương và đội binh ma luôn oai hùng giống như đức vua mang giáp oai hùng ngoài chiến trường.

Vải y phấn tảo nào mà bậc thầy của thế gian vẫn mặc Ngài từ bỏ tất cả vải quý giá như vải dệt từ xứ kāsi... rồi Ngài trở lại sử dụng thì ai lại không mặc vải y phấn tảo đó. Do đó, tỳ-kheo khi nhớ đến việc thọ trì của mình thì nên là người vui thích vải y phấn tảo để hỗ trợ cho việc nỗ lực thực hành.

Đây là sự diễn giải việc thọ trì, thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần mặc y phấn tảo.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **để diệt trừ ma vương và đội binh ma** nghĩa là để áp chế ma vương và đội binh ma.

tỳ-kheo gọi là **vị thu thúc** tức thu thúc theo đường lối chơn chánh của thân, ngữ và tâm.

Do ý nghĩa từ "Ya" dịch là "nào" và từ "Ta" dịch là "đó" có sự liên quan nhau thuần nhất nên mới có từ vải y phấn tảo **nào** mà bậc thầy của thế gian sử dụng thì ai lại không mặc vải y phấn tảo **đó**.

Cụm từ **khi nhớ đến việc thọ trì** nghĩa là khi nhớ đến việc thọ trì của mình ngay trước mặt Chư Tăng có thầy

giáo thọ dẫn đầu trong sīmā lễ thọ cụ túc giới rằng "Āma bhante" (nói lên lời chấp nhận với thầy tế độ, thầy giáo thọ rằng: "Dạ xin vâng").

2- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN MẶC TAM Y

(Tecīvarikaṃga).

(Chi Phần Của Tỳ-kheo
Thường Xuyên Mặc Tam Y)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Theo tuần tự kế tiếp từ chi phần mặc y phấn tảo là chi phần mặc tam y là chi phần mà tỳ-kheo thọ trì bằng lời nói rằng: "Tôi xin khước từ tấm y thứ 4", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên mặc tam y" bằng một lời nào.

Tỳ-kheo mặc tam y được vải để may y cho đến khi không thể may được bởi vì không thuận tiện, hay chưa xác định được công việc du hành (vicāraṇakamma) hay dụng cụ như kim... một loại nào chưa đầy đủ thì nên cất giữ lại bởi vì việc cất giữ lại không làm duyên cho phạm tội, tuy

nhiên từ lúc ban đầu đã nhuộm thì không nên cất giữ lại nữa (nếu giữ lại) sẽ gọi là "trộm cắp đầu đà" (dhutaṇgacora).

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo mặc tam y.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **tấm y thứ 4** tức tấm y thứ 4 sử dụng thêm trong việc đắp (y), bởi vì vải lót bên trong (haṃsa) không phải là vải mà tỳ-kheo nên khước từ.

Lời nào nên đề cập trong câu **bằng một lời nào**, lời đó có lý mà tôi đã đề cập trong phần sau.

Cụm từ **cho đến khi chưa thể may được** do liên quan đến từ "yāva" (tức cho đến khi) gom vào với mỗi từ "cho đến khi chưa xác định được công việc du hành (vicāraṇakamma), cho đến khi (dụng cụ như kim...) chưa đầy đủ".

Cụm từ **chưa đầy đủ** tức chưa hoàn thành.

Cụm từ **bởi vì việc cất giữ lại không làm duyên cho phạm tội** tức không phạm tội bởi sự mê muội của đầu đà do việc tích lũy cất giữ lại.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Tỳ-kheo mặc tam y nói theo phân loại có 3 nhóm, trong

3 nhóm đó trong lúc nhuộm mà tỳ-kheo **là vị thọ trì bậc thượng** nên nhuộm y nội (antaravāsaka) hoặc y vai trái (uttarāsaṇga) một loại nào trước mặc tấm y nhuộm đó, rồi mới nhuộm tấm vải còn lại. Nên mặc vải nhuộm đó, rồi nhuộm y Tăng Già Lê (sanghāṭi), nhưng việc đắp y Tăng Già Lê này được xếp vào là phận sự trong trú xứ ven nhà của vị tỳ-kheo đó.

Đối với tỳ-kheo sống trong rừng thì việc giặt rồi nhuộm cả 2 tấm vải y cũng được nhưng nên ngồi tại nơi xa để nhìn thấy bất cứ ai đến thì có thể lấy vải y cà sa đến trùm lên trên mình được.

Còn **người thọ trì bậc trung** thông thường trong xưởng nhuộm sẽ có vải y cà sa để nhuộm thì vị ấy sẽ mặc hoặc choàng tấm vải y cà sa đó để làm công việc nhuộm cũng được.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** thì vị sẽ mặc hoặc đắp tất cả y của tỳ-kheo đồng đẳng với nhau nhuộm cũng được, ngay cả vải chuẩn bị cho việc dùng làm vật trải đang có trong trú xứ đó cũng được đối với tỳ-kheo thọ trì bậc hạ, nhưng để cất giữ thì không được, sự việc mà vị ấy sẽ sử dụng y của nhóm tỳ-kheo đồng đẳng nhau theo mỗi giai đoạn trở đi cũng được, vải thêm lên thành tấm vải thứ 4 đối với tỳ-kheo thọ trì mặc tam y thì sử dụng riêng biệt làm vải lót (hồng sắc). Nhưng vải hồng sắc đó rộng 1 gang tay, dài 6 gang tay thì được.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này thường hư hoại trong lúc họ vui thích tấm y thứ 4. Đây được xếp vào là sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **tại nơi gần** (trong cụm từ nên ngồi tại nơi gần) tức tại nơi gần y sử dụng (mặc) trong lúc nhuộm gọi là **vải cà sa để mặc nhuộm**.

Gọi là **vải chuẩn bị cho việc dùng làm vật trải đang có trong trú xứ** tức vải chuẩn bị cho việc sử dụng liên quan đến việc làm vật trải trong trú xứ là vật đang có của mình hoặc người khác.

Vải lót (hồng sắc) được xếp vào là vải phụ tùng (vải cần phải dùng ngoài ra tam y gọi là vải phụ tùng như áo bát, giềm...). Vì vậy, các ngài giáo thọ sư mới cùng nhau đề cập (dẫn chứng) rằng "Trong sớ giải đề cập rằng: Cả 2 tấm vải là 1- vải trải, 2- vải lót (hồng sắc) hiện diện trong vai trò y dư thừa (atirekacivara) thì không làm hư hoại điều đầu đà này".

Cụm từ **nhưng để cất giữ thì không được** nghĩa là không nên đối với tỳ-kheo thọ trì mặc tam y liên quan đến việc sử dụng thường xuyên, bởi vì Ngài chỉ cho phép sử dụng riêng biệt trong lúc nhuộm mà thôi.

Cụm từ **vải lót (hồng sắc)** tức vải mà tỳ-kheo sử dụng mang trên vai.

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Tiếp theo là quả báo về các ân đức như tỳ-kheo thọ trì mặc tam y thường là người tri túc với y là vật bảo vệ thân thể, cho nên người đã thọ trì tạm thời được:

1- Đời sống giống như loài chim.

2- Trở thành người ít hướng đến vật chất.

3- Từ bỏ việc tích trữ vải.

4- Là người có hành vi nhẹ nhàng.

5- Đoạn trừ tham lam trong việc dư thừa y.

6- Là người sử dụng độ lượng đối với vật chất mà Đức Phật cho phép.

7- Có hành vi bào mòn phiền não.

8- Thành tựu ân đức như thiểu dục...

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **với y là vật bảo vệ thân thể** tức với y là vật ngăn ngừa gìn giữ thân thể khỏi sự tai hại do gió và nắng.

Cụm từ **đã thọ trì** tức đã nắm giữ.

Cụm từ **trở thành người ít hướng đến vật chất** tức trở thành người có ít phận sự.

Cụm từ **là người sử dụng độ lượng đối với vật chất**

mà Đức Phật cho phép nghĩa là trong tất cả nhiều tấm vải cho dù Đức Thế Tôn cho phép liên quan đến việc dùng làm tọa cụ... và liên quan đến việc dùng làm vải phụ tùng cũng là người giữ vững chỉ trong tam y.

Thanh Tịnh Đạo

Hành giả là bậc thiện trí từ bỏ việc tích trữ, bởi vì đoạn trừ được ái dục trong vải vượt quá cần thiết, là người thấu hiểu được vị của sự an lạc trong việc tri túc chỉ mặc tam y, vì vậy hành giả là bậc thanh cao là bậc có thiên hướng sẽ du hành được thuận lợi nên làm cho sự ưa thích đầu đà bằng sự ấn định về y (civara), chỉ có bấy nhiêu y cũng du hành được giống như loài chim chỉ có đôi cánh cũng bay đi khắp nơi được.

Đây là việc luận giải về sự thọ trì và phương pháp thực hành, phân loại, hư hoại và quả báo về chi phần của tỳ-kheo thường xuyên mặc tam y.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **người chỉ có đôi cánh cũng bay đi khắp nơi được** tức thực hiện việc bay đi bằng đôi cánh.

Từ **pakkhī** cũng bằng với từ sapakkhiko (người có đôi cánh tức loài chim).

3- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN THỌ DỤNG ĐỒ ĂN KHẤT THỰC

(Piṇḍapātikaṃga)

(Chi Phần Của Vị Tỳ-kheo
Thường Xuyên Thọ Dụng Đồ Ăn Khất Thực)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Cụm từ **chi phần thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātikaṃga)** cũng là chi phần mà tỳ-kheo thọ trì bằng một lời nào trong 2 lời này như "Tôi xin khước từ lợi lộc dư thừa" "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên thọ dụng đồ ăn khất thực".

Tỳ-kheo là vị thọ trì thọ dụng đồ ăn khất thực không nên vui thích 14 loại vật thực là:

1- Vật thực mà họ cúng dường đến Chư Tăng (saṇghabhatta).

2- Vật thực mà họ nhắm vào dâng cúng riêng biệt cho mình (uddesabhatta).

3- Vật thực mà họ thỉnh mời (nimantanabhatta).

4- Vật thực cúng dường theo bắt thăm (salākabhatta).

5- Vật thực cúng dường thường xuyên vào nửa tháng (pakkhikabhatta).

6- Vật thực cúng dường thường xuyên vào ngày bố tát (uposathikabhatta).

7- Vật thực cúng dường thường xuyên vào ngày cho người hành đạo (paṭipadikabhatta).

8- Vật thực dành riêng cho khách Tăng (āgantukabhatta).

9- Vật thực dành riêng cho tỳ-kheo sẽ đi (gamikabhatta).

10- Vật thực dành riêng cho tỳ-kheo bệnh (gilānabhatta).

11- Vật thực dành riêng cho tỳ-kheo nuôi bệnh (gilānupatthākabhatta).

12- Vật thực thường xuyên trong chùa (vihārabhatta).

13- Vật thực thường xuyên của người ở nhà gần chùa (dhurabhatta).

14- Vật thực mà họ chia phiên với nhau để cúng dường (varabhatta).

Nhưng nếu như thí chủ không nói về việc cúng dường bằng cách... rằng: "Xin các vị hãy nhận vật thực của Chư

Tăng" chỉ nói về việc cúng dường rằng "Xin vị Tăng trưởng hãy nhận vật thực trong nhà của chúng con, hay nhóm của các vị hãy nhận vật thực"... tỳ-kheo vui thích các vật thực đó cũng được lẫn bắt thăm không có vật thực (nirāmissasalāka) từ Chư Tăng lẫn vật thực mà họ nấu trong chùa cũng được giống như vậy. Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **lợi lộc dư thừa (atirekalābha)** tức lợi lộc nhiều quá, nghĩa là từ vật thực mà ngài nêu lên rằng "nương vào vật thực tức vắt cơm nên tìm kiếm bằng đôi chân" nghĩa là vật thực dâng đến Chư Tăng...

Vật thực mà thí chủ cúng dường đến tất cả Chư Tăng gọi là **vật thực cúng dường đến Chư Tăng (saṇghabhatta)**.

Vật thực mà thí chủ cúng dường riêng biệt số lượng 2-3 vị gọi là **vật thực cúng dường do chỉ định (uddesabhatta)**.

Vật thực mà thí chủ cúng dường vào nửa tháng, nửa ngày gọi là **vật thực cúng dường bán nguyệt (pakkhikabhatta)**.

Vật thực mà thí chủ cúng dường trong mỗi ngày bố tát gọi là **vật thực cúng dường ngày bố tát (uposathikabhatta)**.

Vật thực mà thí chủ cúng dường vào ngày (mà người) hành đạo gọi là **vật thực cúng dường ngày hành đạo (pātipadikabhatta)**.

Vật thực mà thí chủ cúng dường chỉ riêng biệt cho chùa gọi là **vật thực cúng dường chủ tâm vào chùa (vihārabhatta)**.

Vật thực mà thí chủ trong nhà cúng dường gần sát (chùa) gọi là **vật thực thường dâng cúng cạnh chùa (dhurabhatta)**.

Vật thực mà mọi người như nhóm dân làng... cúng dường theo phiên gọi là **vật thực thay phiên để cúng dường (vārabhatta)**.

Cụm từ **bằng cách... rằng: "Xin các vị hãy nhận vật thực của Chư Tăng"**, bằng từ "..." ngài xếp vào là vật thực cúng dường do chỉ định (uddesabhatta)...

Cụm từ **tỳ-kheo vui thích các vật thực đó cũng được** nghĩa là "được" bởi vì là vật thực đúng theo lời nói gián tiếp là "đồ ăn khất thực".

Một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng: "Thăm liên quan đến thuốc trị bệnh (bhesajja)... gọi là **bắt thăm không có vật thực (nirāmissasalāka)** và ngoại trừ ra vật thực có thời gian quy định (yāvakālika) gọi là **bắt thăm không có vật thực**.

Cụm từ **lẫn vật thực mà họ nấu trong chùa** nghĩa là nhóm cận sự nam, cận sự nữ nấu vật thực trong chùa rồi gìn giữ vật thực (dâng đến Chư Tăng) trong chùa rằng: "Chúng con xin cúng dường đến ngài là bậc tôn túc trưởng

lão", như vậy vật thực mà họ nấu trong chùa vẫn thích hợp cho dù với tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātika).

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại

Nói theo phân loại tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** thường thọ nhận vật thực mà thí chủ đem đến cúng dường đến trước cũng được, đến sau cũng được, đứng tại cửa một ngôi nhà cầm bát cho thí chủ đến nhận lấy cũng được, nhận lấy vật thực mà họ đem đến cúng dường trong lúc trở về cũng được, nhưng ngồi xuống rồi sẽ không nhận vật thực nữa trong ngày đó.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** mặc dù ngồi xuống rồi vẫn nhận được nữa trong ngày đó, nhưng không nhận thỉnh mời để thọ thực vào sáng ngày mai.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** thì nhận vật thực để thọ thực sáng ngày mai và trong ngày khác nữa.

Vị thọ trì bậc trung và bậc hạ, cả 2 nhóm này thường không được an lạc trong việc sống tự do, vị thọ trì bậc thượng thì được.

Như câu chuyện thuật lại rằng (việc thuyết pháp) về Thánh Tông (ariyavaṃsa) trong nơi quanh một ngôi nhà,

tỳ-kheo thọ trì bậc thượng nói với 2 vị kia rằng: "Này các vị, chúng ta hãy đi nghe pháp với nhau". Trong 2 vị tỳ-kheo đó, một vị tỳ-kheo nói rằng "Tôi phải chờ đợi một người thỉnh mời nên ngồi chờ". Một vị khác nói rằng: "Tôi cũng chấp thuận nhận vật thực để dùng trong ngày mai của một người". Cả 2 vị tỳ-kheo này được xếp vào khiếm khuyết hoàn toàn bởi trường hợp này. Còn tỳ-kheo thọ trì bậc thượng thì đi lại khất thực từ sáng sớm được thọ hưởng pháp vị.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại trong sát na họ vui thích lợi lộc dư thừa như vật thực dâng cúng đến Chư Tăng... Đây được xếp vào là hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Từ **đem đến** (trong cụm từ nhận lấy vật thực mà họ đem đến cúng dường trong lúc trở về cũng được) tức thí chủ nhận lấy bát (bỏ vật thực vào) rồi đem (bát đã bỏ vật thực vào) đến từ nhà.

Cụm từ **ngồi xuống trong ngày đó** tức do nhận lời của thí chủ rằng "Bạch ngài, xin các ngài đừng đi lại để khất thực, chúng con sẽ đem vật thực đến cúng dường ở chùa này", nên mới ngồi xuống trong ngày đó.

Cụm từ **an lạc trong việc sống tự do** tức an lạc là người sống không liên hệ với người khác.

Cụm từ **(thuyết pháp) về Thánh Tông** tức thuyết pháp kết hợp với bài kinh Thánh Tông (ariyavaṃsasutta).

Cụm từ **pháp vị** tức vị là sự an lạc... liên kết với pháp.

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Tiếp theo là quả báo tức điều thực hành tương ứng với tánh chất theo lời thuyết giáo rằng:

1- "Bậc xuất gia nương vào vật thực là vắt cơm tìm kiếm được do công sức của mình".

2- An trú vững chắc trong Thánh Tông.

3- Có đời sống sinh hoạt không liên hệ với người khác.

4- Là người có tứ vật dụng mà Đức Thế Tôn tán thán rằng "là vật chất nhỏ nhoi, tìm kiếm được dễ dàng và các vật chất đó là vật sử dụng không có tội".

5- Áp chế được sự lười biếng.

6- Là người có sự mưu sinh thanh tịnh.

7- Làm cho thực hành theo ưng học pháp được trọn vẹn.

8- Là người không phải nuôi dưỡng người khác.

9- Tạo sự tế độ cho người khác.

10- Diệt được ngã mạn.

11- Ngăn chặn được ái dục trong vị.

12- Không bị phạm tội do điều học thọ thực theo nhóm (gaṇabhojanasikkhāpada), thọ thực theo truyền thống gia

đình (paramparabhojanasikkhāpada) và thường thăm viếng gia đình (carittasikkhāpada).

13- Là người thực hành khuynh hướng theo các ân đức, như thiểu dục...

14- Vun bồi sự thực hành chơn chánh (sammāpaṭipatti).

15- Tế độ cho đàn hậu tấn.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **áp chế được sự lười biếng** bởi vì nương vào công sức tìm kiếm được do khất thực.

Gọi là **người có sự mưu sinh thanh tịnh** bởi vì tìm kiếm vật thực theo đường lối như lời thuyết giáo (trong Tiểu Bộ Kinh. Pháp Cú. 25/21) rằng "Yathāpi bhamaro pupphaṃ"… (đầy đủ là yathāpi bhamaro pupphaṃ vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ paleti rasamādāya, evaṃ gāme munī care, tức bậc xuất gia nên đi lại khắp mọi nhà giống như con ong không làm cho hoa, màu sắc và mùi hương bị xâm hại mà chỉ hút lấy mật rồi bay đi).

Gọi là **làm cho thực hành theo ưng học pháp được trọn vẹn (sekkhiyapaṭipatti)** bởi vì tất cả ưng học pháp (sekkhiyadhamma) như điều học che kín thân thể nghiêm trang trước rồi đi vào trong khu xóm (lupaṭichannagamana)… được hoàn chỉnh đối với tỳ-kheo thường xuyên đi đến nhà theo tuần tự.

Gọi là **người không phải nuôi dưỡng người khác** bởi vì là người biết độ lượng trong việc thọ nhận và do không sống tụ tập.

Gọi là **tạo sự tế độ cho người khác** bởi vì nhận lấy chút ít số lượng vật thực từ mỗi gia tộc.

Gọi là **diệt được ngã mạn** bởi vì ở vai trò thấp kém do việc nuôi mạng thấp nhất, lời này tương ứng theo lời thuyết giảng (trong Tiểu Bộ Kinh - Phật thuyết như vậy (itivuttaka)_25/289) rằng "Này các tỳ-kheo đây là việc nuôi mạng thấp nhất của tất cả đường lối nuôi mạng tức việc đi lại để khất thực"…

Gọi là **ngăn chặn được ái dục trong vị** bởi vì làm cho tự ngã tiến hành (trong việc nuôi mạng) bằng vật thực trộn lẫn nhau.

Gọi là **không bị phạm tội do điều học thọ thực theo nhóm…** bởi vị nhận sự thỉnh mời.

Thanh Tịnh Đạo

Tỳ-kheo thu thúc tri túc bằng vắt cơm tìm kiếm được do công sức, nuôi mạng không liên hệ với người khác từ bỏ được tham trong vật thực nên ở được trong 4 phương, loại trừ được biếng nhác trong việc mưu sinh trong sạch. Do đó, người có trí tuệ tinh tường không nên xem thường việc khất thực.

Hậu Sớ Giải

Tỳ-kheo gọi là **tứ phương (cātuddiso)** do ý nghĩa đi được trong cả bốn phương bởi vì là người du hành đi được không trở ngại.

Thanh Tịnh Đạo

Tất cả chư thiên thường luôn quan tâm đối với vị tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực như vậy, là người tự nuôi dưỡng mình mà không phải nuôi dưỡng người khác, là người không giao động nếu như họ không là người sống nương vào lợi lộc và danh tiếng.

Đây là sự diễn giải về việc thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần thọ dụng đồ ăn khất thực.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **người tự nuôi dưỡng mình** nghĩa là tỳ-kheo tự nuôi dưỡng bằng cách tự nuôi sống bằng tứ vật dụng là vật chất nhỏ nhoi không có tội và tìm được dễ dàng. Do tự nuôi dưỡng mình nên gọi là **không phải nuôi dưỡng người khác** cho dù là bạn đồng trú (saddhivihārika)… bởi vì là người chỉ sống một mình.

Bằng 2 cụm từ (1- là người tự nuôi dưỡng mình, 2- không là người nuôi dưỡng người khác) ngài giáo thọ sư trình bày là người thực hành hạnh giảm thiểu, là người dễ

nuôi, là người rất thiểu dục và tri túc bởi vì việc du hành do nương vào y là vật để che đậy thân thể, nương vào đồ ăn khất thực là vật để nuôi dưỡng mạng sống.

Cụm từ **tất cả chư thiên thường luôn quan tâm… không giao động** nghĩa là tất cả nhóm chư thiên như vua trời Đế Thích… còn quan tâm mong mỏi đối với tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực là vị tỳ-kheo không giao động an tịnh, bởi vì là người có ngữ nghiệp và ý nghiệp vô cùng an tịnh, người đầy đủ niệm và tuệ là bậc đầy đủ sự cẩn trọng (nepaka), người có niệm suốt mọi lúc, phần nhiều sự cung kính phát sanh do các đức tánh như giới… của vị tỳ-kheo đó sẽ làm cho khởi sanh sự tịnh tín, còn nói gì đến nhóm nhân loại.

Gọi là **nếu như họ không là người sống nương vào lợi lộc và danh tiếng** nghĩa là nếu là người không mong cầu đối với lợi lộc, cung kính và danh tiếng.

4- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN ĐI KHẤT THỰC TUẦN TỰ TỪNG NHÀ

(Sapadānacārikaṃga)

(Chi Phần Của Vị Tỳ-kheo
Thường Xuyên Đi Khất Thực Tuần Tự Từng Nhà)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần đi khất thực tuần tự từng nhà cũng là chi phần mà tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời phát nguyện này rằng "Tôi xin khước từ sự ham muốn đi lại để khất thực", "Tôi xin thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên đi lại khất thực theo tuần tự từng nhà".

Tỳ-kheo đi khất thực tuần tự từng nhà dừng lại nơi đường đi vào cửa nhà nên ghi nhận để tránh khỏi nguy hiểm từ sự tai hại, tai hại đang có nơi ngõ hẻm hoặc nhà nào thì từ bỏ ngõ hẻm hoặc nhà đó rồi đi đến nơi khác cũng được, không được vật thực nào nơi cửa nhà hay nơi ngõ

hẻm hoặc trong nhà thì nên hiểu rằng "không phải là nhà" rồi đi nơi khác, khi sẽ được bất cứ vật thực gì trong nơi nào mà bỏ nơi đó đi thì không nên.

Lại nữa, tỳ-kheo là vị đi khất thực tuần tự từng nhà (sapadānacarika) này nên đi vào trước thời gian bởi vì như vậy vị ấy sẽ có thể bỏ nơi không yên lành rồi đi đến nơi khác cũng được. Nếu như các người cúng dường trong chùa hoặc đi đến giữa đường nhận lấy bát rồi cúng dường vật thực cho vị ấy (vị ấy sẽ nhận được) thì được, tỳ-kheo này trước khi đi đến thì nên đi khất thực không từ bỏ nhà mà mình đến trong lúc vừa mới khất thực dù không được vật thực trong nhà đó hoặc được chút ít đi nữa, nên đi khất thực theo tuần tự từng nhà.

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo đi khất thực tuần tự từng nhà.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **trước lúc** tức thời gian đó.

Cụm từ **nơi không yên lành** tức nơi khó đi vào được vì là nơi có sự tai hại…

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Theo phân loại thì tỳ-kheo đi khất thực theo tuần tự từng nhà có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó thì tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** sẽ không nhận vật thực mà họ đem đến trước và vật thực mà họ đem đến sau lẫn nơi mà họ đem đến cúng dường trong lúc trở về, nhưng sẽ mở bát nơi một cửa nhà (cho họ nhận bát đặt vật thực đem đến cúng dường).

Gọi là người như trưởng lão Mahākassapa về điều đầu đà này tìm không có, ngay cả nơi chốn mà ngài Mahākassapa mở bát cũng vẫn còn hiện bày.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** thì nhận vật thực mà họ đem đến trước cũng được, đem đến sau cũng được lẫn họ đem đến trong lúc trở về cũng được, mở bát nơi trước một cửa nhà cũng được, nhưng không ngồi chờ đợi vật thực này tỳ-kheo thọ trì bậc trung đó được xếp vào tương đương với tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapātika) bậc thượng.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** thì ngồi chờ đợi (vật thực cúng dường) trong ngày đó cũng được.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại chỉ cần khởi lên sự tham muốn trong việc đi khất thực.

Đây là xếp vào sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Từ **trước** tức trước khi tỳ-kheo đang đi trên đường chưa kịp đi đến nhà (để khất thực).

Cụm từ **mở bát** tức mở bát tại cửa nhà của vua trời Đế Thích hóa hiện mình thành người thợ dệt đứng nơi đường của thợ dệt (pesakāvithī), tỳ-kheo là vị thọ dụng đồ ăn khất

thực bậc thượng thì không ngồi chờ đợi vật thực trong ngày đó, cho nên (tỳ-kheo là vị thọ trì bậc trung về đi khất thực tuần tự từng nhà) mới gọi là **tương đương với tỳ-kheo thọ dụng đồ ăn khất thực bậc thượng**.

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Tiếp theo là quả báo như sau:

1- Là người mới thường xuyên trong tất cả gia tộc.

2- Là người được so sánh với mặt trăng.

3- Từ bỏ được sự bỏn xẻn trong các gia tộc.

4- Là người tế độ cho các gia tộc ngang bằng nhau.

5- Không có tội lỗi do thường xuyên lai vãng đến các gia tộc.

6- Tìm kiếm sự vui thích trong việc không được nhắc đến tên.

7- Là người không muốn xuôi theo bởi việc đem đến riêng biệt (vật thực cho mình).

8- Là người thực hành xu hướng theo các ân đức như thiểu dục…

Hậu Sớ Giải

Gọi là **người mới thường xuyên trong tất cả gia tộc**

bởi vì không có sự quen thân với nhau do không thường xuyên đi đến các gia tộc bất cứ là gia tộc nào.

Gọi là **người được so sánh với mặt trăng** bởi vì không có tâm dính mắc trong các gia tộc lẫn có sự bình thản.

Gọi là **từ bỏ được sự bỏn xẻn trong các gia tộc** bởi vì không có tâm chấp thủ trong tất cả gia tộc.

Gọi là **người tế độ cho các gia tộc ngang bằng nhau** bởi vì tỳ-kheo là người tầm cầu lợi ích trợ giúp (cho mình và người khác) không có sự phân biệt (đối với các gia tộc).

Cụm từ **tìm kiếm sự vui thích trong việc không được nhắc đến tên** tức không cần phải chờ đợi lời tìm kiếm bằng việc thỉnh mời.

Cụm từ **xuôi theo bởi việc đem đến riêng biệt** tức xu hướng theo việc đem đến vật thực riêng biệt cho mình.

Thanh Tịnh Đạo

Tỳ-kheo là người đi khất thực tuần tự từng nhà trong giáo pháp này, có tâm không dính mắc giống như mặt trăng, là người mới thường xuyên trong tất cả gia tộc, không có sự bỏn xẻn tế độ cho tất cả gia tộc ngang bằng nhau, tránh khỏi lỗi lầm khi đi đến các gia tộc. Do đó, tỳ-kheo là bậc hiền minh có trí tuệ nên là người hướng tầm mắt nhìn xuống một hắc tay, khi ước muốn tự do đi lại khất thực trên đất liền thì nên từ bỏ việc tham muốn trong việc khất thực rồi thực hành việc đi khất thực theo tuần tự từng nhà.

Đây là việc diễn giải sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần đi khất thực theo tuần tự từng nhà.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **tự do đi lại khất thực** tức đi khất thực theo ý thích.

5- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN CHỈ THỌ THỰC TẠI MỘT CHỖ NGỒI

(Ekāsanikaṃga)

(Chi Phần Của Vị Tỳ-kheo
Thường Xuyên Chỉ Thọ Thực Tại Một Chỗ Ngồi)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời phát nguyện này rằng "Tôi xin khước từ việc thọ thực tại nhiều chỗ ngồi", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên thọ thực tại một chỗ ngồi".

Tỳ-kheo là người chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi, trước khi ngồi trong trai đường (āsanasālā) không nên ngồi trên chỗ ngồi dành cho trưởng lão nên xác định xem chỗ ngồi thích hợp rằng: "Chỗ ngồi này sẽ dành cho ta" rồi mới ngồi. Nếu như việc thọ thực của vị ấy còn đang dang dở do thầy

giáo thọ hoặc thầy tế độ đến thì vị ấy đứng lên làm phận sự cũng được. Nhưng ngài Tam Tạng trưởng lão Culābhaya nói rằng: "Nên gìn giữ chỗ ngồi hay việc thọ thực đi nữa, tuy nhiên vị tỳ-kheo này là người còn đang dang dở trong việc thọ thực cho nên hãy làm phận sự nhưng đừng thọ thực".

Đây là phương pháp thực hành của tỳ-kheo chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi (ekāsanika).

Hậu Sớ Giải

Từ **nānāsanabhojanaṃ** tức thọ thực tại nhiều chỗ ngồi, nghĩa là không thọ thực bằng cách ngồi chỉ một lần mà thọ thực trong lúc mỗi lần ngồi.

Từ **thích hợp** (trong cụm từ chỗ ngồi thích hợp) tức đúng vai trò, nghĩa là nên sắp xếp theo thứ tự.

Cụm từ **vị ấy sẽ (đứng lên) làm phận sự cũng được** tức vị ấy sẽ làm phận sự theo đúng (vai trò).

Gọi là **phận sự** tức phận sự cần phải làm đối với người hiện diện trong vai trò đáng cung kính, cũng để biểu hiện cách thức thực hành về phận sự đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập đến lời nói của bậc trưởng lão rằng "Nếu sẽ gìn giữ chỗ ngồi tức gìn giữ chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi (ekāsanika), tỳ-kheo là vị đang thọ thực từ việc hư hoại của đầu đà. Cũng có lời giải thích rằng "Không nên đứng lên cho đến khi việc thọ thực chấm dứt", hoặc nếu gìn giữ việc thọ thực tức việc gìn giữ mà tỳ-kheo chưa được thọ thực từ việc hư

hoại của đầu đà cũng có nghĩa là "Cho đến khi chưa được (cơ hội) để thọ thực thì nên đứng lên (làm phận sự).

Giải thích: Bởi vì 2 điều thực hành này không có được trong trường hợp này (tức trong trường hợp còn đang thọ thực chưa xong thì có thầy giáo thọ hoặc thầy tế độ đến, vì vậy nên phải làm phận sự không cần phải gìn giữ đầu đà. Do đó, trưởng lão mới nói rằng: **"Tuy nhiên vị tỳ-kheo này"...**

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại

Theo phân loại tỳ-kheo là người chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** cho dù vật thực có nhiều hoặc ít nhưng khi vị ấy đã đặt tay vào trong vật thực nào thì không được nhận lấy vật thực khác ngoài vật thực đó. Nếu như nhóm thí chủ đem vật thực như bơ trong... đến (cúng dường) do nghĩ rằng "Trưởng lão chưa thọ thực bất cứ thứ gì" (vật thực như bơ trong...) thì nên chỉ để làm thuốc trị bệnh (bhesajja) không phải để làm vật thực.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** thì được nhận lấy vật thực khác cho đến khi vật thực trong bát chưa (thọ thực) hết, tỳ-kheo thọ trì bậc trung này được gọi là người có vật thực sau cùng.

Còn tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** thì được thọ thực cho đến

khi chưa đứng lên khỏi chỗ ngồi, tỳ-kheo thọ trì bậc hạ đó gọi là "có nước sau cùng" bởi vì được thọ thực cho đến khi chưa nhận nước rửa bát hoặc gọi là "có chỗ ngồi sau cùng" cũng được bởi vì thọ thực cho đến khi chưa đứng lên (khỏi chỗ ngồi).

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại trong sát na vị ấy thọ thực khác chỗ ngồi. Đây là sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Bằng câu **chỉ để làm thuốc trị bệnh** này ngài trình bày rằng: "Tất cả vật thực như bơ trong... thì được dùng liên quan đến thuốc trị bệnh".

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Là người thiểu bệnh.

2- Là người ít khổ đau.

3- Có sự linh hoạt.

4- Có sức mạnh.

5- Sống bình yên.

6- Không bị phạm tội do điều học thọ thực trở lại (anatirittabhojanasikkhāpada) làm duyên.

7- Giảm thiểu được ái dục trong vị.

8- Thực hành theo khuynh hướng các ân đức như thiểu dục...

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **là người thiểu bệnh** tức là người không có bệnh.

Cụm từ **là người ít khổ đau** tức là người có sự sống không vất cả, nghĩa là có khổ của thân thể.

Cụm từ **có sự linh hoạt** tức có xoay trở thân thể được mau lẹ.

Cụm từ **có sức mạnh** tức thân thể khỏe mạnh.

Cụm từ **sống yên bình** tức sống được an lạc.

Tất cả quả báo này được xếp vào để ngăn ngừa việc sai quấy thường xuyên (vikāra) phát sanh do việc thọ thực nhiều lần làm duyên.

Thanh Tịnh Đạo

Tất cả bệnh tật có sự thọ thực làm duyên thường không nhiễu hại tỳ-kheo là người thu thúc, vui thích trong việc thọ thực tại một chỗ ngồi, là người có sự tham muốn trong vị, không làm cho hành vi (kamma) của mình thối giảm, vì vậy tỳ-kheo có tâm trong sạch nên vui thích trong việc thọ thực tại một chỗ ngồi là nhân của sự sống an lạc mà người vui thích trong việc

thực hành bào mòn làm cho phát sanh sự trong sạch việc thọ thực.

Đây là sự diễn giải về việc thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **không làm cho hành vi của mình** tức không làm cho hành vi tinh cần (yogakamma) của mình cả trước và sau đối với vật thực bị thối giảm.

Giải thích: "Không làm cho thối giảm bởi vì là người không sống xoay vòng trong việc thọ thực nhiều lần và do sự vô bệnh".

6- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN CHỈ THỌ THỰC TRONG BÁT

(Pattapiṇḍikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo
Thường Xuyên Chỉ Thọ Thực Trong Bát)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần chỉ thọ thực trong bát cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời này rằng: "Tôi xin khước từ dụng cụ để đựng thứ hai", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo chỉ thường xuyên thọ thực trong bát".

Tỳ-kheo là người chỉ thọ thực trong bát (pattapiṇḍika) trong lúc húp cháo, khi được cơm đặt trong vật đựng (bhājana) rồi thì nên thọ thực cơm trước hoặc húp cháo trước, nhưng nếu như đặt (thức ăn) vào trong cháo, cháo sẽ trở nên khó ăn bởi vì thức ăn như mắm cá... trộn vào,

nên làm cho không lẫn lộn rồi thọ thực. Do đó, lời nói này ("nên làm cho không lẫn lộn rồi thọ thực") tôi đề cập nhắm vào thức ăn như thế đó (tức thức ăn như mắm cá... trộn lẫn cháo). Tuy nhiên loại thức ăn nào như mật ong và đường phèn... là vật không khó ăn thì loại thức ăn đó nên đặt vào được, tỳ-kheo thọ nhận nên thọ nhận có chừng mực, dùng tay để cầm rau, khoai củ rồi thọ thực cũng được, nhưng nếu không làm như vậy thì nên đặt xuống trong bát bởi vì tỳ-kheo là người từ chối dụng cụ để đựng thứ hai thì dụng cụ để đựng khác cho dù lá cây cũng không thích hợp. Đây là phương pháp thực hành của tỳ-kheo chỉ thọ thực trong bát.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **nên làm cho không bẩn thỉu rồi thọ thực** tức vật thực bẩn thỉu mà thọ thực vào rồi có thể không tồn tại được (nên tỳ-kheo làm cho không bẩn thỉu rồi thọ thực).

Gọi là **nên thọ nhận có chừng mực** nghĩa là tỳ-kheo suy nghĩ rằng "Ta chỉ sẽ nhận một đồ đựng mà thôi" để không phải bỏ đi do thọ nhận nhiều quá.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo chỉ thọ thực trong bát cũng có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó, đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng**

thì cho dù vứt bỏ bã đi cũng không được ngoài trừ lúc nhai mía, ngay đến việc phân chia vắt cơm, cá, thịt và bánh ra rồi thọ thực cũng không được.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** thì dùng một bên tay phân ra để thọ thực cũng dùng được, tỳ-kheo thọ trì bậc trung này gọi là "hành giả dùng tay" (hatthayogī).

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** gọi là "hành giả dùng bát" (pattayogī), đối với tỳ-kheo thọ trì bậc hạ đồ vật mà tỳ-kheo có thể bỏ vào trong bát đang có thì tỳ-kheo sẽ dùng tay hoặc răng tách các vật đó ra rồi thọ thực cũng dùng được.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại trong sát na mà họ ưa thích dụng cụ để đựng thứ 2.

Đây được xếp vào sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Quả Báo

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Giảm thiểu được ái dục trong bất cứ các vị.

2- Từ bỏ được tham đắm.

3- Là người chỉ thấy lợi ích của vật thực.

4- Không có sự khó khăn trong việc gìn giữ dụng cụ để đựng như mâm...

5- Là người thọ thực không chọn lựa.

6- Thực hành khuynh hướng theo các ân đức như thiểu dục...

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **giảm thiểu được ái dục trong bất cứ các vị** tức giảm thiểu được ái dục trong dụng cụ để đựng có các vị khác nhau.

Gọi là **người tham đắm** tức có sự thèm muốn các vị ở trong dụng cụ để đựng khác nhau, dụng cụ để đựng này, dụng cụ để đựng kia, tánh chất của người tham đắm đó gọi là "đắm nhiễm" (atricchatā), nên **từ bỏ được tham đắm đó**.

Cụm từ **là người chỉ thấy lợi ích của vật thực** tức không tạo sự dính mắc trong các vị không trộn lẫn nhau, chỉ thấy lợi ích mà Bậc Đạo Sư cho phép trong vật thực bởi vì tỳ-kheo chấp thủ thức ăn được đặt trong các dụng cụ để đựng tách rời nhau thành mỗi loại nên có sự nghĩ đến trong dụng cụ để đựng đó mới gọi là người chọn lựa để thọ thực, việc diễn tiến theo trạng thái đó không có đối với tỳ-kheo chỉ quán tưởng vật thực đang có trong bát. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **là người thọ thực không chọn lựa**.

Thanh Tịnh Đạo

Người nào từ bỏ chọn lựa trong các dụng cụ để đựng hướng tầm mắt xuống, là người thực hành phận sự tốt đào xới được gốc ái dục trong vị, giống như đào xới rễ gốc cây, có tâm khéo léo gìn giữ sự tri túc giống như gìn giữ thân thể của mình, nên thọ thực (để đáp lại người này) tức tỳ-kheo chỉ thọ thực trong bát.

Đây là sự diễn giải về việc thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần chỉ thọ thực trong bát (pattapiṇḍikaṃga).

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **hướng tầm mắt xuống** tức có mắt nhìn xuống phía dưới bởi vì là người quán tưởng chỉ trong bát.

Cụm từ **nên thọ thực** tức nên có thể sẽ thọ thực.

7- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN KHÔNG NHẬN VẬT THỰC CÚNG DƯỜNG SAU BỮA ĂN

(Khalupacchābhattikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo Thường Xuyên Không Nhận Vật Thực Cúng Dường Sau Bữa Ăn)

Thanh Tịnh Đạo

Chi phần không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời phát nguyện rằng: "Tôi xin khước từ vật thực còn lại (atirittabhojana)", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn".

Tỳ-kheo không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn khi đã được thỉnh mời thì không nên làm cho vật thực trở thành đúng theo luật để thọ thực nữa.

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn.

Hậu Sớ Giải

Vật thực nào mà họ đem đến cúng dường cho tỳ-kheo đang thọ thực, do vị tỳ-kheo đó từ chối thì vật thực ấy được xếp vào là vật thực dư thừa nên gọi là **vật thực còn lại (atirittabhojana)**.

Gọi là **không nên làm cho vật thực trở thành đúng theo Luật (kappiya) để thọ thực nữa** bởi vì điều đầu đà này mà có vật thực còn lại là vật thực mà điều đầu đà này cấm chế. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn**.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại thì tỳ-kheo không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn (khalupacchābhattika) có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó thì tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** thì việc được thỉnh mời thọ thực (ngăn cấm), về đồ ăn khất thực đầu tiên thì không có, nhưng khi vị ấy khởi sự thọ thực đầu tiên thì xem như chối từ vật thực khác. Do đó, tỳ-kheo đã ngăn cấm như vậy rồi, khi thọ thực đồ ăn khất thực đầu tiên thì không dùng vật thực thứ hai nữa.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** khi đã được thỉnh mời về vật thực nào thì vẫn được dùng chỉ vật thực đó.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** vẫn thọ thực được cho đến khi chưa đứng lên rời khỏi chỗ.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này xem như vị đã được thỉnh mời (pavāraṇā) thì hư hoại trong sát na vị ấy làm cho vật thực trở thành đúng theo Luật (kappiya) để thọ thực. Đây là sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **về vật thực nào** (từ cụm từ khi đã được thỉnh mời về vật thực nào) tức vật thực mà vị ấy đang thọ thực nào cũng vẫn thọ thực được chỉ riêng biệt vật thực đó, vật thực khác thì không được.

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Là người tránh khỏi phạm tội do dùng tàn thực (anatirittabhojana).

2- Không là người không làm cho (vật thực) đầy bụng.

3- Không có sự tích góp vật chất.

4- Không phải tìm kiếm nữa.

5- Có sự thực hành khuynh hướng theo các ân đức như thiểu dục...

Hành giả gọi là không nhận vật thực cúng dường

sau bữa ăn là bậc tinh tường, không hành động dẫn đến sự vất vả do việc tìm kiếm, không tích góp từ bỏ trở thành người làm cho đầy bụng. Do đó, hành giả chủ tâm sẽ diệt trừ các tội lỗi nên thực hành điều đầu đà này mà Đức Thiện Thệ tán thán.

Nhân Làm Cho Tăng Trưởng Các Ân Đức Như Tri Túc... Được Khởi Hiện.

Đây là việc diễn giải sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn.

Hậu Sớ Giải

Phạm tội do thọ thực tàn thực làm duyên gọi là **anatirittabhojanāpatti**.

Gọi là **người tránh khỏi phạm tội do thọ thực tàn thực** tức không bị phạm tội.

Tánh chất của người loạng choạng bởi vì là người làm cho đầy bụng gọi là **người làm cho no cành hông**.

Gọi là **không là người làm cho đầy bụng** bởi vì làm cho tự thể thực hiện bằng việc đi khất thực.

Gọi là **không có sự tích góp vật chất** bởi vì không có sử dụng đồ vật để cất giữ.

Gọi là **không hành động dẫn đến sự vất vả do việc tìm kiếm** tức không tạo điều kiện dẫn đến vất vả liên quan đến việc phải tìm kiếm nữa.

Nhân làm cho tăng trưởng các ân đức như tri túc... là pháp làm duyên để bào mòn khởi hiện, gọi là **nhân làm cho tăng trưởng các ân đức như tri túc... khởi hiện**.

Đây là điều đầu đà về chi phần của tỳ-kheo thường xuyên không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn.

8- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN SỐNG Ở RỪNG

(Araññikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo
Thường Xuyên Thọ Trì Sống Ở Rừng)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần sống ở rừng cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời này rằng: "Tôi xin khước từ trú xứ ven xóm làng", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên đi vào sống trong rừng", tỳ-kheo là người sống ở rừng nên từ bỏ trú xứ ven xóm làng, để mang lại bình minh khởi hiện trong rừng.

Trong cụm từ trú xứ ven xóm làng thì nhà cùng với nhà gần sát nhau, nên gọi là **trú xứ ven xóm làng**, nhà có một túp lều, có nhiều túp lều, có hàng rào bao quanh, không có hàng rào bao quanh, có người ở, không có người ở đi nữa,

tối thiểu một loại nào, ngay cả một chiếc xe bò nào mà dừng nghỉ lại hơn nữa tháng cũng gọi là "xóm làng".

Đối với xóm làng có hàng rào bao quanh nếu như ngưỡng cửa có 2 tầng giống như kinh thành Anurādhapura, nơi mà hòn đá rơi xuống do người có sức mạnh trung bình đứng tại ngưỡng cửa (ném đi) gọi là **"nơi gần xóm làng"**, các bậc trì Luật (vinayadhara) nói đến trường hợp của nơi mà hòn đá rơi xuống đó cũng giống như vậy rằng: "Bên trong phạm vi rơi xuống của hòn đá mà họ ném đi theo cách thức người thanh niên biểu hiện sức mạnh của mình duỗi thẳng cánh tay ném hòn đá đi".

Còn các giáo thọ sư trì Kinh nói rằng: "Bên trong phạm vi rơi xuống của hòn đá mà họ ném đi tương tự như việc đuổi quạ".

Trong xóm làng mà không có hàng rào bao quanh, nữ nhân đứng tại cửa sau của cô dùng vật đựng nước để tạt nước, nơi mà rơi xuống của nước đó gọi là "nơi gần nhà" kế tiếp từ nơi gần nhà đó trở đi khoảng cách một hòn đá rơi xuống (leṇaḍupāta) theo cách đã đề cập gọi là "xóm làng", khoảng cách hòn đá thứ 2 rơi xuống gọi là "nơi gần xóm làng".

Còn "rừng" ngài đề cập theo cách thức Luật rằng tất cả ngoại trừ xóm làng và nơi gần xóm làng ra thì gọi là "rừng", theo cách thức Thắng Pháp (abhidhamma) ngài đề cập rằng "Bên ngoài ngưỡng cửa ra trở đi tất cả nơi này gọi là "rừng". Còn theo cách thức Kinh (sutta) nói rằng "nơi có

khoảng cách xa 500 mũi tên loại ngắn gọi là "trú xứ rừng". Đây là đặc điểm trong từ "rừng" này. Trú xứ rừng đối với xóm làng có hàng rào bao quanh nên xác định đo bắt đầu từ ngưỡng cửa, đối với xóm làng nơi không có hàng rào bao quanh nên xác định đo bắt đầu từ khoảng cách hòn đá đầu tiên rơi xuống cho đến hàng rào chùa bằng cây tên của người thợ đặt xuống để đo đạt.

Còn trong sớ giải Luật (atthakathāvinaya) đề cập rằng nếu chùa không có hàng rào bao quanh thì trú xứ đầu tiên nằm phía sau của họ hay nhà bếp, giảng đường, cây Bồ Đề hoặc bảo tháp nếu như đang có trong nơi xa khỏi trú xứ thì nên lấy nơi đó làm phạm vi đo đạt.

Còn trong sớ giải Trung Bộ Kinh (atthakathāmajjhimanikāya) đề cập rằng "Bất cứ nơi nào tính theo thứ tự của khoảng cách 2 hòn đá rơi xuống kể từ nơi xa đối diện chùa trở đi, giống như tính từ nơi đối diện xa xóm làng trở đi". Lời nói của sớ giải Trung Bộ Kinh là ước lượng trong việc đo đạt. Nếu như có xóm làng ở nơi gần, tỳ-kheo đứng tại chùa nghe được tiếng của mọi người nhưng không thể đi thẳng được bởi vì bị ngăn cản do sông, núi…, xóm làng đó mà có con đường thông thường nào nếu như đi lại bằng đường thủy được thì tỳ-kheo nên lấy nơi có khoảng cách 500 mũi tên theo đường đó, nhưng vị tỳ-kheo nào mà bít lại con đường từ nơi đó để làm cho hoàn thành bộ phận của xóm làng gần chùa, tỳ-kheo này gọi là "trộm cắp đầu đà" (dhutaṇgacora).

Lại nữa, nếu như thầy tế độ hoặc thầy giáo thọ của tỳ-kheo ở rừng bị bệnh, vị đó không được vật dụng thích hợp ở trong rừng thì nên đem ngài đi đến trú xứ ven xóm làng để phục dịch, tuy nhiên khi đã ra đi nên (trở về) khi bình minh ló dạng trong lãnh vực hội đủ chi phần để kịp đối với thời gian, nếu như bệnh của các ngài đó nặng thêm trong lúc bình minh ló dạng thì nên làm phận sự duy nhất đối với các ngài, đừng nhắm vào ý định trở thành người có đầu đà trong sạch. Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo là người sống ở rừng (āraññika).

Hậu Sớ Giải

Trong cụm từ **nên từ bỏ trú xứ ven xóm làng để mang lại bình minh khởi hiện trong rừng** nghĩa là ngài giáo thọ sư để trình bày tóm tắt trú xứ ven xóm làng và trong rừng, mới bắt đầu cụm từ **trú xứ ven xóm làng thì nhà cùng nhà gần sát nhau…**

Trong các từ đó do trú xứ ven xóm làng liên quan vào với nhà, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **nhà (cùng với nhà gần sát nhau)** gọi là **trú xứ ven xóm làng** gắn liền ý nghĩa cho dù một chiếc xe bò cùng gọi là xóm làng.

Từ **indakhīla** tức ngưỡng cửa.

Đặc điểm của rừng theo cách thức Luật trong điều học bất cộng trụ (pārājikasikkhāpāda) về điều trộm cắp (adinnādāna), trong điều học đó thì đặc điểm về rừng được

xác định đến lãnh vực của việc trộm cắp không bỏ sót rằng: "Từ làng hay từ rừng đi nữa"… (nội dung này trong hậu chế định (anupaññatti) của điều học bất cộng trụ thứ 2 trong bộ Đại Phân Tích (mahāvibhaṇga) Tạng Luật rằng "Vị tỳ-kheo nào cầm lấy đồ vật mà họ không cho từ xóm làng hay từ rừng đi nữa xem như là trộm cắp… tỳ-kheo cầm lấy đồ vật của họ không cho như vậy, đây là xếp vào là bất cộng trụ không được cộng trú". Rồi ngài giải thích từ "xóm làng" và "rừng" vào trong cùng một nơi với nhau rằng "gọi là xóm làng" tức nhà có một túp lều, nhà có 2 túp lều… cho dù một chiếc xe bò nào dừng nghỉ hơn 4 tháng thì đây cũng gọi là xóm làng, gọi là "nơi gần xóm làng" tức nơi rơi xuống của hòn đá của người có sức mạnh bậc trung đứng tại ngưỡng cửa không có hàng rào bao quanh ném đi, gọi là rừng ngoại trừ xóm làng và nơi gần xóm làng ra, chỗ còn lại gọi là "rừng").

Ngài giáo thọ sư để trình bày không lẫn lộn nhau đến xóm làng và rừng mới đề cập rằng **tất cả nơi ngoại trừ xóm làng ra…**

Giải thích:

Trên con đường của thế gian nơi gần xóm làng thì tính là xóm làng, tuy nhiên theo cách triệt để nơi vượt khỏi xóm làng cũng được xếp vào là rừng. Do đó, trong Thắng Pháp mới đề cập rằng "Bên ngoài ngưỡng cửa trở đi tất cả nơi này gọi là rừng (trong Thắng Pháp, bộ Phân Tích 25/338)".

Ngài chỉ lấy tỳ-kheo sống ở rừng trong chương điều học sống ở rừng (āraññikasikkhāpada) theo cách thức Kinh rằng: "Nơi có khoảng cách xa khoảng 500 mũi tên loại ngắn" vì rằng trong Kinh vị tỳ-kheo đó ngài không gọi là người sống ở rừng có trú xứ vắng lặng do việc sống ở trong rừng có theo cách thức Luật (phải theo cách thức Kinh mà thôi).

(Nên hiểu rằng trong Luật Tạng (vinayapiṭaka) không phải chỉ có duy nhất điều học chế định mà còn có câu chuyện từ điều học đó, câu chuyện này gọi là "Kinh" (sutta) chỉ là kinh trong Luật Tạng mà không phải kinh trong Kinh Tạng (suttantapiṭaka) như bài kinh Chuyển Pháp Luân (dhammacakkhappavattanasutta), bài kinh Pháp Môn Ngọn Lửa Cháy (ādittapariyāyasutta)… việc giải thích trong câu chuyện từ chương điều học (sikkhāpada) mới gọi là giải thích theo cách thức Kinh giống như giải thích trong Kinh Tạng, việc giải thích trong chương về điều học gọi là giải thích theo cách thức Luật, từ "rừng" hiện bày về nhân vật trong điều học là hậu chế định của điều bất cộng trụ thứ 2 đã được nêu lên trình bày về nội dung, việc giải thích từ "rừng" trong nơi đó mới gọi là giải thích theo cách thức Luật, nhưng vẫn còn hiện bày trong câu chuyện từ điều học thứ 9 của phẩm bình bát (pattavagga) mà nhóm tỳ-kheo sống ở rừng lấy 1 trong 3 tấm y nào cất giữ trong khu xóm quá 6 đêm, vải đó bị chuột cắn, lửa cháy… tỳ-kheo phải là người sống xa lìa y là nhân làm cho Ngài chế định điều học

cho tỳ-kheo sống ở rừng hiểu rằng đáng ghê sợ có sự nguy hại do cất giữ 1 trong 3 tấm y nào trong khu xóm, tuy nhiên tỳ-kheo sống xa lìa y đó được tối đa là 6 đêm, nếu nhiều hơn thì phạm ưng đối trị (nissaggiyapacittīya) chỉ ngoại trừ tỳ-kheo được chỉ định, việc giải thích từ "rừng" trong câu chuyện như vậy gọi là giải thích theo cách thức Kinh tức nơi có khoảng cách con đường xa 500 mũi tên loại ngắn_ Người dịch), nhưng nơi đây là luận giải theo Kinh cho nên kệ ngôn Kinh (suttantakathā) được giới hạn trong tất cả chương. Do đó ngài giáo thọ sư trước khi trình bày về đặc điểm (của rừng) trong bài kinh này nên dựa vào mới đề cập đến cách thức tính (cho được mũi tên) bằng cụm từ **bằng mũi tên của thợ đo đạc đặt xuống…** cho nên ngài mới đề cập đến cách thức của sớ giải Trung Bộ Kinh rằng **lời của sớ giải Trung Bộ Kinh là ước lượng trong việc đo đạc**.

Cụm từ **bít lại con đường từ nơi đó** tức bít lại chút ít con đường trong nơi đó.

Tỳ-kheo gọi là (nhắm vào ý định) **trở thành người có đầu đà trong sạch** tức là người nỗ lực trong việc chỉnh đốn đầu đà cho trong sạch.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo sống ở rừng cũng có 3 nhóm, trong 3 nhóm đó thì tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** cần phải có mặt trong rừng vào lúc bình minh trong suốt mọi lúc.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** được sống tại trú xứ ven xóm làng suốt 4 tháng mùa mưa.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** được sống (trong trú xứ ven xóm làng) ngay cả suốt mùa lạnh.

Đối với 3 nhóm tỳ-kheo này người đến từ rừng trong thời gian ấn định để nghe pháp tại trú xứ ven làng thì đầu đà không hư hoại cho dù khi bình minh ló dạng, khi đã nghe pháp đang đi trở về (rừng) cho dù khi bình minh ló dạng giữa đường thì đầu đà cũng không hư hoại.

Nhưng nếu như khi Pháp sư đã đứng lên, vị ấy nghĩ rằng: "Tôi sẽ xin ngủ lại chỉ chốc lát rồi sẽ đi" rồi ngủ cho đến khi rạng đông, hay đón bình minh tại trú xứ ven xóm làng theo ý thích của mình thì đầu đà hư hoại.

Đây là xếp vào sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Quả Báo

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Tỳ-kheo sống ở rừng khi tác ý hiểu rằng "rừng" mà người sống nương vào có thể đạt được Định (samādhi) chưa được hoặc sẽ bảo tồn Định đã được.

2- Bậc Đạo Sư Ngài có lòng thương tưởng đối với vị ấy, giống như lời thuyết giáo (trong Tăng Chi Kinh_pháp 8 chi. 23/356) rằng "Này Nāgita, Ta tán thán việc sống ở rừng của vị tỳ-kheo đó".

3- Lại nữa, các pháp như sắc không thích hợp… không làm giao động tâm của vị tỳ-kheo sống ở trú xứ yên tịnh.

4- Là người xa lìa sự nao núng sợ hãi.

5- Từ bỏ sự quyến luyến đời sống.

6- Vui thích vị an lạc nương từ sự vắng lặng.

7- Cho dù là tỳ-kheo mặc y phấn tảo… cũng thích hợp đối với vị ấy.

Tỳ-kheo an tịnh không tu tập thành nhóm, vui thích trong trú xứ vắng lặng làm cho tâm Đức Như Lai (lokanātha) tán thán bởi việc sống ở rừng, là người chỉ một mình đi vào sống trong rừng thu thúc luôn được an lạc, ngay đến các chư thiên cùng Đức Trời Đế Thích cũng chưa được vị của lạc đó. Cũng chính vị này khi mặc y phấn tảo cũng giống như mặc giáp vào đi đến chiến trường (rừng) có pháp thiêu đốt còn lại là khí giới, là người có thể sẽ chiến thắng Ma Vương cùng với đội binh ma vào thời gian không lâu. Do đó, bậc hiền trí nên tạo sự hài lòng trong việc sống ở rừng.

Đây là việc diễn giải sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần sống ở rừng.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **(đến từ rừng) trong thời gian ấn định** nghĩa là đối với tỳ-kheo thọ trì bậc thượng cả 3 mùa (tức cả năm không ngoại trừ nơi chốn phải luôn ở rừng vào lúc bình minh), đối với người thọ trì bậc trung thì 2 mùa, đối với người thọ trì bậc hạ thì chỉ một mùa, dầu đà không hư hoại cho dù trong thời gian đã ấn định đó do có sự tinh cần.

Ngài đề cập **đầu đà thường hư hoại** do có sự suy nghĩ thối chuyển rằng **ta xin nằm ngủ chỉ trong chốc lát rồi sẽ đi**.

Cụm từ **khi tác ý hiểu rằng rừng…** nghĩa là tác ý rằng "Ta sẽ sống viễn ly" (viveka) hoặc "Ta nên làm cho thân viễn ly để đạt được thành quả", nên là người sống nương vào để có thể… sẽ bảo tồn Định đã được.

Gọi là **không làm giao động tâm của vị tỳ-kheo** bởi vì không dẫn đến phạm vi của môn.

Gọi là **người xa lìa sự nao núng sợ hãi** bởi vì quen thuộc với sự vắng lặng.

Gọi là **từ bỏ sự quyến luyến đời sống** bởi vì tạo cho mình trở thành người xa lìa đối với sợ hãi sự chết bằng cách đi vào sống trong rừng có vô số tai họa.

Gọi là **vui thích hưởng thụ vị của sự an lạc nương từ sự vắng lặng** bởi vì không có sự tu tập thành nhóm người.

Giải thích:

Điều đầu đà về chi phần sống ở rừng giống như phương tiện dẫn dắt hành giả đi (đến sự viễn ly) bởi vì là điều thực hành như Ngài giáo hóa là nền tảng của viễn ly.

Từ **avasesadhutāyadho** nghĩa là có pháp thiêu đốt (dhutadhamma) còn lại là khí giới.

9- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN SỐNG DƯỚI CỘI CÂY

(Rukkhamūlikaṃga)

(Chi Phần Nói Về Vị Tỳ-kheo
Thường Xuyên Sống Dưới Cội Cây)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần sống dưới cội cây cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời phát nguyện rằng: "Tôi xin khước từ nơi được che lợp", "Tôi xin thọ trì chi phần thường xuyên của tỳ-kheo sống dưới cội cây".

Tỳ-kheo là người sống dưới cội cây (rukkhamālika) nên chừa ra các cây này như cây có trong khoảng giữa biên giới, cây làm bảo tháp, cây có nhựa cây, cây có trái, cây có bông hoa, cây có dơi, cây có lỗ rỗng, cây lưu niên ở tại giữa chùa, rồi sử dụng cây lưu niên ở sát cuối chùa.

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo sống dưới cội cây.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **nơi che lợp** tức nơi mà họ dùng vật liệu để che lợp như ngói… để che lợp, nghĩa là nơi cư trú.

Cụm từ **cây có trong khoảng giữa biên giới** tức cây lưu niên gần biên giới của 2 bên đức vua bởi vì là nơi chiến sự thường nổ ra, ngay đến các bọn trộm cướp cướp của giữa đường cũng thành nhóm với nhau nên không cho tỳ-kheo được ngồi an lạc.

Gọi là **làm bảo tháp** tức cây mà các nhóm người đồng tâm nhất trí rằng: "Có chư thiên ngự", vì vậy xem như không được yên tịnh do các nhóm người đi vào để cúng dường.

Cây như cây chai phà… gọi là **cây có nhựa cây**.

Cây là dơi đi vào ở gọi là **cây có dơi**.

Cây trong khoảng giữa có bọng (lỗ rỗng) thì có tai hại và khó tìm được sự thanh vắng, vì vậy ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **nên chừa ra các cây này**.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo sống dưới cội cây cũng có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** sử dụng cây theo ý thích được, không được để cho ai quét dọn, nên dùng chân quét lá cây rơi rồi cư ngụ.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** cho người đi đến nơi đó quét dọn cũng được.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** có thể gọi người đến đó hoặc sa-di thị giả đến dọn dẹp đất chuẩn bị cho bằng phẳng trải cát làm hàng rào, gắn cửa rồi cư trú, tuy nhiên trong ngày có việc lễ hội tỳ-kheo sống dưới cội cây đừng ngồi trong nơi đó, nên ngồi trong nơi khác là nơi được che khuất kín đáo.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại trong sát na vị ấy thỏa mãn việc cư ngụ trong nơi che lấp, còn các giáo thọ sư chỉ dạy trong bộ Tăng Chi Kinh (aṇguttaranikāya) nói rằng "hư hoại chỉ cần biết rõ bình minh xuất hiện trong nơi được che lợp".

Đây là việc hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **lá cây rơi** tức lá rơi từ cây.

Gọi là **nên ngồi trong nơi được che khuất** để che kính tỳ-kheo thường xuyên thọ trì sống dưới cội cây.

Việc thỏa mãn cư ngụ trong nơi được che lợp vẫn có lợi ích đối với tất cả công việc như nghe pháp… Do đó ngài giáo thọ sư trùng tuyên Tăng Chi Kinh mới đề cập rằng **chỉ cần biết rõ bình minh xuất hiện trong nơi được che lợp** (tức biết rằng bình minh đang xuất hiện mà vẫn còn nghỉ lại trong nơi được che lợp).

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Có sự thực hành thích hợp đối với cơ tánh theo lời giáo hóa rằng: "Bậc xuất gia sống nương vào trú xứ cội cây".

2- Là người có tứ vật dụng mà Đức Thế Tôn tán thán rằng "là vật nhỏ nhoi tìm kiếm được dễ dàng (và sử dụng) các đồ vật đó không có tội".

3- Làm cho vô thường tưởng khởi hiện do thường xuyên thấy sự thay đổi của cây và lá.

4- Không có sự bỏn xẻn trú xứ và vui thích trong việc làm.

5- Có đời sống cùng chung như các chư thiên.

6- Có sự thực hành khuynh hướng theo các ân đức như thiểu dục…

Đức Phật là bậc cao quý cùng tột Ngài tán thán và thuyết về "Cơ tánh của tỳ-kheo an tịnh thường luôn sống dưới cội cây có được từ nơi nào?

Bậc hành đạo tinh cần khi sống an tịnh dưới gốc cây diệt đi sự bỏn xẻn về nơi ở, có chư thiên hộ trì.

Nhìn thấy các cây và lá có màu đỏ đậm, màu xanh, màu vàng và nơi rơi xuống nên diệt trừ được thường tưởng. Do đó, bậc có tuệ thấy rõ không nên xem thường gốc cây vắng lặng là nơi ở của người vui thích tu tiến, là di sản của Chư Phật.

Đây là việc diễn giải về sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần sống dưới cội cây.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **do thường xuyên thấy sự thay đổi của cây và lá** tức bởi vì thấy sự thay đổi nghĩa là sự diệt đi trong sát na thường xuyên của tất cả cây hoặc lá cây.

Cụm từ **không có sự bỏn xẻn trú xứ và vui thích trong việc làm** tức không có sự bỏn xẻn về chỗ ở (āvāsamacchariya) và vui thích trong việc xây dựng (là người thông thạo trong công việc_navakamma).

Cụm từ **như các chư thiên** tức như các nhóm chư thiên thọ thần (rukkhadevatā) bởi vì nhóm chư thiên đó sống trong thiên cung an trụ nơi các cây gọi là cư ngụ nơi các cây cối, vị tỳ-kheo này có đời sống đồng với nhau (với chư thiên thọ thần) nơi các cây cối.

Cụm từ **Đức Phật là bậc cao quý cùng tột Ngài tán thán** tức Ngài tán thán bằng lời nói rằng "là vật nhỏ nhoi"... và **thuyết về sự y cứ (nissaya)** tức "bậc xuất gia sống nương vào trú xứ dưới cội cây".

Khi thấy tất cả cây và lá rõ ràng như vậy rằng "Trong lúc còn non có màu đỏ đậm, trong lúc trưởng thành có màu xanh và trong lúc già cỗi có màu vàng khô héo thì rơi rớt", nên mới loại trừ được thường tưởng (cho rằng là thường

tồn_nicca saññā), vị ấy chỉ vững trú trong vô thường tưởng. Chính do nhân việc đản sanh, giác ngộ (thành đạo), chuyển pháp luân và viên tịch Níp Bàn (parinibbāna) của Đức Thế Tôn dưới cội cây, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **cội cây là di sản của Chư Phật**.

10- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN SỐNG Ở NGOÀI TRỜI

(Abbhokāsikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo
Thường Xuyên Thọ Trì Sống Ở Ngoài Trời)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần sống ở ngoài trời cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời phát nguyện rằng: "Tôi xin khước từ nơi được che lợp và cội cây", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên sống ở ngoài trời".

Tỳ-kheo là người sống ở ngoài trời (abbhokāsika) đi đến phòng bố tát (uposatha) để nghe pháp hay để được lợi ích cho việc bố tát thì được, nếu như khi vị ấy đi vào mà trời mưa thì đừng đi ra trong lúc ấy, nên đi ra trong lúc trời tạnh mưa, tỳ-kheo đi đến trai đường hay nhà bếp để làm

phận sự thì được, cho dù đi đến nơi che lợp để thỉnh mời các tỳ-kheo trưởng lão trong trai đường để thọ thực hay để thông báo và để gìn giữ đồ vật trong trú xứ như giường, ghế... mà để ngổn ngang ở bên ngoài đem vào để bên trong thì được, nếu như giữ đồ phụ thuộc của tỳ-kheo già đang đi đường khi trời mưa thì đi vào đến nhà nghỉ chân tại giữa con đường thì được, nếu như không cầm bất cứ vật gì mà nghĩ rằng "Ta sẽ vào trong giảng đường" rồi bước đi nhanh thì không được, tuy nhiên có thể đi vào theo thông thường chờ đợi cho đến khi tạnh mưa rồi mới đi.

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo sống ở ngoài trời. Ngay cả tỳ-kheo sống ở dưới cội cây cũng có cùng cách thức này.

Hậu Sớ Giải

Khi phát nguyện thọ trì rằng: "Tôi xin khước từ cội cây" chỉ bấy nhiêu xem như cũng khước từ nơi được che lợp giống như nhau. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **tôi xin khước từ nơi được che lợp và cội cây**.

Giải thích:

Việc thọ trì đầu đà được thành tựu do sự khước từ tức từ bỏ (hoàn toàn) tất cả trường hợp không phải (từ bỏ) theo trường hợp khác.

Cụm từ **để nghe pháp** nghĩa là để giữ vững tâm của mọi người đang nghe pháp trong các ngày như ngày bát

quan trai giới... Trường hợp mà chính vị ấy là người thuyết pháp được họ thỉnh mời đi đến nơi được che lợp thì được, nhưng khi đã thuyết pháp xong thì nên đi đến nơi ngoài trời, ngay cả tỳ-kheo sống dưới cội cây cũng có cùng cách thức này.

Cụm từ **để được lợi ích cho việc bố tát** tức để thọ trì bát quan trai giới.

Cụm từ **để thông báo** tức sẽ thông báo chỉ bảo cho tất cả tỳ-kheo khác.

Cụm từ **nhà nghỉ chân đặt tại giữa con đường** tức nhà nghỉ chân đi thẳng vào được không phải bước xuống từ con đường giống như nhà nghỉ chân trong đảo Tích Lan (sīhaladīpa). Sự việc bước đi nhanh thì không được bởi vì không phải là hình tướng của sa-môn.

Giải thích:

Dừng lại chờ đợi cho đến khi tạnh mưa rồi mới đi thì không hư hoại điều đầu đà này.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo sống ở ngoài trời (abbhokāsika) này có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó thì tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** mà vị ấy đi đến cư ngụ nơi cội cây hay núi đồi hoặc nhà thì không được, nên làm cốc liêu bằng y ở ngoài trời.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** mà vị ấy cư ngụ gần cây cối, núi đồi và nhà nhưng không đi vào bên trong thì được.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** cho dù vách núi thẳng đứng nhô ra thuộc phạm vi không bị che lợp, vòm cây, vải, túp lều mà người canh ruộng... bỏ đi tại trong ruộng đó cũng dùng được.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại trong sát na vị ấy đi đến nơi được che lợp và cội cây để được lợi ích đối với việc cư ngụ. Giáo thọ sư chỉ dạy bộ Tăng Chi Kinh đề cập rằng: "Hư hoại chỉ cần vị ấy hiểu rằng bình minh xuất hiện tại nơi được che lợp và cội cây".

Đây là xếp vào sự hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **bên trong cây cối** tức cội cây (rukkhamūla). Bộ phận vách đứng và nhô ra của núi gọi là **bộ phận thuộc về núi**.

Cụm từ **phạm vi không bị che lợp** tức phạm vi núi không được dựng lên mái nhà loại đơn sơ bên trên bằng cách làm cho nước mưa không chảy vào bên trong được, nhưng nếu như vách đứng và nhô ra của núi có nước mưa chảy vào bên trong được thì được xếp vào là ngoài trời loại đơn sơ cũng được. Do đó, vị ấy đi vào trong vách đứng và nhô ra của núi thì được.

Cụm từ **vòm cây** tức vòm được dùng cành cây để che lợp thô sơ.

Gọi là **vải** tức vải sāṭaka loại thô cứng.

Giải thích:

Đầu đà thường hư hoại trong sát na vị ấy đi vào (đến nơi được che lợp và cội cây) ngoại trừ nơi có vách đứng và nhô ra... như đã đề cập.

Cụm từ **đã hiểu** tức đã hiểu rằng "Ta đi đến nơi được che lợp, cội cây ngồi để làm phận sự như nghe pháp... giờ đây bình minh đang xuất hiện".

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo.

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Cắt đứt được bận tâm về chỗ cư ngụ.

2- Loại trừ được hôn trầm thụy miên.

3- Là người đi lại không dính mắc giống như loài hươu.

4- Có sự tương xứng đối với lời tán thán phán dạy rằng "Các tỳ-kheo là người không vướng bận chỗ ở".

5- Không có sự dính mắc trong chỗ ở.

6- Là người đi được suốt cả 4 phương.

7- Có sự thực hành theo khuynh hướng các ân đức như thiểu dục...

Do tỳ-kheo khi sống ở ngoài trời thích hợp đối với người không có nhà, là nơi tìm kiếm được không khó khăn, nơi có ngôi sao làm trần nhà, có mặt trăng làm ngọn đèn chiếu sáng, vị ấy có tâm giống như loài hươu, loại trừ được hôn trầm thụy miên, sống vui thích trong sự tu tiến, thường được hài lòng sanh khởi từ vị của sự vắng lặng đối với thời gian không lâu. Do đó, tỳ-kheo có tuệ nên là người vui thích sống ở ngoài trời.

Đây là sự diễn giảng việc thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần sống ở ngoài trời.

Hậu Sớ Giải

Ngài đề cập rằng **cắt đứt được bận tâm về chỗ cư ngụ** là nói về quả báo trong điều đầu đà sống ở ngoài trời.

Cụm từ **có sự tương xứng đối với lời tán thán phán dạy** tức bởi vì là người không có nơi cư ngụ nên là người tương xứng với lời tán thán phán dạy rằng **là người không vướng bận chỗ ở.**

Gọi là **người đi được suốt cả 4 phương** bởi vì không có sự lo lắng rằng "Trong phương hướng đó không có nơi cư ngụ vì vậy ta không thể đi đến phương hướng đó".

Cụm từ **(có tâm) giống như loài hươu** tức có tâm giống như tâm của loài hươu bởi vì không có sự chấp giữ.

11- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN SỐNG NƠI NGHĨA ĐỊA

(Sosānikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo
Thường Xuyên Thọ Trì Sống Nơi Nghĩa Địa)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần sống nơi nghĩa địa cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng một trong 2 lời phát nguyện rằng: "Tôi xin khước từ nơi không phải là nghĩa địa", "Tôi xin thọ trì chi phần thường xuyên của tỳ-kheo sống trong nghĩa địa".

Tất cả nhóm người trước khi thành lập xóm làng thường qui định lấy nơi chốn nào, rằng "Đây là nghĩa địa", tỳ-kheo sống nơi nghĩa địa không nên sống trong nơi khi chưa thiêu xác của người chết bởi vì nơi đó không gọi là nghĩa địa, nhưng bắt đầu từ lúc đã được thiêu, cho dù xác chết bị quăng bỏ đi suốt 12 năm cũng gọi là nghĩa địa.

Tỳ-kheo trước khi sống trong nghĩa địa không nên cho họ sửa soạn nơi chốn thành cổng đi lại... không nên cho đặt giường và ghế, không nên cho sắp xếp nước để ăn uống, nước để sử dụng, rồi trình báo pháp lại (trong nơi đó).

Bởi vì điều đầu đà này nghiêm trọng, vì vậy để được lợi ích đối với việc phòng ngừa tai họa sẽ phát sanh nên là người không dễ duôi, trình báo lại cho Chư Tăng trưởng lão hoặc nhà chức trách của mình biết được, rồi đi vào sống trong nghĩa địa.

Khi đi kinh hành nên liếc mắt nhìn giàn hỏa táng cho dù khi đi đến nghĩa địa, nên bước xuống từ con đường cái đi dọc theo con đường bên ngoài, nên xác định ngay lập tức tâm trạng từ lúc ban ngày bởi vì khi đã xác định như vậy thì tâm trạng đó sẽ không tạo điều kiện đáng sợ hãi đối với vị ấy trong lúc ban đêm. Tất cả nhóm phi nhơn cho dù đi khắp nơi kêu la suốt đêm, vị ấy cũng không nên dùng bất cứ vật gì làm tổn hại nó. Sự việc mà vị ấy sẽ không đi đến mộ địa cho dù chỉ một ngày cũng không nên, các giáo thọ sư chỉ dạy Tăng Chi Kinh (aṅguttaranikāya) nói rằng: "Sự việc làm cho chấm dứt đi canh giữa (majjhimayāma) trong nghĩa địa, rồi trở lại canh cuối (pacchimayāma) cũng sử dụng được".

Không nên dùng vật thực mà các bọn phi nhân ưa thích như bánh mè, cơm đậu, cá, thịt, sữa, dầu và mật mía... Không nên đi đến nhà của gia chủ.

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo sống nơi nghĩa địa (sosānika).

Hậu Sớ Giải

Từ **nussānaṃ** nơi không phải nghĩa địa, từ **na** có nghĩa là "bất cứ nơi khác nữa" (tức cụm từ không phải là nghĩa địa cũng tức là bất cứ nơi khác nữa từ nghĩa địa). Tức là nơi chốn ngoài ra đặc điểm của nghĩa địa.

Cụm từ **(không nên ở) trong nơi đó** tức không nên ở trong nơi chốn chỉ cần họ qui định với nhau rằng là nghĩa địa bởi vì đặc điểm của nghĩa địa được hình thành chẳng phải chỉ là gọi tên. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **na hi...** gọi là **bắt đầu từ lúc đã được thiêu... thì gọi là "nghĩa địa"** bởi vì nơi xác chết đang nằm (ngổn ngang) cũng gọi là "nghĩa địa" được, vì vậy đặc điểm của nghĩa địa chỉ cần có xác chết đang nằm (ngổn ngang).

Ngài giáo thọ sư để trình bày rằng "gọi là tỳ-kheo sống nơi nghĩa địa nên có ít phận sự, đồng cùng việc thực hành giảm thiểu", nên mới đề cập rằng **tỳ-kheo khi ở trong nghĩa địa đó...**

Cụm từ **(điều đầu đà này) nghiêm trọng** tức khó hành trì được, để trình bày về đầu đà khó hành trì được này ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **"vì vậy"...**

Trong nhóm từ đó thì cụm từ **để được lợi ích đối với việc phòng ngừa tai họa sẽ phát sanh** nghĩa là các bọn

cướp không hành nghề (như cướp bóc...) được, dù gì cũng đã hành nghề nên suy nghĩ rằng "gọi là nghĩa địa là nơi nằm xuống, nơi nhắm mắt của tất cả mọi người", rồi đến tụ hợp với nhau. Khi bọn cướp gặp được chủ nhân của tài sản đến trong nơi đi vào đó thì sẽ quăng bỏ đồ vật trong nơi gần kề của tỳ-kheo để trốn tránh, mọi người sẽ bắt lấy tỳ-kheo do nghĩ là tên cướp rồi đánh đập. Do đó, nên mới trình bày lại cho Chư Tăng trưởng lão trong chùa hoặc nhà chức trách của mình, nơi mình thường xuyên ở quanh quẩn khu xóm cho biết rõ, rồi nên là người không dễ duôi bởi tai họa như vậy hoặc tai họa khác sẽ không có được.

Ngài giáo thọ sư để trình bày: "Trong lúc nào mà không có giàn hỏa táng ngay trước mặt của tỳ-kheo đang đi kinh hành để làm cho phát sanh kinh cảm thì ngay lúc đó vị ấy nên làm giảm bớt ngã kiến (attadiṭṭhi) trong nơi đó". Nên mới đề cập rằng **nên liếc mắt nhìn giàn hỏa táng...**

Gọi là **đi dọc theo con đường bên ngoài** để không hiển lộ (che khuất) là tỳ-kheo sống nơi nghĩa địa của mình.

Cụm từ **(xác định) tâm trạng** tức tâm trạng trong nghĩa địa mà vị ấy nên xác định ngay lập tức trong lúc ban ngày bằng cách: "Đây là gò mối, đây là cây cối, đây là gốc cây (thân cây đã bị chặt)"...

Cụm từ **(tâm trạng đó sẽ không tạo điều kiện) đáng sợ hãi** tức tâm trạng như gò mối... là vật làm cho phát sanh sợ hãi.

Tất cả bọn phi nhân thường đi lại trong nơi gần kề, vì vậy vị ấy (cho dù có cơ hội) cũng không nên dùng bất cứ vật gì như gạch, đá... làm tổn hại nó.

Bằng từ "..." trong cụm từ **mật mía...**ngài gom lại lấy bánh có mật mía bên trên với mè... và bánh thập cẩm (chế biến chung với nhau_ghatapūva).

Cụm từ **không nên đi đến nhà của gia chủ** tức không nên đi vào trong nhà của gia chủ bởi vì vị ấy tỏa ra cùng với mùi của xác chết, khói thiêu xác chết và có phi nhơn đi theo.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo sống nơi nghĩa địa này có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó, tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** nên ở trong nghĩa địa nơi có thiêu xác chết thường xuyên, thường xuyên có xác chết và thường xuyên có tiếng khóc than.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** thì trong 3 trường hợp thì chỉ cần một trường hợp cũng sử dụng được.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** thì trong nơi chỉ cần đến hình dạng là nghĩa địa theo cách thức đã đề cập thì sử dụng được.

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại do thành tựu

việc ở trong nơi không phải là nghĩa địa, giáo thọ sư chỉ dạy bộ Tăng Chi Kinh đề cập rằng "Hư hoại trong ngày mà không đi đến nghĩa địa".

Đây được xếp vào là hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Việc thiêu xác chết hằng ngày gọi là **có thiêu xác chết thường xuyên** mà quyến thuộc của đám người chết đi vào nghĩa địa đó, rồi than khóc hằng ngày gọi là **có tiếng khóc than thường xuyên**.

Cụm từ **theo cách thức đã đề cập** tức theo cách thức đã đề cập rằng "Bắt đầu từ lúc đã được thiêu...".

Bởi vì cần phải nói ra lời rằng: "Rồi trở lại trong canh cuối cũng sử dụng được", vì vậy ngài giáo thọ sư chỉ dạy bộ Tăng Chi Kinh mới đề cập rằng **hư hoại trong ngày không đi đến nghĩa địa**.

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo.

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Đạt được niệm sự chết (maraṇasati).

2- Là người thường xuyên sống không dễ duôi.

3- Chứng đắc bất mỹ tướng (asubhanimitta).

4- Giảm thiểu được tham ái.

5- Thấy được thực tánh của xác thân thường xuyên.

6- Có sự chịu đựng đối với hiểm họa sợ hãi.

7- Là người mà loài phi nhơn đáng cung kính tán thán.

8- Có sự thực hành theo khuynh hướng các ân đức như thiểu dục...

Tội lỗi do các sự dễ duôi thường không mắc phải đối với tỳ-kheo sống nơi nghĩa địa, ngay cả đến sự ngủ chẳng phải do đạt được niệm sự chết. Lại nữa, tâm của vị ấy nhìn thấy vô số xác chết thường không là pháp tánh dẫn đến mãnh lực nhiễm đắm thường xuyên trong dục, vị ấy hằng kinh cảm không đưa đến say mê mà chỉ tầm cầu sự diệt khổ thường chơn chánh tinh cần. Do đó, tỳ-kheo có tâm hướng đến Níp Bàn nên thọ trì chi phần sống nơi nghĩa địa (sosānikaṃga) bởi vì đem lại các ân đức khác nhau.

Đây là việc diễn giải về sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần sống nơi nghĩa địa.

Hậu Sớ Giải

Gọi là **đạt được niệm sự chết** bởi vì thường xuyên thấy xác chết suốt mọi lúc trong nghĩa địa, do chính niệm sự chết đó nên **là người thường xuyên sống không dễ duôi**.

Gọi là **chứng đắc tưởng bất mỹ** bởi vì thấy tử thi của

người chết mà họ quăng bỏ trong nghĩa địa, do chính chứng đắc bất mỹ tưởng nên **giảm thiểu được tham ái**.

Gọi là **thường xuyên thấy được thực tánh của xác thân** bởi vì xác định được thân thể không đẹp đẽ hầu như có mùi hôi thúi và đáng ghê tởm.

Gọi là **người có nhiều sự kinh cảm** bởi vì thường xuyên thấy được thực tánh của xác thân và do chứng đắc được niệm sự chết.

Gọi là **đoạn trừ say mê trong sự không bệnh tật, say mê về thanh niên, thiếu nữ, say mê trong đời sống** bởi vì thấy nhóm người đau bệnh và nhóm người tiều tụy do sự già rồi chết đi trong nghĩa địa đó.

Gọi là **có sự chịu đựng đối với hiểm họa sợ hãi** bởi vì đình chỉ được sự sợ hãi lớn và nhỏ.

Đối với tỳ-kheo có tâm kinh cảm thì khởi hiện sự tinh cần đúng theo đường lối (tu tập), cho nên mới **là người mà loài phi nhơn đáng cung kính tán thán**.

Cụm từ **ngay cả đến sự ngủ** tức cho dù đã ngủ bên trong giấc mơ.

12- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN BẰNG LÒNG BẤT CỨ TRÚ XỨ NÀO ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

(Yathāsanthatikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo Thường Xuyên Thọ Trì Bằng Lòng Bất Cứ Trú Xứ Nào Được Cúng Dường)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng 1 trong 2 lời này rằng: "Tôi xin khước từ sự tham muốn trú xứ", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường".

Vị tỳ-kheo bằng lòng bất cứ trú xứ nào mà vị sư trưởng thôn cai quản trú xứ nói rằng: "Trú xứ này dâng đến cho sư", nên vui thích chỉ trú xứ đó không cần phải chuyển đổi

cho tỳ-kheo khác (vị sư trưởng thôn của trú xứ nếu có phận sự phân chia trú xứ cho tỳ-kheo sử dụng gọi là phận sự phân bố trú xứ (senāsanagāhāpaka), nếu là vị có phận sự đề xuất trú xứ thì gọi là phận sự chỉ định trú xứ (senāsanapaññāpaka) nhưng có thể làm cả 2 phận sự cũng được).

Đây được xếp vào việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường.

Hậu Sớ Giải

Sự việc vị sư trưởng thôn cai quản trú xứ giao cho nhưng lại chuyển giao cho vị khác, rồi mới nhận lấy hỏi han và xem xét rằng "trú xứ này tốt hay trú xứ này không tốt" gọi là **tham muốn trú xứ**.

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường này có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** thì không được để cho hỏi về trú xứ đã đến với mình rằng "Ở xa không?" hoặc "Ở gần quá không?" hoặc "Có tai họa từ phi nhân, rắn... không?" hoặc "Có nóng không?" hoặc "Có lạnh không?".

Tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** thì được để cho hỏi đến nhưng không được để cho xem xét.

Tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** khi đã xem xét nếu như trú xứ không hài lòng với vị ấy thì được nhận lấy trú xứ khác (nhưng tùy theo họ sắp xếp cho).

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại chỉ cần khởi lên tham muốn đến trú xứ.

Đây được xếp vào sự hư hoại về điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Tỳ-kheo thọ trì bậc thượng thì không được để cho hỏi rằng: "Ở xa đang có ở sau cuối ranh chùa không?" hoặc "Ở gần quá nói tụ hợp của nhiều nhóm người... không?". Bởi do đầu đà của vị ấy có bợn nhơ cho dù là câu hỏi.

Cụm từ **để cho xem xét** tức để đi xem do mãnh lực của tham muốn.

Cụm từ **nếu như trú xứ đó không hài lòng với vị ấy** nghĩa là "nếu như trú xứ mà họ giao cho không là nơi được hài lòng bởi vì không có sự an lạc đối với vị ấy là tỳ-kheo bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường (yathāsanthatikabhikkhu)".

Đối với tỳ-kheo thọ trì bậc hạ khi chưa có đau bệnh mà vị ấy lìa bỏ trú xứ mà họ giao cho rồi nhận lấy trú xứ khác thì được xếp vào là tham muốn. Việc đi xem xét được xếp vào là tham muốn đối với tỳ-kheo thọ trì bậc trung. Việc hỏi đến trước xếp vào là tham muốn đối với tỳ-kheo thọ trì bậc thượng. Lời vừa nói ra trong việc chuyển giao cho

người khác để nhận lấy của tỳ-kheo cho dù là mỗi nhóm cũng không được (tức được xếp vào là tham muốn đối với mỗi nhóm không cần phải nói đến nữa).

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo.

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Làm theo lời giáo huấn đề cập (trong Tiểu Bộ Kinh_ Bổn Sanh_quyển một. 27/44) rằng "Được vật nào nên vui thích với vật đó".

2- Là người tìm kiếm lợi ích hỗ trợ cho bạn đồng phạm hạnh.

3- Xã ly được sự định đặt rằng xấu, tốt.

4- Từ bỏ được sự thích thú và bực tức.

5- Khép lại được cánh cửa của tham đắm.

6- Có sự thực hành theo khuynh hướng các ân đức như thiểu dục…

Tỳ-kheo là vị thu thúc bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường, được trú xứ nào thì vui thích trú xứ đó, không định đặt (rằng tốt, xấu) nên sống được an lạc cho dù trong trú xứ trải bằng cỏ. Vị ấy không thỏa dạ (không dính mắc) trong trú xứ tốt, được trú xứ xấu cũng không bất mãn. Tương trợ bằng lợi ích trợ giúp cho bạn đồng phạm hạnh mới đến. Do đó, tỳ-kheo có

trí tuệ nên thực hành vui thích theo trong trú xứ mà họ sắp xếp cho, là phận sự mà bậc Thánh đã tích lũy, Bậc Đại Giác (mahāmunī) cao tột Ngài đã tán thán.

Đây là việc diễn giải về sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường (yathāsanthatikaṃga).

Hậu Sớ Giải

Gọi là thực hành trợ giúp của Bi vô lượng tâm (karuṇāvihāra) có được cũng do tỳ-kheo là người tìm kiếm lợi ích hỗ trợ cho các bạn đồng phạm hạnh bằng cách không ra lệnh cho bạn đồng phạm hạnh phải dời đổi đi.

Bởi vì không phân biệt rằng tốt, không tốt nên gọi là **buông bỏ sự định đặt rằng xấu, tốt** nên có hành vi thích hợp đối với đặc tánh của người không giao động, do có hành vi thích hợp đối với đặc tánh của người không giao động **nên từ bỏ được sự thích thú và bực tức**.

Gọi là **khép lại được cánh cửa (của tham đắm)** bởi vì không để cơ hội (cho việc tham đắm).

Cụm từ **vui thích theo trong trú xứ mà họ sắp xếp cho** tức vui thích trong trú xứ tùy theo họ giao cho, nghĩa là tùy theo họ gợi ý giao cho.

13- KỆ NGÔN NÓI VỀ CHI PHẦN CHỈ CÓ OAI NGHI NGỒI

(Nesajjikaṃga)

(Chi Phần Của Tỳ-kheo Thường Xuyên Thọ Trì Chỉ Có Oai Nghi Ngồi)

Thanh Tịnh Đạo

Việc Thọ Trì Và Phương Pháp Thực Hành.

Chi phần chỉ có oai nghi ngồi cũng là chi phần của tỳ-kheo thọ trì bằng 1 trong 2 lời này rằng: "Tôi xin khước từ sự nằm", "Tôi xin thọ trì chi phần của tỳ-kheo thường xuyên chỉ có oai nghi ngồi".

Tỳ-kheo thọ trì chỉ có oai nghi ngồi (nesajjikabhikkhu) thì trong tất cả 3 canh của đêm nên đứng dậy đi kinh hành một canh, bởi vì trong tất cả oai nghi mà vị ấy nằm thì không được.

Đây là việc thọ trì và phương pháp thực hành của tỳ-kheo thọ trì chỉ có oai nghi ngồi.

Hậu Sớ Giải

Từ **seyyaṃ** tức nằm là đặc tánh của oai nghi (bởi vì từ seyyaṃ dịch là ngủ cũng được nhưng việc khước từ này tức việc nằm là đặc tánh của oai nghi không phải là ngủ) bởi vì khước từ việc nằm, nơi nằm tức "giường nệm"... làm lợi ích cho việc nằm xem như bị khước từ giống như vậy.

Lại nữa, trong nơi đây ám chỉ lấy ý nghĩa "Tỳ-kheo hằng luôn khước từ việc nằm rồi sống bằng tư thế ngồi", gọi là chỉ có oai nghi ngồi (nesajjika) thì việc nằm là điều phải loại trừ ra trong điều đầu đà này mà không phải oai nghi khác ngoài, bởi vì oai nghi ngoài ra không cần phải làm như vậy và không được làm như vậy.

Giải thích:

Oai nghi tồn tại theo chiều hướng lười biếng là điều mà ngài muốn loại trừ ra trong điều đầu đà này, không phải là oai nghi ngoài ra, và loại trừ ra tất cả oai nghi đứng và đi thì cũng không thể làm cho thân thực hiện được duy nhất sự ngồi, tức không thể bảo tồn được như vậy. Vì vậy chỉ có việc nằm là điều phải loại trừ ra trong điều đầu đà này, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **tena pana...**

Cần phải đi kinh hành không nên nghĩ rằng "Ta là tỳ-kheo thường xuyên thọ trì oai nghi ngồi" rồi ngồi nhiều quá suốt cả đêm.

Thật vậy, thân mà được oai nghi khác hỗ trợ thích hợp là pháp cần phải tác ý (manasikāra).

Thanh Tịnh Đạo

Phân Loại Và Sự Hư Hoại.

Nói theo phân loại tỳ-kheo thọ trì chỉ có oai nghi ngồi có 3 nhóm.

Trong 3 nhóm đó đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc thượng** dựa cũng không được, lấy vải quấn chặt đầu gối cũng không được, lấy vải kèm giữ mình cũng không được.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc trung** thì sử dụng một loại nào trong tất cả 3 loại này cũng được.

Đối với tỳ-kheo **thọ trì bậc hạ** thì dựa, lấy vải quấn chặt đầu gối, lấy vải để kèm giữ mình, gối, ghế có 5 bộ phận, cả ghế có 7 bộ phận cũng được, ghế mà họ làm cùng với chỗ dựa lưng (có nơi để dựa lưng) gọi là ghế có 5 bộ phận (pañcaṇga), ghế mà họ làm cùng với chỗ dựa lưng và chỗ dựa cả 2 bên (có chỗ dựa để đặt cánh tay) gọi là ghế có 7 bộ phận (sattaṇga). Được biết rằng các nhóm người làm chiếc ghế có 7 bộ phận đó cúng dường đến ngài trưởng lão Tam Tạng Cūlābhaya, trưởng lão là bậc Bất Lai (rồi tác chứng A-La-Hán) đã viên tịch Níp Bàn (parinibbāna).

Đầu đà của 3 nhóm tỳ-kheo này hư hoại chỉ cần hoàn thành việc nằm. Đây được xếp vào là hư hoại trong điều đầu đà này.

Hậu Sớ Giải

Ghế gọi là có 5 bộ phận (pañcaṇga) tức có 4 chân và chỗ dựa lưng, một số nhóm giáo thọ sư khác nữa đề cập rằng "Ghế có khung kiềm lại 4 chân làm bằng cây hay bằng tre và có chỗ dựa lưng gọi là có 5 bộ phận.

Ngài giáo thọ sư để ngăn lại việc nhận thức rằng: "Đối với tỳ-kheo chỉ có oai nghi ngồi là người sống dễ dàng với chỗ dựa 2 phía và phía sau, với tỳ-kheo không phải là vị chỉ có oai nghi ngồi sẽ có sự khác biệt với nhau như thế nào?", nên trình bày về trưởng lão Abhaya để so sánh rằng **"Trưởng lão là bậc Bất Lai (rồi tác chứng A-La-Hán) đã viên tịch Níp Bàn"**.

Thanh Tịnh Đạo

Quả Báo.

Phần tiếp theo là quả báo như sau:

1- Cắt đứt được phiền não là pháp trói buộc tâm, (thuyết trong Trung Bộ Kinh. Mūlapannasaka. 12/207) rằng: "tỳ-kheo thường xuyên tu tập thì được an lạc trong việc nằm, an lạc trong việc nghỉ ngơi, an lạc trong việc ngủ".

2- Có sự thuận lợi trong việc thường xuyên tu tập các nghiệp xứ.

3- Là người có oai nghi đáng tịnh tín.

4- Có sự thích hợp đối với việc hướng đến sự tinh cần.

5- Có sự vun bồi việc thực hành chơn chánh được hoàn hảo.

Do nhân vị thu thúc khi ngồi kiết già đặt thân ngay thẳng thường làm cho tâm Ma Vương giao động, tỳ-kheo từ bỏ an lạc trong việc nằm, an lạc trong việc ngủ hướng đến sự tinh cần, có sự vui thích trong việc ngồi nhiệt tâm làm cho hoàn hảo, nhận được hỷ lạc chơn chánh lìa bỏ vật chất. Do đó, tỳ-kheo tinh tường nên thường xuyên tu tập chín chắn theo phận sự chỉ có oai nghi ngồi (nesajjikavatta).

Đây là việc diễn giải về sự thọ trì, phương pháp thực hành, phân loại, sự hư hoại và quả báo về chi phần chỉ có oai nghi ngồi.

Hậu Sớ Giải

Nên hiểu đến thực tánh đi vào cắt đứt phiền não là pháp trói buộc tâm là nguyên nhân chánh (karaṇasādhana) rằng: "Phiền não là pháp trói buộc tâm mà tỳ-kheo cắt đứt được bằng điều đầu đà này, vì vậy điều đầu đà này được gọi là pháp cắt đứt".

Gọi là **có sự thuận lợi trong việc thường xuyên tu tập các nghiệp xứ** cũng bằng sự ngồi, bởi vì oai nghi liên quan đến sự không dã dượi và không phóng tán. Do đó, nên mới được gọi **là người có oai nghi đáng tịnh tín**.

Gọi là **có sự thích hợp đối với việc hướng đến sự tinh**

cần bởi vì là người thích hợp đối với việc thực hành tinh cần được đều đặn, chính do việc thực hành tinh cần được đều đặn đó nên **có sự vun bồi thực hành chơn chánh được hoàn hảo**.

Từ **vikampeti** tức thường làm cho giao động nghĩa là làm đình chỉ được sự mong muốn (của Ma Vương).

Từ **vatta** (trong từ nesajjikavatta) tức đầu đà.

Luận Giải Theo Tam Đề Như Thiện... Kệ Ngôn Linh Tinh Liên Quan Đến Đầu Đà

Thanh Tịnh Đạo

Tiếp theo là việc diễn giải do ý nghĩa của kệ ngôn (phần còn lại) rằng: "Nên hiểu về điều luận giải... theo tam đề thiện (kusalatika)... bằng cách phân tích từ như từ dhuta (thiêu đốt)... cả tóm tắt và chi tiết".

Luận Giải Theo Tam Đề Thiện...

Trong các điều luận giải đó thì cụm từ **theo tam đề thiện** nghĩa là tất cả đầu đà liên quan đến người thọ trì là bậc Hữu Học và phàm nhân thì là thiện, liên quan đến người thọ trì là bậc Lậu Tận thì là vô ký, không có đầu đà thuộc bất thiện.

Đối với người nào nói rằng "Cho dù là đầu đà thuộc bất thiện cũng có", bởi vì có lời thuyết giáo (Trong Tăng Chi Kinh_Pháp 5 chi_22/245) rằng: "Tỳ-kheo có sự ước muốn đê tiện, bị tham muốn ngự trị nên sống trong rừng (āraññika)...", xin nói với người đó rằng "Tôi không nói rằng tỳ-kheo có tâm bất thiện sống trong rừng không được"

bởi vì người nào sống trong rừng thì người đó được gọi là ở rừng, cho dù họ là người có sự ước muốn xấu xa đi nữa, có sự thiểu dục đi nữa, nhưng lời nói mà tôi đã đề cập (trong phần luận giải về ý nghĩa) rằng: "Nhóm đầu đà này do ý nghĩa là chi phần thiêu đốt của tỳ-kheo bởi vì là người diệt trừ phiền não bằng việc thọ trì đó nên gọi là **đầu đà (dhutaṇga)** .

Một lý khác nữa, do ý nghĩa có trí tuệ được kêu gọi là diệt trừ (dhuta) bởi vì diệt trừ được từng phần của phiền não.

Một lý khác nữa, gọi là thiêu đốt bởi vì diệt trừ pháp đối nghịch, các pháp thiêu đốt này là chi phần của việc thực hành. Do đó, mới gọi là **đầu đà (dhutaṇga)**.

Như vậy, bất cứ ai có các chi phần này sẽ gọi là thiêu đốt (dhuta) mà không bằng bất thiện được. Đối với các việc thọ trì nên gọi là "đầu đà", bởi vì không làm cho bất thiện trở thành chi phần để đoạn trừ dù là bất cứ phiền não nào, lẫn bất thiện không diệt trừ được lỗi lầm như sự tham muốn về y... cũng không là chi phần của việc thực hành được. Do đó, gọi là "đầu đà thì không có bất thiện", như vậy xem như tôi đã nói hoàn chỉnh. Ngay cả các tỳ-kheo nào có đầu đà mà vượt khỏi tam đề thiện thì các tỳ-kheo đó gọi là không có đầu đà bằng chính thực tánh đó, đối tượng không có mà gọi là đầu đà thì diệt trừ cái gì? Đối với nhóm tỳ-kheo ấy thường hay có sự nhầm lẫn đối với pāḷi rằng "Thọ trì các ân đức thực hành thiêu đốt". Do đó, lời nói của nhóm tỳ-kheo đó bậc thiện trí không nên nắm giữ.

Đây là việc diễn giải theo tam đề thiện.

Hậu Sớ Giải

Tất cả đầu đà liên quan đến người thọ trì là bậc Hữu Học và phàm phu thì là thiện, liên quan đến người thọ trì là bậc Lậu Tận thì là vô ký.

Trong tất cả người thọ trì đó, bậc Hữu Học và phàm nhân thọ trì đầu đà để được trọn vẹn điều thực hành, bậc Lậu Tận thọ trì đầu đà để được sống an lạc.

Cụm từ **đầu đà ngay cả bất thiện cũng có**.

Giải thích:

"Ngay cả việc thực hành đầu đà vẫn có được bằng tâm bất thiện" lời nói này không đúng, bậc xuất gia là người sống ở rừng bởi tâm bất thiện nào thì tâm bất thiện đó không được gọi là đầu đà.

Vấn: *Vì sao?*

Đáp: Bởi vì không có đặc tánh của đầu đà.

Ngài giáo thọ sư để trình bày đến ý nghĩa này rằng "là chi phần nào của người, của trí tuệ hay của chủ tâm (cetanā) nên gọi là thiêu đốt (dhuta) bởi vì diệt trừ tất cả phiền não, chi phần đó không khởi hiện trong tất cả pháp bất thiện được. Do đó, các tỳ-kheo sẽ sống ở rừng... cho dù chỉ cần ở trong rừng... đi nữa, nhưng không có các chi phần sống trong rừng..." nên mới đề cập rằng **Ta không nói rằng...**

Trong các từ đó thì từ **imāni** tức tất cả nhóm đầu đà này là từ đã đề cập trong việc trình bày giải thích ý nghĩa của từ trong phần sau.

Giải thích:

"Bất cứ ai tức tỳ-kheo là người có sự thọ trì các chi phần đó gọi là thiêu đốt (dhuta) bởi vì diệt trừ tất cả phiền não mà không bằng tất cả bất thiện", như vậy ngài giáo thọ sư trình bày rằng: "Đầu đà không là bất thiện" bằng cách xác định đến ý nghĩa của đầu đà (atthavikappa) ngay cả điều đầu tiên này.

Cụm từ **bất thiện sẽ không đoạn trừ bất cứ phiền não nào** nghĩa là tất cả việc thọ trì gọi là "đầu đà" bởi vì không làm cho bất thiện thành chi phần giống như làm cho trí tuệ thành chi phần để bất thiện đoạn trừ bất cứ pháp tội lỗi nào được, bởi vì không phải là pháp đối nghịch (với bất thiện), ngài trình bày rằng "Đầu đà không là bất thiện" gom vào bằng cách xác định đến ý nghĩa của đầu đà điều thứ 2 này.

Nên có lời kết hợp liên quan bằng cách xác định đến ý nghĩa của đầu đà điều thứ 3 rằng: "Cả bất thiện (sẽ diệt trừ tội lỗi là pháp đối nghịch)...

Cụm từ **do đó...** là từ nói nhắc lại đến ý nghĩa đã đề cập đó.

Cụm từ **các tỳ-kheo nào** (trong câu ngay cả các tỳ-kheo nào có đầu đà mà vượt khỏi tam đề thiện) ngài đề cập nhắm vào nhóm tỳ-kheo ở trong Tịnh Xá Abhayagīrī bởi

vì nhóm tỳ-kheo đó nói với nhau rằng: "Đầu đà là chế định (paññatti)".

Ngài giáo thọ sư để trình bày rằng "Nếu như vậy tức là đầu đà đó không có theo chơn đế (paramattha) thì ý nghĩa diệt trừ được tất cả phiền não hay là pháp nên thọ trì thì không được, vì vậy lời nói của nhóm tỳ-kheo đó mới nhầm lẫn với pāḷi". Như vậy, nên mới đề cập rằng **thoát khỏi tam đề thiện...**

Cụm từ **do đó** nghĩa là do tất cả tội lỗi đó hành giả khó ngăn ngừa được bằng pháp thuộc về phía của chế định, vì vậy lời nói của nhóm tỳ-kheo đó bậc thiện trí không nên nắm giữ nên nắm giữ pháp là phe cánh của chủ tâm (cetanā) theo cách thức đã đề cập.

Do ngài gom lại các ân đức thiêu đốt bằng câu thứ nhất (paṭhamapada) và câu thứ ba (tatiyapada) trong tam đề thiện, cho nên bậc thiện trí nên trình bày gom lại nhóm đầu đà đó, cho dù bằng các câu của tam đề (tika) và nhị đề (duka) còn lại theo thích hợp tức "ân đức thiêu đốt tương ưng thọ lạc, ân đức thiêu đốt (dhuta) tương ưng phi khổ phi lạc thọ, là pháp làm cho pháp quả sanh lên, là pháp không phải pháp quả và không cho pháp quả sanh lên, là pháp mà nghiệp thủ không cho quả nhưng là cảnh của thủ, là pháp mà phiền não không làm cho vẩn đục nhưng là nơi nương sanh của phiền não"...

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải bằng cách phân tích từ.

Câu **bằng cách phân tích tất cả từ như từ dhuta...** nên hiểu về "dhuta", về "dhutavāda", về "dhutadhamma", về "dhutaṇga", về "việc thực hành đầu đà thích hợp đối với ai".

Trong tất cả từ đó thì từ **dhuta** tức người đã diệt trừ phiền não cũng được, pháp làm duyên diệt trừ phiền não cũng được.

Hậu Sớ Giải

Mặc dù tất cả bậc A-La-Hán gọi là bậc đã diệt trừ phiền não thật, tuy nhiên trong nơi đây ngài ám chỉ lấy bậc Lậu Tận là bậc đã diệt trừ tất cả phiền não theo đường lối thực hành đầu đà đang hiện diện là **bậc đã diệt trừ phiền não**.

Ngay cả tất cả Thánh Đạo cũng giống như vậy, gọi là **pháp làm duyên diệt trừ phiền não** bằng cách đặc biệt trực tiếp tức A-La-Hán Đạo, nhưng theo gián tiếp là tuệ quán (vipassanāñāṇa)..., theo cách xác định tối thiểu tức trí tương ưng với tư trong đầu đà.

Thanh Tịnh Đạo

Còn trong từ **dhutavāda** này người gọi là đã diệt trừ phiền não (dhuta) nhưng không gọi là được chỉ dạy để diệt trừ phiền não (dhutavāda) cũng có, người không gọi là đã

diệt trừ phiền não (dhuta) nhưng gọi là được chỉ dạy để diệt trừ phiền não (dhutavāda) cũng có, người không gọi là đã diệt trừ phiền não lẫn không gọi là được chỉ dạy để diệt trừ phiền não cũng có, người gọi là đã diệt trừ phiền não lẫn gọi là được chỉ dạy để diệt trừ phiền não cũng có.

Trong 4 nhóm người đó thì người nào diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà nhưng không được người khác chỉ dạy bằng đầu đà, giống như trưởng lão Bākula, người này gọi là diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhuta) nhưng không gọi là được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhutavāda). Như ngài đã nêu lên đề cập rằng "Người gọi là diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhuta) nhưng không gọi là được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhutavāda) là ngài Bākula".

Còn người nào không diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà nhưng được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình thuần nhất bằng đầu đà giống như trưởng lão Upananda, người này gọi là không diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà nhưng gọi là được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình thuần nhất bằng đầu đà. Như ngài đã đề cập rằng "Người gọi là không diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà nhưng gọi là được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà là ngài Upanandasakyaputta".

Người nào bất hạnh (vipatti) không diệt trừ được tất

cả phiền não của mình bằng đầu đà lẫn không được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà giống như ngài Loḷudāyī, người này gọi là không diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà và là người không được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà. Như ngài đã đề cập rằng "Người gọi là không diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà lẫn gọi là không được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà là ngài Loḷudāyī".

Còn người nào viên mãn diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà lẫn được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà giống như Tướng Quân Chánh Pháp (dhammasenāpati), người này gọi là diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà lẫn gọi là được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà. Như ngài đã đề cập rằng: "Người gọi là diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà lẫn được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà là ngài Sārīputta".

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi trình bày về từ diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhuta) như vậy rồi, để trình bày đến ý nghĩa về từ được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhutavāda) cho thích hợp với việc trình bày rằng "Bởi vì ngay cả người

được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhutavāda) cũng có 2 nhóm do sự khác biệt nhau bằng sự diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhuta), giống như người diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhuta) cũng có 2 nhóm do khác biệt nhau về được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà (dhutavāda). Do đó trong sự kiện này mới phát sanh thành 4 nhóm do năng lực của người diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng bằng đầu đà, và được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà đó và của người không phải là người cả 2 nhóm đó" nên mới đề cập rằng **người gọi là diệt trừ được tất cả phiền não của mình bằng đầu đà nhưng gọi là không được người khác chỉ dạy để diệt trừ tất cả phiền não của mình bằng đầu đà cũng có**.

Thanh Tịnh Đạo

Câu **nên hiểu pháp thiêu đốt** tức 5 loại phụ thuộc (parivāra) của Tư (cetanā) trong 5 nhóm đầu đà này tức "1- thiểu dục (appicchatā), 2- tri túc (santuṭṭhitā), 3- đoạn giảm (sallekhatā), 4- viễn ly (pavivekatā), 5- là người thực hành để được lợi ích bằng các thiện pháp này (idamatthitā) gọi là pháp thiêu tốt (dhuta) bởi vì có pāḷi (trong Tiểu Bộ Kinh_Đại Xiển Minh_24/285) rằng "(Sự tham muốn được đình chỉ) do nương vào thiểu dục"...

Trong 5 pháp đó thì thiểu dục và tri túc gom vào trong

vô tham, đoạn giảm và viễn ly gom vào trong 2 pháp là vô tham và vô si, là người thực hành để được lợi ích bằng các thiện pháp này chính là trí tuệ.

Hậu Sớ Giải

Câu **nên hiểu về pháp thiêu đốt (dhutadhamma)** nghĩa là gọi là "pháp thiêu đốt" bởi vì là pháp hỗ trợ cho tư trong đầu đà, được gọi là "thiêu đốt" (dhuta) bởi vì tiến hành bằng mãnh lực diệt trừ tất cả pháp tội lỗi đối nghịch bằng cách thực hành đầu đà.

Sự thiểu dục và tri túc theo thực tánh là vô tham bởi vì dẫn đến trạng thái không tham trong tất cả tứ vật dụng chưa đầy đủ và đã đầy đủ.

Việc thực hành đoạn giảm và viễn ly được gom vào trong 2 nhóm pháp này tức vô tham và vô si, bởi vì đoạn giảm tức cắt được suông sẻ hoàn toàn tất cả phiền não như tham lam... là nhân cả sự dính mắc trong tứ vật dụng..., do làm cho tâm viễn ly khỏi sự quần tụ bằng cách phá hủy đi sự quần tụ, như tụ tập thành nhóm... nên là pháp tiềm ẩn bên trong vô tham và vô si, dính dấp vào trong vô tham và vô si bởi vì tiến trình đặc biệt của cả 2 vô tham và vô si.

Người thực hành để được lợi ích bằng các thiện pháp này gọi là "idamatthī", gọi là bậc xuất gia nên là người vững trú trong tất cả đầu đà như chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo (paṃsukālikaṃga)... Do

đó, nương vào trí tuệ nào mà thọ trì các đức tánh đầu đà để hỗ trợ cho trí tuệ đó gọi là **idamatthitā** (tức tánh chất của người thực hành để được lợi ích bằng các thiện pháp này). Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **idamatthitā chính là trí tuệ**.

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả vô tham và vô si tỳ-kheo thọ trì đầu đà thường sử dụng vô tham để diệt trừ tham trong tất cả vật chất phải khước từ, thường sử dụng vô si để diệt trừ si che đậy tội lỗi trong các vật chất đó.

Lại nữa, diệt trừ lợi dưỡng (kāmasukhānuyoga) tiến hành nương theo việc thọ dụng tất cả tứ vật dụng mà Ngài cho phép theo đường lối vô tham, diệt trừ khổ hạnh (attakilamathānuyoga) tiến hành nương theo việc thực hành đoạn giảm tối đa trong tất cả đầu đà theo đường lối vô si. Do đó, 5 nhóm pháp này nên hiểu là pháp thiêu đốt (dhutadhamma).

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **trong tất cả vật chất phải khước từ** tức trong tất cả vật chất như y của gia chủ cúng dường (gahapaticīvara)... nên khước từ bằng đầu đà đó.

Cụm từ **(diệt trừ) tham** tức diệt trừ ái dục (taṇhā).

Cụm từ **che đậy tội lỗi** tức che đậy tội lỗi do việc

gìn giữ, hành động sống nương vào người khác và nạn trộm cắp...

Cụm từ **trong các vật chất đó** tức trong tất cả vật chất phải khước từ đó.

Cụm từ **tất cả tứ vật dụng mà Ngài cho phép** tức tất cả tứ vật dụng như tọa cụ lông thú và chăn, mền... xúc chạm an lạc mà Bậc Đạo Sư cho phép do năng lực thọ dụng ly ái dục (chandarāga).

Từ **paṭisevanamukhena** tức nương vào việc thọ dụng theo đường lối nghĩa là "Nương vào việc thọ dụng theo phương pháp".

Từ **atisallekhamukhena** nghĩa là nương vào việc thực hành đoạn giảm tối đa theo đường lối liên quan đến việc khước từ vật chất cho thích hợp với tỳ-kheo thọ trì bậc thượng (nghĩa là đối với tỳ-kheo thọ trì bậc thượng thì việc thực hành đầu đà có thể sẽ thực hành đoạn giảm thậm chí quá mức tức quá nghiêm khắc trở thành khổ hạnh, nhưng nếu có vô si là pháp hướng dẫn thì sẽ không rơi vào chiều hướng của khổ hạnh bởi vì có thể quán xét đến sự thích hợp bằng vô si được).

Thanh Tịnh Đạo

Câu **nên hiểu về đầu đà (dhutaṇga)** tức nên hiểu rằng đầu đà có 13 pháp như chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo (paṃsukūlikaṃga)... cho đến chi

phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ có oai nghi ngồi (nesajjikaṃga). Nhóm đầu đà đó tôi đã đề cập về ý nghĩa và phương diện như đặc tánh...

Câu **nên hiểu về việc thực hành đầu đà thích hợp đối với ai?** Đối với người có cơ tánh tham (rāgacaritta) và người có cơ tánh si (mohacaritta), vì sao? Bởi vì thực hành đầu đà là pháp hành khổ (dukkhāpaṭipadā) và trú vào đoạn giảm (sallekhavihāra) bởi vì nương vào hành khổ nên đình chỉ được tham ái (rāga), đối với người không dễ duôi do nương vào đoạn giảm thì si mới bị đoạn trừ.

Một lý khác nữa, trong tất cả nhóm đầu đà thì việc thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống ở rừng (āraññikaṃga) và chi phần của tỳ-kheo thường xuyên sống dưới cội cây (rukkhamālikaṃga) được xếp vào là thích hợp đối với người có cơ tánh sân (dosacaritta) bởi vì rừng hoặc cội cây khi không bị ai đến quấy động thì ngay cả sân cũng đình chỉ được.

Đây là việc diễn giảng bằng cách phân tích từ như từ dhuta...

Hậu Sớ Giải

Tham ái nương dựa vào hành vi rất vi tế nên không trú vững trong pháp hành khổ. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **bởi vì nương vào hành khổ (dukkhāpaṭipadā) nên đình chỉ được tham ái**.

Thông thường đoạn giảm thường có với người tỉnh giác (sampajañña) khi đang có tỉnh giác thì si cũng không trú vững được do tánh chất có sự không dễ duôi. Do đó, ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng **đối với người không dễ duôi do nương vào đoạn giảm nên si bị đoạn trừ**.

Thanh Tịnh Đạo

Luận giải theo tóm tắt và theo chi tiết.

Cụm từ **theo tóm tắt và theo chi tiết** nghĩa là cũng nhóm đầu đà này theo tóm tắt có 8 tức 3 chi phần là chủ yếu, 5 chi phần không hòa lẫn nhau được.

Trong 8 chi phần đó thì 3 chi phần là: chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên đi khất thực tuần tự từng nhà (sapadānacārikaṃga), chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi (ekāsanikaṃga) và chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống ngoài trời (abbhokāsikaṃga) gọi là "chi phần chủ yếu", bởi vì tỳ-kheo khi thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên đi khất thực tuần tự từng nhà cũng gọi là sẽ thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ dụng đồ ăn khất thực (piṇḍapatikaṃga); khi vị ấy thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi lẫn chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ thọ thực trong bát và chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn (khalupacchābhattikaṃga) cũng sẽ là chi phần mà vị ấy thọ trì được hoàn hảo; khi vị ấy

thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống ngoài trời thì trong tất cả chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống dưới cội cây (rukkhamūlikaṃga) và chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường (yathāsanthatikaṃga) gọi là còn có chi phần nào phải thọ trì nữa? Do đó, đầu đà mới có 8 chi phần tức 3 chi phần chủ yếu và 5 chi phần không hòa lẫn với nhau được là chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống ở rừng (araññikaṃga), chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên mặc y phấn tảo (paṃsukūlikaṃga), chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ mặc tam y (tecīvarikaṃga), chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ có oai nghi ngồi (nesajjikaṃga) và chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống nơi nghĩa địa (sosānikaṃga).

Vẫn còn tóm tắt được nữa tức có 4 chi phần như liên quan đến y có 2 chi phần, liên quan đến đồ ăn khất thực (piṇḍapāta) có 5 chi phần, liên quan đến trú xứ có 5 chi phần và liên quan đến tinh cần có 1 chi phần.

Trong 4 loại đó thì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên chỉ có oai nghi ngồi gọi là chi phần liên quan đến tinh cần, ngoài ra đã rõ ràng.

Vẫn còn tóm tắt được nữa tức tất cả đầu đà đó được xếp vào có 2 là liên quan đến nơi nương nhờ như nơi nương nhờ tứ vật dụng có 12 chi phần và nơi nương nhờ tinh cần có 1 chi phần.

Được xếp vào có 2 do năng lực pháp nên thực hành và không nên thực hành, nghĩa là vị tỳ-kheo nào thực hành đầu đà mà nghiệp xứ tăng trưởng thì vị tỳ-kheo đó nên thực hành, vị tỳ-kheo nào khi thực hành đầu đà mà nghiệp xứ thối lùi thì vị tỳ-kheo đó không nên thực hành.

Còn vị tỳ-kheo nào cả thực hành và không thực hành mà nghiệp xứ thuần nhất tăng trưởng không thối lùi, cho dù vị tỳ-kheo đó được đại chúng hỗ trợ về sau thì nên thực hành.

Ngay cả vị tỳ-kheo nào cả thực hành và không thực hành mà nghiệp xứ không tăng trưởng, vị tỳ-kheo đó cũng nên thực hành để được lợi ích tích lũy trong vị lai. Theo trường hợp đã đề cập trên, đầu đà mới có 2 loại bằng năng lực pháp nên thực hành và không nên thực hành.

Tất cả đầu đà chỉ có một loại do năng lực của Tư (cetanā), có lời nói nêu lên ý nghĩa của tất cả kệ ngôn rằng: "Tư trong việc thọ trì đầu đà xem như chỉ là một" các giáo thọ sư nói với nhau rằng "Tư thế nào thì đầu đà cũng thế đó".

Hậu Sớ Giải

Từ **sīsaṇgāni** tức chi phần chủ yếu nghĩa là chi phần chánh bởi vì gom lại lấy tất cả chi phần, một số pháp cho dù khác đi nữa cũng gom vào chung với nhau được, theo thực tánh thì không trở ngại với nhau và theo thực tánh thì thực hành được dễ dàng (tức nếu thọ trì chi phần mà ngài

xếp vào là chủ yếu thì xem như chính mình gom vào chi phần khác nữa và một số pháp chung với nhau tức là chi phần ngoài ra và một số pháp cũng phải thọ trì theo thực tánh của các chi phần đó không có sự trở ngại với nhau và có thể thọ trì được dễ dàng bởi vì không phải nỗ lực thọ trì riêng biệt thành một điều khác nữa).

Cụm từ **chi phần không hòa lẫn nhau được** tức chi phần không gom chung vào được với bất cứ chi phần nào, nên là mỗi một chi phần riêng lẻ.

Gọi là **nghiệp xứ tăng trưởng** tức khi người có cơ tánh tham, người có cơ tánh si, ngay đến người có cơ tánh sân khi đang thực hành đầu đà bởi một số pháp đó (thì nghiệp xứ được tăng trưởng).

Gọi là **thối lùi** tức đối với người không kiên trì bởi pháp thực hành còn mù mờ do thực tánh mình là hạng người thiếu căn cơ (sukhumālajati) thì nghiệp xứ thường thối lùi, đối với người là hạng thượng căn (mahāpurisa) thì nghiệp xứ thường tăng trưởng, đối với người không có căn cơ (upanissaya) thì không phát triển nghiệp xứ được.

Đầu đà gọi là chỉ có một do ý nghĩa diệt trừ phiền não như thế nào thì gọi là chỉ có một do có thực tánh pháp là Tư (cetanā) như thế đó. Vì vậy, ngài giáo thọ sư sớ giải mới đề cập rằng **Tư trong việc thọ trì**.

Thanh Tịnh Đạo

Còn nói theo chi tiết tất cả đầu đà được xếp vào có 42 pháp tức:

Đối với tất cả tỳ-kheo có 13 pháp, đối với các tỳ-kheo ni có 8 pháp, đối với các sa-di có 12 pháp, đối với các học nữ (sikkhamānā) và sa-di ni có 7 pháp, đối với các nhóm cận sự nam, cận sự nữ thì có 2 pháp.

Nếu như có nghĩa địa đầy đủ đặc điểm thích hợp với chi phần sống ở rừng (āraññikaṃga), sống ở ngoài trời thì một vị tỳ-kheo vẫn có thể thọ trì tất cả đầu đà được trong cùng một lúc.

Nhưng đối với các tỳ-kheo ni thì 2 chi phần đầu đà là chi phần sống ở rừng (āraññikaṃga) và chi phần không nhận vật thực sau bữa ăn (khalupacchābhattikaṃga) được Ngài cấm chế hoàn toàn bằng điều học; 3 chi phần đầu đà là chi phần sống ở ngoài trời (abbhokasikaṃga), chi phần sống dưới cội cây (rukkhamūlikaṃga) và chi phần sống nơi nghĩa địa (sosānikaṃga) cũng là chi phần mà tỳ-kheo ni khó thọ trì, bởi vì tỳ-kheo ni sống xa lìa khỏi người thứ 2 (bạn đồng phạm hạnh) thì không được.

Lại nữa, trong nơi đây có đặc điểm như vậy, nữ nhân đồng phạm hạnh mà có nguyện vọng (chanda) ngang nhau cũng là người khó tìm được, nếu như tìm được cũng không tránh khỏi việc sống hội họp với nhau. Khi đã như vậy thì vị ấy thực hành đầu đà để được lợi ích nào thì lợi ích đó

không thành tựu được với vị ấy. Do không thể thọ trì được như vậy cho nên phải hiểu rằng tất cả đầu đà đối với tỳ-kheo ni bớt đi 5 pháp nên còn lại 8 pháp.

Hậu Sớ Giải

Ngài giáo thọ sư khi đề cập đến 13 pháp đầu đà rằng có 42 pháp do năng lực của người thọ trì thực hành như vậy rồi, tiếp theo để trình bày rằng tất cả tỳ-kheo thực hành cả 13 pháp đầu đà đồng cùng với nhau được, mới đề cập rằng **nếu như...**

Trong 13 pháp đầu đà này ngài đề cập rằng "(chỉ một vị tỳ-kheo) vẫn có thể thọ trì tất cả đầu đà được trong cùng một lúc".

Vấn: *Đối với tỳ-kheo sống ở ngoài trời thì chi phần sống dưới cội cây như thế nào?*

Đáp: Từ lời nói thọ trì rằng: "Tôi xin khước từ nơi được che lợp", "Tôi xin thọ trì chi phần của vị tỳ-kheo thường xuyên sống dưới cội cây". Nên hiểu rằng đầu đà hư hoại chỉ cần khi bình minh xuất hiện mà đang ở trong nơi được che lợp, không phải ở ngoài trời. Do đó, cho dù chi phần sống dưới cội cây cũng không có trở ngại bởi vì không có nguyên nhân dẫn đến hư hoại, chi phần bằng lòng bất cứ trú xứ nào được cúng dường (yathasanthatikaṃga) cũng không trở ngại bởi vì không có sự tham muốn trú xứ".

(Đối với tỳ-kheo ni) thì chi phần sống ở rừng Ngài

đã cấm chế bằng một điều học dù sống cách xa khỏi hội chúng, chi phần không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn thì giảm bớt xuống điều học sau khi ăn không thọ vật thực còn dư lại (anatirittabhojanasikkhāpada). Tỳ-kheo ni sẽ không được thọ vật thực còn dư thừa lại bởi vì việc thọ trì đầu đà có được do từ bỏ tham muốn đối với vật chất đúng theo Luật (kappiya_đúng theo Đức Phật cho phép) không phải không đúng theo Luật (akappiya_không đúng theo Đức Phật cho phép) ngài giải thích rằng "Bởi vì bị cấm chế gom vào bằng điều học (sikkhāpāda) nên đầu đà mới có 8 pháp", đối với tỳ-kheo ni thì cả 5 tấm y cùng với y saṃkacchikacīvara... (y dùng để quấn chặt lại tương tự như thắt lưng) cũng được tính vào như tam y (ticīvara)".

Thanh Tịnh Đạo

Trong tất cả đầu đà theo như đã đề cập nên hiểu rằng trừ chi phần chỉ mặc tam y (tecīvarikaṃga) ra còn lại 12 chi phần đều có được đối với sa-di, 7 điều có được đối với nhóm học nữ và sa-di ni, còn đối với nhóm cận sự nam và cận sự nữ thì nhóm đầu đà này tức "Chi phần chỉ thọ thực tại một chỗ ngồi (ekāsanikaṃga), chi phần chỉ thọ thực trong bát (pattapiṇḍkaṃga)" thì thích hợp và có thể thọ trì được, vì vậy nên có được 2 điều.

Nói theo chi tiết thì đầu đà mới được xếp vào có 42 pháp như vậy.

Đây là xếp vào việc diễn giải theo tóm tắt và theo chi tiết.

Trong Thanh Tịnh Đạo tôi đã nêu lên trình bày trọng yếu theo giới, định và tuệ của kệ ngôn **"Sīle patiṭṭhāya naro sapañño"...** sự trong sạch của giới như trường hợp đã đề cập có được bởi ân đức như thiểu dục, tri túc..., kệ ngôn nói về đầu đà nên thọ trì để làm cho các ân đức đó tròn đủ, xem như tôi đã đề cập bằng lời nói vừa đủ chỉ bấy nhiêu.

Hậu Sớ Giải

Cụm từ **trong tất cả đầu đà theo như đã đề cập** tức trong tất cả 13 pháp đầu đà được nêu lên đề cập đối với tất cả tỳ-kheo, cũng là của sa-di 12 pháp trừ ra chi phần chỉ mặc tam y bởi vì phận sự của Luật (vinayakamma) trong việc chú nguyện tam y (tức không có sự gìn giữ điều Luật chú nguyện rằng tôi sẽ không xa lìa tam y).

Cụm từ **7 pháp** tức trong tất cả 8 pháp đầu đà đã nêu lên đề cập đối với nhóm tỳ-kheo ni thì bớt đi 1 pháp nên còn lại 7 pháp tức trừ chi phần chỉ mặc tam y ra bởi vì không có phận sự của Luật trong điều chú nguyện tam y.

Bởi vì thực hành đầu đà chi phần chỉ mặc tam y này là chi phần hoàn toàn làm cho 3 nhóm người xu hướng theo với nhau (tức sa-di, sa-di ni và học nữ mỗi nhóm cũng trừ ra pháp đầu đà này) ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng "7 pháp là của học nữ và sa-di ni" (nghĩa là nhóm học nữ và sa-di ni trừ ra bớt 5 pháp đầu đà của tỳ-kheo ni còn phải bớt ra chi phần chỉ mặc tam y nên còn lại chỉ 7 pháp).

Cụm từ **thích hợp** tức tương xứng đối với cận sự nam, cận sự nữ.

Chương 2: Xiển minh về đầu đà trong Thanh Tịnh Đạo tôi đã biên soạn để khơi dậy sự hân hoan cho tất cả bậc hiền nhân bằng cách thức này.

--- Kết thúc Phần Giới ---

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5
PHẦN 1 7
Chương 1
GIỚI XIỂN MINH 9
1 - GIỚI XIỂN MINH 61
Kệ Ngôn Nói Về Thực Tánh Đang Có Của GIới 61
Kệ Ngôn Nói Về Quả Báo Của Giới 81
Kệ Ngôn Nói Về Phân Loại Của Giới 89
Thu Thúc Trong Giới Bổn 127
Quyền Thu Thúc Giới 153
Nuôi Mạng Thanh Tịnh Giới 173
Giới Liên Hệ Tứ Vật Dụng 202
Phương Pháp Làm Cho Tứ Thanh Tịnh Giới Được Đầy Đủ 241
Nhóm 5 Giới Thứ Nhất 287
Nhóm 5 Giới Thứ Hai 300
Sự Vẩn Đục Và Trong Sáng Của Giới 319
Chương 2
Xiển Minh Về Đầu Đà 348
13 Pháp Đầu Đà 351

Luận Giải Về Đầu Đà 353
Luận giải theo ý nghĩa 355
Luận Giải Theo 4 Nhóm Như 366
Trạng Thái.....366
Luận Giải Theo Việc Thọ Trì….....368
1- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Mặc Y Phấn Tảo 371
2- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Mặc Tam Y.....384
3- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Thọ Dụng Đồ Ăn Khất Thực .....
.....390
4- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Đi Khất Thực Tuần Tự Từng Nhà 401
5- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Chỉ Thọ Thực Tại Một Chỗ Ngồi 407
6- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Chỉ Thọ Thực Trong Bát.....413
7- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Không Nhận Vật Thực Cúng Dường Sau Bữa Ăn 418
Nhân Làm Cho Tăng Trưởng Các Ân Đức Như Tri Túc...
Được Khởi Hiện. 421
8- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Sống Ở Rừng.....423
9- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Sống Dưới Cội Cây 433
10- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Sống Ở Ngoài Trời.....439
11- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Sống Nơi Nghĩa Địa.....445
12- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Bằng Lòng Bất Cứ Trú Xứ Nào Được Cúng Dường 453
13- Kệ Ngôn Nói Về Chi Phần Chỉ Có Oai Nghi Ngồi 458
Luận Giải Theo Tam Đề Như Thiện... 464
Kệ Ngôn Linh Tinh Liên Quan Đến Đầu Đà.....464

PHƯƠNG DANH HÙN PHƯỚC ẤN TỐNG

Thượng Tọa Chánh Minh

Cô Tu Nữ Chánh Tịnh

GĐ: Chú Minh, Cô Chi

GĐ: Cô Phật Tử DT

GĐ: Cô Phạm Tuyết Linh

GĐ: Nguyễn Thị Diệu Thủy

GĐ: Chị Nguyễn Tâm

GĐ: Anh Nguyễn Thành Nhân

GĐ: Cô Phúc Huệ Chung

GĐ: Chị Nguyễn Minh Nguyệt

GĐ: Cô Vi Thị Nam Hương

GĐ: Anh Nguyễn Thanh Duy

GĐ: Anh Lê Hồng Phước

GĐ: Anh Lê Dũng

GĐ: Cô Hồng Bùi

GĐ: Anh Võ Xuân Quang

GĐ: Chị Huyền Mai

Cô TN Diệu Bảo

GĐ: Cô Lài

GĐ: Chị Phan Thị Ngọc Tuyết

GĐ: Chị Thu Yên

GĐ: Chị Hồng Lý

GĐ: Chị Nguyễn Thị Phi Sương

GĐ: Chị Tina Nguyễn

GĐ: Hải Chi Hạnh Lê Diệu Na

GĐ: Cô Nguyễn Thị Thanh Thủy

GĐ: Cô Đồng Thiên Hương

GĐ: Anh Hồ Triều Nam

GĐ: Anh Nhan Hồng Long

GĐ: Cô Nguyễn Thị Bạch Tuyết

GĐ: Cô Miêng Lộc

GĐ: Anh Đỗ Hoàng Cường

GĐ: Cô Nguyễn Thị Kim Hoàng

GĐ: Cô Trần Ngọc Vân

GĐ: Huỳnh Thị Ánh Phương

GĐ: Cô Hồng Thị Nhơn

GĐ: Cô Đoàn Thị Mỹ hạnh

GĐ: Cô Lê Thị Kiều loan

GĐ: Cô Nguyễn Thị Hoa Quế

GĐ: Cô Nguyễn Thị Thúy Nhị

GĐ: Cô Ma Thị Nhung

GĐ: Anh Nguyễn Văn Mai

GĐ: Chúc Hội

GĐ: Trần Thị Như Ngọc

GĐ: Cô Lê Thủy Tiên

GĐ: Cô Yến Huỳnh

GĐ: Em Trầm Nhiều

GĐ: Chị Hồng Mai

GĐ: Subhaddā

GĐ : Cô Vương Ngọc Trân

GĐ: Cô Nguyễn Thị Khu

GĐ: Anh Lê Minh Tuấn

GĐ: Anh Lê Minh Hoàng

GĐ: Em Nguyễn Thị Kim Ngân

GĐ: Cô Thuận Hồ

Nhóm Cô Phạm Thị Thanh Châu

GĐ: Huỳnh Thị Huệ

GĐ: Lê Đào

GĐ: Nguyễn Lê Trí Tín

GĐ: Cô Thanh

GĐ: Huỳnh Thị Định

GĐ: Chị Nguyễn Thùy Trang

GĐ: Tịnh Hạnh

GĐ: Cô Kim Cúc

IDAṂ ME PUÑÑAṂ

NIBBĀNASSA PACCAYO HOTU

Chúng con thành tâm hoan hỷ và tùy hỷ công đức của Thượng tọa Chánh Minh cùng Cô, Chú, Anh, Chị đã nhiệt tâm đóng góp tịnh tài để tác phẩm này sớm được thành tựu tốt đẹp.

Với thiện nghiệp quý Ngài và nhóm chúng con đã gieo vào Tam Bảo. Nguyện trong vòng sanh hữu duyên lành càng thêm tăng trưởng sớm chứng ngộ Níp-Bàn như ý nghuyện.

SĀDHU! SĀDHU! SĀDHU!

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

THANH TỊNH ĐẠO VÀ SỚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO, PHẦN GIỚI

Ngài Ajhan Jeyyavadh Kapilakañcana
Thượng tọa Khải Minh dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Trình bày: TN Chánh Tịnh, Tịnh Hạnh

Đối tác liên kết:
Thượng tọa Pháp Nhiên
CHÙA SIÊU LÝ
681/6 Hậu Giang, P.11, Q.6, TP.HCM

In 2000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm tại Xí nghiệp in, văn phòng phẩm, bao bì Fahasa lô B26/II-B27/II đường số 5, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM. Số XNĐKXB: 4726-2024/CXBIPH/7-206/HĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024. Số QĐXB của NXB: 597/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 04 tháng 12 năm 2024 .In xong và nộp lưu chiểu năm 2024. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-351-361-5